

NGUYỄN QUỐC THÁI
(Biên soạn)

Nghi lễ thờ cúng

CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

THƯỢNG TỌA THÍCH QUẢNG ĐẠI
(Thẩm định, chỉnh lý)



NHÀ XUẤT BẢN
HỒNG ĐỨC



Công Ty Sách Panda

*Nghi lễ
thờ cúng*

CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



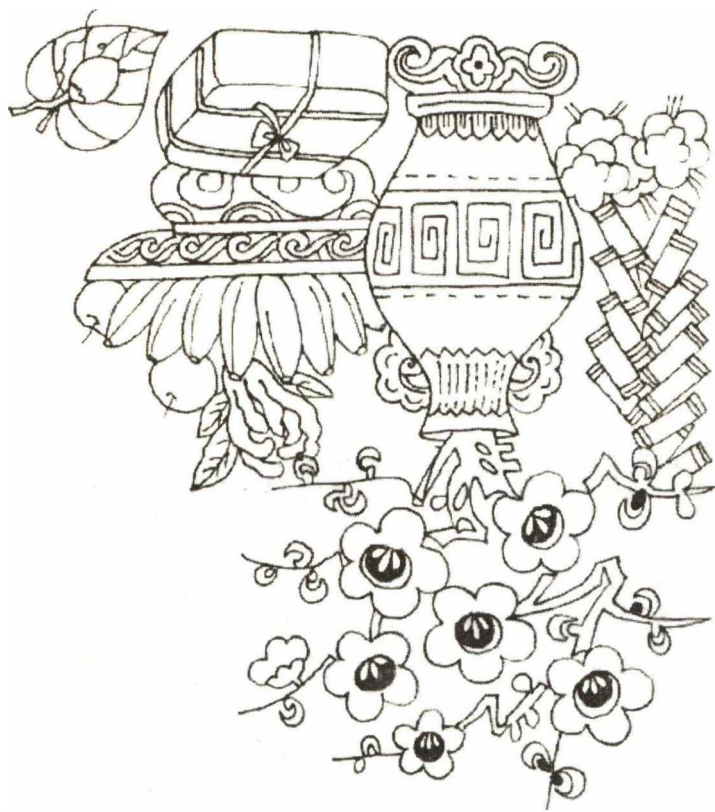
NGUYỄN QUỐC THÁI
(Biên soạn)

*Nghi lễ
thờ cúng*
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

THƯỢNG TỌA THÍCH QUẢNG ĐẠI
(Thẩm định, chỉnh lý)

(Tái bản lần thứ 4)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



LỜI GIỚI THIỆU

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, bản sắc văn hoá truyền thống lâu đời của dân tộc ta không chỉ thể hiện đa dạng ở những lĩnh vực như: Thơ ca, hội họa tạo hình, nghệ thuật âm nhạc, sân khấu mà còn ở cả khía cạnh lối sống của cả cộng đồng, trong đó có lễ tục, tín ngưỡng. Từ ngàn xưa, bên cạnh việc thờ cúng các vị Thần, thờ Thành Hoàng, thờ Mẫu, thờ Phật, thờ các vị anh hùng có công với đất nước, dân tộc, người Việt còn thờ cúng Tổ tiên. Những đặc thù văn hoá đó đã trở thành nếp sống, phong tục và nghi lễ cổ truyền thiêng liêng của cộng đồng dân tộc Việt.

Những tinh hoa được chắt lọc qua suốt chiều dài lịch sử, biểu tượng cho khát vọng về một cuộc sống vật chất phồn vinh và tinh thần hạnh phúc. Phong tục này bao gồm cả những giá trị đạo đức cao cả, đó là đạo hiếu, lòng biết ơn với những người có công với cộng đồng, dân tộc, thể hiện tấm lòng nhân hậu, vị tha của con người Việt.

Chính vì thế, trong đời sống tinh thần của mỗi người Việt, quá khứ vẫn tồn tại trong hiện tại và tương lai là ngọn nguồn của sức sống cộng đồng, hình thành lối sống trọng tình trọng nghĩa. Tín ngưỡng là niềm tin của con người hướng về Thánh, Thần, Tiên, Phật. Tín ngưỡng hay thờ cúng tại gia cũng là trách nhiệm của hậu duệ gửi gắm niềm tin vào Gia tiên, Thánh Thần che chở độ trì cho công việc làm ăn, cuộc sống của con cháu hiện tại cũng như tương lai.

Để góp phần bảo vệ và lưu giữ nét văn hoá truyền thống về nghi thức thờ cúng Việt Nam, chúng tôi đã sưu tầm và biên soạn cuốn sách: “Nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt tại nhà và các chùa, đình, đền, miếu, phủ”, với hi vọng sẽ giúp mọi người hiểu thêm về việc thờ cúng tại nhà, hiểu hơn về tín ngưỡng lên chùa lễ Phật, lễ Thánh Thần ở các đình, đền... Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sai sót, rất mong các bạn độc giả đóng góp ý kiến và cùng góp phần làm phong phú thêm cho kho tàng văn hoá dân tộc Việt Nam.

CHƯƠNG I

NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI NHÀ

I. NHỮNG NÉT CƠ BẢN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TẠI NHÀ CỦA NGƯỜI VIỆT

Bắt đầu từ khi xã hội Việt Nam chuyển từ mẫu hệ sang phụ hệ, vai trò người đàn ông trở nên quan trọng trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội và sinh hoạt gia đình. Vợ và các con họ phải tuyệt đối phục tùng tôn trọng cái quyền được xác lập ấy của mỗi gia đình phụ quyền. Những đứa con trai mang dòng họ cha, kế tiếp ý thức về uy quyền trong mỗi gia đình của mình. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được xác lập theo dòng họ cha bắt đầu hình thành. Việc nuôi nấng, chăm sóc con cái rất vất vả, dân gian ta có câu “Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng biển”, đó không chỉ ở ý nghĩa thiêng liêng cha mẹ sinh thành, mà còn nói đến công dưỡng dục. Chính vì những lý do nói trên, mà người Việt, đối với cha mẹ một lòng tôn kính khi sống, thờ cúng và tưởng nhớ khi đã chết. Cứ như thế, đời này qua đời khác, cha mẹ đối

với ông bà, con đối với cha mẹ, kế tiếp nhau thành tín ngưỡng thờ cúng cha mẹ, ông bà Tổ tiên.

Bên cạnh đó là sự tiếp thu Nho giáo trong việc đề cao chữ hiếu nghĩa với tư tưởng cơ bản là rất mực tôn quân, đề cao chế độ phong kiến quan liêu tập quyền. Để đảm bảo cho chế độ truyền tử, ngôi vua chỉ truyền cho con trai trưởng, Nho giáo đề cao gia đình “quyền huynh thế phụ”, người con trai cả kế nghiệp vua, thừa kế tài sản, thờ cúng Tổ tiên, đề cao chữ hiếu nghĩa “Trung chi quân, hiếu chi phụ mẫu, dữ chi bản” có nghĩa là “Trung với vua, hiếu với cha mẹ là cùng một gốc vậy”. Người Việt tiếp thu tư tưởng Nho giáo chủ yếu để xây dựng chế độ phong kiến, vào những giai đoạn hưng thịnh, tư tưởng Nho giáo đã có nhiều đóng góp tích cực đối với nhà nước phong kiến thể hiện ở các quy định để thể chế hoá tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Ngoài ra một số nhà khoa học cho rằng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam là tiếp nối tín ngưỡng Tô tem giáo. Tô tem giáo gắn liền với tổ chức thị tộc. Mỗi tổ chức thị tộc có những hình thức thờ cúng riêng, trong khuôn khổ các tập tục thờ cúng vật thiêng của Tổ tiên. Họ cho rằng người chết chỉ là chết ở trần thế, còn linh hồn vẫn tiếp tục “sống” ở nơi chín suối, ở thế giới bên kia, linh hồn người chết vẫn có “nhu cầu sinh hoạt” như người sống. Vì thế, người ta chôn theo người chết những đồ tùy táng, người ta phân chia các đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho người chết.

Ngày nay, mỗi khi cúng lễ cầu khẩn người ta đốt đồ vàng mã, tiền âm phủ, các đồ bằng giấy như ti vi, ô tô,

xe máy... cho người chết mang theo. Mỗi liên quan giữa người sống và người chết được tiếp tục duy trì, nhất là đối với ông bà cha mẹ qua đời, thì việc thờ cúng dần trở thành một tín ngưỡng, đó chính là tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên tại nhà.

Việc thờ cúng Tổ tiên, ông bà cũng như cha mẹ và người thân trong nhà, trong họ được mọi người chú ý. Mọi người cũng xác định quan hệ họ tộc là mật thiết. Có Tổ tiên mới có ông bà, ông bà sinh ra cha mẹ và cha mẹ sinh thành ra mình. Công sinh thành dưỡng dục lớn lao không kể xiết, mà dân gian đã đúc kết thành lời ru:

“Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Vì thế, khi cha mẹ qua đời con cháu phải lo tang ma chu đáo. Đây là một điều lễ nghĩa hợp theo lẽ trời, một phép tắc của con người. Thánh nhân đã dạy “Việc lễ cốt lấy chữ hoà làm quý” và đạo làm con phải giữ được điều này, tránh xảy ra việc bất hoà. Xưa kia đã có nhiều người vì quá nặng chữ hiếu nên sau khi tang ma gia đình khánh kiệt. Nhiều quan lại có việc đại tang phải cáo quan về nhà phục tang ba năm, sau đó mới tiếp tục ra làm quan khiến sản nghiệp cũng như sự nghiệp bị giảm sút, thậm chí bị thất cơ lỡ vận. Ngày nay, việc tang ma, chế độ phục tang đã cải tiến cho hợp thời, tránh được những lễ phục phiền hà không cần thiết. Nhưng việc thờ cúng, lập ban thờ Tổ tiên, ban thờ người mới mất để giữ lấy “đức nghĩa” của đạo làm người, đạo làm con vẫn

được lưu giữ và bảo tồn.

Ở Việt Nam, một số người theo đạo Thiên Chúa không thiết lập ban thờ Tổ tiên như bên lương, nhưng các ngày kỷ niệm họ đến trước ban thờ Chúa cầu nguyện cho Tổ tiên mình. Gần đây, giáo dân cũng đã có sự hoà nhập với lương dân, có nơi đã lập ban thờ Tổ tiên, thậm chí còn đi lễ chùa, lễ đền như bên lương. Đây là điều chứng minh sự tôn trọng cội nguồn dân tộc, tín ngưỡng, đạo giáo nào cũng không thể làm mất đi bản chất, đạo lý của dân tộc. Có người quan niệm Tổ tiên về cõi vô hình, nhưng linh hồn không thể mất, vẫn có thể lui tới ban thờ chứng kiến việc làm ăn của con cháu, chứng giám tấm lòng thành của con cháu trong các ngày kỵ nhật, lễ tiết hàng năm. Người Việt cổ còn cho rằng “trần sao âm vậy”. Lúc ở trần gian ưa thích gì thì khi về cõi âm cũng cần các thứ đó, nghĩa là cần quần áo, tiền để tiêu pha như khi sống. Phải chăng bởi quan niệm này mà thường nhật, trước ban thờ Gia tiên nếp sống trong gia đình bớt đi những ngôn ngữ thô tục, những việc làm không tốt động chạm tới vong hồn cha mẹ, ông bà tổ tiên. Có nghĩa là phải sống có đạo lý, hoà hiếu để đẹp lòng người đã khuất, phải chăm chỉ làm mọi việc cho công thành danh toại để đẹp lòng, đẹp ý ông bà, cha mẹ và làm rạng rỡ Tổ tiên. Cũng có người cho rằng chết là hết, lập ban thờ Gia tiên để tưởng niệm, nhưng nghi thức cúng lễ vẫn đảm bảo theo phong tục, hoà nhập với cuộc sống làng xã là được. Tuy nhiên, lại có ít số người không lập ban thờ tại gia, cho việc khi chết thì theo về với Tổ tiên, chỉ cúng ở Từ đường dòng họ.

Ngày nay, trong xã hội hiện đại, mọi khuynh hướng

đều khó có thể tranh cãi, song với bản chất dân tộc, bởi đạo lý nên mọi gia chủ mỗi khi trong gia đình có công to việc lớn, mỗi khi sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt thành đạt thì đều sửa lễ cáo yết với Gia thần, Gia tiên. Hoặc cũng có gia chủ khi trong gia đình có điều trắc trở như ốm đau, chơi bời quá độ, hoặc bị kẻ khác gây rối... đều sửa lễ cáo yết với Tổ tiên, mong Gia thần, Gia tiên âm phù cho tai qua nạn khỏi. Những việc làm trên đây là nét đẹp về đạo lý, về tâm tư tình cảm của người đang sống với người đã chết, họ mong muốn người thân “bất tử”, thể xác không còn nhưng linh hồn không thể mất, tồn tại và mãi mãi tồn tại để dìu dắt con cháu, che chở cho con cháu cho dòng họ nối tiếp phát triển.

Việc thờ cúng Tổ tiên có ý nghĩa vô cùng quan trọng đó là giữ đạo làm người, “uống nước nhớ nguồn” cốt ở tâm thành, không phải câu nệ, có thì làm nhiều, không có thì làm ít, miễn sao cho tinh khiết, thành tâm. Nhưng nếu biết nghi thức cúng lễ sẽ làm cho ngày kỷ niệm thêm phần trịnh trọng, thiêng liêng, nếu có Gia thần, Gia tiên chứng giám sẽ hài lòng hơn.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã trở thành một trong những nét văn hoá đặc thù của dân tộc Việt Nam, trong quá trình hình thành và phát triển nó đã góp phần tạo ra những giá trị đạo đức truyền thống cao cả như lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, tính cộng đồng, tính cần cù, sáng tạo, lòng hiếu học và lòng yêu nước sâu sắc. Đó là những giá trị hết sức quý báu mà mỗi chúng ta cần nghiên cứu, khai thác để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ngày một phồn vinh.

II. NHỮNG NGÀY LỄ TIẾT TIÊU BIỂU TRONG NĂM

Lễ tiết trong một năm thường có: Tết Nguyên Đán, lễ Thượng Nguyên, lễ các Tổ nghề (tháng 2 Âm lịch), tiết Thanh Minh (tháng 3 Âm lịch), Tết Hàn Thực (ngày 3 tháng 3), Tết Đoan Ngọ (ngày 5 tháng 5), lễ Thất Tịch (ngày 7 tháng 7), lễ Trung Nguyên (ngày 15 tháng 7), tết Trung Thu (ngày 15 tháng 8), lễ Trùng Cửu (ngày 9 tháng 9), lễ Trùng Thập (ngày 10 tháng 10). Còn tháng 11 và tháng Chạp thời tiết khô ráo thường xây sửa mộ, bốc mộ, lễ Khống Tử, danh y, lễ hiến xảo, lễ Thần Tài.

Tết Nguyên Đán là tết đầu năm (Nguyên là bắt đầu một năm, Đán là buổi sớm) mở đầu cho một năm mới. Tết được mở đầu từ ngày 1 tháng Giêng. Tháng Giêng là tháng Dần. Đây là tháng vừa hết mùa đông giá lạnh, mở đầu cho mùa xuân ấm áp, cây cỏ đâm chồi nảy lộc, trăm hoa đua nở, lòng người phấn chấn hy vọng một mùa xuân mới với những thành công và thắng lợi mới.

Trong sách sử cũ cho biết từ đời nhà Hạ ở Trung Quốc (từ 2205 trước Công nguyên (TCN) đến 1766 TCN) đã chọn tháng Giêng, tháng đầu trong năm là tháng Dần. Tuy về sau, các đời Ân, Chu, Tần Thủy Hoàng lại thay đổi nhưng đến đời Hán Vũ Đế (140 TCN) vẫn chọn tháng đầu năm là tháng Dần như nhà Hạ và được duy trì đến ngày nay.

Nhân dân Việt Nam chọn tết Nguyên Đán là lễ tết

quan trọng nhất trong năm và đã trải qua hàng ngàn năm được duy trì như ở Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, tết Nguyên Đán đã trở thành niềm vui của cả một dân tộc. Mọi tầng lớp, mọi độ tuổi trong xã hội, dù giàu có hay nghèo túng, bình dân đều coi tết Nguyên Đán là sinh hoạt văn hoá không thể thiếu trong năm. Tết đến, mọi con đường ngõ xóm, nhà cửa được quét dọn sạch sẽ. Từ các vật dụng trong nhà, nồi niêu bát đĩa cũng được lau chùi, cọ rửa chu đáo để đón chào một năm mới cho may mắn. Người giàu có dư thừa thì vui vẻ đón Tết sao cho may mắn. Người nghèo túng cũng cố trả hết nợ nần để tâm hồn thanh thản, có ít vui ít, có nhiều vui nhiều, mọi người đều lo lắng chuẩn bị cho một mùa xuân mới với tràn đầy niềm hy vọng mới. Do vậy từ giàu đến nghèo đều cố tạo một diện mạo ngày xuân tươi vui sau một năm lao động vất vả.

Trong ngày Tết, người thân được sum họp, chia sẻ nỗi vui, buồn trong năm. Bạn bè được gặp gỡ tay bắt mặt mừng chúc nhau một năm mới đạt được thắng lợi mới. Đây còn là cơ hội để đền ơn đáp nghĩa, ôn cố tri tân và dưới mái đình, mái chùa, từ đường dòng họ, bên cạnh ban thờ Gia tiên mọi nỗi lòng được cởi mở, mọi tâm niệm đối với Phật, Thánh, Gia thần, Gia tiên được bộc lộ để đạt được ước nguyện một năm mới công tác tiến bộ, buôn bán đắt hàng, sức khoẻ dồi dào, cuộc sống hạnh phúc, mùa màng bội thu, hy vọng “phú, quý, thọ, khang, ninh”.

Theo tục lệ cổ truyền của dân tộc ta thì tết Nguyên Đán phải kể từ chiều 23 tháng Chạp. Đây là ngày ông

Táo phải lên châu trời để trình với Ngọc Hoàng thượng đế về mọi hành vi của gia chủ, vì thế có tục lệ tiễn chân ông Táo châu Trời.



1. LỄ TÁO QUÂN NGÀY 23 THÁNG CHẠP

Người Việt xưa cho rằng mỗi gia đình đều có một vị thần Bếp hay còn gọi là ông Táo, Táo Quân, hay Thổ Công. Đây là vị thần trông coi mọi hoạt động của gia chủ, ngăn cản sự xâm phạm của ma quỷ vào thổ cư, do vậy theo dân gian thì đây là thần liên quan đến việc hoạ, phúc của mỗi gia chủ.

Theo dân gian thì Táo quân gồm có 3 vị (hai Táo ông, một Táo bà) và truyền thuyết về sự tích như sau: Xưa có người tên là Trọng Cao, lấy vợ là Thị Nhi, nhưng ăn ở với nhau đã lâu mà đường con cái muộn mằn, sinh ra buồn phiền, xích mích. Một hôm, Trọng Cao đánh vợ, Thị Nhi bực tức bỏ nhà ra đi và gặp Phạm Lang tạo cuộc sống mới nên vợ nên chồng. Trọng Cao ân hận, bỏ công ăn việc làm, đi khắp nơi tìm vợ và trở thành người hành khất cho qua ngày. Có lần Trọng Cao vào một nhà xin ăn, được bà chủ mang cơm ra đãi, Trọng Cao nhận ra bà chủ là Thị Nhi và bà chủ cũng nhận rõ người hành khất là chồng cũ của mình. Hai người ân hận, hàn huyên tâm sự nhưng lại sợ Phạm Lang về bắt gặp thì khó nói nên Thị Nhi đã bảo Trọng Cao ẩn mình vào đồng rơm ngoài vườn để nàng tìm cách lo liệu cho êm đẹp. Trọng Cao mệt mỏi ngủ thiếp đi trong đồng rơm. Lúc đó, Phạm Lang về nhớ ra việc thiếu tro bỏ ruộng, liền châm lửa đốt đồng rơm. Sự việc nhanh chóng xảy ra. Thị Nhi chạy ra thấy vậy, quá xúc động thương tình liền nhảy vào đồng lửa chết theo Trọng Cao. Thấy vợ chết cháy, Phạm Lang thương xót tiếp tục nhảy vào đồng lửa đang cháy

dở. Như vậy, hai ông một bà đều chết cháy. Thượng đế thương tình ba người sống có nghĩa, có tình nên phong cho làm Táo Quân và giao cho Phạm Lang là Thổ Công trông nom việc trong bếp, Trọng Cao là Thổ Địa trông coi việc trong nhà, còn Thị Nhi là Thổ Kỳ trông nom việc chợ búa. Tuy nhiên cũng có truyền thuyết lại nói Thị Nhi đang hoá vàng, thấy chồng cũ lỡ vận nên đem tiền gạo ra cho nên bị Phạm Lang nghi ngờ, Thị Nhi liền nhảy vào đồng lửa tự tử. Thấy vậy Trọng Cao nhảy theo vào đồng lửa cùng chết cháy. Thượng đế biết sự việc phong cho làm Táo Quân.

Theo lệ thông thường thì chiều ngày 22 tháng Chạp làm lễ tiễn Táo Quân, để ngày 23 tháng Chạp ông Táo lên châu trời, tấu trình mọi sự của gia chủ, đến trưa ngày 30 tháng Chạp thì có mặt tại nhà tiếp tục công việc. Tuy vậy cho đến nay, các gia đình đa phần đều làm lễ tiễn Táo Quân lên châu trời vào ngày 23 tháng Chạp.

Theo sách Nam Định địa dư chí của Tiến sĩ đốc học Khiếu Năng Tĩnh thế kỷ XIX, mục phong tục thì mũ và áo của Táo Quân màu vàng. Nhưng có sách lại nói màu sắc tùy thuộc từng năm, ứng với các hành Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Bài vị thờ Táo Quân thường chỉ đề:

“Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần Quân”

Hoặc đề:

“Bản Thổ phúc đức Tôn Thần”

(Vị thần định sự phúc đức cho gia đình)

Cũng có nơi lại ghi bài vị:

“Định phúc Táo Quân”

(Ông Táo định việc phúc)

Có người còn quan niệm Táo Quân là vị chủ thứ nhất của nhà: “Đệ nhất gia chi chủ” nên khi cúng lễ đều phải khấn Táo Quân trước. Lễ vật trên ban Thổ Công, ngoài mũ, áo, hia, bài vị còn có thêm cây mía (làm gậy chống), giấy vàng, giấy bạc, trầu, cau, nước, hoa quả. Là ngày lễ lớn đặc biệt nên 23 tháng Chạp thường có thêm mâm cỗ mặn (xôi, rượu, thịt), cá chép sống. Làm lễ xong sẽ phóng sinh cá ra ao hoặc ra sông hồ, cá sẽ hoá rồng đưa Thổ Công lên trời.

Mỗi gia đình sau khi sắp đủ lễ vật, sẽ thắp đèn hoặc nến sáng ban thờ rồi châm hương. Có người không dùng lửa ở đèn thờ để châm hương, mà dùng lửa khác để châm hương. Hương thường được dùng số lẻ 1, 3, 5, vì số lẻ thuộc Dương. Theo dịch lý thì Dương tượng trưng cho Trời và cho sự nảy nở của muôn vật... vì thế nên dùng số lẻ là như vậy. Và nếu trên ban thờ có hai, ba, hoặc bốn bát nhang cũng đều phải châm số lượng nén hương như nhau.

Sau khi châm hương, người chủ gia đình vái bốn vái rồi đọc văn khấn, hoặc khấn không có văn, khấn xong lại vái tạ bốn vái (vái khác với bái “cúc cung bái” khi tế). Khi vái hoặc bái, hai bàn tay áp sát vào với nhau hoặc cài ngón vào nhau đều là biểu tượng của sự giao hoà, là cảm ứng của âm - dương nên không được chấp tay hoặc cài ngón cầu thả, để so le. Và điều cốt yếu khi vái hoặc bái, người thực thi phải tâm thành, phải trầm tư như trước mặt mình là Gia thần, Gia tiên. Sự thành kính, nghiêm túc sẽ khiến cho Thần linh chứng giám, nếu thiếu sự thành tâm, bày lễ lên lấy lệ, khấn vái không

ngghiêm túc thì đó là sự nhạo báng.

Khi cháy gần hết tuần nhang, gia chủ thắp tiếp tuần nhang khác, vái bốn vái xin phép Gia thần, Gia tiên hoá vàng (đốt giấy vàng, giấy tiền). Khi hoá xong thì đổ vào đồng tro một chén rượu (dân gian cho rằng đổ chén rượu vào đồng tro thì cõi âm mới nhận được số vàng, mà cõi dương chuyển đến). Hoá vàng xong thì hạ lễ và khi hạ lễ cũng phải vái bốn vái để xin phép.

Có luận điểm còn cho việc thắp hương 3 nén nhang là tượng trưng cho ba ngôi Trời, Đất, Người (Thiên, Địa, Nhân) là biểu hiện tương cảm, tương ứng của nguyên lý vũ trụ phương Đông.

Theo phong tục thì ông Táo là vị Thần được Thượng đế phân công cai quản ở một nhà nên khi gia đình có việc lễ đều phải kêu với ông Táo trước, để ông Táo biết việc làm của gia chủ, rồi mới lễ đến Gia tiên. Như vậy, phần văn khấn Táo Quân trước, rồi mới khấn lễ tại ban thờ Gia tiên. Nếu ban thờ Gia thần cùng chung với ban thờ Gia tiên (hoặc chỉ thêm một bát hương Gia thần hơi cao hơn bát hương Gia tiên một chút) thì văn khấn cũng phải đọc phần Gia thần (Táo Quân) trước rồi sau đó mới khấn đến Gia tiên.

* SÁM LỄ:

Việc cúng tiễn ông Táo được thực hiện tại gia. Lễ cúng ông Táo gồm có:

+ Một mâm cỗ mặn, bánh, kẹo, trầu cau, rượu...

-- Hương thơm, lọ hoa tươi, cùng các loại quả tươi đẹp.

- + Ba bộ mũ áo, hia hài Táo Quân cùng vàng nén.
- + Ba con cá chép để Táo Quân cưỡi bay lên Trời.



BÀI VĂN KHẤN ÔNG TÁO LÊN CHẦU TRỜI (NGÀY 23 THÁNG CHẠP)

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy ngài Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần
quân.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tại:.....

Hôm nay ngày 23 tháng Chạp, tín chủ chúng con
thành tâm sắm sửa hương hoa phẩm vật, xiêm hài áo mũ,
kính dâng Tôn thần. Thấp nén tâm hương tín chủ con
thành tâm kính bái. Chúng con xin kính mời ngài Đông
trù Tư mệnh Táo phủ Thần quân hiển linh trước án thụ
hưởng lễ vật.

Cúi xin Tôn thần gia ân xoá tội cho mọi lỗi lầm trong
năm qua gia chủ chúng con sai phạm. Xin Tôn thần ban
phước lộc, phù hộ toàn gia chúng con, trai gái, trẻ già
sức khoẻ dồi dào, an khang thịnh vượng, vạn sự tốt lành.

Chúng con lễ bạc tâm thành, kính lễ cầu xin, mong
Tôn thần phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

BÀI KHẤN NÔM NGÀY 23 THÁNG CHẠP

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Tên tôi (hoặc con) là... cùng toàn gia ở thôn... xã...
huyện... tỉnh...

Kính lạy đức “Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần Quân”
(Có thể khấn thêm)

“Thổ địa Long mạch Tôn Thần”

“Ngũ phương ngũ thổ Phúc đức Chính Thần”

Hàng năm gặp tiết hết năm, tháng vừa cuối chạp

Gia đình sửa lễ bạc dâng lên

Cảm tạ phúc dày nhờ Thần phù hộ

Kính mong Thần tấu bẩm giúp cho:

Bên trong nếp sống rất hoà, ngoài mặt dám rằng
cũng đẹp

Cảm thông xin tấu thực thà

Cầu trông giúp đỡ lợi lộc

Người người no ấm, cả nhà thêm tiếng tốt lẫy lừng.

Việc việc thành công, một cửa ngút khí lành man
mác

Muôn trông ơn đức vô cùng vậy!

Cẩn cáo (Vái 3 vái)

MỘT BÀI KHẤN DÂN GIAN KHÁC (NGÀY 23 THÁNG CHẠP)

Kính lạy ngài “Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần Quân”

Con là... đồng gia... ở thôn... xã... huyện... tỉnh....

Nhân ngày 23 tháng Chạp, gia chủ chúng con, sửa biện hương hoa, phẩm vật áo mũ:

Kính cẩn dâng lên, dốc lòng bái thỉnh

Phỏng theo tục lệ, kính lạy Gia thần

Đại xá lỗi lầm, gia ân giáng phúc

Ban tài ban lộc, giúp đỡ toàn gia

Lớn bé vui hoà, khang ninh thịnh vượng

Cẩn cáo.

Ông Táo hay thần bếp chính là người mục kích sự làm ăn của mọi nhà. Ngày ông Táo về chầu trời được xem như ngày đầu tiên của Tết Nguyên đán. Sau khi tiễn đưa ông Táo người ta bắt đầu dọn dẹp nhà cửa, lau chùi đồ cúng ông bà tổ tiên, treo tranh, câu đối và cắm hoa ở những nơi trang trọng để chuẩn bị đón Tết.

2. LỄ CÚNG GIAO THỪA – LỄ TRỪ TỊCH NGÀY 30 TẾT

Lễ cúng giao thừa là thời khắc mà Trời Đất giao hoà, Âm Dương hoà quyện để vạn vật bừng lên sức sống mới. Đối với người Việt Nam phút giao thừa thật thiêng liêng và trang trọng. Và chiều 30 tết còn gọi là ngày trừ tịch. Lễ Trừ Tịch được cử hành đúng vào lúc giao thừa (hết giờ Hợi ngày 30 sang giờ tý mở đầu ngày Mồng Một Tết).

Sau khi quét dọn nhà cửa cổng ngõ, sửa sang ban thờ, bỏ hết chân nhang cũ, chỉ còn lại 1 hoặc 3 chân nhang cũ đẹp nhất, đốt thêm tro bỏ vào cho đầy, cắm chân nhang đứng thẳng rồi đặt lên ban thờ. Sau đó, đại diện trong nhà có người ra nghia địa thấp hương Tiên tổ và họ hàng thân thích, khẩn mời Tiên tổ về chứng giám ngày Tết của con cháu (không thấp hương mã mới). Dựng cây nêu phía trước nhà (lệ cũ), dán câu đối, treo tranh ảnh, trả nợ nần, sửa cổng ngõ... Sau đó làm cỗ cúng Gia thần, Gia tiên, lập ban đặt lễ tiễn quan đương niên cũ và sắm lễ chuẩn bị đón quan đương niên mới.

Theo phong tục của người Việt Nam từ cổ xưa, tại thời điểm giao thừa nhà nhà đều cúng lễ ngoài trời và cúng lễ trong nhà. Trước giờ Tý phải làm lễ tiễn quan đương niên cũ sau đó đón quan đương niên mới. Đến đầu giờ Tý mọi chuyện phải xong để chuẩn bị đón giao thừa.

Mỗi năm có một vị quan đương niên nên việc làm sớ tấu cũng như lễ vật cần phải cẩn thận chú ý. Vì có 12 vị Hành Khiển và 12 Phán Quan (Phán Quan là vị

Thần giúp việc cho các vị Hành Khiển). Mỗi vị làm một năm dưới dương gian và cứ sau 12 năm thì lại có sự luân phiên trở lại.

Vương hiệu của 12 vị Hành Khiển và các Phán Quan như sau:

- Năm Tý:

Chu Vương hành khiển, Thiên Ôn hành binh chi thần, Lý Tào phán quan.

- Năm Sửu:

Triệu Vương hành khiển, Tam thấp lục thương hành binh chi thần, Khúc tào phán quan.

- Năm Dần:

Nguy Vương hành khiển, Mộc tinh hành binh chi thần, Tiêu tào phán quan.

- Năm Mão:

Trịnh Vương hành khiển, Thạch tinh hành binh chi thần, Liễu tào phán quan.

- Năm Thìn:

Sở Vương hành khiển, Hoả tinh hành binh chi thần, Biểu tào phán quan.

- Năm Ty:

Ngô Vương hành khiển, Thiên hao hành binh chi thần, Hứa tào phán quan.

- Năm Ngọ:

Tuần Vương hành khiển, Thiên hao hành binh chi thần, Vương tào phán quan.

- Năm Mùi:

Tống Vương hành khiển, Ngũ đạo hành binh chi

thần, Lâm tào phán quan.

- Năm Thân:

Tề Vương hành khiển, Ngũ miếu hành binh chi thần,
Tông tào phán quan.

- Năm Dậu:

Lỗ Vương hành khiển, Ngũ nhạc hành binh chi thần,
Cự tào phán quan.

- Năm Tuất:

Việt Vương hành khiển, Thiên bá hành binh chi
thần, Thành tào phán quan.

- Năm Hợi:

Lưu Vương hành khiển, Ngũ ôn hành binh chi thần,
Nguyễn tào phán quan.

LỄ CÚNG GIAO THỪA TRONG NHÀ

* SẮM LỄ:

Lễ vật trong lễ cúng giao thừa gồm:

- + Hương hoa, vàng mã, đèn nến
- + Trầu cau, rượu, bánh kẹo
- + Mâm cỗ mặn ngày Tết đầy đặn, thơm ngon, tinh khiết (Tuỳ theo sự chuẩn bị của mỗi gia chủ)

Sau khi cung kính bày lễ lên bàn thờ thì đốt nến (đèn), thắp nén hương thơm và thành kính cầu khẩn.

VĂN KHẤN GIAO THỪA

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương

- Con kính lạy Hoàng Thiên, Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy ngài Kim Niên Đường cai Thái tuế Chí đức Tôn thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành Hoàng chư vị Đại Vương.

- Con kính lạy các Ngài Ngũ Phương, Ngũ thổ Long Mạch, Tàì thần, Bản gia Táo quân cùng tất cả các vị Thần linh cai quản ở trong xứ này.

- Con kính lạy Chư gia Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng
 Tổ Tỷ, Tiên linh nội ngoại họ.....
 Hôm nay là ngày 30 tháng Chạp năm.....
 Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tại:.....

Trước án kính cẩn thưa trình:

Đông tàn sắp hết
 Năm kiệt tháng cùng
 Xuân tiết gần kề
 Minh niên sắp tới.

Hôm nay là ngày 30 Tết, chúng con cùng toàn thể gia
 quyến sắm sanh phẩm vật hương hoa, cơm canh thịnh
 soạn, sửa lễ tất niên, dâng cúng Thiên địa Tôn thần,
 phụng hiến Tổ tiên, truy niệm chư linh. Theo như thường
 lệ tuế trừ cáo tế, cúi xin chư vị Tôn thần, liệt vị Gia tiên,
 bản xứ tiền hậu chư vị Hương linh giáng lâm án toạ, phủ
 thủy chứng giám, thụ hưởng lễ vật, phù hộ cho toàn gia
 lớn bé trẻ già bình an thịnh vượng luôn luôn mạnh khoẻ,
 mọi sự bình an, vạn sự tốt lành, gia đình hoà thuận.

Nam mô a di Đà Phật!
 Nam mô a di Đà Phật!
 Nam mô a di Đà Phật!

VĂN KHẤN GIAO THỪA

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Đức Đương lai hạ sinh Di lạc Tôn Phật.

- Con kính lạy Hoàng thiên, Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Long Mạch, Táo quân, Chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Các cụ tổ tiên nội, ngoại chư vị Tiên linh.

Nay phút giao thừa vừa tới, giờ Tý đầu xuân, đón mừng nguyên đán, tín chủ chúng con thành tâm, sửa biện hương hoa phẩm vật, dâng lên trước án, cúng dâng Phật Thánh, dâng hiến Tôn thần, tiến cúng Tổ tiên, đốt nén tâm hương, thành tâm kính lễ.

Chúng con xin kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương, ngài bản xứ Thần linh Thổ địa, Phúc đức chính thần, các ngài Ngũ Phương, Ngũ thổ, Long Mạch Tài thần, các ngài Bản gia Táo quân và chư vị thần linh cai quản ở trong xứ này giáng lâm trước hương án thụ hưởng lễ vật.

Con lại kính mời các cụ Thiên linh Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Bá Thúc Huynh Đệ, Cô Di, Tỷ Muội, nội ngoại Gia tộc, chư vị Hương linh, cúi xin giáng

về linh sàng thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ chúng con lại kính mời vong linh các vị Tiên chủ, Hậu chủ, y thảo phụ mộc ngụ tại đất này, nhân tiết giao thừa, giáng lâm trước hương án thụ hưởng lễ vật.

Cúi xin các vị phù hộ độ trì cho toàn thể gia chủ chúng con năm mới tốt lành, sức khỏe dồi dào, tấn tài tấn lộc, vạn sự tốt lành, vạn điều như ý.

Chúng con lễ bạc tâm thành, nhất tâm kính lễ, cúi xin phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

MỘT BÀI VĂN KHẤN KHÁC

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy ngài Kim Niên Đương cai Thái tuế Chí đức Tôn thần, Kim niên hành binh, Công tào Phán quan.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương.

- Con kính lạy ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa Tôn thần.

- Con kính lạy các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ Long Mạch Tôn thần, các ngài Tiền Chu tước, Hậu Huyền vũ, Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ cùng liệt vị Tôn thần cai quản trong xứ này.

Con kính lạy Hương linh cụ:.....

Hôm nay là ngày 30 tháng Chạp, năm cũ sắp qua. Năm mới sắp đến.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngu tại:.....

Chúng con sắm sanh phẩm vật, hương hoa nước quả, kim ngân bạc vàng, trình cáo tôn thần, kính rước vong linh bản gia tiên tổ chúng con là:.....

Có phần mộ táng tại:.....

Về với gia đình đón mừng năm mới, để cho con cháu được phụng sự trong tiết xuân thiên, báo đáp ân thâm, tỏ lòng hiếu kính. Cúi xin Tôn thần, Phủ thủy doãn hứa. Âm

dương cách trở.

Bát nước nén hương.

Thành tâm kính lễ.

Cúi xin chứng giám

Phù hộ độ trì

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!



LỄ CÚNG GIAO THỪA NGOÀI TRỜI

* SẮM LỄ:

Lễ vật trong lễ cúng giao thừa gồm:

+ Hương, hoa, đèn nến, trầu cau, quần áo, mũ Thần linh.

+ Mâm lễ mặn với thủ lợn luộc, gà trống luộc, xôi, bánh chưng

Tất cả được bày lên bàn trang trọng đặt ở trước cửa nhà.

Mâm lễ cúng giao thừa phải được chuẩn bị chu đáo, trang trọng với lòng thành kính.

Vào đúng thời điểm giao thừa, người chủ gia đình phải thắp đèn, nến, rót rượu, rồi khấn vái trước án.

VĂN KHẤN GIAO THỪA NGOÀI TRỜI

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật

- Con kính lạy Hoàng Thiên, Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Ngài Cựu niên Đương cai Hành khiển

- Con kính lạy Đương niên Thiên quan (năm nào
khẩn danh vị của vị Hành khiển ấy) năm..... các
Ngài Ngũ Phương, Ngũ Thổ, Long Mạch, Táo quân, chư
vị Tôn thần.

Nay là phút giao thừa năm.....

Tín chủ (chúng) con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Giao thừa chuyển năm

Năm cũ qua đi

Năm mới đã đến

Tam dương khai thái

Vạn tượng canh tân.

Ngài Thái Tuế Tôn thần trên vâng lệnh Thượng đế
giám sát vạn dân, dưới bảo hộ sinh linh, tảo trừ yêu
nghiệt.

Quan cũ về triều cửa khuyết, lưu phúc lưu ân. Quan
mới xuống thay, thể đức hiếu sinh, ban tài tiếp lộc. Nhân
ngày đầu xuân, tín chủ chúng con thành tâm, sắm sửa
hương hoa phẩm vật dâng lên trước án, cúng dâng Phật
Thánh dâng hiến Tôn thần, đốt nén hương thơm, thành
tâm bái thỉnh.

Chúng con kính mời: Ngài Cựu niên đương cai, Ngài
Tân niên đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần; ngài Bản
cảnh Thành Hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần
linh Thổ địa, Phúc đức chính thần, các Ngài Ngũ phương,
Ngũ thổ, Long Mạch tài thần, các bản gia Táo quân và
chư vị Thần linh cai quản ở trong xứ này. Cúi xin các vị

giáng lâm trước án thụ hưởng lễ vật, phù hộ cho gia đình chúng con luôn luôn mạnh khoẻ, mọi sự bình an, vạn sự tốt lành, gia đình hoà thuận, làm ăn phát đạt.

Chúng con lễ bạc tâm thành, cúi xin chứng giám, phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Văn khấn có thể viết vào giấy để đọc, sau khi hết 3 tuần hương thì hóa tờ giấy viết văn khấn cùng vàng mã dâng cúng. Như vậy màu sắc cũng như những điều kiêng kỵ đã nhắc để chúng ta sắm, hoặc kiêng tránh khi sửa lễ. Ngoài lễ vật hương hoa, trầu, rượu, bánh, xôi, chè, gà còn thêm áo giấy, tiền giấy, giấy vàng... để đưa tiễn hoặc đón tiếp các vị Hành khiển hàng năm, cũng như các vị Phán quan của nhà Trời.

* LƯU Ý:

Sau khi khấn lễ tiễn quan đương niên cũ, sẽ tiến hành lễ đón quan đương niên mới (tổng cự nghinh tân). Lễ vật cũng được chuẩn bị trước và đúng giờ phút Giao thừa sẽ tiến hành thắp nhang, làm thủ tục lễ, đọc văn khấn xong thì hoá tờ văn. Như vậy, chiều 30 và đêm 30 sẽ phải tiến hành làm lễ tất niên (chiều 30 Tết), lễ trước và trong lúc Giao thừa, vừa tổng cự nghinh tân, vừa cúng lễ Tiên tổ.

Phần văn khấn thì mỗi tuần tiết có nội dung khác nhau và xin được giới thiệu hai bài văn khấn dưới đây:

VĂN KHẤN TIỄN QUAN ĐƯƠNG NIÊN CŨ

Quốc hiệu... tỉnh... huyện.... xã.... thôn.....

Ngày... tháng... năm...

Tên họ tín chủ... tuổi... đồng gia kính cẩn, sắm lễ vật
hương đăng... Thành tâm dâng lên... Hành khiển, cùng
đức... Phán quan.

Kính mong Đại vương soi xét

lượng trời chẳng ghét khoan dung

Giúp vua giữ vững ngôi Hoàng cực

Âm thoả dương vui mát mẻ tiết xuân phong

Ơn trời đã dựng xây giếng mối.

Nhờ đất mà sinh sản hợp đạo tiết tòng.

Tiết thuộc Nguyên tiêu mừng năm mới

Lễ làm trừ tịch tiễn Đại Vương.

Xét thấy năm tháng qua đời ơn rất lớn,

Xem ngày vừa hết nhờ đức quan trên

Năm khác cờ hoa đón ngài trở lại

Lại nhờ ban phúc được như lòng.

Muôn trông đức Đại Vương

Kính cẩn bày lời.

VĂN KHẤN ĐÓN QUAN ĐƯƠNG NIÊN MỚI

... Kính trông Đại vương,

Thông minh tài trí.

Văn võ Thánh thần,

Ban ân ban đức.

Ngài tôn vâng đế mệnh phân công,

Để xử lý âm - dương đều thoả mãn.

Minh bạch nơi Vương tâm chính trực,

Cai quản cương vực nhờ anh quân.

Trừ tịch đã làm lễ tống cựu

Nguyên tiêu nay dâng lễ nghinh tân

Năm trước trọng trách đảm đương, đội nhờ ơn đức
chính trực

Ngày nay thụy hoa lại thấy, ngựa trông lượng cả
khoan dung

Cúi lạy nhờ ơn đức Đại Vương

Kính cẩn bày lời.

Lưu ý, nếu trời mưa gió thì có thể kê ban thờ giữa nhà, đặt lễ tiễn Quan đương niên cũ cũng như đón Quan đương niên mới. Có nhiều gia chủ vị trí sân thấp trũng, hoặc chật chội thì nên lập ban giữa nhà để làm lễ “tống cựu nghinh tân”. Cũng có một số gia chủ còn viết bốn chữ đại tự “Thiên quan tích phúc” (Quan nhà trời cho phúc) và treo phía trên mâm lễ.

3. LỄ TẾT NGUYÊN ĐÁN (LỄ ĐẦU NĂM MỚI)

Tết Nguyên đán (Tết Cả) là lễ hội lớn nhất trong các lễ hội truyền thống Việt Nam từ hàng ngàn đời nay, là điểm giao thời giữa năm cũ và năm mới; giữa một chu kỳ vận hành của đất trời, vạn vật cỏ cây. Tết Nguyên đán Việt Nam từ buổi “khai thiên lập địa” đã tiềm tàng những giá trị nhân văn thể hiện mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ qua bốn mùa xuân - hạ - thu - đông và quan niệm “ơn trời mưa nắng phải thì” chân chất của người nông dân cày cấy ở Việt Nam... Tết còn là dịp để mọi người Việt Nam tưởng nhớ, tri âm tổ tiên, nguồn cội; giao cảm nhân sinh trong quan hệ đạo lý (ăn quả nhớ kẻ trồng cây) và tình nghĩa xóm làng...

Để chuẩn bị đón Tết, mỗi gia đình sắm sửa tranh Tết (tranh dân gian, câu đối), hoa quả, dây chính là yếu tố tinh thần cao quý thanh khiết của người Việt Nam trong những ngày đầu xuân. Miền bắc có hoa đào, miền nam có hoa mai, hoa đào, hoa mai tượng trưng cho phước lộc đầu xuân của mọi gia đình người Việt Nam. Ngoài cảnh đào, cảnh mai, mấy ngày tết người ta còn “chơi” thêm cây quất chi chít trái vàng mọng, đặt ở phòng khách như biểu tượng cho sự sung mãn, may mắn, hạnh phúc... Tết trên ban thờ tổ tiên của mọi gia đình, ngoài các thứ bánh trái đều không thể thiếu mâm ngũ quả. Mâm ngũ quả ở miền bắc thường gồm có nải chuối xanh, quả bưởi, quả cam (hoặc quýt), hồng, quất. Còn ở miền nam, mâm ngũ quả là dứa xiêm, măng cầu, đu đủ, xoài xanh, nhành sung hoặc một loại trái cây khác. Ngũ quả là lộc của trời,

tượng trưng cho ý niệm khát khao của con người về sự đầy đủ, sung túc. Ngày Tết, dân tộc ta có nhiều phong tục hay, đáng được gọi là thuần phong như khai bút, khai canh, hái lộc, chúc tết, du xuân, mừng thọ... Từ trẻ tới già ai ai cũng biết, sau đây là một vài phong tục đáng được duy trì phát triển.

Tổng cựu nghinh tân: Cuối năm quét dọn sạch sẽ nhà cửa, sân ngõ, vứt bỏ những thứ rác rưởi, cùng làng xóm dọn dẹp nhà thờ, lau giặt, cắt tóc, may sắm quần áo mới, trang trí ban thờ, lau chùi ban ghế ấm chén và mọi thứ thức ăn vật dụng. Con cháu trong nhà từ phút giao thừa trở đi được nhắc nhở không được nghịch nghợm, cãi cọ nhau, không nói tục chửi bậy... anh chị, cha mẹ cũng không quở mắng, tra phạt con em, đối với ai cũng tay bắt mặt mừng, vui vẻ niềm nở, chúc nhau những điều tốt lành.

Hái lộc, xông nhà, chúc tết, mừng tuổi: Ai cũng hy vọng một năm mới tài lộc dồi dào, làm ăn thịnh vượng, mạnh khoẻ, thành đạt hơn năm cũ. Nhiều nhà tự đi hái lộc ở chốn đình chùa, nơi tôn nghiêm về nhà, tự xông nhà hay dặn trước người “nhẹ vía” mà mình thích đến xông nhà. Nhiều người không tin tục xông nhà nhưng cũng dè dặt, chưa dám đến nhà ai sớm, sợ trong năm mới gia đình người ta xảy ra chuyện gì không hay lại đổ tại mình “nặng vía”. Chính vì vậy, sáng mồng một lại ít khách. Sau giao thừa có tục mừng tuổi chúc Tết. Trước hết con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ. Ông bà cũng chuẩn bị ít tiền để mừng tuổi con cháu trong nhà và con cháu hàng xóm láng giềng, bạn bè thân thích. Lời chúc

Tết thường là sức khỏe, phát tài phát lộc, những người năm cũ gặp rủi ro thì động viên nhau “tai qua nạn khỏi” hay “của đi thay người” nghĩa là trong cái họa cũng tìm thấy cái phúc, hướng về sự tốt lành. Nhưng nhìn chung trong những ngày đầu năm, người ta thường kiêng không nói tới điều rủi ro hoặc xấu xa.

Phong tục ngày Tết việc biếu quà Tết, tỏ ân nghĩa tình cảm, học trò tết thầy giáo, bệnh nhân tết thầy thuốc, con rể tết bố mẹ vợ... quà biếu, quà tết không đánh giá theo giá thị trường. Nhưng cũng đừng nên gò bó câu nệ sẽ hạn chế tình cảm: không có quà ngại không đến.

Ở nước ta, vào dịp đầu xuân thường tổ chức mừng thọ lục tuần, thất tuần, bát tuần, cửu tuần (60, 70, 80, 90 tuổi)... tính theo tuổi mụ. Ngày tết ngày xuân là dịp mọi người đang rảnh rỗi, con cháu tụ tập đông vui. Cũng vào dịp đầu xuân, người có chức tước khai ấn, học trò, sĩ phu khai bút, nhà nông khai canh, người buôn bán mở hàng lấy ngày. Sĩ, Nông, Công, Thương “Tứ dân bách nghệ” của dân tộc ta vốn cần cù, ai cũng muốn năm mới vận hội hanh thông, làm ăn suôn sẻ. Sau ngày mồng một, dù có mãi vui tết cũng chọn ngày “Khai nghề”, “Làm lấy ngày”. Nếu như mồng một tốt thì chiều mồng một bắt đầu. Riêng khai bút thì giao thừa xong, chọn giờ Hoàng đạo không kể mồng một là ngày tốt hay xấu. Người thợ thủ công nếu chưa ai thuê mượn đầu năm thì cũng tự làm cho gia đình một sản phẩm, một dụng cụ gì đó. Người buôn bán, vì ai cũng chọn ngày tốt nên phiên chợ đầu xuân vẫn đông, mặc dầu người bán chỉ bán lấy lệ, người đi chợ phần lớn là đi chơi xuân.

Ngày xưa các gia đình có nề nếp quanh năm cấm đoán con cháu không được cờ bạc rượu chè nhưng trong dịp tết, nhất là tối 28, 29; gia đình quây quần bên nồi bánh chưng thì người bố cho phép vui chơi. Tam cúc, cờ gánh, cờ nhảy, cờ tướng, kiệu, chắn, tổ tôm... ai thích trò nào chơi trò ấy. Đến lễ khai hạ, tiễn đưa gia tiên, coi như hết tết thì xé bộ tam cúc, thu bàn cờ tướng, cất bộ tổ tôm hoặc đốt luôn hoá vàng.

Vì sao có tục kiêng hót rác đổ đi trong ba ngày Tết? Trong “Sưu thần ký” có chuyện người lái buôn tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một con hàu tên là Như Nguyên, đem về nhà được vài năm thì trở nên giàu có. Một hôm, nhân ngày mồng một tết, Âu Minh đánh nó, nó chui vào đồng rác mà biến mất, từ đó nhà Âu Minh lại nghèo khó. Kể từ đó có tục kiêng không hót rác ngày Tết. Như vậy, ngày mồng một là ngày đầu năm mới, trước hết phải thắp hương Tổ tiên xong xuôi mới về đi việc khác. Trưa mồng một Tết thường các gia chủ làm lễ cúng Gia tiên, sau đó mới đi chúc Tết, mừng tuổi họ hàng, anh em...



VĂN KHẤN TỔ TIÊN (NGÀY MÔNG MỘT TẾT)

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn
Phật.

- Con kính lạy các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, Bá Thúc
Huynh Đệ, đường thượng Tiên linh và các hương hồn nội
tộc, ngoại tộc họ.....

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tại:.....

Nay theo tuế luật, âm dương vận hành, tới tuần
Nguyên Đán, đầu xuân năm mới, con cháu tưởng nhớ ân
đức Tổ tiên như trời cao biển rộng. Hôm nay ngày mông
Một tháng Giêng năm....., tín chủ con cùng toàn thể
con cháu trong nhà sửa sang lễ vật, hương hoa nước quả,
thắp nén hương thơm, thành kính dâng lên trước án.

Tín chủ con có lời kính mời các cụ Cao Tăng Tổ
Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Bá Thúc Huynh Đệ, Cô Di, Tỷ
Muội, nam nữ Tử Tôn nội, ngoại, cúi xin các vị thương
xót con cháu, phù hộ độ trì con cháu năm mới an khang,
mọi bề thuận lợi, sự nghiệp hanh thông. Bốn mùa không
hạn ách, tám tiết được hưởng điếm lành.

Tín chủ con lại mời vong linh các vị Tiên chủ, Hậu
chủ ngụ trong đất này cùng về hâm hưởng, xin ban cho

sức khoẻ dồi dào, vạn sự tốt lành.

Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi xin chứng giám, phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!



VĂN KHẤN THẦN LINH TRONG NHÀ (NGÀY MÔNG MỘT TẾT)

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.

- Con kính lạy Phật Trời, Hoàng thiên Hậu Thổ.

- Con kính lạy Chư vị Tôn thần.

Tín chủ (chúng) con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Hôm nay là ngày mông Một tháng Giêng năm....., nhằm ngày tết Nguyên Đán đầu xuân, giải trừ gió đông lạnh lẽo, hung nhiệt tiêu tan, đón mừng Nguyên Đán xuân thiên, mưa móc thấm nhuần, muôn vật tưng bừng đổi mới.

Nhân ngày năm mới, tín chủ con sắm sửa hương hoa, cơm canh lễ vật bày ra trước án, dâng cúng Thiên thần. Cúi xin đức Tôn thần, giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, hưởng thụ lễ vật. Nguyện cho gia chủ chúng con mọi người sức khỏe dồi dào, an khang thịnh vượng. Mong ơn Đương cảnh Thành hoàng, đội đức Tôn thần bản xứ phù hộ độ trì cho gia chủ năm tới tấn tài tấn lộc, gặp nhiều may mắn, tai qua nạn khỏi. Đầu năm

chí giữa, nửa năm chí cuối, sự nghiệp hanh thông, sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm.

Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi xin chứng giám, phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Từ ngày mồng 2, 3 thì mọi người đi chúc Tết anh em họ hàng, hàng xóm láng giềng hoặc đi lễ bái cầu may cầu tài cầu phúc, có người lại đi vãn cảnh ở đền, chùa, từ đường...

Kể từ ngày mồng 4 trở đi có làm lễ hoá vàng đưa tiễn Tổ tiên (tùy từng nhà lựa chọn ngày tốt để làm lễ). Đầu năm từ 10 đến 20 thường có tế xuân ở đền, miếu. Nhà nào dựng cây nêu thì chọn ngày tốt của tuần đầu để hạ nêu (tháng có ba tuần là tuần đầu, tuần giữa, tuần cuối). Ngày lễ hạ nêu còn gọi lễ hoá vàng, cũng có nơi gọi tết Khai hạ. Đây là dịp dâng hoa bế mạc của tết Nguyên Đán. Người xưa cho ngày mồng 7 tháng Giêng là ngày của loài người (nhân nhật). Theo “Phương sóc chiêm thú” cùng một số địa chí thì ngày mồng 1 là ngày gà, mồng 2 là ngày chó, mồng 3 là ngày lợn, mồng 4 của giống dê, mồng 5 của giống trâu, mồng 6 của giống ngựa, mồng 7 của giống người, mồng 8 của giống thóc lúa.

Và còn có lệ bói đầu năm, các ngày này nếu đẹp thì người và vật khoẻ mạnh, không bị tật dịch, thóc lúa bội thu. Nếu các ngày này thời tiết âm u, mưa gió là xấu. Phải coi chừng mà phòng tránh. Sau khi làm lễ tạ, người ta hạ cây nêu, rồi tụ hội ăn uống, nhất là uống rượu

“bách giải” để trừ tật dịch. Đốt pháo để xua đuổi tà ma, cấm cành đào để trừ quái dị.

Ngày nay, người ta hoá vàng không nhất thiết vào ngày 7 tháng Giêng và thường thì sớm hơn, để phù hợp với hoàn cảnh sống và điều kiện công tác miễn sao có lễ tạ Gia tiên, Gia thần và chư vị Thánh thần, Phật để chứng giám cho tấm lòng, đồng thời hy vọng sự âm phù để được mạnh khoẻ, công tác, làm ăn buôn bán tiến bộ, phát đạt.

Tục xưa đối với các gia đình Việt Nam trong dịp Tết Nguyên đán đều không thể thiếu ngày lễ tạ. Trong suốt dịp Tết, việc đèn hương trên ban thờ phải duy trì đến ngày lễ tạ. Các thức dâng cúng trừ xôi, thịt... dễ thiu, ôi còn thì đều phải chờ hoá vàng mới hạ lễ. Bởi người xưa quan niệm trong dịp Tết các bậc Thần minh và Gia tiên luôn ngự trên ban thờ. Nếu đèn hương để tắt, nhất là hạ lễ vật trước khi lễ tạ là phạm điều bất kính.

Sau khi lễ, việc hoá vàng, tiền của Gia thần hoá trước, vàng của Tổ tiên hoá sau tránh để nhầm lẫn.

* SÁM LỄ:

Lễ tạ dâng cúng trong lễ tạ năm mới gồm có:

+ Hương, hoa, nước, quả (ngũ quả)

+ Trầu cau

+ Rượu

+ Đèn, nến

+ Lễ ngọt, Bánh kẹo

+ Mâm cỗ mặn: Xôi, gà, bánh chưng, các món ăn ngày Tết đầy đủ, tinh khiết.

VĂN KHẤN LỄ TẠ

Kính lạy ngài Đương niên Đại Vương, ngài Phán quan.

Kính lạy đức bản cảnh Thành hoàng cùng các ngài Thổ địa, Táo Quân, Long mạch Tôn thần.

Lạy các cụ Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ. Các vị Cô Di, Tỷ muội, Thúc Bá Huynh Đệ nội, ngoại...

Hôm nay là ngày... tháng Giêng năm...

Tín chủ chúng con...ở tại tỉnh ... huyện (thành phố)... Xã (phường)... thôn (phố)...

Nhân lễ hoá vàng (tết Khai hạ) chúng con thành tâm sửa lễ gồm hương hoa, trà tửu, phù lưu, quả phẩm cùng lễ mặn, kim ngân minh y (vàng mã) cung trần trước án, kính cáo, kính thỉnh chủ vị giá lâm:

Tiệc xuân đã mãn

Nguyên Đán đã qua.

Nay xin lễ tạ Tôn thần

Lễ tiễn Tiên linh về âm giới.

Kim ngân xin thiêu hoá

Gọi chút lòng trước chư vị toạ tiền

Kính xin chư vị:

Lưu phúc lưu ân

Phù hộ độ trì

Cháu con nội ngoại

Gia cảnh bình an

Toàn gia thịnh vượng

Tâm thành Lễ bạc kính dâng,

Lượng cả xét soi,

Cúi xin chứng giám

Cẩn cáo.

4. LỄ THƯỢNG NGUYÊN (TẾT NGUYÊN TIÊU - LỄ RẪM THÁNG GIÊNG)

Ngày rằm tháng Giêng còn gọi tiết “Thượng nguyên” hay “Nguyên Tiêu”. Theo các tài liệu của Trung Hoa thì ngày rằm tháng Giêng, là tháng đầu trong năm, nhân trăng sáng, tiết trời ấm áp nhà vua cho mở tiệc mời các quan trạng dự tiệc ngắm trăng, thưởng hoa đồng thời ngâm vịnh thơ ca nên còn gọi là tết Trạng Nguyên. Người ta còn tổ chức bơi thuyền có treo đèn, kết hoa, hoặc tổ chức các trò vui dưới đêm rằm trăng sáng. Có người cho rằng rằm tháng Giêng là ngày vía của Thiên quan nên tại các đền chùa thường làm lễ dâng sao giải hạn. Một số gia đình cũng sửa lễ giải hạn đầu năm. Lại có sách cho rằng ngày rằm tháng Giêng là ngày vía của đức Phật A-di-đà nên các tín đồ nô nức lên chùa lễ Phật: “Lễ cả năm, không bằng lễ rằm tháng Giêng”.

* SÁM LỄ:

Ngày Tết nguyên Tiêu các gia đình thường sắm hai lễ cúng: lễ cúng Phật và lễ cúng Gia tiên.

Gia chủ có thể lập đàn tràng tại gia để làm lễ giải hạn.

Cúng Phật là mâm lễ chay tinh khiết, cùng hương hoa đèn nến.

Cúng Gia tiên là mâm lễ mặn với đầy đủ các món ăn ngày Tết, tinh khiết.

Các vật phẩm khác như:

- Hương hoa vàng mã;
- Đèn nến;

- Trần cau;
- Rượu.

VĂN KHẤN TẾT NGUYÊN TIÊU

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên, Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Thúc Bá, Huynh Đệ, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tại:.....

Hôm nay là ngày Rằm tháng Giêng năm..... gặp tiết Nguyên tiêu, tín chủ con lòng thành, sửa sang hương đăng, sắm sanh lễ vật, dâng lên trước án.

Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân, Ngũ Phương, Long Mạch, Tài thần. Cúi xin các ngài linh thiêng nghe thấu lời mời, giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ..... nghe lời cầu khẩn, kính mời của con cháu, giáng về chứng giám tâm

thành, thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời Ông bà Tiên chủ, Hậu chủ tại về hưởng lễ vật, chứng giám lòng thành phù hộ, độ cho gia chung chúng con được vạn sự tốt lành. Bốn mùa không hạn ách, tám tiết hưởng an bình.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Theo một số sách địa chí của Việt Nam thì từ trưa ngày 14 đến hết đêm rằm tháng Giêng có lệ treo đèn kết hoa, thường gọi là hội hoa đăng. Vào dịp này người ta làm đèn đủ các kiểu, có cả đèn kéo quân, đèn “phụng tổ”, đèn “phụng thần”. Trên đèn người ta trở các dòng chữ phản ánh ước muốn hoặc cầu mong Thánh thần phù hộ như: “Nhất bản vạn lợi” (một vốn bốn lời), “Phong điều vũ thuận” (mưa thuận gió hoà), “Hải yển hà thành” (sông trong biển lặng).

Cũng có người làm đèn để chúc mừng nhau nên tạo chữ “Bách phúc lai thành” (mọi phúc đều nên), hay “Nhân khang vật thịnh” (người yên của nhiều)... Riêng đèn “phụng Thần”, “phụng Phật” đều hết ngày rằm thì đem hoá giá, ai mua được phải khao làng. Có những đèn của bạn bè thân thiết chúc nhau thì đêm 14 tự động đem đến treo ở cửa nhà bạn, do vậy ngày hội hoa đăng khá sôi động, vui vẻ. Bởi một số người quan niệm là ngày vía Thiên quan nên những tư gia có điều kiện thường làm “lễ dâng sao” mong cho tai ách trong năm được giải trừ.

5. LỄ DÂNG SAO GIẢI HẠN ĐẦU NĂM VÀO NGÀY TẾT NGUYÊN TIÊU

Ông bà ta xưa cho rằng, hàng năm mỗi người có một sao chiếu mệnh. Mỗi năm, mỗi người có một ngôi sao chiếu mệnh như: La Hầu, Thổ Tú, Thủy Diệu, Thái Bạch, Thái Dương, Thái Âm, Mộc Đức, Văn Hán, Kế Đô. Nhưng tuy cùng độ tuổi mà nam và nữ có sao khác nhau. Đơn cử tuổi 28 thì là sao La Hầu, nữ là sao Kế Đô, Tuổi 47 nam là sao Thổ Tú, nữ là sao Văn Hán... Tất cả có 9 ngôi sao chiếu mệnh và cứ sau 9 năm sao đó lại chiếu vào mệnh của mình. Do vậy nam ở các độ tuổi 10, 19, 28, 37, 46, 55, 64, 73, 82 đều là sao La Hầu, còn nữ cũng ở những tuổi ấy lại chịu sao Kế Đô. Các sao chiếu mệnh gồm sao Thái Dương, Thái Âm, Mộc Đức, Văn Hán, Thổ Tú, Thái Bạch, Thủy Diệu, La Hầu và Kế Đô. Các sao này cũng có sao tốt, sao xấu nên người ta làm lễ dâng sao để giải trừ hạn ách, tật bệnh. Song các sao xuất hiện trong tháng vào các ngày khác nhau lại có hình khác nhau nên việc làm lễ phải chọn ngày, dùng số lượng nén, lập bài vị và màu sắc phải phù hợp lại phải thiết kế ban thờ cho đúng hướng.

- Người chịu sao La Hầu thì phải làm lễ vào ngày mồng 8 hàng tháng, thắp 9 ngọn nến (theo hình sao) bài vị màu vàng và ghi: “Thiên cung thần chủ La Hầu tinh quân” ban thờ quay hướng Nam lễ về hướng Bắc.

- Người chịu sao Kế Đô thì dâng sao vào ngày 18 hàng tháng, thắp 21 ngọn nến, (xếp theo hình sao). Bài vị màu vàng, ghi dòng chữ: “Địa cung Thần Vỹ Kế Đô tinh quân”, lạy về hướng Tây.

- Sao Thái dương thì ghi Nhật cung Thái Dương Thiên tử tinh quân. Lễ ngày 27 hàng tháng, thấp 12 ngọn nến, bài vị màu vàng lạy về hướng Đông.

- Sao Thái Âm thì lễ vào ngày 26 hàng tháng, thấp 7 ngọn nến, bài vị màu vàng ghi “Nguyệt cung Thái Âm Hoàng Hậu tinh quân” lạy về hướng Tây.

- Sao Mộc Đức làm lễ vào ngày 25 hàng tháng, thấp 20 ngọn nến, bài vị màu xanh ghi “Đông phương Giáp ất, Mộc đức tinh quân”, lạy về hướng Đông.

- Sao Vân Hán dâng vào ngày 29 hàng tháng, thấp 15 ngọn nến, bài vị màu đỏ đề “Nam phương Bính đinh hoả đức tinh quân”, lạy về hướng Nam.

- Sao Thổ Tú lễ vào ngày 19 hàng tháng thấp 5 ngọn nến, bài vị màu vàng ghi “Trung ương Mậu kỷ Thổ đức tinh quân”, lạy về hướng Tây.

- Sao Thái Bạch, lễ vào ngày 15 hàng tháng, thấp 8 ngọn nến. Bài vị màu trắng đề “Tây phương Canh tân kim đức Thái Bạch kim linh”, lạy về hướng Tây.

- Sao Thủy Diệu, làm lễ vào ngày 21 hàng tháng, thấp 7 ngọn nến, bài vị màu đen ghi “Bắc phương Nhâm Quý Thủy đức tinh quân”, lạy về hướng Bắc.

Phần lễ vật thì tùy lòng gia chủ, song bài vị ghi thế nào thì văn khấn ghi như thế và khi lễ xong hoá vàng, hoá luôn cả văn khấn, bài vị.

* SẮM LỄ:

Lễ nghinh, tiễn được tiến hành thường kỳ vào những ngày quyết định của các tháng trong năm. Tuy vậy, dù sao nào chiếu mệnh thì vào ngày rằm tháng Giêng, người

ta thường làm lễ dâng, sắm đủ phẩm lễ, đủ số lượng các đèn, nến tùy theo mỗi sao cần nghinh tiễn. Bài vị được thiết lập trên giấy, có màu tương ứng với ngũ hành của từng sao.

Cúng dâng sao thường lập đàn tràng tam cấp. Cấp trên cùng cúng Trời, Phật, Tiên, Thánh. Cấp giữa cúng vị sao thủ mệnh và cấp dưới cùng cúng bá thí cho chúng sinh. Nhưng cũng có nơi chỉ cúng sao thủ mệnh, không phải lập đàn tam cấp như trên. Tiết rằm tháng Giêng tại các đền, chùa cũng thiết lập đàn tràng dâng sao giải hạn, để trừ các tai ách cho dân làng, đường phố.

Rằm tháng Giêng là ngày vía của Phật, ngày vía của Thiên quan, đồng thời là dịp lễ đầu xuân nên các dòng họ thường tổ chức tế Tổ, hoặc tế cáo Tổ. Các tư gia đều sắm cúng Gia tiên hoặc ra đền, chùa dâng hương, do vậy mà tất cả các làng xã, đường phố nhân dân chuẩn bị mua sắm lễ vật, hoa tươi... khá tấp nập. Người ta còn tìm mua gà lễ (loại trên 1kg), để sắm sửa mâm xôi con gà cho đàn ông hoàng, hy vọng trong năm mọi sự được toại nguyện...

VĂN KHẤN LỄ DÂNG SAO GIẢI HẠN

Nam mô A di đà phật!

Nam mô A di đà phật!

Nam mô A di đà phật!

Kính lạy đức Hữu Thiên chí tôn Ngọc Hoàng Thượng đế.

Kính lạy... tinh quân (ghi tên vị sao cần phải lễ)

Kính lạy: Đức Tả Nam Tào lục ty duyên thọ tinh quân. Đức Hữu Bắc Đẩu cứu hàm giải ách tinh quân.

Kính lạy các ngài Thành hoàng bản thổ, Long mạch Chính Thần.

Hôm nay là ngày rằm tháng Giêng năm.....

Tín chủ chúng con là.....

Ngụ tại.....

Trước án toạ liệt vị cao minh, tinh quân, chư hầu.

Xin kính báo:

Nhân lễ nguyên tiêu,

Tuân theo nếp cũ.

Gia đình tín chủ,

Sấm biện lễ nghi.

Cúi mong chư vị.

Chấp kỳ bạc lễ.

Phù hộ độ trì,

Giải trừ vận hạn.

Điều lành đem đến,

Việc dữ đẩy xa.

mệnh vị an cư,
 Thân cung khang thái.
 Chúng con chí thiết kêu cầu, kính mong bề trên chấp
 lễ chấp bái, mở rộng đèn trời soi xét.
 Cẩn cáo.

MỘT BÀI VĂN KHẤN LỄ DÂNG SAO GIẢI HẠN KHÁC

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Hôm nay là ngày rằm tháng Giêng
 năm:.....

Tín chủ (chúng) con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Chúng con thành tâm có lời kính mời:

Nhật cung Thái Dương Thiên Tử tinh quân

Nguyệt cung Thái Âm Hoàng Hậu tinh quân

Nam Tào Bắc Đẩu tinh quân

Thái Bạch, Thái Tuế tinh quân

Bắc cực Tử vi Đại Đức tinh quân

Văn Xương Văn Khúc tinh quân

Nhị Thập Bát Tú, Ngũ Hành tinh quân

La Hầu, Kế Đô tinh quân

Giáng lâm trước án, nghe lời cẩn tấu:

Ngày rằm Nguyên Tiêu, theo lệ trần tục, tín chủ con thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương dâng lên trước án, kính mời các vị lai lâm hâm hưởng, phù hộ cho toàn gia chúng con luôn luôn mạnh khỏe, mọi sự bình an, vạn sự tốt lành, gia đình hoà thuận, trên bảo dưới nghe.

Đèn trời xán lạn.

Chiếu khắp cõi trần.

Xin các tinh quân.

Lưu ân lưu phúc.

Lễ tuy mọn bạc.

Lòng thành có dư.

Mệnh vị an cư.

Thân cung khang thái.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

MỘT BÀI KHẤN KHÁC NHƯ SAU:

Nam mô A di đà phật

Nam mô A di đà phật

Nam mô A di đà phật

Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư Phật mười phương.

Con lạy Chư vị Tinh Quân, Nam Tào, Bắc Đẩu tinh
quân.

Con lạy đức Thiên quang đương niên.....

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Tín chủ con là... tuổi.....

Ngụ tại Thôn... xã (phường)... huyện (thành phố).

Tỉnh ... nước Việt Nam Cộng hoà xã hội chủ nghĩa.

Năm nay là năm... con gặp sao chiếu mệnh...

Nhân dịp đầu năm, ngày rằm tháng Giêng

Tín chủ nhất tâm, sửa biên lễ mọn

Trai bàn tỉnh quả, minh y kim ngân

Trà tửu, phù lưu, Hàn âm trư nhục (thịt gà, thịt lợn)

Cúi mong chư vị, bậc lễ chấp kì

Giải hạn nhân tình, giáng trần ban phúc.

Cho gia đình con khang ninh trường thọ.

Vận hạn tiêu tan, gia nội hanh xương.

Chúng con chí thiết thành, một lòng bái lạy.

Cẩn tấu.

6. TẾT HÀN THỰC - TẾT BÁNH TRÔI BÁNH CHAY (NGÀY 3 THÁNG 3)

Theo phong tục xưa của Trung Quốc: vào tiết Hàn Thực (ngày 3 tháng 3) mọi người không nấu lửa mà chỉ ăn đồ nguội đã chuẩn bị sẵn từ hôm trước. Hàn thực có nghĩa là thức ăn nguội và Tết Hàn Thực là Tết ăn đồ lạnh, có nghĩa là phải nấu đồ lễ từ hôm trước, còn ngày 3 tháng 3 cấm lửa.

* NGUỒN GỐC NGÀY TẾT HÀN THỰC

Vào thời Xuân Thu trước Công Nguyên, vua Văn Công nhà Tấn phải đi lánh nạn. Cùng đi theo hầu có Giới Tử Thôi là bầy tôi trung thành, từ lúc Văn Công mới là Công tử Trùng Nhĩ, phải long đong bôn tẩu khắp mọi nơi, hết chạy sang nước Địch, lại trốn sang nước Vệ, nước Tề, nước Sở. Suốt 19 năm trời lận đận. Có lần hết lương thực, Giới Tử Thôi phải cắt đùi mình nấu dâng chúa công để giải nguy khi đói. Ấy thế mà khi thành sự, Trùng Nhĩ khôi phục được nước, lên ngôi vua tức Tấn văn Công lại quên Giới Tử Thôi là người có công đầu khi gặp khó khăn hoạn nạn.

Thấy mọi người được phong thưởng, còn mình bị bỏ quên, Tử Thôi không oán hận nhưng tủi phận bỏ về nhà, đưa mẹ vào núi Miên Sơn ở ẩn. Sau này Văn Công nhớ ra cho người đi tìm kiếm Tử Thôi nhưng không thấy. Vua Tấn biết Giới Tử Thôi ở Miên Sơn không chịu ra nên hạ lệnh đốt rừng để buộc ông phải ra. Nào ngờ Tử Thôi và mẹ ông đều bị chết cháy trong rừng.

Nhà vua thấy vậy tỏ lòng thương cảm, cho lập miếu thờ. Hàng năm đến ngày 3 tháng 3 là ngày đốt rừng và cũng là ngày hai mẹ con Tử Thôi chết cháy, có lệnh cấm dùng lửa nấu ăn, ngay việc làm cỗ cúng cũng phải làm từ hôm trước. Và vì ăn thức ăn lạnh nên dân gian gọi là tết Hàn Thực.

Người Việt Nam chung sống với người Hoa từ lâu đời, sự giao lưu văn hóa và cuộc sống có nhiều sự gắn bó. Cho đến nay, dân ta cũng làm bánh trôi bánh chay trong dịp tết 3 tháng 3 và cả các dịp tết Đoan Ngọ, rằm tháng Bảy. Các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định thì món bánh này trở thành thức ăn hấp dẫn trong dân gian. Nhưng người Việt ăn bánh trôi, bánh chay lại liên tưởng đến hội đèn Hùng ngày 10 tháng 3, hoặc hội đèn thờ Trưng Nữ vương ở Hát Môn ngày 5 tháng 3. Ở đây người ta làm những mâm bánh trôi gồm 100 chiếc, tưởng nhớ đến chuyện bà Âu Cơ đẻ trăm trứng, nở trăm con từ buổi bình minh lịch sử. Người ta nghĩ đến chuyện Hai Bà Trưng khởi nghĩa đánh quân Nam Hán phải bẫy nổi ba chìm và phải trầm mình xuống sông Hát Giang tuấn tiết.

Dù tình sử hay bi tình sử thì chuyện tết Hàn Thực vẫn có ý nghĩa trong cộng đồng dân tộc Việt, cộng đồng cư dân vùng Đông Nam Á. Do vậy mà trên ban thờ Gia tiên, trên mâm cỗ tại đền thờ, cũng như một số chùa miền Bắc đã hiện diện món bánh trôi, bánh chay. Lại trên các quây hàng, gánh hàng ở góc phố, đầu chợ vẫn thấy cảnh mọi người điem tình thưởng thức món bánh trôi, bánh chay ngon miệng.

Làm bánh trôi, bánh chay đều bằng loại bột nếp nhào với nước nhưng bên trong có nhân đường phèn hay đường đỏ là bánh trôi. Trong làm nhân đỗ xanh nấu chín là bánh chay. Cả hai loại đều luộc đến mức bánh phải chìm, rồi nổi nhiều lần (ba chìm bảy nổi) mới vớt ra bày vào đĩa (bánh trôi). Bánh chay thì vớt vào bát đổ nước đường lên trên:

Hai thứ bánh này tuy cùng thứ gạo nhưng bánh trôi nặn nhỏ hơn, nhân đường nên có vị ngon khác hẳn. Bánh chay nhân đỗ, vỏ trắng đường. Chính vì mỗi loại bánh có một hương vị ngon riêng nên nhiều người đã ăn bánh trôi, lại không thể bỏ qua ăn thử bánh chay cổ truyền.

Tháng 3 còn liên quan đến một số hội làng, đặc biệt là hội mẫu Liễu Hạnh. Một số gia đình có người là đệ tử của tín ngưỡng Tam tòa Thánh Mẫu dù có, hoặc không có ban thờ mẫu trong nhà, nhân dịp này cũng sửa lễ, thắp hương tại điện thờ, hay ban thờ ngoài trời, để cầu mong các mẫu âm phù cho sức khỏe dồi dào, việc làm ăn thuận buồm xuôi gió.

* SÁM LỄ:

Mâm lễ cúng ngày Tết Hàn Thực gồm: Hương, hoa, trầu cau và 5 (hoặc 3 đĩa) bánh trôi, 5 (3 bát) bánh chay dâng lên bàn thờ.

VĂN KHẤN TẾT HÀN THỰC

Tết Hàn Thực ngày 3 tháng 3 khi cúng Tổ Tiên thì phải khấn thần ngoại trước, thần nội sau:

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên, Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Thúc Bá, Đệ Huynh, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại.

Tín chủ (chúng) con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Hôm nay là ngày.....

gặp tiết Hàn Thực, tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, Chư vị Tôn thần, nhờ đức cù lao Tổ tiên, thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, đốt nén tâm hương, dâng lên trước án. Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long Mạch, Tài thần giáng lâm trước án, chứng giám lòng

thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh các vị Tiền chủ, Hậu chủ ngụ trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, phù hộ cho toàn gia chúng con luôn luôn mạnh khoẻ, mọi sự bình an, vạn sự tốt lành, gia đình hoà thuận, trên bảo dưới nghe.

Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

7. TIẾT THANH MINH (TỪ MÔNG 5 ĐẾN MÔNG 10 THÁNG 3)

Ông bà ta xưa chọn Tiết Thanh Minh là ngày cất cỏ trên mộ và đắp đất lên mộ (táo mộ). Vì ngày này thời tiết chuyển sang ấm dần, mưa nhiều hơn, cây cỏ tốt hơn trùm lên mộ, có thể làm mộ sụt lở nên cần phải cất cỏ, đắp thêm đất lên mộ.

Con người ta khi sống thì lam lũ lo cuộc sống, thậm chí còn bon chen, tham lam vợ vét làm giàu, nhưng khi hai bàn tay buông xuôi mọi sự đều chấm hết nên dân gian có câu:

“Trăm năm còn có gì đâu,

Chẳng qua một nắm cỏ khô (đồng đất cũ) xanh rì”.

Song lẽ sống ở đời, đạo làm người giữa sống và chết. Khi mà âm dương cách biệt thì tình cảm giữa cha con, ông bà, Tổ tiên mới thật ý nghĩa và việc báo hiếu để thấu đạt công cha nghĩa mẹ. Việc chăm sóc phần mộ, cũng như cúng lễ trong tiết thanh minh để chứng minh thêm đạo nghĩa mới hiển hiện bản chất dân tộc, con người phương Đông.

Tiết Thanh Minh để truy tư công đức, để nhớ để thương, để bù ngùi xúc động. Nhưng không vì lẽ đó mà lúc nào cũng ảm đạm, buồn rầu. Người ta đã nén đau thương mà vui trong hội “đạp thanh”. Ngày hội dẫm trên cỏ xanh để nhìn về quá khứ, nhớ đến Tổ tiên ông bà. Làm được điều đó, giữ được điều đó sao lại không vui. Chẳng thế mà đại thi hào Nguyễn Du đã viết:

“Thanh minh trong tiết tháng ba
Lệ là tảo mộ, hội là đạp thanh”.

Điều cốt lõi trong tục lệ Thanh minh là ra nghĩa trang thăm nom phần mộ Gia tiên xem có bị sạt lở, bị cáo cây đào bới hay không. Nếu có thì phải vun đắp sửa sang không được thờ ơ, thậm chí để thất lạc phần mộ. Do vậy cổ nhân đã nhắc nhở, khiển trách ai đó thiếu ý thức:

“Nhật chí hồ ly miên chủng thượng
Dạ lai nhi nữ tiểu dâng tiền”

(Sáng ra cáo ngữ trong hầm mộ

Đêm về trai gái trước đèn cười)

Ngày nay, mọi người đã chú ý đến phần mộ Tổ tiên một cách đúng mức hơn. Ngoài việc sửa phần mộ, người ta còn lo sửa lễ tại nghĩa trang, nghĩ đến việc cúng thần linh và mời vong linh về chứng giám cho tấm lòng thành của con cháu.

Do vậy trong tiết Thanh minh nhà nhà đều chú ý đi tảo mộ, lo lắng sửa làm lễ cúng mời Tổ tiên về soi lưng cơm, hưởng chút lễ mọn mà con cháu tâm thành cúng dâng.

Có gia chủ ra nghĩa trang đặt lễ vào miếu thần linh, đèn nhang khấn vái, mong có sự âm phù cho mồ yên mả đẹp.

* SÁM LỄ:

Lễ trong tiết Thanh Minh gồm có: hương đèn, trầu cau, tiền vàng, rượu thịt (chân giò, gà luộc hoặc một khoanh giò nạc độ vài lạng), hoa quả.

Khi đến nghĩa trang hay khu vực có để mộ phần của

gia đình mình thì gia chủ đặt lễ vào chỗ thờ chung. Sau đó thắp đèn, nhang, vái ba vái vị Linh thần Thổ địa rồi khấn.

“Sống về mồ về mả,
Không ai sống về cả bát cơm”.



VĂN KHẤN LỄ VONG LINH NGOÀI MỘ

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư Phật mười phương.

- Kính lạy Hương linh:.....

(Hiển Khảo, Hiển tử hoặc Tổ Khảo.....)

Hôm nay là ngày.... tháng..... năm.....

Nhân tiết.....

Tín chủ (chúng) con là:.....

Chúng con và toàn thể gia đình con cháu, nhờ ơn công võng cực, nền đức cao dày, gây dựng cơ nghiệp của..... chạnh lòng nghĩ đến âm phần ở nơi hoang vắng, tín chủ con thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương kính dâng trước mộ, kính mời chân linh.....lai lâm hưởng. Chúng con xin phép được sửa sang phần mộ, bồi sa, bồi thổ, cho được dày bền, tu sửa minh đường hậu quỷ cho thêm vững chắc. Nhờ ơn Phật Thánh phù trì, đội đức trời che đất chở, cảm niệm Thần linh phù độ, khiến cho được chữ bình an, âm siêu dương thái. Con cháu chúng con xin vì chân linh..... phát nguyện tích đức tu nhân, làm duyên, làm phúc, kính dâng Tam Bảo, giúp đỡ cô nhi quả phụ, tế bần cứu nạn, hiếu thuận tông nhân để lấy phúc này hưởng về Tiên tổ.

Cúi xin linh thiêng chứng giám, thụ hưởng lễ vật,

phù hộ độ trì con cháu, qua lại soi xét cửa nhà. Che tai cứu nạn, ban tài tiếp lộc, điều lành mang đến, điều dữ xua đi. Độ cho gia đạo hưng long, quế hoè tươi tốt, cháu con vui hưởng lộc trời, già trẻ nhuần ơn Phật Thánh.

Chúng con lễ bạc tâm thành, cúi xin chứng giám.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Sau khi khấn xong, đợi hết 2/3 tuần hương thì đi lễ tạ các nơi, hoá vàng, xin lộc và mọi người về nhà làm lễ Gia thần và Gia tiên ở nhà.

MỘT BÀI VĂN KHẤN VONG LINH NGOÀI MỘ KHÁC

Bất kì thời điểm nào trong năm khi đi sửa sang mộ phần ai đó trong họ, hoặc thăm viếng đều có thể khấn bài này.

Kính lạy (cha hoặc mẹ, hoặc ai đó...)

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Trước phần mộ tại thôn... xã (phường)... huyện (thành) ... tỉnh... nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhân tiết (hoặc ngày)...

Con hoặc cháu là... đồng gia quyến thăm viếng phần mộ, thành tâm sửa biện lễ vật hương hoa cáo yết Tôn thần, cúng viếng Hương linh. Xin được quét dọn, sửa sang phần mộ.

Cung duy:

Nhờ công ơn võng cực, đức độ cao dày của Hương linh...

Nhờ sự độ trì của Thần linh, khiến gia cảnh bình an khang thái.

Tiếp theo nếp cũ chúng con (hoặc cháu) đồng gia,

Nguyện sống thuận hoà, làm ăn chăm chỉ

Hiếu hiền nhân hậu, lưu phúc về sau

Rạng rỡ gốc nhà, đẹp lòng Tiên tổ.

Cúi xin Thần linh chứng giám

Hương linh... đồng lai thấu cho tác lòng

Thụ hưởng lễ vật, trà tửu phù lưu

Quả phẩm kim ngân, lòng thành giám cách

Kính mong chư vị, phù hộ độ trì
Giải tai cứu nạn, hung nghiệt xua đi
Ban tài ban lộc, mọi sự hanh thông
Độ cho gia đạo hưng long, quế hoè tươi tốt.
Cẩn cáo.



VĂN KHẤN TẠI MIẾU THẦN LINH NGHĨA ĐỊA

Hôm nay là ngày.....tháng..... năm.....

Tín chủ là..... đồng gia quyến hiện ở tại
thôn.....

Xã (phường)..... huyện (thành phố).....
Tỉnh.....

Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Kính lạy: Chư vị Thần linh Thổ địa, Long mạch chính
thần.

Hiện có mộ phần Chân linh... (là cố phụ, cố mẫu...)

Táng tại bản xứ...

Nay tín chủ thiết kê thiết cầu, mong chư vị lai lâm
giám chiếu, độ cho vong linh an nhàn yên ổn, siêu thoát
u đồ.

Gia ân cho tín chủ chúng con bình an mạnh khỏe.

Gọi là có chút lễ mọn, bày tỏ tác thành

Cảm cung cáo vu, kính xin chứng giám.

Cẩn cáo.

Đọc xong vái bốn vái. Một lúc sau (sắp tàn hương)
vái tạ, đốt tiền, vàng và cả sớ tấu (văn khấn) nếu có.

** Lưu ý: Khi chờ đợi lễ tạ nên cắm hương cho các
mộ phần lân cận. Đây cũng là nét đẹp văn hoá, từ thiện
của dân tộc.*

Hiện nay một số dòng họ đã quy tụ được mộ phần

vào chung khu vực, lại xây dựng cả lễ đài, tường bao, đường ra vào, trang trí cây cảnh cho khu vực lăng mộ, do vậy việc bảo tồn cũng như thăm viếng khá thuận lợi. Đứng trước lăng mộ Tổ tiên người đã có bài khấn:

VĂN KHẤN TẠI KHU LĂNG MỘ

(Vái bốn vái)

Nhân tiết Thanh minh năm Tân Tỵ

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Tử tôn trong họ tộc gồm.....

Hiện ngụ tại.....

Đứng trước phần mộ Tổ tiên gồm có... hiện táng tại.....

Kính mong các đấng Thần minh, Thổ phủ long mạch, Tiền Chu tước, Hậu Huyền Vũ, Tả Thanh Long, Hữu Bạch Hổ cùng liệt vị Tôn thần cai quản bản địa.

Cúi lạy, xin được gia ân, gia hộ cho mồ mả bình yên.

Nhân tiết Thanh minh, toàn họ tộc nghiêng mình kính cẩn (vái 4 vái).

- Kính lạy chư vị Tổ tiên... (gôm vị nào)

Đứng trước phần mộ, con cháu gần xa, lễ bạc tâm thành Nhất tâm bái thỉnh.

Kính mong chư vị, lai đáo dương cơ, giám cách giáng lâm nạp thụ lễ vật.

Ban tài ban lộc, bồi đắp hậu sinh

Tông ách khai hanh, phúc duy thượng hưởng.

(Vái 4 vái)

Sau khi ra thăm mộ, ở nhà đã chuẩn bị lễ vật, cỗ mọn cúng Tổ tiên. Và khi đã đèn hương, khấn Gia thần xong, sẽ đọc bài văn khấn Tổ tiên:

VĂN KHẤN THANH MINH TẾ TIÊN TỔ VẤN

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....
 Cháu là.... thay mặt dòng họ... kính thỉnh Gia tiên về
 tại thôn... xã (phường)... huyện (thành)... tỉnh.....

Ư linh vị tiên viết:

Hào hương thiên môn, dương điều nhị tam nguyệt,
 Cảm càn khôn sinh vật chi ân
 Bồi u hiển thù công chi thiết.
 Đối thì nhi sái tảo mộ phần,
 Truy viễn nhi tông thân khí huyết
 Tư nhân tảo sự dĩ thành, phi nghi kính thiết, kiêu kỳ
 hoàng nhượng cảm thông, thâm vọng u huyền thấu triệt.
 Vũ dĩ minh nhân đạo thường kinh,
 Vũ dĩ biểu xuân hoà giai tiết.
 Thực lại Tổ tiên phù trì chi đại lực đã
 Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Trước linh vị Tổ tiên thưa rằng:
 Thấu khắp mọi nơi, tháng (2) 3 dương khí,
 ơn Trời đất sinh ra người và vật
 Nhớ công lao vun đắp của Tiên linh.

Trước hãy lo việc tu sửa mộ phần.
Sau mong được cháu con thịnh vượng.
Nay nhân đã sửa xong phần mộ
Vậy kính mong chư vị thần linh,
Cùng Tổ tiên nơi suối vàng thấu rõ.
Nay đã vì đạo sáng của trời
Cùng với tiết xuân hoà của người
Cầu Tổ tiên gia ân phù trì,
Cho mọi sự thành công tốt đẹp.
Kính cẩn tâu bày.

VĂN KHẤN LỄ ĐÀM

Văn khấn lễ đàm - đoạn tang (tức là tế trừ phục, hết hạn mặc áo tang)

Nhân dịp tiết Thanh Minh thăm viếng mồ mã, liên quan đến việc cải táng mộ phần, đến việc hết hạn mặc áo tang, hoặc đeo tang ngày thường cũng như khi cúng lễ. Xin đề cập việc tế lễ đoạn tang. Kể từ khi chịu tang cho đến khi lễ đàm, không kể tháng nhuận là 27 tháng.

Trước khi làm lễ đoạn tang một tháng, chủ nhân phải mặc đồ trắng làm lễ cáo trước ban thờ, khấn:

“Kính lạy (bố hay mẹ)... Con là... đồng gia quyến định sang tháng vào ngày... sẽ làm lễ đàm cho bố hoặc mẹ... Nếu được xin báo ứng cho con biết”.

Khấn xong lấy hai đồng tiền xin âm dương ra, lạy khấn:

“Trên trời lấy nhật nguyệt phân chia ngày đêm, dưới đất coi âm dương mà phân biệt.

Người trần mắt thịt, mờ mịt không hay. Vậy gieo đồng tiền trông sự báo ứng, giúp cho con biết lành mà tới, biết dữ mà xa. Con vái lạy Hương linh, Cẩn cáo”.

Gieo tiền thấy một đồng sấp, một đồng ngửa thì được. Nếu không lại khấn như trên xin tuần thứ 2 (trung tuần), vẫn không được lại xin lần thứ 3 (hạ tuần). Nếu hạ tuần không được thì sửa lễ xin tiếp, hoặc chờ đến cuối tháng mà làm cũng được.

Nghi thức như lễ đại tường. Nghĩa là trước đó một ngày đem “chủ” ra lễ cáo (chủ là bài vị). Khi làm lễ, bỏ

bớt đồ tang phục, nam thì bỏ dây đai mũ và vải trùm vai, nữ thì bỏ quần tang quét đất.

Khi lễ đàm có làm cỗ cúng cùng hương, dâng, trà tửu...

MỘT BÀI VĂN KHẤN LỄ ĐÀM KHÁC

Hôm nay là ngày... tháng... năm... con... kính lạy...
Đau xót thay cha (mẹ)... xa lánh cõi trần
Trước mắt xuân đường khói phủ, giọt lệ chứa chan
Ngoảnh nhìn núi Hổ (Dĩ) mây che, lòng đầy thương
nhớ.

Tính năm đã qua hai tường (2 lần tế lễ)

Kể tháng cũng vừa đàm tế!

Dẫu thời gian chuyển đổi, tang phục hết kỳ

Song con người nghĩ đến thờ thần, hiếu tâm vẫn thế.

Lễ kính bày trừ phục lệ xưa

Nhưng tình vẫn nhất tâm sau trước.

Kính mời Hương linh... cùng chư vị... chứng giám

Lễ bạc chi nghi, diêu soạn thứ tu

Độ trì cho con cháu toàn gia, an khang thịnh vượng.

Phục duy thượng hưởng.

Sau lễ đàm sẽ ăn uống vui vẻ, mời rượu lẫn nhau rồi đi ngủ, ý để nguôi đi nỗi thương đau, từ nay không phải bận tâm nhiều đến việc hiếu, mà chỉ lo chuẩn bị cho việc cát táng.

8. TẾT ĐOAN NGỌ (NGÀY 5 THÁNG 5)

Tết Đoan Ngọ là ngày Tết lớn của người Việt Nam được tiến hành vào đúng giờ Ngọ – giữa trưa ngày 5 tháng 5 Âm lịch hàng năm. Người xưa quan niệm rằng: Trong cơ thể con người, nhất là bộ phận tiêu hoá thường có sâu bọ ẩn sống, nếu không diệt trừ thì sâu bọ ngày càng sinh sôi nảy nở gây nguy hại cho con người. Lũ sâu bọ này chỉ lộ diện vào ngày 5 tháng 5 Âm lịch nên phải làm lễ trừ sâu bọ vào ngày này.

Theo quan niệm cổ truyền, có thể giết sâu bọ bằng cách ăn thức ăn, hoa quả, rượu nếp vào ngày 5 tháng 5. Cách diệt sâu bọ trong người như sau: mọi người sáng ngủ dậy không được đặt chân xuống đất, phải súc miệng 3 lần cho sạch sâu bọ, tiếp đó ăn một quả trứng vịt luộc. Rồi bước chân ra khỏi giường ăn một bát rượu nếp cho sâu bọ say, tiếp đó ăn trái cây cho sâu bọ chết.

Có những nơi thì sáng sớm cho trẻ ăn hoa quả, rượu nếp, trứng luộc, bôi hồng hoàng vào thóp đầu, vào ngực, vào rốn để giết sâu bọ. Người lớn thì giết sâu bọ bằng uống rượu hoặc ăn rượu nếp. Trẻ em giết sâu bọ xong khi còn ngồi trên giường, rồi rửa mặt mũi, chân tay xong bắt đầu nhuộm móng tay, móng chân, đeo chỉ ngũ sắc. Em gái đến độ tuổi xâu lỗ tai cũng chọn ngày này mà xâu. Vì là Đoan Ngọ nên cúng Gia tiên phải cúng vào giờ Ngọ. Tục hái thuốc ngày 5 tháng 5 cũng bắt đầu vào giờ Ngọ, đó là giờ có dương khí tốt nhất trong cả năm, lá cây có thu hái được trong giờ đó có tác dụng chữa bệnh tốt,

nhất là các chứng ngoại cảm, các chứng âm hư. Người ta hái bất kỳ loại lá gì có sẵn trong vườn, trong vùng, miễn sao đủ trăm loại, nhưng các loại có độc chẳng hạn như: lá ngón, cà độc dược, lá sắn... không được hái.

Tết Đoan Ngọ còn được gọi là tết Đoan Dương, tết Trùng Ngũ hay Trùng Nhĩ. Đoan là mở đầu, Ngọ là giữa trưa, là lúc khí dương đang thịnh... Xét về địa bàn thì Ngọ ở vào phương Nam, mà cung Ngọ thuộc Dương và tháng 5 cũng là tháng Ngọ, do vậy tháng 5 là tháng khí Dương tràn ngập.

Người ta còn gọi tết Đoan Ngọ là tết Trùng Ngũ hay Đoan Ngũ (ngày 5 tháng 5). Do vậy, mà các ngày 1, 2, 3, 4 tháng 5 được gọi Đoan nhất, Đoan nhị, Đoan tam, Đoan tứ.

Ngày 5 tháng 5 khí dương tràn ngập, nhưng lại rất nóng bức, thời tiết mùa oi bức, các bệnh dịch hay phát sinh, do vậy các đền, miếu thường cúng vào mùa hè trừ ôn dịch, còn dân gian thì ngày 5 tháng 5 đi hái lá thuốc về dùng dần. Có người còn lấy xương bồ thái thành từng lát đem ngâm rượu, đem uống trừ ôn dịch trong năm, do vậy dân gian còn gọi tiết Xương bồ hoặc Thiên trung (giờ Ngọ ngày 5 tháng 5). Có nhà còn dùng là ngải phơi khô, tán nhỏ trộn với bột thương truật, xương bồ, quế chi, xuyên khung, bạch chỉ đem rắc mọi nơi trong nhà để trừ dịch, uestap.

Có người nhân ngày 5 tháng 5 chế bài thuốc “Bồ đề hoàn” để dùng trong năm. Bài thuốc này ít công phạt, các chứng cảm mạo phong hàn, sốt rét ngã nước, đau bụng hoặc rối loạn tiêu hóa đều dùng được.

Những đồng bào thuộc Hoa Kiều ở Việt Nam, hoặc

một số bà con ở thành thị có sự giao lưu với người Hoa, đọc sách “Cổ học tinh hoa” còn gắn tết Đoan Ngọ với kỷ niệm Khuất Nguyên cùng với Lưu Thần Nguyễn Triệu là người Trung Hoa. Những câu chuyện lý thú này lại liên quan đến một số tình tiết trong lệ tục ngày tết, do vậy cũng cần hiểu lai lịch để suy ngẫm.

SỰ TÍCH KHUẤT NGUYÊN

Khuất Nguyên làm quan Tả đồ nước Sở, dưới triều vua Hoài vương đời Thất quốc (307 – 246 trước Công nguyên). Ông là người chính trực nên bị bọn nịnh thần sàm tấu. Những ý kiến ông tâu trình đều muốn hưng lợi cho đất nước Trung Hoa hồi bấy giờ lại bị vua Sở bác bỏ. Có lần Sở Hoài Vương sang Tần, ông can ngăn không được đến nỗi Hoài Vương bị chết ở đất Tần.

Tương Vương kế nghiệp cũng bị bọn gian thần thao túng, bác bỏ những ý trung chính của ông, lại còn bắt ông đi đày.

Trước những nhiễu nhương đáng buồn đó, Khuất Nguyên làm bài thơ Hoài Sa rồi buộc đá vào người trầm mình tự tử, tại sông Mịch La vào ngày 5 tháng 5.

Tương Vương nghe tin mới hối hận, sức cho dân làm cỗ cúng và đem cỗ xẻ xuống sông để ông hưởng. Đêm đến ông báo mộng cho vua rằng, nếu ném cỗ xuống sông thì phải bọc lá bên ngoài và buộc bằng chỉ ngũ sắc, cá tôm mới không ăn được. Từ lời báo mộng đó, nhà vua ban lệnh cho dân. Do vậy mà hàng năm vào ngày 5 tháng 5 có lệ cúng Khuất Nguyên, tưởng niệm một vị đại

thần trung chính, lại gói cỗ bằng lá, buộc chỉ ngũ sắc thả xuống sông cho ông hưởng.

Trên sông Mịch La, người nước Sở đã mở hội đua thuyền (như muốn vớt xác Khuất Nguyên), làm cỗ cúng ông tỏ lòng thương tiếc. Và chỉ ngũ sắc sau này trở thành thứ “bùa tui bùa tui” treo cho trẻ em trong tết 5 tháng 5...

CHUYỆN LƯU THẦN, NGUYỄN TRIỆU

Đời nhà Hán có hai người Lưu Thần và Nguyễn Triệu, làm nghề thuốc sinh nhai, lại thân thiết như anh em. Nhân ngày tết Đoan Dương hai người rủ nhau vào núi hái thuốc và tình cờ gặp hai tiên nữ, họ nên duyên chồng vợ và không tính đến chuyện hái thuốc nữa.

Nửa năm sau, tuy sống cùng vợ tiên với cảnh quan tuyệt đẹp ở tiên giới, nhưng Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhớ nhà da diết nên đòi về làng cũ. Hai tiên nữ ngăn cản mãi không được, đành tiễn chân hai người về làng. Nhưng khi về đến làng cũ thì mọi cảnh đều thay đổi. Vì nửa năm ở cõi tiên bằng mấy trăm năm cõi trần. Hai người bèn tìm lại cõi tiên nhưng không thấy nữa, nên rủ nhau vào rừng không trở về nữa.

Câu chuyện tình của hai chàng Lưu – Nguyễn chỉ có vậy, nhưng đã trở thành thiên tình sử, thành đề tài ngâm vịnh của các thi nhân. Còn dân gian thì lấy việc hái thuốc tiết Đoan Dương gặp may của hai người để tìm một điều may mắn nào đó cho sức khỏe, cho cuộc sống con người trong việc hái thuốc tiết Đoan Dương.

NGHI THỨC CÚNG LỄ VÀ TẬP TỤC NGÀY ĐOAN NGỌ

Tết Đoan Ngọ đã trở thành Tết truyền thống. Nhà nhà làng làng đều sửa lễ cúng ông bà Tổ tiên, cúng Thần thánh, cúng các vị Tổ sư của nghề. Đặc biệt đây là tết chú ý đến việc bảo vệ sức khỏe của con người. Đó là việc giết sâu bọ, bằng cách ăn rượu nếp làm cho sâu bọ trong người bị say, sâu bọ chết. Họ còn mài thần sa, chu sa cho trẻ uống để chống sự phản ứng trong cơ thể.

Tắm nước lá mùi

Là tập tục mà các làng quê thường có. Người ta đun lá mùi, lá tía tô, kinh giới, lá sả, lá tre vào chung một nồi, rồi mọi người già trẻ thay nhau múc tắm. Mùa nắng lại tắm nước nóng có lá thơm, mồ hôi toát ra, cảm giác khoan khoái dễ chịu, thơm tho làm cho người ta phấn chấn và có lẽ cũng trị được cảm mạo, bởi nước lá mùi là vị thuốc Nam.

Hái thuốc mồng năm

Cây cỏ quanh ta có nhiều thứ trở thành vị thuốc chữa bệnh. Nhưng nếu các loại thảo mộc ấy được hái vào ngày 5 tháng 5, lại đúng vào giờ Ngọ thì tính được càng được tăng lên, chữa các bệnh cảm mạo, nhức đầu đau xương... sẽ nhanh khỏi hơn. Do vậy dân gian thường hái ngải cứu, đinh lăng, tía tô, kinh giới... đem phơi khô cất đi, khi nào lâm bệnh thì sắc uống.

Người ta còn lấy cây ngải cứu buộc gom thành năm, treo ở đầu nhà, trước cửa để trừ tà ma. Thực tế thì hương

thơm lá ngải sẽ giúp con người dễ chịu, khoan khoái. Lại có thể giảm bớt nhức đầu, đầy bụng nên khi lấy lá ngày 5, mọi người không thể quên lấy lá ngải cứu.

Giết sâu bọ, hái thuốc ngày 5, tắm nước lá mùi, treo lá ngải cứu trừ tà trong tết Đoan Ngọ, mưu cầu làm cho con người, nhất là thế hệ trẻ khỏe mạnh để duy trì nòi giống, truyền thống của cha ông, người ta còn phòng xa những bất trắc do ma quỷ, rắn rết làm nguy hại đến tính mạng nên tết ngày 5 tháng 5 còn có tục đeo “bùa tui bùa túi”. Đây là thứ bùa ngũ sắc để đeo vào vòng cổ cho trẻ em.

Người ta dùng vải và chỉ ngũ sắc để may, để buộc thành các túi bùa. Một túi hạt mùi, một túi hồng hoàng rồi một số quả như khế, ớt, na... được buộc gộp thành bùa treo vào cổ trẻ em. Phải chăng vì hạt mùi kỵ gió, hồng hoàng kỵ rắn rết, còn các quả để giết sâu bọ, chỉ ngũ sắc là màu sắc của vũ trụ: kim, mộc, thủy, hoả, thổ thường dùng để trừ ma quái, hy vọng sẽ đảm bảo cho thế hệ trẻ được khỏe mạnh, tồn tại và phát triển.

Ấy vậy mà tết ngày 5 tháng 5 còn có tục nhuộm móng tay móng chân cho trẻ. Họ hái lá về giã nhỏ, lấy lá vông chùm từng nhúm rồi buộc vào móng tay, móng chân. Riêng ngón “thần chỉ” là ngón tay trở thì không buộc.

Sáng dậy, mở các đầu ngón ra sẽ thấy các móng tay, chân đỏ tươi, đẹp mắt.

Ngoài ý nghĩa mê thuật của tục nhuộm móng tay, móng chân này còn ẩn dụng ý trừ ma lôi kéo làm hại con người.

Phải chăng từ yêu cầu lấy quả giết sâu bọ, nên người ta đã khảo cây lấy quả. Dân gian quan niệm cây cũng có linh hồn nên những cây “chây lười” không chịu ra quả

phải bị khảo. Một người trèo lên cây, một người cầm dao đứng dưới gốc. Người đứng dưới gốc hỏi tại sao cây chậm ra quả và dọa sẽ dùng dao chặt bỏ. Người trên cây van xin sẽ ra quả và ra nhiều quả. Thường thì mỗi dịp này khó giải thích nhưng biết đâu qua việc làm cổ, phát bớt cành lại kích thích sự ra quả cho cây?

Tết Đoan Ngọ có những nghi thức tập tục độc đáo, gắn với mảnh đất, con người nhiệt đới phương Nam. Đây còn là dịp Tết có những thứ quả, thứ hạt đầu mùa, mà con cháu không thể quên việc cúng dâng Tổ tiên. Một quả dưa hấu, một quả mít, một chùm nhãn, đĩa mận, cân đỗ, đĩa xôi đầu mùa... đều được đưa lên ban thờ Gia thần, Gia tiên. Và đây lại là những sản phẩm để đi biếu gia đình ông bà nhạc tương lai, đi tết các thầy dạy học, thầy lang, thầy dạy nghề tỏ lòng đền ơn đáp nghĩa. Dân gian còn có lệ tết, biếu lẫn nhau tỏ tình cảm mật thiết bằng hũ, xóm giềng.

Tết Đoan Ngọ giữa mùa dương thịnh, nóng bức nhưng các tục lệ cũng thật dạt dào tình người. Phải chăng cái tình cảm êm thắm này biểu hiện sự nhu, tính âm, khiến cho âm dương giao hòa, tình người gắn bó đã làm tăng thêm ý nghĩa nhân văn cho ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Ngày nay mọi người thường liên quan đến các nơi để bẻ lá, hái quả, động đến các sản phẩm do mảnh đất con người làm ra nên thường dùng văn khấn Gia thần, Gia tiên. Có nơi còn lễ bản thổ hội đồng, mời các vị cùng lai hưởng. Tết Đoan Ngọ, trong dân gian có sự truy tư công lao của các Tổ sư, đã dạy bảo cho dân có nghề để kiếm sống. Ngoài việc đi lễ tết đối với người đang sống, người ta còn làm cỗ cúng các Tổ dạy nghề.

Lễ vật có hương hoa, oản quả, xôi gà hoặc bánh trái. Nhưng nếu có đồ khéo tức là sản phẩm do Tổ dạy như một mảng chạm, một chiếc làn mây... thì cũng bày lên dâng Tổ.

Cúng xong lại đem dùn hoặc để thờ tùy sản phẩm

*** SĂM LỄ:**

Ngày Tết Đoan Ngọ còn gọi là ngày Giết Sâu Bọ. Mâm lễ cúng gia tiên ngày Tết Đoan Ngọ gồm:

- Hương, hoa, vàng mã;
- Nước;
- Rượu nếp;
- Các loại quả: Mận, Hồng xiêm, Dưa hấu, Vải, Chuối...

VĂN KHẤN NGÀY TẾT ĐOAN NGO

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn
thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản
xứ Thổ địa, ngài bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Tổ tiên, Hiển khảo, Hiển tỷ, chư vị
Hương linh (nếu bố mẹ còn sống thì thay bằng Tổ Khảo,
Tổ Tỷ).

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tại:.....

Hôm nay là ngày.....

Gặp tiết Đoan Ngọ, chúng con sửa sang hương đăng,
sắm sanh lễ vật, hoa hoa, quà trầu dâng lên trước án.

Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng
Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài
Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long Mạch, Tài thần
giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ
vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư
vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin

thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh các vị Tiên chủ, Hậu chủ ngụ trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách, tám tiết, hưởng bình an thịnh vượng.

Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

VĂN KHẤN: BÁCH NGHỆ LỄ TIÊN SƯ VĂN

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Con là... ngụ tại.....

Kính lạy đức... Tổ sử, cùng chư vị Tiên sư

Cảm chiêu cáo vu Tiên sư

Tài cao xuất loại,

Trí nại tiên tri

Phạm vi thiên địa nhi bất quá,

Khúc thành vạn vật nhi bất di

Nghệ tuy hữu tinh thô các dị,

Bản đồ tòng chế tác tùy nghi

Tư nhân lệnh tiết

Kính thiết phi nghi

Thượng kỳ giám cách

Tích dĩ hồng hi.

Mặc quyến thân cung khang thái,

Âm phù phúc lý vĩnh tuy

Thực lại Tôn Thần khoan nhân chính trực tài bồi chi
lực dã.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Dám xin cáo với Tiên sư

Tài hơn so với mọi người

Trí giỏi không biết trước được.

Tạo thành muôn vật đủ mọi thứ cho đời,

Trời đất đất khôn chẳng qua là chức lược

Dù tinh dù thô cũng được có nghề.

Chế tác tùy theo ý người sử dụng
Nay nhân tiết lành
Kính bày lễ vật
Tiên sư soi xét
Tấm lòng sắt son
Phù hộ cho gia quyến làm ăn phát đạt, thân thể bình
yên, lại thêm lộc, thêm tài hoạch phát.
Muốn trong công đức Tiên sư ban ân giúp đỡ vậy.
Kính cần dâng lời.



9. LỄ THẤT TỊCH - LỄ NGÂU (NGÀY 7 THÁNG 7)

Lễ Thất tịch còn gọi lễ Ngâu. Sự tích được kể lại như sau: Chức Nữ là cháu gái của Ngọc Hoàng, vừa có nhan sắc vừa có tài dệt vải, thêu thùa may vá. Ngưu Lang tuy là người chăn trâu nhưng có tâm hồn thi sĩ, có tài làm thơ. Hai người yêu nhau tha thiết và được Ngọc Hoàng cho phép nên vợ chồng. Ngưu Lang - Chức Nữ sống hạnh phúc bên nhau, lại quá đắm đuối bởi tình yêu, xao nhãng công việc thêu thùa. cũng như bài văn hàng ngày. Đến như đàn trâu cũng không lo chăm sóc. Trước lầm lỗi ấy, Ngọc Hoàng dày hai người ở hai bờ sông Ngân Hà và một năm cho quạ bắc cầu Ô Thước để Ngưu Lang - Chức Nữ hội ngộ một lần. Hai người gặp nhau khóc lóc thảm thiết. Những giọt nước mắt ấy đã tạo nên các trận mưa tầm tã ở cõi trần vào tháng Bảy.

Một sự tích khác theo sách “Tục Tề hai ký” lại ghi như sau:

Ở phía Đông Ngân Hà có Chức Nữ là cháu của Ngọc Hoàng, ngày này sang ngày khác chăm chỉ dệt vải không nghĩ đến chuyện điểm trang. Vua Trời thương cô hiu quạnh bèn gả cho Khiên Ngưu Lang ở phía Tây Ngân Hà. Từ khi hai người lấy nhau. Chức Nữ mãi vui duyên chồng vợ, biếng nhác công việc. Vua giận bắt trở lại phía Đông sông Ngân Hà, chỉ cho gặp nhau vào đêm ngày 7 tháng 7 ở phía Tây bờ (cho quạ bắc cầu Ô Thước) nên

khi gặp nhau tình tự khóc lóc như mưa...

Từ câu chuyện này nên con gái thuở xưa có lệ khất xảo (xin khéo). Lấy kim khâu thường dùng hướng về phía mặt trăng để khâu chỉ. Có khi dùng kim 9 lỗ chỉ ngũ sắc để khâu. Nếu khâu được là khéo, sẽ gặp nhiều may mắn. Phải chăng đây cũng là việc tạo tính nhẫn nại, tránh sự biếng nhác để không dẫn đến tình cảnh của Chức Nữ - Ngưu Lang.

Lễ thất tịch và lễ xin khéo hiện nay ít người thực hiện. Ở thành thị thì một số gia đình vẫn giữ lệ này vào đêm ngày 7 tháng 7. Nhưng họ chỉ hương hoa lễ trời, cầu cho mình và cầu mong cho Ngưu Lang - Chức Nữ hạnh phúc, rồi quây quần giải thích chuyện mưa Ngâu.

10. TẾT TRUNG NGUYÊN (NGÀY 15 THÁNG 7)

Dân gian cho rằng sống trên đời khó có ai vẹn toàn. Không tội này thì tội khác, chắc khi về cõi âm sẽ vướng phải ngục hình. Nhưng dù tội lỗi gì đi chăng nữa thì dịp rằm tháng 7 là ngày tết Trung Nguyên, còn gọi là lễ Vu Lan. Lễ Vu Lan là lễ của nhà Phật. Hàng năm đến ngày này, các chùa ở Việt Nam đều tổ chức lễ Vu Lan. Vu Lan, nói đủ là Vu Lan bồn có nghĩa là “khổ tội bực”, hoặc “bị treo ngược” (không được ăn uống, chịu hình phạt nặng nề nhất ở cõi âm theo quan niệm Phật giáo ở Ấn Độ). Về sau chuyển nghĩa thành giải đạo huyền, tức là cởi trói cho người bị treo ngược, cũng có nghĩa là cứu vớt những người bị đau khổ. Ngày này mọi vong nhân ở cõi âm đều được tha. Do vậy trên trần gian mọi nhà đều làm cỗ cúng Gia tiên, đốt cả vàng mã hy vọng người chết sẽ nhận được để không bị rách rưới.

Ngoài việc cúng Gia tiên, một số gia đình còn bày cỗ cúng sinh ở ngoài sân để cúng các cô hồn, mà dân gian thường gọi là cúng cháo.

Tất cả đồ lễ dùng cho cúng cháo thường bày vào nong hoặc nia, mẹt, mâm tùy theo cỗ nhiều hay ít. Lễ vật thường có cháo hoa, cơm vắt, chuối, ổi, bánh, kẹo, ngô rang, xôi chè, bỏng... nhưng đều cắt nhỏ như để chia cho nhiều người. Ngoài ra còn có giấy tiền, quần áo nhỏ... Cúng cháo để bố thí cho các vong hồn không nơi thờ cúng, những người chết đường, chết chợ, chết vì binh đao không ai hay biết, những cô nhi yếu vong không ai cúng giỗ... tục lệ này mang tính nhân đạo, phản ánh bản chất

thương đồng loại của nhân dân, dân tộc Việt Nam ta.

Như trên đã nói, tết Trung nguyên còn gọi Vu Lan, liên quan đến việc cầu siêu cho vong linh của đạo Phật. Cho nên tết này một số gia đình hay lên chùa cầu siêu cho người đã khuất. Tuy vậy, vẫn cúng Gia tiên tại nhà, do vậy dùng bài văn tế:

Trung nguyên cáo tế Tổ tiên văn và tiếp theo đọc bài Trung nguyên tế tạ Tổ văn:



VĂN KHẤN TRUNG NGUYÊN CÁO TẾ TIÊN TỔ VĂN

Hôm nay là ngày... tháng... năm...
 Tín chủ con là... Ngụ tại...
 Kính lạy: Tổ hiệu... vị tiền viết,
 Tư giả tiết giới Trung nguyên
 Y vu... (tại chùa hay đền gì ở đâu)
 Kính thiết trai đàn, tụng kinh siêu độ
 Ngưỡng kỳ chiếu giám, bái sám văn kinh.
 Thứ đặc âm dương quân lợi, cung mông xuất xử giai
 hòa
 Cẩn cáo.

VĂN KHẤN TRUNG NGUYÊN TẾ TẠ TỔ VĂN

Mỹ hiệu... vị tiền viết lễ thời vi đại,
 Phủ thì nhi bất thất thời
 Thiện sự đương vi cử sự thứ vô phế sự.
 Lễ do nghĩa khởi văn dĩ tình sinh.
 Quyển duy:
 Ngã tiên linh cập chư u linh
 Sinh tiền đề đính thiện duyên quy y Phật giới.
 Hữu quyên gia tư nhi truy nạp,
 Ngưỡng kỳ hóa hậu dĩ siêu thăng
 Quân tại chiêm y, đồ phân kim cổ.

Quang âm thuận tức, trần mộng minh mang
 Lạc hoa vô phản thụ chi kỳ
 Thệ thủy tuyệt quy nguyên chi hộ.
 Cổ chi nhân tàng hữu phát tư thán dã
 Tại ngã hậu chi nhân xu bồi thiện phả
 Truy ức tiền công kỳ năng mạc nhiên vu hoài dã?
 Tư trị Trung nguyên
 Lễ tuần Phật giáo
 Trai cung liêu thiết kiên cầu giải thoát vu tiền khiên,
 Hợp tế nhất diên thứ biểu truy tư chi hảo sự.
 U linh phảng phát, hữu nga đồng nhân
 Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

VĂN LỄ CÁO TỔ TIÊN TẾT TRUNG NGUYÊN

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Tín chủ con là... ở thôn... xã (phường)... huyện (thành phố)... tỉnh.....

Kính lạy:..... (các vị tổ, ông bà)

Trước linh vị thưa rằng nhân tiết Trung nguyên

Tại nơi..... (chùa hay đền thiêng) kính đặt đàn chay
 tụng kinh siêu độ.

Ngửa xin soi xét, lạy đọc văn kinh

Mong cho âm dương lưỡng lợi, cầu sao mọi việc tốt
 lành.

Kính cẩn dâng lời

(vái 4 vái rồi tiếp tục đọc bài Trung nguyên tế tạ Tổ
văn)

Kính lay..... (đọc mĩ hiệu của tổ, ông bà...)

Trước vì tiền thừa rằng lễ là việc lớn

Đúng vào dịp này việc lành đang làm không phải
vô ích

Lễ do nghĩa xếp đặt, văn bởi tình mà sinh ra

Trộm nghĩ rằng:

Tiên linh nhà ta cùng chư vị Tổ tiên

Lúc sinh thời có nhân duyên tuân theo đạo Phật

Nên có phần đóng góp công đức vào chùa.

Ngóng trông về sau lúc qua đời,

Mọi sự nương nhờ xưa nay đã định.

Sáng cõi âm chốc lát, đẹp mộng trần mênh mang

Hoa rụng đầu có trở lại cây

Nước tắc khó tìm về nguồn cũ,

Đó là điều người xưa từng nói vậy.

Con cháu hậu sinh tìm điều tốt đẹp trong gia phả,

Tìm lại công đức tiền nhân để ghi tạc trong lòng.

Nay nhân tết Trung nguyên

Lễ theo như Phật giáo

Bày biện lễ chay cầu giải thoát oan khiên thuở trước.

Lại cùng chiếu tế để tìm điều tốt đẹp cho đời sau.

Mong vong linh Tổ tiên soi xét giúp đỡ mọi người
vậy.

Kính cẩn dâng lên!

*** SẮM LỄ CÚNG GIA TIÊN TRONG NGÀY TẾT
TRUNG NGUYÊN**

+ Hương, hoa, rượu, xôi và mâm cỗ mặn với nhiều món ăn được chế biến cẩn thận, trình bày đẹp

+ Vàng mã, quần áo, hài giấy...

MỘT BÀI VĂN KHẤN NÔM ĐỂ KHẤN TỔ TIÊN TRONG NGÀY 15 THÁNG 7

Kính lạy đức Bản gia Đông trù tư mệnh táo phủ Thần
quân

Kính lạy chư vị Tiên tổ

Kính lạy chư vị Hương linh nội, ngoại.

Hôm nay là ngày rằm tháng 7 năm...

Con là... đồng gia quyến hiện ở tại...

Nhân tết Trung nguyên động lòng nhớ tới công đức
rộng lớn của Tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã sinh thành
chúng con,

Gây dựng cơ nghiệp, dạy dỗ chúng con nên người.

Quả là đức cù lao khôn báo, công trời biển khó đền.

Trước linh tọa cúi xin lượng trên thương xót. Linh
thiên giáng lâm chứng giám tâm lòng thành, thụ hưởng
lễ vật cùng với kim ngân minh y. Phù hộ độ trì cho
con con, cháu cháu được đắc tài đắc lộc, mọi việc hanh
thông, sở cầu tất ứng, gia đạo hưng long.

Tín chủ lại mời: Các vị vong linh y thảo phụ mộc,
phảng phất trên đất này, nhân lễ Vu Lan cùng về hâm
hưởng

Kính mong chư vị chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp
cầu

Đồng lai giám cách

Kính cẩn dâng lời.

*** SẮM LỄ CÚNG CHÚNG SINH**

+ Bánh đa, bồng, ngô, khoai lang luộc, trứng luộc, kẹo bánh, xôi chè và cháo hoa. Vàng mã, tiền giấy, quần áo chúng sinh....

+ Gia chủ nào làm cỗ cúng chúng sinh, thì bày biện ngoài sân, nơi sạch sẽ (có kê cao).

VĂN KHẤN CHÚNG SINH

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô A di đà Phật!

Kính lạy đức Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần quân

Hỡi vong linh cô hồn phảng phất

Tiết Vu Lan xá tội gần xa

Âm cung cửa ngục mở ra

Vong linh không cửa không nhà bơ vơ

Chạnh lòng thương kẻ thất cơ

Ít nhiều bố thí gọi là đem tâm

Hỡi chúng sinh không mồ không mả

Hồn lang thang xó chợ đầu đường

Quanh năm đói rét cơ hàn

Không manh áo rách che làn gió may

Cô hồn phảng phất đó đây

Mau về tụ hội nhân ngày Trung nguyên

Dù rằng chết phải nỗi oan

Chết bởi nghiện hút, chết ham làm giàu

Chết tai nạn, chết ốm đau

Chết đâm, chết chém, đánh nhau vì tình

Chết bom đạn, chết đao binh

Chết bởi chó dại, sản sinh không thành

Thương ôi chết ở giữa dòng

Vong hồn trôi nổi biết rằng nơi đâu?

Trăm nghìn kiểu chết khác nhau

Giữa đường xe cộ biết đâu mà lường

Nay tín chủ thành tâm sắm biện

Cơm canh cùng cháo tẻ trầu cau
 Tiền vàng quần áo các màu
 Mau về tiếp nhận trước sau gọi là
 Rồi dắt nhau về nơi âm giới
 Phù hộ cho tín chủ bình yên
 Hạnh thông mọi việc làm ăn
 Trẻ già trai gái thành tâm thỉnh cầu
 Nam mô A di đà Phật
 (Vái 3 vái)



MỘT BÀI VĂN KHẤN KHÁC KHẤN THẦN LINH TRONG NGÀY TẾT TRUNG NGUYÊN

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con kính lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

- Con kính lạy Đức Mục Kiền Liên Tôn Giả.

- Con kính lạy ngài Kim Niên Đương cai Thái tuế chí
đức Tôn thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh thành hoàng chư vị đại
vương.

- Con kính lạy ngài Bản gia Táo quân, Thần linh,
Thổ địa.

Tín chủ (chúng) con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Hôm nay là ngày rằm tháng Bảy năm.....

Chúng con thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật và các
thứ cúng dâng, bày lên trước án.

Chúng con thành tâm kính mời: ngài Địa Tạng Vương
Bồ Tát; Ngài Mục Kiền Liên Tôn Giả.

Chúng con thành tâm kính mời ngài Kim Niên Đương
cai Thái tuế chí đức Tôn thần, ngài Bản cảnh Thành
hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ thần linh Thổ địa,

ngài Bản gia Táo quân và hội đồng các vị Thần linh cai quản trong khu vực này.

Cúi xin các Ngài giáng lâm trước án, soi xét chứng giám. Nay gặp tiết Vu Lan ngày vong nhân được xá tội. Chúng con đội ơn Tam bảo Phật trời phù hộ, Thần linh các đấng chở che, công đức lớn lao này không biết lấy gì đền báo. Chúng con kính dâng lễ bạc, bày tỏ lòng thành nguyện mong nạp thụ. Tín chủ con thành tâm kính lễ, cúi xin phù hộ cho toàn gia chúng con luôn luôn mạnh khoẻ, mọi sự bình an, lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng long, gia đình hoà thuận, vạn sự tốt lành.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Khấn xong đốt tiền vàng, quần áo giấy loại nhỏ của chúng sinh, đồng thời rắc gạo rắc muối ra các hướng.

11. TẾT TRUNG THU (NGÀY 15 THÁNG 8)

Tết Trung Thu có từ lâu đời, được tổ chức vào đêm ngày 15 tháng 8 để mọi người, đặc biệt là trẻ em vừa ngắm trăng vừa ăn cỗ, hoặc ca hát, chơi đùa dưới trăng.

Cỗ cúng ngày 15 tháng 8 chủ yếu là các loại bánh hoa quả, mía, hương hoa nên việc chuẩn bị đồ phân vất vả. Người ta mua sắm ở cửa hiệu làm bánh truyền thống các loại bánh nướng, bánh dẻo. Mua bưởi, chuối, hồng, mía ở chợ. Có người còn mua cả cốm giã, hoặc bánh cốm để thưởng thức hương vị đầu mùa. Các gia đình khá giả hoặc chu đáo hơn còn nấu cả xôi, chè... Cỗ được bày biện trên ban thờ vào lúc chập tối và ánh trăng Rằm đã tỏa sáng khắp nơi. Gia chủ thắp đèn hương khấn Gia thần, Gia tiên cùng về vui tết gia đình con cháu.

ĐÔI ĐIỀU VỀ NGÀY TẾT TRUNG THU

Huyền thoại cho rằng vào một đêm ngày 15 tháng 8, trăng sáng trời trong, Đường Minh Hoàng ngự chơi mãi tới khuya, bỗng gặp nàng Tiên và được mời lên cung Quảng Hàn thưởng thức cảnh tiên. Đường Minh Hoàng xúc động trước vẻ đẹp lạ thường, lại được xem vũ khúc của tiên nữ tuyệt diệu, Khi đến cung trăng vua thấy tấm biển đề “Quảng Hàn cung” và “Thanh hư động”.

Nhưng mới xem nửa chừng, Đường Minh Hoàng đã phải trở lại cung điện xưa. Người luyện tiệc những giây phút đầy thơ mộng, nên nhân ngày này mà đặt lệ tết Trung Thu, để mọi người được uống rượu nhìn trăng và

ngắm cung trăng, từ đây được gọi cung Quảng Hàn hay cung Quảng.

Đêm Trung Thu, dân gian vừa ăn cỗ vừa kể chuyện về trăng. Trăng là Thái âm, là nơi mát lạnh với nhiều điều tốt đẹp và ở đó có con ngọc thỏ, có cây đa và chú cuội.

Vậy Ngọc thỏ sự tích ra sao?

Có một thời trái đất lâm nan, người và vật đều bị đói. Các loài vật phải tàn sát lẫn nhau để sống. Bầy thỏ yếu đuối chỉ dám ngồi trong hang tối chờ ngày chết. Có một bầy thỏ vây quanh một đồng lửa nhìn nhau ứa lệ trước cảnh đói khát. Bỗng một con thỏ thương tình đồng đội, tự nhảy vào lửa làm thức ăn cho bầy thỏ. Vừa lúc đó Đức Phật đi qua, Ngài động lòng thương hại và khen nghĩa khí của con thỏ, nên nhặt nắm xương tàn của nó, hóa phép thành chú thỏ hoàn toàn bằng ngọc thơm tho, lại xin với Thái Âm thần nữ cho Ngọc thỏ ở cung Quảng Hàn tức cung trăng. Do vậy nói đến cung trăng là nói đến chị Hằng Nga, nói đến Ngọc Thỏ. Có làng muốn tìm tên hay để đặt, đã dùng tên Ngọc Thỏ hay Thụy Thỏ (thỏ lành) để đặt cho quê hương, như muốn giữ điều nhân ái đáng quý của chú thỏ bé nhỏ.

Trên cung trăng có “chú cuội ngồi gốc cây đa”. Đêm Rằm Trung Thu ta nhìn thấy bóng cây đa và bóng người đang ngồi dưới gốc đa (sách Trung Hoa thì cho bóng cây này là cây Đàn Quế, còn người ngồi gốc là Ngô Cương. Ngô Cương mắc tội, bị trời đày phải chặt cây Đàn Quế). Dân gian Việt Nam cho là chú Cuội và câu chuyện như sau:

Chú Cuội nổi tiếng lừa gạt: “Đi nói dối cha, về nhà nói dối chú” bị mọi người lên án, chê cười.

Có lần Cuội xin được một cây đa của một cụ già đem về trồng ở phía Đông nhà. Cụ già còn dặn không được đi tiểu gần gốc cây. Không ngờ vợ của Cuội quên lời dặn, khiến cây tự lay gốc rồi bay lên trời. Cuội đi làm về thấy vậy, liền lấy cước bỏ vào gốc cây định giữ lại, thế là bị lôi lên cung trăng, khiến ngày Rằm dưới thế gian nhìn thấy hình bóng cây đa và người ngồi dưới gốc.

Huyền thoại trên đây giúp mọi người suy ngẫm về đạo làm người, lại là câu chuyện vui bên mâm cỗ đêm Rằm trăng sáng gió mát.

Ngoài việc cúng Gia tiên, phá cỗ, nghe kể chuyện về trăng, đêm rằm còn có chuyện chơi đèn kéo quân, đèn ông sao, đèn con cá chép... các trò như múa sư tử, hát đúm, hát trống quân. Ngày nay, đêm Trung thu thường tổ chức cho các em vui chơi tập thể, biểu diễn văn nghệ rồi chia quà cho các em khiến xã, phường vui nhộn hẳn lên. Và tết Trung Thu trở thành ý nghĩa không thể thiếu đối với các em, nhất là các em trong hoàn cảnh tàn tật, cô cút.

Hàng năm, người Việt Nam thường tổ chức Tết Trung thu vào ngày 15 tháng 8 âm lịch, để cúng lễ tổ tiên ông bà, và có tục ngắm trăng, phá cỗ, rước đèn múa lân của trẻ con rất vui vào đêm Rằm Trung thu. Tục ăn Tết Trung Thu có thể được truyền vào Việt nam từ thời kỳ Bắc thuộc. Lúc đầu ngày Tết Trung thu là của người lớn: ban ngày làm cỗ cúng tổ tiên ông bà, tối đến bày cỗ ngọt gồm toàn bánh trái cây để ngắm trăng.

Trước đây, vào ngày Tết Trung thu tiết trời mát mẻ, người ta thường sửa lễ vật dâng cúng Trời Đất ở các nhà chùa, đình đền miếu. Tại các gia đình đều làm cỗ, sửa cỗ cúng gia tiên, Thổ Công vào ban ngày; Còn ban đêm thì bày cỗ ngọt gồm các loại bánh kẹo như bánh dẻo, bánh nướng làm hình mặt trăng và hoa quả để vừa phá cỗ, vừa ngắm trăng, vịnh thơ ca. Phong tục ăn Tết Trung Thu ở nước ta dần dần trở thành ngày Tết của trẻ em và thanh thiếu niên.

* SẮM LỄ:

Mâm lễ cúng gia tiên ngày Tết Trung Thu ngoài những món truyền thống thì bao giờ cũng phải có:

+ Bánh nướng, bánh dẻo, cốm, chuối, na, hồng, bưởi,... và tất nhiên phải có hương, hoa, đèn, nến. Nhân dịp Tết Trung Thu, mọi người đều gửi biếu ông, bà, cha, mẹ, người thân, người mà mình mang ơn bánh Trung Thu, cốm, chuối, hồng... để tỏ lòng biết ơn quý trọng.



VĂN KHẤN CÚNG TỔ TIÊN TRONG NGÀY LỄ TRUNG THU

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn
thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản
xứ Thổ địa, ngài bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ,
Thúc Bá, Đệ Huynh, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại.

Tín chủ (chúng) con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

.....

Hôm nay là ngày Rằm tháng Tám gặp tết Trung Thu,
tín chủ chúng con thành tâm sắm lễ, hương hoa trà quả,
thắp nén tâm hương dâng lên trước án.

Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng
Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài
Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long Mạch, Tài thần
giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ
vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư
vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin

thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị Tiền chủ, Hậu chủ ngụ trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng. Xin các ngài độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách, tám tiết, hưởng vinh quang, thịnh vượng.

Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

CÓ GIA CHỦ CẦN THẬN HƠN THÌ ĐỌC BÀI “XUÂN THU TẾ TỔ TIÊN VẤN”

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh...huyện...xã...thôn.....

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ là..... đồng gia cúi lạy trước ban thờ, kính dâng lễ mọn: hương, đăng cùng các phẩm vật, gọi là tỏ chút lòng thành dâng lên Tiên tổ.

(Lạy các vị thần linh.....)

(Dưới đây là văn tế Tiên tổ đọc tiếp phần trên)

Phần âm Hán:

Ư linh vị tiền viết:

Vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ.

Từ thế đức chi tác cầu, thực gia khương chi vĩnh dụ
 Tiếp vũ tương đấng ư lục địa
 Quế hoà dịch điệp chi phương
 Di mưu vô giám ư đồng, nhân qua diệt liên chi chi
 tú.

Bất thiên chi ông đức cập kim như kiến chi hiếu
 hiền,

Phật thế chi tổ tông tự cổ diệc đồng chi bản mặt.

Nhi tôn mỗi áo Xuân Thu, cảm khái trương chư
 sương lộ.

Huân cao đục ụy ư khảm phu, chiêu cách tái kê ư
 tuy tụ.

Tư thích lương thần, cẩn trần lễ số.

Vân biên linh sáng kỳ lâm bất viễn chi tinh thần.

Lân chỉ trình tường thượng diễn vô cùng chi tác dận.

Vạn vọng Tiên tổ vô biên chi đức dã.

Dịch nghĩa:

Ôi! Trước linh vị thưa rằng:

Gốc của vật do Trời sinh ra,

Gốc của người là nhờ Tiên tổ

Nghĩ việc đức ở đời mà tìm

Thực là điều cần dặn về nề nếp.

Cho gia tộc ngày thêm danh tiếng,

Các chi cành khắp chốn nở hoa.

Để lại mai sau cho con cháu hiền hoà,

Nhờ việc đức mà nay nhà êm ấm

Chẳng phải Tổ tông xưa cùng ngành cùng gốc,

Khiến nay cháu con mỗi tiết Xuân Thu,

Lại thấy được công ơn của Tiên tổ.
 Mong sao cho tốt đẹp mãi về sau,
 Chính là điều để mọi người suy ngẫm.
 Ngày ngày làm điều ích,
 Việc lễ được đặt ra.
 Mây sáng lại anh linh,
 Rõ ràng chẳng phải xa.
 Là điềm tốt rõ ràng,
 Để mai này soi rọi.
 Muôn xin Tiên tổ mở lòng phù trì ban cho phúc vậy.

**HOẶC ĐỌC BÀI “BÁT NGUYỆT NHẬP TỊCH VẤN”
 NẾU Ở NHÀ TỪ ĐƯỜNG DÒNG HỌ, HAY ĐỀN, ĐÌNH**

Cung duy
 Tôn thần linh chung quanh nhạc, khí tú sơn hà,
 Ngũ hành thể phạm, vạn thiện cung la
 Thánh đức tương thành hạp cảnh,
 Anh linh, phổ động nhĩ hà
 Tư thích trọng thu hảo tiết
 Cung trần nhập tịch xướng ca
 Thanh tử y quan kỳ ngũ phúc
 Thăng trầm tiên cổ vọng tam đa.
 Nguyên kỳ giám cách, tích dĩ nhòa
 Mặc tướng tứ dân thương mại miên miên tăng phú
 quý,
 Âm phù nhất áp canh sử tuế tuế đắc vinh hoa.
 Thực lại tôn thần chính trực vô tư chi đức dã

(Vái 3 vái)

Dịch nghĩa:

Trộm nghĩ rằng

Thần sáng như núi nhạc

Khí đẹp tựa sơn hà

Ngũ hành tuân theo phép

Muôn thiện xin cúi đầu

Bề trên thương mà tới,

Anh linh khắp gần xa.

Nhân tết Trung Thu thời tiết đẹp

Trước án tiền cung kính cầu xin.

Áo tía nghiêm trang cầu 5 điều phúc (phú quý thọ
khang minh)

Thăng trầm cũng hưởng được 3 điều đa (đa tài, đa
phúc, đa lộc).

Nguyện Thần xét soi cho mọi sự được an bình,

Âm thầm giúp dân buôn bán năm năm tăng phú quý,

Lại phù làng thôn mùa vụ được bội thu.

Cúi xin Tôn thần chính trực vô tư ban cho ân đức
vậy.

(Vái 3 vái)

12. LỄ TRỪNG THẬP (10 - 10) VÀ TẾT HẠ NGUYÊN (LỄ CƠM MỚI) (15 - 10)

Thông thường hai lễ này được kết hợp làm một cho giản tiện. Nhưng các lễ tiết này cũng chỉ có vùng có nơi mới thực hiện. Họ làm cơm bằng các nguyên liệu như gạo tẻ, gạo nếp, đỗ xanh, chim ngói... đi tết các ông thầy dạy nghề, hay các thầy lang đã giúp đỡ gia đình, cũng như bản thân thành sự:

Người xưa đã làm thơ về tết cơm mới (Thường tân) như sau:

“Mỗi phùng tân mẽ sơ thung đắc,
Hự thiết đường trung phụng Tổ thần.
Nhân thế đương tri vô số bản,
Thùy quan hậu duệ hưởng ân thâm”

Dịch nghĩa:

Mỗi khi gạo mới giã xong,
Thối cơm dâng cúng Hương linh Tổ thần.
Nếu như không biết xa gần,
Gốc quên sao dễ hưởng ân sau này.

* SẮM LỄ:

Theo phong tục từ cổ xưa, ngày tết Cơm Mới (tết Hạ Nguyên) nhà nhà đều nấu xôi gạo mới, sấm sữa hương hoa, đèn nến cùng mâm lễ mặn thơm ngon tinh khiết để cúng tổ tiên.

VĂN KHẤN TIẾT THƯỜNG TÂN (CƠM MỚI)

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Thúc Bá, Đệ Huynh, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tại:.....

Hôm nay là ngày mồng Một (mồng Mười Rằm) tháng Mười là ngày Tết Cơm Mới, tín chủ con thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, nấu cơm gạo mới, thắp nén tâm hương dâng lên trước án.

Trộm nghĩ rằng:

Cây cao bóng mát

Quả tốt hương bay

Công tài bồi xưa những ai gây

Của quý hoá nay con cháu hưởng

Trước nhờ ơn Trời Đất Phật Tiên, Chư vị Tôn thần

Sau nhờ ơn Tổ tiên gây dựng, kể công tân khổ biết

là bao?

Đến nay con cháu dồi dào, hưởng miếng trầu cam còn nhớ mãi.

Nay nhân mùa gặt hái
 Gánh nếp tẻ đầu mùa
 Nghĩ đến ơn xưa
 Cày bừa vun xới
 Sửa nồi cơm mới
 Kính cẩn dâng lên
 “Thường tiên”: nếm trước
 Mong nhờ Tổ phước
 Hoà cốc phong đăng
 Thóc lúa thêm tăng
 Hoa màu tươi mới
 Làm ăn tiến tới
 Con cháu được nhờ
 Lễ tuy đơn sơ
 Tỏ lòng thành kính

Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long Mạch, Tài thần giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin thương xót con cháu linh thiêng hiện về, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!



MỘT BÀI VĂN KHẤN LỄ CƠM MỚI KHÁC

Hôm nay.....

Tín chủ là..... ở.....

Kính lạy chư vị Tiên sư Thánh đế, Thổ địa Long mạch chính thân.

Kính lạy chư vị Tổ tiên, Hương linh nội – ngoại.

Dám xin cáo với đức Tiên sư Thánh đế họ Thần Nông ngôi ở chín trùng, nối liền mãi mãi.

Nhân thời tuy đất mọi việc lo toan

Đẻo cây làm bữa dạy dân cấy hái.

Đương đại thường thấm đức cao sâu.

Muôn thuở phải chịu ơn mưa móc

Nay nhân tiết Cơm mới xin bày lễ bạc,

Kính thỉnh đức Tiên đế cùng chư vị Tôn Thần.

Kính mời Tổ tiên, hương linh đồng lai phối hưởng

Diêu soạn thứ tu, trà tửu kim ngân

Phù hộ cho tín chủ được sở nguyện tòng tâm

Gió hòa mưa thuận mùa lại mùa thắng lợi.

Sức khỏe dồi dào chăm công việc năm năm.

Xóm làng (đường phố) yên ổn không sợ rối ren,

Quan lại thanh liêm chẳng lo đói khát.

Sống lâu trong thế cuộc bình yên,

Vui vẻ cùng cảnh nhà khoái lạc.

Thực đội ơn đức Tiên đế cùng chư vị Gia thần, Gia tiên vậy.

Kính cẩn dâng lời.

13. LỄ TIẾT NGÀY MÔNG MỘT VÀ NGÀY RẪM

Ngày mông một đầu tháng và ngày Rằm giữa tháng còn gọi là ngày sóc và ngày vọng, ngày mà các gia đình Việt Nam thường quét dọn ban thờ, sắm sửa và bày biện hương hoa, châm hương ban thờ Gia thần, Gia tiên.

Lễ vật các ngày này đơn giản, nhưng có người còn sắm cả bánh trái hoặc cỗ xôi con gà cúng tiền vàng để làm lễ.

* SẮM LỄ:

Lễ cúng vào ngày mông Một (lễ Sóc) và lễ cúng vào chiều tối ngày Rằm (lễ Vọng) thường là lễ chay:

+ Hương hoa, trầu cau, quả, tiền vàng.

+ Ngoài lễ chay cũng có thể cúng thêm lễ mặn vào ngày này gồm: Rượu, thịt gà luộc, các món mặn.

Sắm lễ ngày mông một và ngày Rằm chủ yếu là thành tâm kính lễ, cầu xin lễ vật có thể rất giản dị:

+ Hương, hoa, lá trầu, quả cau, chén nước.

VĂN KHẤN LỄ SÓC, LỄ VỌNG

(Dùng chung bài, chỉ phải thay đổi ít chữ cho phù hợp là được).

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Tín chủ con là... đồng gia... kính cáo

Con lạy đức Đông chủ tư mệnh Táo phủ Thần quân
Long mạch Tôn thần đồng chủ vị Thần tài.

Con lạy chủ vị Tiên tổ, Hương linh...

Tuân theo lễ luật, mong Một đến ngày, kính bày lễ
sóc (nếu lễ vọng thì ghi: Tuân theo lễ luật, lễ vọng đêm
rằm...)

Thành tâm sấm biện, trà tửu hương hoa

Kính cẩn lạy dâng, Tôn thần, tiên tổ

Cúi xin phù hộ, cứu khổ trừ tai.

Tiến lộc tiến tài, cháu con hiếu thảo

Gia đình hoàn hảo, mọi việc hanh thông

Trăm, lạy nghìn trông, thần công mạc trắc.

Phục duy thượng hưởng.

MỘT BÀI VĂN KHẤN LỄ SÓC, LỄ VỌNG KHÁC

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Tổ tiên, Hiển khảo, Hiển tỷ, chư vị Hương linh (nếu bố mẹ còn sống thì thay bằng Tổ Khảo, Tổ Tỷ).

Tín chủ (chúng) con là:.....

.....

Ngụ tại:.....

.....

Hôm nay là ngày.....

gặp tiết..... (ngày rằm, mồng một), tín chủ con nhớ đất ơn đức trời đất, chư vị Tôn thần, cù lao Tiên tổ, thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương dâng lên trước án.

Chúng con kính mời: ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long Mạch, Tài thần. Cúi xin các ngài nghe thấu lời mời, giáng lâm trước án,

chúng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị Tiền chủ, Hậu chủ ngụ trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, phù hộ cho toàn gia chúng con luôn luôn mạnh khỏe, mọi sự bình an, vạn sự tốt lành, làm ăn phát tài, gia đình hoà thuận.

Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

14. THỜ CÚNG GIA TIÊN

Thờ cúng Tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã qua đời là lập ban thờ tại gia và cúng bái hương khói vào những ngày sóc, vọng, giỗ tết. Theo tục lệ, vào ngày tuần, ngày kỵ hoặc khi gia đình có những biến cố xảy ra như việc hiếu hỷ, sự kiện lớn... thì mọi người đều làm lễ cáo Gia tiên, trước là để trình bày sự kiện, sau là để xin Gia tiên phù hộ. Tùy theo hoàn cảnh gia đình, tính chất và quy mô của các lễ, đồ lễ thường có tuần rượu, hoa quả, xôi chè, oản chuối, hương vàng và nước lạnh ở cổ mặn. Trong trường hợp cần phải có lễ, gia chủ có thể chỉ cần thắp một nén hương và một chén nước lạnh, nhưng cốt phải có lòng thành.

Khi đã bày xong đồ lễ, người làm lễ quần áo chỉnh tề, thắp hương cắm vào bát hương rồi cung kính đứng trước ban thờ khấn. Trước khi khấn phải vái ba vái. Sau khi khấn xong, gia chủ lễ bốn lễ, thêm ba vái, gọi là bốn lễ rươi. Hương thắp bao giờ cũng thắp theo số lẻ như 1, 3, 5... vì theo quan niệm của người Việt Cổ, số lẻ thuộc về thế giới âm. Sau đó, con cháu trong gia đình lần lượt theo thứ bậc tới lễ trước ban thờ bốn lễ rươi. Nghi thức trên thường chỉ cần thực hiện trong những buổi giỗ chạp. Bình thường chỉ cần gia chủ khấn lễ là được.

Ngày nay, nghi thức trong lễ bái để đơn giản hơn, người ta có thể vái thay cho lễ. Trước khi khấn, vái ba vái ngắn. Khấn xong, vái thêm bốn vái dài và ba vái ngắn thay cho bốn lễ rươi.

Hiện nay, tục thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ là một nghi lễ không thể thiếu trong phong tục của người Việt Nam. Đạo làm con phải biết phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống và phải biết phụng thần thánh mà đời tiếp đời phải tuân thủ, tự giác thực hiện. Nếu ai đó làm sai đi hẳn gánh chịu hậu quả “Sóng trước xô đâu, sóng sau đổ đấy”.

Ngày kỵ Gia tiên, tức là ngày giỗ người thân trong nhà, nên có lễ cáo hôm trước, hoặc đèn hương từ sớm đến chiều cúng, tức là có ý mời trước, thể hiện thịnh tình đối với Hương linh.

Theo thông lệ xưa thì thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã qua đời là lập ban thờ tại gia và cúng bái hương khói vào những ngày sóc, ngày vọng, giỗ Tết. Vào ngày tuần, ngày kỵ hoặc khi gia đình có những biến cố xảy ra như việc hiếu hỷ, sự kiện lớn... thì mọi người đều làm lễ cáo Gia tiên, trước là để trình bày sự việc, sau là để xin Gia tiên phù hộ.

* BAN THỜ GIA TIÊN

Từ xưa, trong mỗi gia đình người Việt đều có ban thờ tổ tiên. Ngoài ban thờ gia tiên ở chính giữa ngôi nhà chính, còn có nhiều ban thờ khác như ban thờ Thổ Công, ban thờ thần tài, ban thờ tiên chủ, thờ Thánh sư... Gia đình theo đạo Phật còn có ban thờ Phật, Những người có căn đồng thì có ban thờ chủ vị hoặc lập hẳn một ngôi điện tại gian nhà riêng để thờ - gọi là thờ điện.

* BAN THỜ TỔ TIÊN

Ban thờ tổ tiên là ban thờ chính trong mỗi gia đình Việt Nam. Người ta còn có sự phân biệt giữa nhà thờ họ và nhà thờ trong từng gia đình.

* BAN THỜ HỌ

Tất cả con cháu cùng một dòng họ dựng chung một ban thờ vị Thủy tổ, gọi là Từ đường của dòng họ. Ban thờ này có bài vị Thủy tổ dòng họ. Ngày xưa bài vị được ghi bằng chữ Hán. Nhiều dòng họ không có nhà thờ riêng thì xây một đàn lộ thiên dựng bia đá, tên thụy của các vị tổ tông. Mỗi khi có giỗ tổ, hoặc có tế tự ở một chi họ, thì cả họ hoặc riêng chi họ đó ra đàn thiên cúng tế.

Có nhiều họ có nhà thờ riêng với ban thờ Thủy tổ để cho chi trưởng nam đời đời giữ ly hoá. Chỉ khi nào trưởng nam không có con trai nối dõi thì việc cúng bái mới chuyển sang chi, họ. Nhiều họ lớn chia thành nhiều chi. Mỗi chi lại đông con cháu thì ngoài việc tham gia ngày giỗ tổ toàn họ còn có ngày giỗ tổ riêng của chi họ. Các chi đều có nhà thờ riêng, cũng được gọi là ban thờ Từ đường.

Hiện nay, trên ban thờ nhiều gia đình ở nông thôn vẫn còn bức hoành phi mang dòng chữ nói rõ đó là Từ đường của chi họ nào. Từ đường có nghĩa là nhà thờ. Trên ban thờ này có bài vị của ông tổ nên gọi là Thần chủ bản chi. Thần chủ này cũng như thần chủ của Thủy tổ họ sẽ được thờ mãi mãi.

Có nơi ban thờ gia tiên được sắp xếp ban thờ riêng của từng gia đình còn gọi là Gia tự, hay ban thờ Gia

tiên. Ban thờ gia tiên được thiết lập ở gian giữa chính. Những người con thứ không cần phải có ban thờ gia tiên vì không phải cúng giỗ. Nhưng vì lòng thành kính với tổ tiên, họ vẫn dựng ban thờ để cúng vọng.

* SẮM LỄ:

Lễ vật cúng Gia tiên thì tùy theo hoàn cảnh và tâm lòng của mỗi gia đình, nhiều ít, các món mà Tiên linh sở thích... do gia chủ bày biện ít hay nhiều. Đa phần đồ lễ thường có tuần rượu, hoa quả, xôi chè, oản chuối, hương vàng, nước lạnh ở cổ mặn.

Khi sắm lễ xong, bày hết lên ban thờ Gia tiên, người làm lễ quần áo chỉnh tề, thấp nén hương cắm vào bát hương, rồi cung kính đứng trước ban thờ, trước khi khấn phải vái 3 vái, cốt là phải thành tâm.

* KHẤN GIA TIÊN:

Sau khi đã dâng lễ vật lên ban thờ. Thắp hương đèn, nén đầy đủ, người ta bắt đầu khấn. Văn khấn bao gồm một số nội dung mà người khấn phải đọc như: Nói rõ ngày tháng làm lễ, lý do làm lễ, ai là người đứng ra lễ, nói rõ họ tên, tuổi, sinh quán, đồng thời liệt kê lễ vật và cuối cùng là lời đề đạt cầu xin.

Lễ vật cúng gia tiên phải thanh khiết, cỗ bàn nấu xong phải đem cúng gia tiên trước, không một ai được đụng đến. Trong trường hợp gia trưởng chưa kịp làm lễ cúng vì nhiều món, chưa chuẩn bị xong, thì món nào đã nấu xong phải múc để riêng cho việc cúng tế. Sau khi cúng tế xong, con cháu xin lộc rồi mới thụ lộc.

VĂN KHẤN GIA TIÊN NGÀY GIỖ

(hay có việc muốn kêu cầu)

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Cháu nối việc phụng thờ tên là.....

Cùng toàn gia, con cháu đang ở thôn... xã (phường)...
huyện (thành phố)... tỉnh.....

Cúi đầu trăm lạy trước linh vị.....

Nhớ tới ngày kỵ (hay có việc gì muốn kêu cầu)

Kính dâng lễ mọn: Hương hoa phù tửu, kim ngân tỉnh
quả...

Bày tỏ tấc thành trước liệt vị tôn thần tọa tiền, kính
cáo Gia thần.

Kính mời ông... quý công, tên tự là... hiệu là... và
bà... đồng lai phối hưởng.

Tưởng nhớ công ơn biển trời khi trước

Lại nhìn xem cảnh vật tươi đẹp hôm nay

Trộm nghĩ: ăn quả nhớ người trồng cây

Cúi trông thấu tỏ tấm lòng ngưỡng mộ.

Âm phù cho gia cảnh phần chấn, con cái sinh sôi

Mắt tuệ xét soi, xúi tránh mọi hung tai quấy nhiễu.

Phép thiêng vùng vẫy, khiến gặp nhiều phúc lộc yên
vui

Lại mời chư vị Gia thần chứng giám lễ thường che
chở giúp đỡ.

Cầu mong sao xiết

Cung kính dâng theo điều nguyện.

Cẩn cáo.

Đất nước ta phải trải qua các thời kì chiến tranh cùng những biến động xã hội do vậy có nhiều trường hợp thất lạc ngày giỗ, thậm chí còn thất lạc mồ mả. Do vậy con cháu phải chọn ngày cúng chung, do vậy sẽ đọc bài:

KHẮT KÝ HỢP CÚNG VĂN

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Thừa tự cháu là..... đồng gia quyến hiện ở tại thôn... xã (phường)... huyện (thành phố)... tỉnh.... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xin cùng gia quyến nhất tâm phụng sự Gia tiên.

Nhân ngày..... tháng..... giỗ nhiều vị, hoặc gần hoặc xa, trước sau xa cách. Các ông... quý công hiệu... bà... hiệu.....

Xin cùng đến ngày hôm nay hợp kính nhất duyên.

Trên ban thờ cỗ bàn bày biện, hoa quả chi nghi.

Con cháu gần xa kính mời chư vị chứng giám.

Lại kính mong tổ hiệu cùng chư vị...

Hôm nay cũng như các ngày giỗ khác

Cung vọng liệt vị Tổ tiên cùng về chứng giám

Kính mong chư vị nhận cho lễ vật, ban phúc gia ân

Nếu có lỗi lầm kính xin đại xá.

Cẩn cáo.

Qua bài khấn trên, đủ biết thành phần mời về trong ngày hợp cúng này, nên gia chủ sắm biện chú ý đến số lượng bát đĩa, để tránh sự thất thố đối với Tổ tiên cũng

như người đã khuất.

** Lưu ý: Nên để một vài bộ bát đĩa thờ, mỗi bộ 4 bát để phòng. Số lượng chư vị và khách mời của chư vị có thể cùng về chứng giám.*

*** LỄ TẠ:**

Sau khi gia chủ và mọi người trong gia đình lễ vái xong, chờ cho tàn một tuần hương. Lúc đó gia chủ tới trước ban thờ cung kính lễ tạ. Lễ tạ là lễ tạ ơn gia tiên đã chứng giám lòng thành của con cháu và đã nhận được những lễ vật của con cháu dâng lên. Lễ xong gia trưởng hạ vàng mã trên ban thờ đem hoá (tức là đem đốt đi). Sau tất cả các thủ tục lễ tạ xong, đồ lễ mới được hạ xuống. Thông thường, việc lễ tạ chỉ do một mình gia trưởng đảm nhiệm. Nhưng để cung kính hơn, sau gia trưởng, những người khác trong gia đình cũng có thể lễ tạ.

15. LỄ ĐỘNG THỔ VÀ KHÁNH THÀNH NHÀ Ở HOẶC CỬA HÀNG CỬA HIỆU

Quan niệm dân gian cho rằng: “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá” do vậy việc thiết kế công trình hay khánh thành công trình nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu, phân xưởng sản xuất đều nên có lễ kêu cầu để công việc được trôi chảy.

Thổ Công là vị thần trông coi, cai quản trong nhà và định mọi sự họa, điềm phúc cho mọi gia đình, thường được gọi là Đệ nhất gia chủ. Nhờ có vị thần này nên các hồn ma quỷ không xâm nhập được để quấy nhiễu gia đình. Ban thờ thổ công có thể được lập cùng một lần thờ với gian thờ tết Gia tiên, cũng có thể được lập ban thờ riêng và thông thường các gia chủ lập ban thờ thổ công không cầu kì mà rất đơn giản).

Tất nhiên, người ta phải kén chọn ngày giờ tốt để khởi công tránh những ngày thụ tử, phạm sát, trùng tang, trùng phục, ngày hỏa hoạn hoặc không phòng, ly sào...

Trước giờ khởi công, gia chủ sắm biện lễ vật hương hoa... tùy tâm. Đặt lễ trên mâm có kê đôn tại khu đất để làm lễ. Gia chủ lên đèn hương, vái 4 phương (mỗi phương 4 vái) rồi đọc văn khấn. Khấn xong hóa tiền vàng rồi đào, cuốc mấy nhát nơi định làm, mở đầu cho việc thi công đào móng.

VĂN KHẤN LỄ THẦN LINH VĂN

(dùng khi động thổ)

Duy Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngũ thập lục niên... nguyệt... nhật, trú ở... tỉnh... huyện (thị)... phường (xã)... thôn. Môn bài... (nếu có).

Tín chủ... hợp đồng gia đẳng, tình chỉ kỳ vĩ, nại ư kim niên tu tạo gia thất. Tư trạch đắc cát nhật, lễ hành thụ trụ. Vị thủ cẩn dĩ phù lưu thanh chước.

Cảm kiên cáo vu vị tiền

Viết hữu lễ tất cáo lễ dã.

Cung duy: Tôn thần chức tư thổ giới, hùng cứ địa phương.

Thông minh duệ trí, tuất cập phạm tình

Giám thử đan thành, chấp kỳ lễ bạc.

Bảo hộ tín chủ gia môn thịnh vượng, nhân vật bình an

Nhất thời cấu tác vạn đại trường tồn.

Tái hữu tu trúc tường viên, khủng hữu vi thương Long mạch.

Ngưỡng kỳ đại đức, nhất xá mông âm

Thực lại bản xứ Tôn thần chính trực vô tư âm phù mặc tướng.

Cẩn cáo.

(Nếu không muốn đọc phần chữ hán trên thì đọc phần dịch nghĩa)

Dịch Nghĩa:

Duy Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm thứ

.....(tức) tháng... ngày... Hiện tín chủ ở tại... tỉnh.. huyện (thành)... xã (phường)... thôn... môn bài số.....

Tín chủ là... cùng toàn gia nhất tâm vì công việc tu tạo nhà đất riêng, chọn ngày lành làm lễ khởi công động thổ.

Kính cẩn sắm biệch trầu nước

Lòng thành tấu lên đức Thần linh vị tiên.

Trộm nghĩ rằng:

Tôn Thần cai quản lãnh thổ, hùng cứ một phương

Thông minh sáng láng, thương đến dân lành

Chứng giám lòng thành, giám lâm lễ bạc

Giúp cho tín chủ cửa nhà thịnh vượng, nhân vật bình

an

Một thời xây dựng, muôn năm trường tồn

Sợ khi xây dựng khuôn viên, chạm đến đất đai Long mạch.

Kính trông đại đức, nhất xá ban ơn.

Kính mong Bản xứ Tôn thần

Chính trực vô tư, âm thầm phù hộ.

Kính cẩn dâng lời.

Đầu năm, một số người thường chọn ngày tốt để khai trương cửa hàng, hoặc mở công xưởng buôn bán làm ăn, các gia chủ thường làm lễ Quan hành khiển cùng các vị Thần linh, Tổ tiên ông bà mong có sự Âm phù. Việc mua lễ thì tùy lòng, có thì làm cỗ mặn, không thì hương hoa, quả phẩm. Nhưng việc kêu cầu có cả quan hành khiển đương niên... thì phải lập thêm ban ngoài trời và phải có bài văn khấn.

VĂN KHẤN KHAI TRƯỞNG CỦA HÀNG HOẶC DỌN HÀNG, MỞ XƯỞNG SẢN XUẤT

Kính lạy Ngô vương hành khiển, Thiên hoa hành
bình chi thần, Hứa tào phán quan (năm Ty).

Kính lạy Đại vương Bản cảnh Thành hoàng, các ngài
Đông trù tư mệnh Táo phủ Thần quân

Thổ địa long mạch Tôn thần

Ngũ phương, ngũ thổ phúc đức chính Thần

(ban trong nhà thì khấn Gia tiên)

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Nay vì việc khai mở cửa hàng.....

Thành tâm cẩn dĩ chi nghi phù lưu trà tửu cùng lễ
vật tâu lên chư vị Hành khiển, Đại vương, Tôn thần.

Cung duy:

Tôn thần chức tư thổ giới

Hùng cứ một phương

Thông minh duệ trí

Tuất cập phàm tình

Giám thử đan thành

Chấp kỳ bạc lễ

Gia ân, gia hộ

Buôn bán hanh thông

Trú dạ cát tường

Sở cầu tất ứng

Thực lại bản xứ tôn thần, chính trực vô tư, âm phù mặc

tướng.

Cẩn cáo.

(Nếu khấn nôm thì đến đoạn Cung duy... sẽ khấn:

Trộm nghĩ rằng:

Tôn thần cai quản,

Oai hùng một phương.

Thông minh sáng láng,

Thương đến dân lành.

Chứng giám tác lòng,

Nạp thu lễ mọn.

Ban ân che chở

Buôn bán gặp may

Ngày đêm tốt lành

Mọi sự như ý.

Kính mong bản xứ tôn thần, chính trực vô tư âm
thần phù trợ.

Kính cáo.

16. LỄ CÚNG MỤ (ĐẦY CŨ, ĐẦY THÁNG, ĐẦY NĂM)

1. CÚNG ĐẦY CŨ

Ý nghĩa:

Ông bà ta xưa quan niệm rằng: Đứa trẻ được sinh ra là do các vị Đại Tiên (Bà chúa Đầu thai), Tiên Mụ mà trực tiếp là 12 bộ Tiên Nương (12 bà Mụ) nặn ra ban cho. Vì vậy, khi đứa trẻ đầy cũ (đứa trẻ chào đời được 3 ngày), đầy tháng (đứa trẻ chào đời được một tháng), đầy năm; bố mẹ, ông bà đứa trẻ phải bày tiệc cúng Mụ để tạ ơn các bà Mụ và cầu xin các Mụ ban cho đứa trẻ mọi điều may mắn tốt lành.

SẮM LỄ:

Lễ cúng Mụ phải được làm cẩn thận chu đáo, với các lễ vật bao gồm:

1) 12 đôi hài xanh giống hệt nhau và một đôi hài cũng màu xanh nhưng to hơn.

2) 12 nén vàng xanh giống nhau và một nén vàng xanh to hơn.

3) 12 bộ váy áo đẹp màu xanh giống hệt nhau và một bộ váy áo xanh cất giống 12 bộ kia nhưng to hơn.

4) 12 miếng trầu cánh phượng giống hệt nhau và một miếng trầu tằm cánh phượng to hơn.

5) 12 bộ đồ chơi: Bát, đĩa, đũa, thìa, chén cốc, con giống, xe cộ, nón, mũ... giống hệt nhau và một bộ giống như vậy nhưng to hơn (những đồ lễ này có thể bằng nhựa, bằng sành sứ).

6) 12 con cua, 12 con ốc, 12 con tôm to nhỏ bằng nhau để sống (con tôm có thể đồ chín) là lễ vật dâng cúng 12 bà Mụ. Và mỗi loại một con to hơn hoặc nhiều con (ít nhất ba con) cúng để sống là lễ vật dâng cúng bà Mụ Chúa. (Các con này để vào bát to bày cúng, sau khi cúng xong thì đem cua, ốc thả ra ao, hồ; tôm có thể thụ lộc).

7) Phấm oản, bánh kẹo, hoa quả chia đều thành 12 phần giống nhau và một phần có đủ phấm oản, bánh kẹo, hoa quả nhưng lớn hơn (hoặc nhiều hơn).

8) Lễ mặn: Xôi, gà, cơm, canh, các món lễ mặn, rượu...

9) Bát hương, lọ hoa tươi nhiều màu, tiền vàng, cốc nước thanh tịnh (bày ở mâm trên cùng lễ mặn).

BÀY LỄ:

Bày lễ cúng Mụ mang tính chất thành kính, văn hoá và nghệ thuật, thường bàn lễ cúng Mụ được bày (trình bày) một cách hài hoà, cân đối như hình vẽ trang sau:

Hình vẽ cách trình bày lễ cúng Mụ (nhìn từ trên xuống)

+ Tất cả lễ vật dâng bà Mụ chúa để ở chính giữa phía trên của hương án.

+ Lễ vật dâng 12 bà Mụ chia thành 12 phần giống nhau (xếp thành hai hàng như hình vẽ).

+ Mâm lễ mặn cùng hương, hoa nước để trên cùng (như hình vẽ).

+ Mâm tôm, cua, ốc để phía dưới (như hình vẽ).

Sau khi bày lễ xong, bố hoặc mẹ cháu bé thấp 3 nén

hương, rồi bế cháu ra trước án khấn:

VĂN KHẤN CÚNG MỤ

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

- Con kính lạy Đệ Nhất Thiên tử đại tiên chúa.

- Con kính lạy Đệ nhị thiên đế đại tiên chúa.

- Con kính lạy Đệ tam Tiên Mụ đại tiên chúa.

- Con kính lạy Thập nhị bộ Tiên Nương

- Con kính lạy Tam thập lục cung chư vị Tiên Nương

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm.....

Vợ chồng con là

sinh được con (trai gái) đặt tên là.....

Chúng con ngụ tại:.....

Nay Nhân ngày đầy tháng (đầy cũ, đầy năm) chúng con thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trước án, trước bàn toạ chư vị Tôn thần kính cẩn tâu trình:

Nhờ ơn thập phương chư Phật, chư vị Thánh hiền, chư vị Tiên Bà, các đấng Thần linh, Thổ công địa mạch, Thổ địa chính thần, Tiên tổ nội ngoại, cho con sinh ra cháu, tên.....sinh ngày.....được mẹ tròn, con vuông.

Cúi xin chư vị tiên Bà, chư vị Tôn thần giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì, vuốt ve che chở cho cháu ăn ngon, ngủ yên, hay ăn chóng lớn, vô bệnh vô tật, vô tai, vô ương, vô

hạn, vô ách, phù hộ cho cháu bé được tươi đẹp, thông minh, sáng láng, thân mệnh bình yên, cường tráng, kiếp kiếp được hưởng vinh hoa phú quý. Gia đình con được phúc thọ an khang, nhân lành nảy nở, nghiệp dữ tiêu tan, bốn mùa không hạn ách nghĩ lo.

Xin thành tâm đỉnh lễ, cúi xin được chứng giám lòng thành.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Khi đã khấn xong thì bố hoặc mẹ chấp tay bé lại vái trước án 3 vái sau 3 tuần hương thì lễ tạ. sau đó gia đình mang vàng mã, váy áo đi hoá, vẩy rượu lúc đang hóa, đem tôm, cua, ốc đi phóng sinh tại các ao, hồ, sông để cầu phúc; các đồ chơi bằng nhựa, sành sứ thì giữ lại cho cháu bé để lấy khước.

Cuối cùng cả gia đình và bạn bè cùng thụ lộc chúc cho cháu bé mọi điều tốt lành.

CÚNG ĐẦY NĂM (CÚNG MỤ)

Đứa trẻ từ lúc mới sinh ra tới lúc đầy cũ, đầy tháng, đầy năm là trải qua những giai đoạn quan trọng của đời người, nên việc cúng Mụ trong những dịp này phải rất thành kính và cẩn trọng. Cúng đầy năm còn gọi là cúng đầy tuổi. Ngoài việc cúng lễ như cúng Mụ lúc đầy cũ, đầy tháng, trong dịp này người ta còn có tục thử đứa trẻ.

Hôm ấy, đứa trẻ được ăn mặc chỉnh tề. Con trai thì

bày cúng tên giấy bút, con gái bày dao kéo, kim chỉ bên cạnh. Đứa trẻ được đặt trước những thứ đồ đó và sẽ nhặt lấy một thứ mà nó thích.

Người ta cho rằng: nếu đứa con trai chọn kiếm cung, thì lớn lên nó sẽ theo nghiệp võ, nếu chọn giấy bút thì lớn lên đứa trẻ sẽ theo nghiệp văn. Con gái nếu chọn kim chỉ sẽ có tài nội trợ, giỏi việc gia thất.

Trong lễ cúng đầy năm, ngoài lễ và văn khấn cúng Mụ như cúng đầy tháng, người xưa còn làm cỗ khấn trình trước ban thờ gia tiên. Văn khấn gia tiên khi trẻ đầy năm như sau:



VĂN KHẤN GIA TIÊN (KHI TRẺ ĐẬY NĂM)

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Hôm nay ngày tháng..... năm.....

.....

Nay con giữ việc thờ phụng tên là, tuổi....., sinh tại xã..... huyện..... tỉnh..... cùng toàn gia, trước ban thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bực: trầu cau, trà rượu, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật, lòng thành kính lễ dâng lên tổ tiên nhân dịp cháu (traí, gái) đảy tuổi. Kính mời hương hồn nội ngoại gia tiên, kỵ cụ, ông bà, cha mẹ, cô dì, chú bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin Gia tiên phù hộ độ trì cho con cháu..... hay ăn chóng lớn và toàn gia khạng kiện.

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

17. LỄ TIẾT KHI CƯỚI GÁ

Con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội. Nói hẹp lại thì con người là thành viên của gia đình. Gia đình lớn mạnh sẽ nảy sinh ra họ tộc và nhiều họ tộc hợp thành làng xã. Vậy mỗi gia đình khi con cái đến tuổi thành niên phải lo dựng vợ gả chồng tạo thành cái tổ ấm nhỏ, rồi từ đó mới phân chia, phân cành thành họ tộc. Do vậy, mỗi khi trong nhà, trong họ có chuyện cưới gả thì phải thông qua họ tộc, phải lễ tơ hồng Nguyệt lão, lễ Gia thần, Gia tiên để cho sự tác thành được viên mãn.

Ngày nay, giữa thời đại tiên tiến, nhiều thủ tục cưới hỏi được giảm nhẹ để phù hợp với hoàn cảnh làm ăn, công tác. Nhưng việc lễ Gia thần, Gia tiên hoặc bài văn khấn tơ hồng Nguyệt lão để cho đôi trẻ nên duyên gặp may mắn, mệnh vận phù hợp với nguyên lý âm dương ngũ hành sinh khắc, trong dân gian vẫn có nơi thực hiện.

Thử ngẫm sách “Tam mệnh thông hội” có nói về mệnh nam nữ khi hợp duyên: “Mệnh nam nên vượng, vượng thì phúc, suy thì hại. Mệnh nữ nên suy, suy thì phúc, vượng thì hại”, dân gian lại bảo “Cả mái hại sống”. Điều đó phù hợp với sự cương nhu của âm dương, tất có hại.

Do vậy khi cưới gả, dù nhà trai hay nhà gái, người ta đều làm cỗ cúng Gia thần, Gia tiên cho đôi nam nữ dâng hương trước linh vị Tổ tiên, còn các bậc cha chú thì lo khấn cầu chư vị độ trì cho đôi trẻ hạnh phúc, nối được đức nghiệp ông cha.

VĂN LỄ KHI CƯỚI

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Bản gia ở tại thôn... xã.... huyện... tỉnh... nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính lạy chư vị Gia thần

Kính lạy liệt vị Gia tiên

Con trai (hoặc gái) của tín chủ là... năm nay... tuổi... kết duyên cùng... người thôn... xã... tỉnh.

Nay thủ tục hôn lễ đã thành, xin kính báo Gia thần, Gia tiên. Lại xin sắm biện lễ vật tịnh tài, kính xin bề trên nạp thụ phù hộ cho các cháu giai lão trăm năm, vững bền hai họ.

Nghi thất nghi gia, con cháu thịnh đạt.

Cúi xin chư vị, đại xá gia ân.

Mọi sự hanh thông, cung trần bá thỉnh

Cẩn cáo!

Có gia đình còn sắm biện lễ vật bày trên ban riêng, lễ “Tơ hồng Nguyệt lão”. Tục này không thịnh như trước nhưng vẫn được tồn tại.

VĂN TẾ TƠ HỒNG NGUYỆT LÃO

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tỉnh... huyện...
 xã... thôn... năm... tháng... ngày...

Tên tôi là... đại diện cho ông, bà... cưới vợ cho con
 là... kết duyên cùng... con ông bà... quê quán...

Nay việc hôn nhân thành sự, gia chủ thành tâm sắm
 biện phù lưu trà tửu cùng lễ vật chi nghi, kính cáo với
 “Thiên tở hồng Nguyệt lão” rất chính, rất trung.

Ngọc kính chiếu rõ ràng thế sự,

Xích thẳng so bền chặt nhân duyên

Trước hai cháu đã để tâm am hiểu,

Nay uyên ương sum họp đoàn viên.

Đôi lứa nên nhà nên cửa, tác thành do Tổ tiên

Bằng phẳng cầu Ô đã bắc, cho đôi trẻ được nên
 duyên,

Cúi trông đức cả, rộng thấu lòng này

Yên ổn phò cho hai họ, xương tủy nguyên trọn bách
 niên trai gái diễm làng sớm ứng, dài lâu phúc hưởng vô
 biên.

Hân hạnh, xiết bao mừng rỡ

Vun trồng, nhờ cậy thiên tiên.

Cẩn cáo!

17. NGHI LỄ THỜ THẦN TÀI

Một số gia đình còn có cả ban thờ Thần Tài, tức là vị thần đem lại tiền tài, giàu có cho gia chủ. Theo truyền thuyết thì xưa có người lái buôn tên là Âu Minh. Âu Minh hiền lành tử tế, buôn bán khắp nơi nhưng vẫn lận đận. Một hôm đi qua hồ Thanh Thảo được Thủy Thần đem cho một con hàu tên là Như Nguyệt. Âu Minh đem con hàu về nhà thì tự nhiên việc làm ăn, buôn bán phát đạt và chỉ vài năm sau trở nên giàu có trong vùng. Nhưng một hôm Âu Minh nổi nóng, đánh Như Nguyệt quá tay. Như Nguyệt sợ hãi bỏ trốn vào đồng rác rồi biến mất. Từ ngày người hàu ra đi, gia cảnh nhà Âu Minh, dần dần sa sút, rồi thất cơ lỡ vận lại lâm cảnh nghèo túng, bấy giờ Âu Minh mới nghĩ ra, đoán Như Nguyệt là Thần tài nhưng cơ sự đã lỡ...

Phải chăng từ tích này mà dân gian có tục kiêng hót rác đầu năm, sợ Thần tài ẩn trong đồng rác đó, nếu đổ đi sẽ mất lộc. Do vậy, các ngày mồng Một, mồng Hai tết họ thường quét dồn rác vào một góc nhà, mong sự làm ăn phát đạt sẽ đến và lưu lại trong năm. Từ quan niệm trên nên nhân dân, nhất là các nhà buôn bán lập ban thờ Thần tài ở một góc, một xó nhà nào đấy miễn sao cho thích hợp.

Ban thờ Thần tài thường được lập ở góc nhà, chứ không phải nơi sạch đẹp, trang trọng như ban thờ Tổ tiên hay ban thờ Thổ Công. Ban thờ Thần tài là một chiếc khám nhỏ, sơn son thếp vàng, hoặc là chiếc thùng gỗ dán giấy đỏ xung quanh. Phía trong khám dán bài vị của

thần tài được viết trên giấy đỏ, mực viết bằng kim nhũ. Ngày nay tượng thần tài bằng sứ để thờ, không cần bài vị.

* CÚNG THẦN TÀI

Người xưa cúng Thần tài quanh năm vào bất cứ lúc nào thấy cần cầu xin, không chỉ vào dịp giỗ tết, sóc vọng. Ngày thường, người ta cúng thần tài đơn giản, chỉ có trầu nước và trái cây, nén hương. Còn trong các dịp giỗ tết, sóc vọng, cúng Thần bằng cỗ mặn. Thường thường chỉ thắp hương thờ thần tài vào buổi chiều hàng ngày.

Hiện nay, thờ Thần tài vẫn còn duy trì và nó trở nên phổ biến với những gia đình làm ăn, buôn bán. Các gia đình này làm lễ cúng thần tài quanh năm không trừ ngày nào.

Nhìn chung ban thờ Thần tài thường nhỏ hơn ban thờ Thổ Công hay ban thờ Gia tiên nên việc thờ cũng khá đơn giản. Thường thì các ngày sóc vọng, hoặc tuần tiết người ta bày đĩa hoa, đĩa quả nho nhỏ và châm hương khấn cầu Thần phù hộ là được. Ngày nay, đa phần những gia chủ nào kinh doanh buôn bán thì đều thắp hương hàng ngày và cũng có người lễ Thần tài còn đọc cả văn khấn.

VĂN KHẤN THẦN TÀI

Duy Việt Nam quốc... Tân Ty niên... nguyệt... nhật.

Tín chủ... ngụ tại.....

Đồng gia quyến đấng báỉ thỉnh:

Cẩn dĩ hương đấng hoa quả..... cảm kiếu cáo vu.

Kính thỉnh: Ngũ phương ngũ thổ Long thần.

Tiền hậu địa chủ Tài thần

Giám lâm hăm hưởng, gia hộ gia ân,

Tăng tài tăng lộc, vạn sự hưng long

Sở nguyện tòng tâm, thượng kỳ giám chỉ

Bảo ngã tín chủ, dĩ phú niên niên

Cẩn cáo!

Dịch nghĩa:

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Năm Tân Ty... tháng... ngày.....

Tín chủ.... ở tại thôn... xã (phường)... huyện (thành phố)... tỉnh... cùng toàn gia lễ thỉnh

Kính dâng hương đấng hoa quả... Kính cẩn thưa rằng.

Kính cáo: ngũ phương ngũ thổ Long thần

Tiền hậu địa chủ Tài thần

Tiếp nhận lòng thành, che chở ban ân

Thêm tài lộc, mọi sự đều lành

Cúi mong soi xét, nguyện ước thành tâm

Phúc đến năm năm, giúp cho tín chủ

Kính cẩn dâng lời.

Một số lễ tiết thờ cúng tại nhà đã được đề cập trên đây, thiết nghĩ chỉ là điều cơ bản. Còn lệ tục lại tùy theo từng vùng, từng nơi có những điều không phù hợp ở nơi này nhưng lại phù hợp ở nơi khác. Do vậy, cần có sự vận dụng sao cho bớt phiền hà, tốn kém mà vẫn thể hiện tấm lòng thành kính. Đặc biệt là phần tang ma nếu theo như cổ lệ thì rất phiền phức, phải “thiết hồn bạch” tức là lấy dải lụa kết hình người đặt lên thi thể, khi nào bỏ thi thể vào quan tài mới bỏ hồn bạch ra treo thờ hồn bạch, phải lập tang chủ, lập tướng lễ và hộ tang, đến việc tri quan, mộc dục (tắm rửa thi thể), phạm hàm (ngâm thức ăn như tiền, gạo) rồi tiêu liêm, đại liệm, bỗ khuyết sao cho thi thể khỏi bị lung lay sang bên này, bên kia. Việc thiết linh sang, linh tọa, thiết minh tinh rồi “thôi phục” (đồ chịu tang), lễ thành phục... Do vậy cuốn sách này không đề cập đến mà chỉ nêu các lễ tiết, cúng lễ tại gia mà nhân dân ta đã và đang thực hiện, nhằm bổ khuyết những thiếu sót, làm tăng thêm sự hiểu biết đầy đủ hơn, chi tiết hơn về nghi lễ thờ cúng tại gia hiện nay.

CHƯƠNG II

NGHI LỄ THỜ CÚNG Ở CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ



I. TÌM HIỂU NHỮNG NÉT CƠ BẢN VỀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

Từ thời cổ đại thế giới có ba nền văn minh rực rỡ, đó là nền văn minh cổ đại Hy Lạp – La Mã ở phương Tây, văn minh cổ đại Ấn Độ và văn minh cổ đại Trung Hoa. Như vậy chúng ta phương Đông thời tiền sử có nhiều sự hiển đạt về nhiều lĩnh vực, trong đó có đời sống văn hóa tinh thần. Song từ các nền văn minh sớm đó đã không duy trì và phát huy được lâu dài. Nó bị mai một cùng với chế độ phong kiến phương Đông cũng như phương Tây khiến nhiều điều đáng tiếc xảy ra, nhất là những gì mà chính bàn tay, khối óc nhân dân tạo dựng, hoặc phối hợp với chế độ phong kiến tạo dựng.

Tất nhiên khi nói đến phương Đông là phải nói tới Việt Nam. Nói đến sự chịu ảnh hưởng của văn hóa cổ đại phương Đông. Nói đến thành tựu thời Trung đại mà

các triều đại phong kiến Việt Nam đã trọng đạo Phật, trọng cả đạo Nho, đạo Lão (Tam giáo đồng nguyên) để vừa đưa con người vào cõi thiện, vừa tin ở thần linh “Tế thần như thần tại”, tin cả đạo Tiên thánh khiến con người nặng vào hệ thống lý thuyết đạo đức, coi trọng gia đình. Đặc biệt là trong quan niệm tam tài (Thiên, Địa, Nhân). Có trời, có đất, có người nên vua dù mệnh danh là con trời, có đặc lợi, đặc quyền nhưng vẫn phải sợ trời. Chăm dân không tốt để dân đói khổ, phải làm lễ sám hối với trời (tế đàn Nam Giao). Quan lại sợ vua, sợ Thần thánh nên cũng ít hành vi tàn bạo đối với dân. Những kẻ độc ác cũng sợ cõi vô hình nên bớt đi những hành vi bạo ngược. Và điều dễ thấy là các triều đại phong kiến dựa vào Thần, Thánh, Tiên, Phật sẽ dễ bề cai trị dân hơn, do vậy lịch sử hàng ngàn năm đã chứng minh: yếu tố tâm linh làm lợi cho đạo làm người (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), làm lợi cho việc trị quốc an dân.

Người dân coi vua là Thiên tử, vậy phải trọng con Trời “con Trời bảo sống thì sống, bảo chết thì chết”. Triều đình của con Trời phải đồng lòng bảo vệ, đất đai của con Trời phải yêu quý, không cho ngoại xâm thôn tính (trung quân ái quốc)... Những giáo lý, luận điểm của xã hội phong kiến Việt Nam vừa là thiết chế thượng tầng, vừa là điều kiện thuận cho việc xây dựng đình, chùa, đền, miếu, phủ để nhân dân gửi gắm tâm linh, gắn làng với nước. Nó đã là một phần đạo lý truyền thông và trở thành bản chất của dân tộc.

Nhờ sự tiến triển vượt bậc của xã hội, khoa học hiện đại mà thế giới đã góp phần mở mang dân trí, việc chế

độ phong kiến bị phủ định, thậm chí tiêu diệt để thay thế một chế độ khác là điều hiển nhiên và là chân lý phát triển của nhân loại.

Đất nước ta trải qua quá trình nhiều thập kỷ vận động cách mạng, cách mạng thành công đã thay cũ đổi mới Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, rồi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, đã và đang đổi mới đất nước, đang thực sự tạo một xã hội ấm no hạnh phúc. Đời sống vật chất ngày càng sung túc, đời sống tinh thần trong đó có đời sống tâm linh được tôn trọng. Hiện đại hóa đất nước trên cơ sở giữ gìn bản sắc dân tộc là phương châm, là mục tiêu phát triển của xã hội.

Từ quan điểm đúng đắn của nhà nước đó nên các công trình tôn giáo, tín ngưỡng trong nước được phục hồi, bảo tồn và trân trọng. việc tự do tín ngưỡng được đảm bảo, do vậy việc cúng bái lễ và các đình, chùa, đền miếu, phủ trong các ngày tuần tiết, trong lễ hội cuốn hút một số lượng khá đông bà con. Song việc hướng về cội nguồn còn cần phải hướng cho nhân dân hiểu, từ đó mà làm đúng, lễ đúng nơi đúng chốn, tránh tình trạng vái mà không biết vái ai. Trước ban thờ Thần lại cúng Phật, trước ban thờ Phật lại cúng Mẫu... Vậy cuốn sách này mong được góp phần làm rõ điều đó, giúp cho việc hướng thiện cũng như truy tư công đức được tốt hơn.

II. TỤC LỆ LÊN CHÙA LỄ PHẬT

1. NGUỒN GỐC SỰ HÌNH THÀNH TỤC LỆ LÊN CHÙA LỄ PHẬT

Đạo phật du nhập vào Việt Nam từ gần hai thiên niên kỷ và được Việt hóa, trở thành quốc giáo, do đó nhiều nơi đều có chùa. Chùa là nơi thờ Phật, đình đền, miếu, phủ thờ Thánh, thờ Thần (kể cả dương Thần, âm Thần, cũng như Thần Thiên Nhiên) và đại bộ phận phủ thờ âm Thần. Ấy vậy mà chùa lại thờ cả Thánh, cả Mẫu... Sự thờ phụng vừa khác vừa giống nhau, nói khác đi là sự phối thờ một cách rộng rãi khiến chúng ta phải suy ngẫm về tục thờ, về văn hóa tín ngưỡng của Việt Nam.

Nếu như ở mảnh đất Phương Nam, nhất là đồng bằng sông Cửu Long thờ Phật theo phái “Tiểu thừa”, đức Phật A di đà ngự trị Phật điện là chính thì các chùa ở miền Trung nhất là miền Bắc lại phụng sự theo phái “Đại thừa” (độ cho người trước, độ cho mình sau) và trên Tam bảo có cả 5 giai đoạn: quá khứ, hiện tại, vi lai, cả lúc sơ sinh cũng như trên cõi Niết bàn của Đức Phật. Bên cạnh chư vị Thế tôn còn có các vị Bồ Tát nam đà, Ca Diếp, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan thế âm, Đại thế chí. Lại có cả Thiện hữu Thái tử, Thổ địa Thánh tăng, Đức Ông, các Tổ... các vị vua ông Thánh có công với chùa, hoặc đi tu cũng được thờ ở Tam bảo, hay hậu điện, khiến tính chất Phật giáo ở Việt Nam có khác cội nguồn ở Ấn Độ. Việc thờ Tứ vị Pháp Vương Phật là Văn, Vũ, Lôì, Điện rồi khi

Tam giáo đồng nguyên thờ cả Nho giáo, Lão giáo càng chứng tỏ đặc thù Phật giáo Việt Nam là sự dung hợp giữa Phật, Thánh, Thần, Tiên và cả người, cả trời, cả đất. Người là ngôi chùa không chỉ là nơi hương thiện “Từ bi hỉ xả” mà còn là nơi truy tư công đức, nơi cầu xin để đạt được các sở nguyện đời thường, cũng như khi về cõi vĩnh hằng. Và bởi sự dung hợp đó mà khách hành hương khi đến chùa bị choáng ngợp trước tượng pháp, ban này, ban khác, cung nọ cung kia khó định được giá trị nhân văn của sự tôn thờ.

Phật giáo nhìn nhận thế giới tự nhiên, xã hội bằng mối liên hệ nhân - quả. Theo Phật giáo, nhân - quả là một chuỗi liên tục, không gián đoạn và không có hỗn loạn, có nghĩa là nhân nào quả ấy. Mọi quan hệ này Phật giáo thường gọi là nhân duyên với ý nghĩa rằng một kết quả của nguyên nhân nào đó sẽ là nguyên nhân của một kết cục khác.

Việc lễ chùa hiện nay đã trở thành nét đẹp trong văn hóa tinh thần thường nhật của nhân dân. Từ thành thị đến nông thôn, các ngày sóc, vọng bà con thường rủ nhau đến chùa lễ Phật. Các lễ tiết trong năm, mọi người cúng lễ ở nhà nhưng cũng không quên lên chùa lễ Phật. Các cụ già làng còn lo làm lễ cầu an ở chùa cho dân, lo làm lễ cầu mát khi vào hè cho dân, hoặc làm lễ dâng sao, trừ ôn dịch, sâu bọ phá hoại mùa màng. Xưa kia khi hạn hán kéo dài, quan lại và các kỳ hào còn đến chùa thờ Tứ Pháp làm lễ đảo vũ để cho dân có nước cấy cày, cho cỏ cây tươi tốt...

Phật giáo Việt Nam còn hết sức linh hoạt. Người

Việt vốn có đầu óc thực tế, coi trọng việc sống phúc đức, trung thực hơn là đi chùa; do vậy coi trọng việc tu tại gia, hiếu kính với ông bà, cha mẹ hơn là thờ Phật. Khi vào Việt Nam, đức Phật được đồng nhất với các vị thần trong tín ngưỡng truyền thống, có khả năng cứu giúp mọi người, thoát mọi tai hoạ, làm nên mây, mưa, sấm, chớp để mùa màng tốt tươi, ban cho người hiếm muộn có con, ban lộc cho người bình dân để quanh năm làm ăn phát đạt, cứu hộ cho người chết được siêu thoát. Do vậy, ở Việt Nam thường có tục đi chùa cầu tự, đi chùa hái lộc lúc giao thừa, tục mời nhà sư đến cầu siêu cho người qua đời...

Những việc làm trên xem chừng thiếu khoa học, nhưng lại đầy thiện tâm. Có cái phi lý, lại có chỗ hợp lý, khiến dân gian vẫn gửi gắm niềm tin. Và cũng bởi niềm tin chính đáng đó nên không ai cản phá, mà cũng khó lòng xóa đi đời sống tinh thần của đông đảo nhân dân, vốn dĩ từ ngàn xưa để lại.

Một số bà con ở thành thị, hoặc nông thôn có điều kiện kinh tế khá giả còn tổ chức đi văn cảnh chùa, đi lễ Phật ở các chùa cảnh thuộc danh sơn cổ tích như chùa Hương Tích, chùa Tây Phương (Hà Nội). Chùa Tây Thiên (Phú Thọ) chùa Trấn Quốc, chùa Đọi Sơn, chùa Ông, chùa bà Đanh, chùa Trịnh Tiết, chùa Quế Lâm (Hà Nam), chùa Bích Động, chùa Địch Lộng (Ninh Bình), chùa Tháp Phổ Minh, chùa Keo Hàng Thiện, chùa Bi, chùa Cổ Lễ, chùa Lương, chùa Phúc Hải, chùa Ninh Cường... (Nam Định), chùa Keo (Vũ Thư), chùa Phúc Lâm, chùa An Cố (Thái Bình). khu danh sơn Yên Tử (Quảng Ninh), chùa Côn Sơn (Hải Dương), chùa Dâu và trung tâm Luy

Lâu, chùa Keo (Bắc Ninh), chùa tượng Sơn (Hà Tĩnh), chùa Sư Nữ (Nghệ An), chùa Thiên Mục (Huế), chùa Tây An (Núi Sam An Giang), chùa Phước Lâm (Thị Xã Tây Ninh), chùa Giác Lâm (quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh)...

Mọi người ái mộ đạo Phật và đến với Phật giáo bằng tấm lòng từ thiện, hy vọng sẽ gạt hái được mọi sự tốt lành theo thuyết “Nhân nào quả ấy”. Mọi khổ hạnh cũng như hoan lạc đến với con người không phải do khách quan mà do chính con người hiện tại, hoặc quá khứ đã tạo ra. Do vậy, để góp phần suy ngẫm về đạo Phật, về giáo lý cũng như tính nhân bản cao đẹp của đạo, xin khái quát một số nét về đức Phật, để mọi người hiểu thêm về giáo lý cũng như tính nhân bản cao đẹp của đạo, hiểu thêm về chân tướng cũng như chân lý, từ đó mà tạo ra lý trí, tránh mọi hành vi hoang đường, có nhận thức đúng về thực tại, ngẫm mà giác ngộ cũng như giải thoát mọi sự đau khổ, sợ hãi, đem niềm vui hạnh phúc về cho bản thân cũng như gia đình, xã hội.

Vậy lịch sử đức Phật ra sao, vị trí thờ tự thế nào, xin lần lượt trình bày sơ lược qua cách thức bài trí tôn thờ cũng như hệ thống tượng pháp dưới đây.

Theo sách Phật giáo phổ thông, cùng một số tư liệu thì đức Phật là con vua Tịnh Phạm (Sudhodana) ở phía Bắc xứ Ấn Độ, gần núi Hy Mã Lạp Sơn (nay là nước Nepal). Mẹ người họ Thích ca (Cakya), nên sau gọi Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc sơ sinh người được đặt tên là Tất Đạt Đa (Siddharta). Thái Tử Tất Đạt Đa mới chào đời được 7 ngày thì mẹ là Hoàng hậu Ma-gia tạ thế, em bà là Ma Ha Ba Xà Ba Đề thay chị nuôi dưỡng Thái tử đến

khi khôn lớn.

Thuở ấy đất nước ấn Độ có 5 đẳng cấp xã hội. Ba lớp người thuộc Bà la Môn giáo, cùng vua chúa, quý tộc và thương gia, chủ điền mặc sức đàn áp hai đẳng cấp dưới, khiến con người vô cùng cực khổ. Trước sự bất công, tàn nhẫn quá đáng, Thái tử Tát Đạt Đa buồn phiền đồng thời nhìn nhận rõ sự đối trá, vô thường của xã hội. Vua cha thấy Thái tử suy tư âu sầu, đã tìm đủ cách để mua vui, lại còn cưới cho Thái tử người vợ tuyệt đẹp, ấy vậy mà Thái tử vẫn chán chường thế sự.

Năm 19 tuổi, Thái tử quyết bỏ hoàng cung; từ giã phụ vương, vợ hiền, con nhỏ cùng cung điện nguy nga, dấn thân vào vòng khổ ải, tìm phương cứu độ cho chúng sinh. Sau 6 năm tu hành khổ cực ở núi Tuyết mà vẫn chưa giác ngộ, cuối cùng ngài ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ đề 49 ngày, mới đại ngộ chân lý vũ trụ, cũng như nguồn gốc sinh tử của chúng sinh. Và như vậy ngài đã thành Phật, với hiệu thích Ca Mâu Ni Phật (Cakya Muni). Và sau đó, suốt thời gian 49 năm ngài đi nhiều nơi giáo hóa chúng sinh, không phân biệt sang hèn, chủng tộc, mong giải thoát bể khổ cho mọi người. Năm 544 (trước tây lịch) ngài 80 tuổi, ngài từ giã cõi đời một cách thanh thản, sau khi di chúc cận kề chí nguyện của mình cho các đệ tử, mong có sự “truyền đăng” mãi mãi về sau.

2. HỆ TƯỢNG PHÁP CHÍNH Ở CHÙA

Để biểu thị đức độ cao siêu, hy sinh bản thân vì việc cứu giúp nhân loại, người ta đã tạo hệ tượng pháp để

người đời nhìn vào mà tu thân.

* Tượng Tam thế:

Thường đặt ở vị trí cao nhất. Ba pho này kích cỡ như nhau, đều ngồi tĩnh tọa trên tòa sen, là những biểu tượng cao đẹp của ba thời kỳ tu hành: Quá khứ, hiện tại, vị lai mà thời quá khứ là Đức A Di Đà hiện tại là Đức Thế Tôn mẫu ni (Phật Thích Ca), kiếp tương lai là đức Di Lặc. Và phần lớn các chùa đều có bộ tượng này.

Tượng Tam Thế còn được gọi là Tam Thân, nghĩa là ba đời, hay ba kiếp Phật để cứu vớt, tế độ cho chúng sinh.

* Bộ tượng Di Đà Tam Tôn

Thường đặt hàng thứ hai của Phật điện. Chính giữa là tượng A Di Đà, đức Phật thời quá khứ với truyền thuyết là thời kỳ cực lạc, chúng sinh toại nguyện, cầu được ước thấy. Hai bên thường là tượng Quan Thế Âm (nhìn thấu khắp dương gian cũng như cõi âm) và tượng Đại Thế Chí là vị Bồ Tát có sức mạnh vô biên để cứu độ chúng sinh.

* Bộ tượng Thích Ca Tam Tôn

Đặt hàng thứ ba. Chính giữa là tượng đức Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen, theo thế tĩnh tọa như Phật A Di Đà, hoặc tay cầm cành hoa sen, hay bắt ấn (Thích Ca niêm hoa, Thích Ca chuyển pháp). Hai bên thường có tượng Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền cưỡi thanh sư và bạch tượng. Nghĩa là một người cưỡi sư tử xanh, một người cưỡi voi trắng. Đây là hai vị trợ lý giúp đức Phật hoàng pháp, giáo hóa chúng sinh.

VĂN KHẤN PHẬT THÍCH CA

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Nam mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đông Phương giáo chủ tiêu tai duyên thọ

Nam mô Dược sư Lưu Ly Quang Vương Phật

Nam mô Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế

Âm Bồ Tát

Hôm nay ngày... tháng... năm... (âm lịch)

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Chúng con nhất tâm thành kính, lễ bạc dâng lên trước Phật điện tại chùa.....

Nguyện cầu các chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư vị Hiền thánh, Tăng, Hộ Pháp thiện thần, Thiên Long Bát Bộ....

Rủ lòng từ bi

Phù hộ độ trì

Chứng minh công đức

Cứu khổ cứu nạn

Ban lộc phát tài

Già trẻ gái trai, bình yên mạnh khỏe

Tâm thành lễ bạc, gặp được thiên duyên

Gia sự chu truyền, ấm êm hạnh phúc

Điều lành luôn tới, điều xấu qua đi

Nhờ lượng từ bi, mong cầu như nguyệt

Cẩn nguyện.

*** TƯỢNG DI LẶC:**

Được đặt dưới bộ tượng Thích Ca Tam Tôn: Phật Di Lặc biểu tượng ở giai đoạn tương lai, con người hết lo âu, sầu não nên được toại nguyện. Người đầy đà, béo tốt đến nổi bụng to không cài được cúc áo. Dân gian thường gọi vị này là nhịn mặc mà ăn nhưng vì là vị Phật tương lai nên chưa hình thành bộ ba (Tam tôn) như các bộ tượng trên. Do vậy, tùy theo số lượng tượng pháp mà bày hai bên. Một số chùa hay bày “Quan âm Tọa sơn”, “Quan âm tổng tử” ở hai bên tả, hữu đức Di lặc.

*** TƯỢNG PHẬT NIẾT BÀN:**

Pho tượng này có nơi đặt dưới bộ tượng Di Lặc, có nơi đặt vào xung sau hoặc đặt tượng Di Lặc. Tượng Phật trên cõi Niết bàn tức là hình tượng Thích Ca Mâu Ni xa lánh cõi đời. tượng tạo theo thế nằm nghiêng, một tay duỗi rất thoải mái, như tâm tư của ngài thoải mái lúc ra đi vậy!

*** BỘ TƯỢNG NGỌC HOÀNG, NAM TÀO, BẮC ĐẤU:**

Phía dưới tượng Phật Niết bàn là tượng Ngọc Hoàng đầu đội mũ bình thiên, hai bàn tay nâng hốt oai vệ. Hai bên có tượng Nam Tào tinh quân và Bắc Đẩu tinh quân, tay cầm sổ ghi chép việc sinh, tử cho nhân gian.

*** TÒA CỬU LONG:**

Phía dưới Ngọc Hoàng là tòa Cửu Long. Tòa này gồm 9 con rồng uốn lượn tạo nên vòm trời và giữa là hình tượng đức Phật lúc sơ sinh, một tay chỉ trời, một tay chỉ

đất “Thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn”.

Tòa Cửu Long được tạc theo nhiều kiểu. Có nơi hệ thống 9 con rồng như đang phun nước rất sinh động. Có nơi gắn theo nhiều bộ tượng nhỏ như Tam Thế, Di Đà tam tôn, tứ vị Bồ Tát, bát vị Kim cương... Có nơi gắn với các bộ tượng đang đánh đàn, thổi sáo như cảnh tượng thần tiên... Hai bên tòa Cửu Long còn có tượng Thổ địa râu tóc bạc phơ, Thánh tăng đội mũ tỳ lư - là người phụng đạo bên cạnh Phật. Và có cả Kim Đồng hay Ngọc Nữ đứng hầu hai bên.

Tòa bên ngoài Phật điện (tam bảo) là bái đường thường to hơn và nằm ngang, tạo lối giao mái bất vắn. Gian giữa là ban thờ chung (công đồng), thường chỉ có bát hương và là ban đặt lễ. Hai bên có tượng Hộ Pháp với kích cỡ rất lớn, thường ngồi trên lưng con sấu. Một vị mặc áo giáp, mặt mở to, mặt đỏ, tay cầm đại đao như để trừng trị những kẻ làm điều ác. Dân gian gọi đây là pho tượng “ác hữu thái tử”, hay nôm na là ông ác. Thực ra hình tượng này là để trừng ác, bảo vệ cho đạo Phật được mãi mãi tồn tại.

Pho bên kia cũng kích cỡ tương đương, mặc áo giáp uy nghiêm nhưng vẻ mặt rất hiền, sắc trắng, tay cầm hạt ngọc như ý, tay kia cầm gậy trúc. Dân gian gọi đây là Thiện hữu Thái tử, hay ông Thiện, ý muốn răn đời nếu làm điều thiện sẽ được ngọc quý, còn nếu làm điều ác sẽ bị trừng trị.

* TƯỢNG A NAN ĐÀ BỒ TÁT:

Pho tượng này còn được gọi là Thánh Hiền. A nan

đà bồ tát làm phận sự tế độ cho chúng sinh. Một tay cầm chén nước “cam lộ” một tay cầm cành dương, hoặc như búng ngón tay, với ý nghĩa là nhúng nước từ bi cõi Phật để cứu vớt mọi người.

Ban thờ A nan đà thường có hai pho tượng nhỏ hơn đứng hai bên. Một pho vẽ nhân từ, một pho vẽ hung dữ đang múa võ. Phải chăng đây là các thần giúp bồ tát tập hợp cô hồn, cũng như giữ trật tự khi được bố thí lễ vật, hoặc tiền, vàng (hai pho nói trên là La Sát và Tiêu Diện đại sĩ).

Tại ban này trong ngày 15 tháng 7 thường có cúng cháo lá đa, cùng với cơm nắm, ngô rang... để đức Thánh Hiền phân phát cho các vong linh không nơi nương tựa.

* TƯỢNG ĐỨC ÔNG:

Tượng Đức Ông thường đặt đối xứng với tượng Thánh Hiền. Dân gian còn gọi đây là Đức Chúa. Điều đặc biệt là vị này thường được các triều đại phong sắc là “Thập bát Long thần”. Truyền thuyết kể về Đức Ông như sau:

Đức Ông tên là Cấp Cô Độc, còn gọi Tu Đạt, là người nước Xá Vệ. Ông hâm mộ đạo Phật, nên bỏ tiền mua vườn đất để xây dựng tịnh xá tu thiền. Lại thỉnh mời Phật Thích Ca cùng chư tăng về giáo hóa cho chúng sinh. Bởi ông là người có công xây dựng chùa, trông nom chùa nên dân gian khi lập chùa thờ Phật đều tạc tượng ông để thờ, lại coi ông là người quản lý chùa cảnh. Nên khi vào chùa lễ Phật, mọi người đều làm lễ ban Đức Ông, như để báo cáo và mong Đức Ông đại xá cho những lỗi lầm.

VĂN KHẤN ĐỨC ÔNG

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Kính lạy Đức Ông Tu Đạt tôn giả, Thập bát Long thần Gia Lam chân tế.

Hôm nay là ngày... tháng... năm...

Tín chủ là... đồng gia quyến ngụ tại...

Kính lạy Đức Ông, gia quyến chúng con, thành tâm kính lễ, hương hoa vật phẩm, gọi chút lòng thành, mong ngài soi xét.

Trộm nghĩ:

Chúng con sinh nơi trần tục,

Tránh sao được sự lỗi lầm.

Trước Phật đường sám hối ăn năn,

Kính mong đức Già lam chân tế.

Mở lòng tế độ, che chở chúng con

Làm ăn thuận lợi trong năm

Tiêu trừ bệnh tật tai ương

Vui hưởng lộc tài may mắn.

Cúi mong ngài: Chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp cầu

Dãi tấm lòng thành, xin ngài phù hộ

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô A di đà Phật!

(Vái 3 vái)

Trong nội tự còn có khu nhà tổ thờ Tổ Đạt Ma (Tổ Tông) là tổ truyền giáo sang Việt Nam, thờ các sư tổ của chùa. Nhiều nơi đặt tượng Địa Tạng Bồ Tát ở một gian trong nhà tổ (có nơi đặt tại bái đường chùa).

*** ĐỊA TẠNG BỒ TÁT:**

Địa Tạng thường tạc theo thế đứng, đầu đội mũ thất phật (hay cánh mũ có hình bảy vị Phật), mặc áo cà sa, tay phải cầm gậy tích trượng, tay trái cầm ngọc minh châu. Có nơi tạc ngồi trên tòa sen, hoặc ngồi trên lưng thú (như con sấu).

Ban này thường làm lễ cầu siêu, nhờ đức Địa Tạng tiếp linh cho hương linh của các tín chủ được nương nhờ dưới bóng Phật. Có truyền thuyết còn cho đức Địa Tạng là giáo chủ nơi U minh (cõi âm).

VĂN KHẤN ĐỨC ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Nam mô A di đà Phật

Nam mô đại từ, đại bi bản tôn Địa Tạng Vương bồ tát

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là... đồng gia quyến đấng.

Ngụ tại.....

Thành tâm cúi lạy trước Phật đài, kính dâng hương
hoa phẩm vật, Cung thỉnh Bồ Tát đại từ, đại bi, giáng
lâm giáng phúc cho tín chủ.

Bái đảo đại đức giáo chủ u minh,

Phật phó chúc nơi cung trời Đạo lợi.

Chở che cho gia quyến chúng con,

Như mẹ hiền phù trì con đỡ.

Nhờ ánh ngọc Minh Châu trừ hạn ách,

Mây từ che chở trí tuệ hanh thông

Tâm đạo khai hoa nở phiền nhệ bớt.

Lúc đang sống một lòng thiện niêm,

Theo gương Đại sĩ tế độ chúng sinh.

Khi vận hạn được ơn cứu độ,

Của Bồ Tát cùng chư vị Thần linh.

Lúc lâm chung vượt cõi u đồ

Lại được tái sinh, lên cõi thiện.

Cúi mong Bồ Tát tế độ cho Hương linh Gia tiên

Cõi U minh hết thấy đều siêu thoát.

Nhất tâm bày tỏ tấc lòng,

Cung trần cầu xin giám cách

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật
 Nam mô A di đà Phật
 (Vái 3 vái)

Một số chùa to, cảnh lớn còn có cả hệ thống “Bát bộ kim cương”, là những thần nhân nguyện đem thần lực hộ trì cho Phật pháp và có tứ vị Bồ Tát là ái Bồ Tát, Sách Bồ Tát, Ngũ Bồ Tát và Quyền Bồ Tát.

Một số chùa có hệ thống Thập điện, tức là các vị Diêm Vương. Bộ tượng này thường thờ hai bên trong Tam Bảo hay Bái Đường. Các vị Diêm Vương trông coi hình ngục ở âm phủ để hành tội vong linh và dân gian vẫn truyền tụng các vị Diêm Vương gồm có:

1. Tần Quảng Minh Vương
2. Sở Giang Minh
3. Tống Đế Minh Vương
4. Ngũ Quan Minh Vương
5. Diêm La Minh Vương
6. Biến Thành Minh Vương
7. Thái Sơn Minh Vương
8. Bình Chính Minh Vương
9. Đô Thị Minh Vương
10. Chuyển Luân Minh Vương

Một số chùa không làm tượng mà vẽ thành 10 cửa điện, hoặc làm 10 phù điêu, diễn tả ngục hình rất ghê sợ: như ném người vào vạc dầu, cắt đầu, cưa chân, cho thú dữ cắn... Phải chăng đây là hình thức răn đời giúp nhân

loại tránh những hành vi độc ác, để khi chết không phải rơi vào ngục hình thảm khốc.

Lại có chùa có cả bộ tượng La Hán với giá trị nghệ thuật cổ truyền độc đáo và đặt ở hai bên hành lang chùa Thập bát La Hán thường thấy như sau:

*** Tổ thứ I:**

Ma ha già diệp, tượng đứng, một tay chống gậy trúc, một tay cầm sách.

*** Tổ thứ II:**

A nan vương, ngồi co một chân, hay tay cầm cuốn sách tì lên gối.

*** Tổ thứ III:**

Thương ma hòa tụ, ngồi tì khuỷu tay lên gốc cây, tay phải để trên đầu gối.

*** Tổ thứ IV:**

Ưu ba cúc đa, ngồi đọc sách trên đồng lá, cạnh gốc cây.

*** Tổ thứ V:**

Đề đà già, ngồi bó gối trên hòn đá, ngửa mặt lên trời.

*** Tổ thứ VI:**

Di đà già, đứng chống gậy trúc, vẻ mặt tươi cười, đang nói chuyện với tiểu đồng (bung hồ rựu).

*** Tổ thứ VII:**

Bà tu mật, đứng chấp tay, ngửa mặt, trước một lu trầm.

*** Tổ thứ VIII:**

Phật đà nan đề, ngồi ngoáy tai bên gốc liễu, người to béo, bụng phệ, áo hở ngực, co một chân, vẻ mặt tươi cười.

*** Tổ thứ IX:**

Phúc đà mặt đa, ngồi xếp bằng cạnh lư hương, lô trầm, tay phải cầm gậy trúc, tay trái tì lên bệ.

*** Tổ thứ X:**

Hiệp tôn giả, đứng chéo chân, hai tay tì lên chân cây tùng, có một tiểu đồng đang chấp tay.

*** Tổ thứ XI:**

Phú na đa xa, ngồi co một chân, tay đặt lên đầu gối, phía trước có một người đang làm lễ.

*** Tổ thứ XII:**

Mã minh ba la, ngồi ngựa mặt nhìn con rồng, có râu quai nón.

*** Tổ thứ XIII:**

Già bì ma la, tượng đứng, có răn quấn ngang lưng.

*** Tổ thứ XIV:**

Long thụ tôn giả, ngồi nhập định trên bông hoa sen (dưới là nước), trước mặt có rồng châu.

*** Tổ thứ XV:**

Gia na đề bà, ngồi bên gốc tùng, tay trái giơ ngang ngực, ngựa mặt.

*** Tổ thứ XVI:**

La hầu la đa, ngồi bên con hươu quỳ, đầu chịt khăn, tay cầm gậy trúc.

*** Tổ thứ XVII:**

Tăng già nan đề, ngồi co một chân, hai tay đặt lên đầu gối, tỳ cầm lên tay, lưng khom, vẻ mặt tươi cười.

*** Tổ thứ XVIII:**

Già đa đa xá, tượng đứng, đặt gậy trúc lên vai, gá h chiếc hòm nhỏ, tay phải tỳ ngang gậy, tay trái cầm một vật

như bánh xe.

Mười tám vị La Hán mỗi vị một vẻ, một tâm tư nhưng đều lạc quan, ngấm sự thế trần gian. Bộ La Hán không giống chùa Tây Phương, số lượng La Hán cũng ít hơn chùa Tây Phương, khiến phải suy ngẫm sự đa dạng phong phú của hệ thống tượng pháp chùa.

Ấy vậy mà các chùa Pháp Vân, bà Đanh, chùa Quế Lâm... còn thờ Tứ Pháp vương Phật. Các chùa Keo, Cổ Lễ, chùa Bi, chùa Thầy... còn thờ Tam Thánh: Từ Đạo Hạnh, Không Lộ Thiền sư, Giác Hải thiền sư. Các chùa Yên Tử, Phổ Minh, Côn Sơn thờ Trúc Lâm tam tổ. Chùa Giám thờ Tuệ Tĩnh, chùa Tượng Sơn thờ Hải thượng Lãn ông Lê Hữu Trác, chùa Long Phú (quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh) thờ ông Địa (Thần tài).

Chưa tính sự phối thờ đan xen, mà số lượng tượng pháp ở chùa đã nhiều. Chùa ít cũng một vài chục vị. Chùa vào dạng danh lam cổ tích có tới năm, bảy chục vị. Do vậy việc dâng hương không thể lễ hết từng vị, mà người ta khẩn vái vài ba nơi, hoặc khẩn tại ban công đồng. Dân gian đã làm bài sớ tâu cầu được bình yên.

DƯỚI ĐÂY LÀ SỚ VĂN CẦU AN ĐỂ LỄ TẠI CÔNG ĐỒNG:

Lễ Phật kỳ an sớ

Phục dĩ:

Phú thọ khang ninh

Nãi nhân tâm chi sở nguyện

Tai ương hạn ách bằng pháp lực dĩ giải trừ.

Nhất niệm chỉ thành

Thập phương cảm cánh.

Viên hữu Việt Nam quốc

Tỉnh.....huyện.....xã.....thôn.....

Y vụ linh tự cư.....

Phụng Phật thánh cúng dàng

Xuân thiên thượng sớ, giải hạn kỳ an

Cầu tài diên sinh sự.

Kim thần tín chủ.....

Hợp đồng gia đẳng.

Tức nhật ngưỡng can tuệ nhân

Phủ giám phạm tâm, ngôn niệm thần đẳng.

Sinh cư dương thế, sớ tại thiên cung

Hạ càn khôn phú tái chi ân,

Cảm Phật Thánh phù trì chi lực

Hành tàng hoặc hữu quai vi

Xuất nhập năng vô quá cũu

Phi tương lễ vật cụ trần

Hạt đắc bình minh thịnh chí

Cung duy

Nam mô thập phương vô lượng chư Phật thường trụ

tam bảo, Kim liên tọa hạ.

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, tầm thanh linh cảm, Nam hải quan thế âm Bồ tát, Hồng liên tọa hạ.

Tam giới thiên chúa tứ phủ vạn linh Công đồng thánh đế, Ngọc bệ hạ.

Đương niên hành khiển, chư nguyệt nhật thời Tôn thần, vị tiền:

Bản mệnh chính chiếu liệt vị tinh quân, bản mệnh liệt vị quyền cai công chúa, vị tiền.

Bản tự thập bát Long thần Già Lam chân tổ, vị tiền.

Cung vọng chư tôn, thù tình lân mẫn, chiếu giám tấu vãn. Phục nguyện đức đại khuông phù, ân hồng tế độ, công minh chính trực đại khai vũ lộ chi lương thâm, xá quá tiêu khiên quảng bá hà sa chi diễm phúc. Tỷ thần đẳng gia môn hanh thái, mạnh vi khang cường, canh sử thương mại tứ thì vô họa hoạn chi ngu, học tập ngôn hành bát tiết hữu trình tường chi triệu. Nhất ý thành cầu, vạn ban quả toại. Đãn thần hạ tình vô nhâm kích thiết bình dinh chi chí - Cẩn sớ.

Thiên vận... niên, nguyệt, nhật. Tín chủ thành tâm cụng tấu.

Dịch nghĩa:

Sớ lễ Phật cầu được bình yên

Cúi xin thưa rằng:

Giàu có, sống lâu và yên vui

Là sở nguyện của con người.

Vạn hạn, tai họa trông vào pháp Phật giải thoát

Đốc lòng tụng niệm, động đến mười phương.

Nay tại nước Việt Nam tỉnh..... huyện..... xã.....
thôn.....

Tại chùa thiêng... (chùa gì?)

Phụng sự Phật, Thánh có lễ dâng cúng.

Ngày xuân dâng lên sớ tấu, cầu cho hết nạn được
bình yên.

Cầu tài lại mong được trường thọ.

Nay tín chủ tôi là... cùng cả nhà trên dưới

Ngày ngày giữa trông chư vị Phật, Thánh thông sáng

Thấu tỏ cho lòng dạ chúng con, miệng niệm cầu xin.

Bởi lẽ chúng con sinh nơi trần thế,

Nhưng số kiếp tại cung trời.

Cúi trông trời đất che chở gia ân.

Kính mong Phật, Thánh phù trì bằng pháp lực.

Trong cuộc sống chắc có sự sơ suất.

Ra vào không tránh khỏi lỗi lầm.

Nay xin được kính dâng lễ vật,

Cầu mong sao được sự bình an.

Nay cung kính.

Nam mô thập phương vô lượng chư Phật

Thường trụ tam bảo. Kim liên tọa hạ

Nam mô đại từ bi cứu khổ cứu nạn, tầm thanh linh
cảm, Nam Hải Quan Thế âm Bồ Tát, Hồng liên tọa hạ

Tam giới thiên chúa, tứ phải vạn linh Công đồng
thánh đế, Ngọc bệ hạ.

Đương niên hành khiển, chư nguyệt nhật thời Tôn
thần vị tiền.

Bản mệnh chính chiếu liệt vị tinh quân,

Bản mệnh liệt vị quyền cai công chúa, vị tiền.

Bản tự thập bát long thân Già lam chân tế, vị tiên.
 Kính xin chư vị Tôn thần mở lòng thương xót.
 Chấp nhận tấu văn, mong đức lớn khuông phù.
 Mở lòng cứu giúp, chính trực công minh.
 Giúp chúng con có đường đi lương thiện.
 Bỏ qua lầm lỗi, ban cho phúc đẹp, diễm lành.
 Cho gia đình con được thịnh vượng.
 Bản thân con sức khỏe dồi dào
 Bốn mùa làm ăn, buôn bán không lo hoạn nạn.
 Tám tiết lời nói việc làm được tốt đẹp rõ ràng.
 Một dạ cầu xin muôn điều toại nguyện.
 Chúng con vô cùng lo sợ, cẩn trọng làm sơ văn...
 năm... tháng... ngày.
 Tín chủ thành tâm dâng tấu.

Nói đến chùa, tất mọi người đều rõ chính là nơi thờ Phật, còn việc thờ các vị khác chẳng qua là phối thờ, phối thờ lại không phải là phổ biến, chùa có chùa không. Bởi vậy đến chùa thấy chư vị tăng ni, mọi người đều chào bằng câu A di đà Phật, tức là đọc đệ hiệu đức Phật thời quá khứ. Khi đến chùa lễ Phật, tụng kinh đều dùng chữ “Nam mô” hay “Nam vô A di đà Phật”. Nam là phương Nam, vô còn đọc là mô, tiếng Phạn là Namama nghĩa là cung kính, quy y. nam mô hay Nam vô A di đà Phật là cung kính đức Phật A di đà.

Đạo Phật còn gọi đạo Thiên. Các vị sư nổi tiếng thường được gọi Thiên sư, ngôi để tinh tâm còn gọi Thiên đình. Vậy chữ Thiên ở đây là một phép tu căn bản của Phật giáo. Ngôi Thiên để được tinh tâm, để chống những

khủng hoảng tinh thần, chống những ô nhiễm về tinh thần để mở ra lối thoát, chống sự phiền não trong người.

Riêng lĩnh vực tượng pháp bài trí ở chùa Việt Nam thì thật phong phú. Mặc dù thời gian, chiến tranh đã tàn phá bình địa nhiều nơi cổ tự. Nhưng với những tượng Phật bằng đá hiện tồn tại, cũng như nhờ khai quật khảo cổ học ở nhiều nơi và ở chùa Long Dọi Hà Nam, Tháp chùa Chương Sơn, Nam Định về di sản thời Lý. Hàng loạt bệ đá hoa sen thời Trần, hàng loạt văn bia thế kỷ XV, XVI, XVII, cho biết về tượng pháp bài trí ở Phật điện như tượng A di đà, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, tượng Thích Ca lúc sơ sinh, rồi các pho Ngọc Hoàng Nam tào, Bắc đẩu, tượng La Hán, Bồ Tát, Ngọc Nữ, Kim Đồng, Quan Âm Nam Hải, tượng Long thần, Trưởng giả, Kim cương, Hộ pháp, Thổ địa, Phạm Thiên, Đế Thích... Lại cả tượng Cô hồn, Khổng Tử, Lão Tử... khiến chúng ta phải khẳng định việc thờ tự ở chùa với các tượng pháp Phật điện là rất phong phú và có từ lâu đời. Nhưng vì thời gian và sự bảo tồn hạn chế nên nhiều chùa hiện tại bài trí khá đơn sơ, chắp vá. Các chùa lớn, quy mô cũng còn thiếu tượng pháp. Tuy vậy, xin đơn cử sự bài trí ở một ngôi chùa để độc giả tham khảo khi đi hành hương lễ Phật.

Ghi chú

Tam thế còn gọi Tam thân, gồm ba pho tượng Phật, đều ngồi trên tòa sen theo thế tĩnh tọa. Biểu tượng của ba thời kỳ tu hành quá khứ, hiện tại và tương lai.

- A di đà là đức Phật thời quá khứ, chúng sinh được thoả mãn trong cuộc sống, cầu được ước thấy (có nơi vị

trí này lại là đức Phật Thích Ca. Hai bên thường có Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền).

- Di Lạc là đức Phật sau này, để tiếp độ chúng sinh.

- Quan Âm (hoặc Diệu Thiện) có 12 hoặc 24, 36 tay, 100 mắt, 1000 tay...

- Tòa Cửu Long: Phật Tổ lúc sơ sinh, có 9 rồng phun nước, xung quanh thường có nhiều tượng nhỏ thuộc Phật giới.

Hệ thống tượng pháp bài trí trên đây vừa bộc lộ sự cao quý, thể hiện pháp lực nhằm cứu vớt chúng sinh, đủ chứng minh lòng từ bi rộng lớn của đức Phật, để giải thoát cho con người vượt bể khổ trầm luân. Do vậy, khi đến chùa hẳn mọi người nhận ra đức tính bình đẳng, từ bi hiền hòa và chính đức tính đó đã làm cho bản thân thanh thản, lại làm cho tâm rung động trước nỗi khổ của mọi người. Qua đó mà vững vàng thêm lý trí, nỗ lực hành động để giải thoát cho mình và cho cả người khác.

Nhưng khi lên chùa, trước cửa Tam Bảo có ba điều quý đó là “Phật, Pháp, Tăng” phải giữ sao cho hài hòa. Dân gian thì nói: “Kính Phật trọng Tăng”. Do vậy, thấy Tăng ni mọi người tỏ thái độ kính trọng. Còn việc sắm lễ thì đâu phải “vô vật bất linh”. Mà chính là do ở tâm thành, như người xưa đã nói “Linh tại ngã bất linh tại ngã”. Do vậy, đi lễ chùa chỉ cốt tâm, lễ vật phải thanh tịnh thì sẽ có linh nghiệm.

Đến chùa chỉ nên sắm hương hoa, oản quả, chớ đem lễ mặn lên ban thờ Phật. Nghĩa là chỉ dâng cỗ chay. Còn nếu trong nội tư thờ các bậc Thánh như Thánh Mẫu thì có thể thêm lễ mặn nhưng tránh sự rườm rà.

Điều quan trọng là trước khi lên chùa lễ Phật thì tâm phải trong, không có hành vi độc ác, chua ngoa, tục tĩu... nếu vậy thì đã làm đúng lời Phật dạy và cũng là nét đẹp văn hóa của bản chất dân tộc.

3. NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI CHÙA

Tuy chùa có nhiều tòa, nhiều ban lễ nhưng giáo lý nhà Phật không ngại nghèo, cố chấp vào việc lễ. Do vậy, việc lễ chùa khá đơn giản, dễ lễ, dễ kêu cầu. Mọi người có tâm thành đều có thể lễ được.

- Nhiều người dâng lễ tại chính điện trước, rồi mới tiếp tục đến ban Đức Ông, ban Thánh Hiền, Nhà Tổ, Nhà Mẫu. Nghĩa là lễ chư vị Phật, Bồ Tát, Ngọc Hoàng trước. Nhưng cũng nhiều người hiểu vai trò Đức Ông, là người cai quản ngôi chùa nên đến đặt lễ thỉnh cầu sở nguyện với Đức Ông trước rồi mới đặt lễ, dâng hương tại chính điện và các ban, nhà Tổ, nhà Mẫu.

- Khi lễ thường vái ba hoặc năm vái. Nếu có vấn đề khẩn cầu xin vị nào về việc gì đó thì đọc khẩn trước ban đó, khẩn xong hóa văn khẩn như để các vị tiếp nhận sự kêu cầu, đăng phù hộ cho mình...

- Lễ xong (gần chấy hết nén nhang, khoảng 2/3 nén) thì hạ lễ. Hạ lễ xong có thể đem một phần lộc, hoặc ít tiền dầu nhang lên trai phòng cảm tạ nhà chùa. Có người muốn cúng dường hoặc phát tâm tu bổ chùa cảnh, tượng pháp thì bỏ vào hòm công đức, hoặc trao đổi với nhà chùa hay ban quản lý chùa.

- Một số người là Phật tử thì các ngày sóc, vọng đều phải trai giới, chay tịnh (ăn chay, ngủ riêng), mặc y phục chỉnh tề lên chùa lễ Phật, đọc kinh sám nguyện, khóa nhật tụng hay kinh Dược sư...

- Đối với khách hành hương thì có thể khăn miệng, nếu có văn khấn trên giấy, trên sách thì mở đọc cũng được. Xin giới thiệu một vài bài văn khấn nữa để bà con tham khảo, tiện sử dụng khi đi lễ chùa.



VĂN KHẤN TRƯỚC CHÍNH ĐIỆN (TAM BẢO)

(Vái 5 vái)

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô Thích ca Mâu ni Phật!

Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan thế âm
Bồ tát.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ chúng con là.....cùng với gia
quyển.....

Nguyên quán tại.....

Trú quán tại..... thôn (phố)..... phường (xã).....
huyện (thành phố)..... tỉnh.....

Thành tâm trước phật đài, lễ vật hương hoa, nhất
tâm kính lễ.

Kính mong Phật tổ chứng giám, chư vị Bồ tát vị tha.

Đức Ông Thập bát Long thần mở lòng nhân từ đại xá

Trí tuệ mở mang, ưu phiền giảm nhẹ.

Nhờ ánh hào quang soi tỏ, khiến nghiệp chướng tiêu
tan.

Tâm đạo tỏ tường cõi lòng được thanh thản.

Chúng con xin nhất tâm thiện nguyện,

Cầu mong cho gia cảnh bình yên.

Bốn mùa, tám tiết gia đạo hưng long,

Quang năm thịnh vượng, lộc tài đưa đến.

Chúng con kính lạy trước Phật đài, cửa từ bi quảng
đại.

Nhất sự nhất xá, vạn sự cho qua,

Đãi tỏ tấc thành, cúi xin giám cách.

Nam mô A di đà Phật!
 Nam mô A di đà Phật!
 Nam mô A di đà Phật!
 (Vái 5 vái)

Hiện nay, một số gia đình có người chết, thường lên chùa làm lễ cầu siêu, mong cho vong linh cầu siêu được siêu thoát. Việc làm này đã có từ lâu đời, nó là tục lệ, do vậy xin đề cập để mọi sự tham khảo bài văn cầu siêu:

VĂN KHẤN CẦU SIÊU CHO GIA TIÊN

Trước tam bảo chúng con trộm nghĩ:
 Mười phương Phật đại giác, soi tỏ chốn đường mê.
 Ba cõi đức đại sư, thả thuyền từ nơi bể khổ.
 Nay tín chủ chúng con là.....
 Ngụ tại.....
 Cùng toàn thể gia quyến, cháu con.....
 Trước Phật đài làm lễ cầu siêu độ.....
 Cho Gia tiên là (ông, bà, cha, mẹ...)
 Tên là... năm sinh... hưởng thọ.....
 Mất..... giờ..... ngày..... tháng.....
 năm.....

Phần mộ mai táng tại xứ đồng..... xã.....
 huyện..... tỉnh.....

Chúng con kính dâng được hồng ân Tam bảo, đại xá cho vong linh. Bởi lúc bình sinh nơi trần thế, tuệ cạn chướng sâu, nghiệp dày phúc mỏng.

Sai lầm đã lắm, ân oán khó qua,
 Nay lễ cầu siêu, tỏ lòng sám hối.
 Kính lạy trước Tam bảo mười phương chư Phật.
 Kính lạy đức giáo chủ Thích Ca Mâu ni Phật.
 Kính lạy đức Đại Tạng vương Bồ tát...
 Chư vị đại từ, đại bi, cứu khổ cứu nạn.
 Cứu vớt vong linh...
 Được thoát cõi u đồ, nấp bóng đài sen cửa Phật.
 Để được hưởng một kiếp thanh thoi thân cung mát

mẻ

Lại xin cầu nguyện cho chúng con:
 Sở nguyện tòng tâm, tứ thời mạnh khoẻ
 Điều lành hay đến, việc dữ tránh xa.
 Khang thái vinh hoa gia môn phổ cập.
 Nam mô A di đà Phật!
 Nam mô A di đà Phật!
 Nam mô A di đà Phật!
 (Vái 5 vái)

Hàng năm nhân dân lên chùa lễ Phật theo các ngày sóc, vọng (rằm, mồng một) đặc biệt là các ngày lễ tiết như tết Nguyên Đán; lễ rằm tháng Giêng. Lễ ngày đức Phật đản sinh 15 tháng 4 (trước đây là vào ngày 8 tháng 4).

Mọi người cũng đi lễ chùa rất đông vào ngày rằm tháng Bảy là ngày lễ Vu Lan (xá tội vong nhân). Ngoài những ngày đó còn có các ngày lễ vía Phật Thích Ca nhập niết bàn (mồng 8 tháng 2), lễ vía Quan Âm Bồ Tát, phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát...

Do vậy nếu chuyên tâm đi lễ chùa chắc cũng mất nhiều thời gian. Đó là chưa kể ở một số chùa còn thờ vua, thờ Thánh, thờ các vị quốc sư, thờ các bậc danh y... nên nhà chùa cũng phải sắp xếp khoa học để giảm nhẹ phần nào việc nghi lễ, mà vẫn trọn vẹn việc đạo, việc đời.

Tín đồ, Phật tử cũng như khách hành hương đi lễ chùa còn có nhu cầu được Phật Thánh tế độ cho việc tăng tài, tăng lộc. Cầu xin khỏi bệnh, bán khoán trẻ nhỏ để mong con cháu mau lớn, khoẻ mạnh... Việc bán khoán là tập tục thường làm ở đền thờ, nhưng ở chùa cũng có lễ bán khoán, tức là làm lễ cầu Phật, cầu Đức Ông nhận trẻ nhỏ làm con cái, bảo vệ, phù hộ cho trẻ mạnh khoẻ, thông minh cho đến lúc trưởng thành. Có người làm lễ bán hết một giáp (13 tuổi), sau đó phải làm lễ để chuộc lại đứa trẻ nhưng cũng có người lại làm lễ bán khoán trọn đời (tuỳ theo gia chủ) và đứa trẻ sẽ không phải làm lễ chuộc lại nữa. Số bán khoán được lập thành ba bản, một bản đốt sau khi hành lễ, một bản nhà chùa lưu, một bản mại chủ giữ. Khi nào con lớn làm lễ chuộc lại thì sẽ đốt hết văn khoán.

Thông thường nhà chùa sẽ hướng dẫn cho gia chủ sắm lễ, đồng thời hướng dẫn làm văn khấn, việc này hiện nay ít người thực hiện vì đa phần nhà chùa sẽ khấn cho.

VĂN KHOÁN KHẮN MẠI ĐỒNG TỬ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập tự do hạnh phúc

Tuế thứ... tỉnh... huyện (thành phố)... xã (phường)...

Y vụ... tự cụ.

Phụng Phật Thánh tiến lễ khất mại đồng tử, lập khoán văn kỳ binh an diên thọ sự.

Kim thần mại chủ (tên người đứng bán)... thê... đồng phu thê đẳng.

Hỷ kiến cư... niên... nguyệt... nhật... thời..., sinh hoạch nam (nữ) tử niên phương... tuế.

Lự kỳ hình xung, tướng khắc, quý mị vi ương. Tất bằng Thánh đức dĩ khuông phù, hạt ký duyên sinh vu tính mạch. Vị thử, y dục thọ Tràng đấu vu;

Phật thánh toạ hạ mại qui. Cung duy

Nam mô phật phương vô lượng thường trụ Tam bảo

Kim liên toạ hạ.

Nam mô đại từ đại bi, linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát,

Hoàng liên toạ hạ.

Bản tự thập bát Long thần già lam chân tế, vị tiền.

Vọng vi Thần tộc chi môn; nguyện chi minh linh chi tử.

Kim khất cải tính danh vi... (cải họ tên mới)

Cấm trừ chủ Quan sát sự. Thần phục vọng:

Đức đại khuông phù, âm phù bảo hựu.

Vận thần thông lực, tiến trừ tà quỷ vu tha phương.

Khử chúng hung đồ tốc phó doanh châu ư ngoại

cảnh.

Tự tư hưởng hậu, bất đắc vãng lai.

Nhược ngoan tà đảng chúng bất tuân,

Chiếu pháp luật thi hành.

Túc mại chủ... cử tấu.

Thánh hiền ư luật trị tội, tu trí khoán giả.

Hữu khoán ngưng.

Tả thiên thiên lực sĩ

Hữu vạn vạn hùng binh.

Trung sai ngũ hổ đại tướng quân.

Đảng quan, chuẩn tử.

Kê: Nhất phó phụ mẫu, sơ sinh dưỡng dục chí... tuế thực khoán, tái mại bách tuế như nghi vi chiếu dụng giả nhị viên chứng kiến.

Tả Đương niên Hành khiển chí đức Tôn thần.

Hữu Đương cảnh Thành Hoàng bản thổ đại vương từ hạ vi bằng.

Tuế thứ... niên... nguyệt... nhật... thời lập khoán

Thích Ca Mâu ni Như Lai di giáo đệ tử thần phụng hành.

Đã bán khoán và trở thành con cái nhà Phật thì các ngày lễ lớn, hoặc sóc vọng, thường phải lên chùa làm lễ. Người bán con là mại chủ thì khẩn theo bài văn sau:

VĂN KHẤN DÀNH CHO GIA CHỦ

Nam mô A di đà Phật (5 lạy)

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Con mại chủ tên là... cùng vợ (hoặc chồng) là... cùng mại tử là... trước Phật đài chúng con xin cúi lạy chín phương trời, mười phương chư Phật.

Kính lạy đức Ông bản tự Thập bát Long Thần Già lam chân tổ.

Chúng con chí tâm chí thành, sắm biện lễ vật hương hoa, nhân ngày... dâng lên đức Phật cùng đức Ông bản tự. Kính mong chư vị lượng trời soi xét, xá tội xá lỗi, độ trì cho mại tử là... cùng gia quyến bình an vô sự, thịnh vượng an khang. Điều lành đưa đến, điều dữ đuổi đi, tám tiết bốn mùa, không lo vận hạn lại kính mong chư vị mở lượng xét soi.

Cho chúng con được sở cầu như ý.

Cho mại tử được tốt bằng người, tươi bằng bạn vạn sự khang ninh.

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô A di đà Phật!

Nam mô A di đà Phật!

(Vái 5 vái)

4. MỘT SỐ CHÙA ĐÁNG CHÚ Ý

Chùa Một Cột (Hà Nội)

Chùa được xây dựng vào mùa đông tháng 10 âm lịch năm 1049. Chùa chỉ có một gian nằm trên một cột đá ở giữa hồ Linh Chiểu nhỏ có trồng hoa sen. Truyền thuyết kể lại rằng chùa được xây dựng theo giấc mơ của vua Lý Thái Tông (1028-1054) và gợi ý thiết kế của nhà sư Thiên Tuệ. Vào năm 1049, nhà vua đã mơ thấy được Phật bà Quan Âm ngồi trên tòa sen dất vua lên toà. Khi tỉnh dậy, nhà vua kể chuyện đó lại với bầy tôi và được sư Thiên Tuệ khuyên dựng chùa, dựng cột đá như trong chiêm bao, làm toà sen của Phật bà Quan Âm đặt trên cột như đã thấy trong mộng và cho các nhà sư đi vòng xung quanh tụng kinh cầu kéo dài sự phù hộ, vì thế chùa mang tên Diên Hựu.

Hằng năm cứ đến ngày 8 tháng 4 Âm lịch, nhà vua lại tới chùa làm lễ tắm Phật. Các nhà sư và nhân dân kinh thành Thăng Long cùng dự lễ. Sau lễ tắm Phật là lễ phóng sinh, vua đứng trên một đài cao trước chùa thả một con chim bay đi, rồi nhân dân cùng tung chim bay theo trong tiếng reo vui của một ngày hội.

Đến năm 1105, vua Lý Nhân Tông cho sửa ngôi chùa và cho dựng trước sân hai tháp lợp sứ trắng. Năm 1108, Nguyên phi ỷ Lan sai đúc một cái chuông rất to, nặng một vạn hai nghìn cân, đặt tên là “Giác thế chung” (Quả chuông thức tỉnh người đời). Đây được xem là một trong tứ đại khí - bốn công trình lớn của Việt Nam thời đó - là: tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh và

tượng Quỳnh Lâm. “Giác thế chung” đúc xong nặng quá không treo lên được, để dưới mặt đất thì đánh không kêu. Người ta đành bỏ chuông xuống một thửa ruộng sâu bên chùa Nhất Trụ, ruộng này có nhiều rùa, do đó có tên Quy Điền chuông (chuông ruộng rùa).

Đến thế kỷ XV giặc Minh xâm lược, chiếm thành Đông Quan (Hà Nội). Năm 1426 Lê Lợi đem nghĩa quân Lam Sơn ra đánh, vây thành rất gấp. Quân Minh thiếu vũ khí đạn dược, tướng Minh là Vương Thông bèn đem phá chuông Quy Điền lấy đồng. Quân Minh thua, nhưng chuông Quy Điền thì không còn nữa.

Cạnh chùa Một Cột ngày nay còn có một ngôi chùa có cổng tam quan, với ba chữ “Diên hựu tự”, là ngôi chùa mới được xây dựng phụ vào với chùa Một Cột, xây khoảng đầu thế kỷ XVIII.

Theo tài liệu lịch sử, lối kiến trúc một cột có từ trước đời nhà Lý. ở Hoa Lư, Ninh Bình trong ngôi chùa con gái vua Đinh Tiên Hoàng, có một cây cột đá cao, sáu cạnh, khắc bài kinh Lăng Nghiêm, đề niên hiệu thời Lê Hoàn (981-1005). Phía trên cột là tòa sen chạm. Năm Long Thụy Thái Bình thứ năm đời Lý Thánh Tông (1058) có xây điện Linh Quang ở Thăng Long, phía trước điện dựng lầu chuông, một cột sáu cạnh hình bông sen.

Như vậy, trước khi xây chùa Một Cột, lối kiến trúc đó đã là một thực tế nghệ thuật cổ truyền. Ngôi chùa có kết cấu bằng gỗ, trong chùa đặt tượng Phật bà Quan Âm để thờ. Năm 1105, vua Lý Nhân Tông cho mở rộng kiến trúc khu chùa có thêm hồ Linh Chiểu. Về sau, quy mô chùa Một Cột chỉ còn lại ngôi chùa nhỏ trên cột đá như

hình ảnh hiện nay. Thực dân Pháp trước khi rút khỏi Hà Nội đã cho nổ mìn phá chùa. Tuy nhiên, chùa đã được trùng tu cơ bản như trước. Chùa Một Cột hiện nay bao gồm đài Liên Hoa hình vuông, chiều dài mỗi cạnh 3m, mái cong, dựng trên cột cao 4m (không kể phần chìm dưới đất), đường kính 1,20m có cột đá là 2 khúc chồng lên nhau thành một khối. Tầng trên của cột là hệ thống những đòn gỗ làm giá đỡ cho ngôi đài ở trên.

Đài Liên Hoa có mái ngói, bốn góc uốn cong, trên có lưỡng long triều nguyệt. Ngày nay không có những cánh sen trên cột đá như đã nói đến trong bia văn thời nhà Lý, nhưng ngôi chùa dựng trên cột vươn lên khỏi mặt nước vẫn là kiến trúc độc đáo, gợi hình tượng một bông sen vươn thẳng lên khu ao hình vuông được bao bọc bởi hàng lan can làm bằng những viên gạch sành tráng men xanh. Kiến trúc chùa xây dựng gần với kiến trúc nhà Hậu Lê. Trong vườn chùa hiện có một cây bồ đề sum xuê từ đất Phật, do tổng thống Giăng Pra-sat tặng nhân dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh qua thăm ấn Độ năm 1958.

Chùa Dâu (Luy Lâu Bắc Ninh)

Chùa Dâu – Luy Lâu thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, xưa đây là thủ phủ của Giao Châu. Từ thế kỷ III, Sĩ Nhiếp đã có công khai hoá Giao Châu. Sau đại sư Khâu Đà La là người Ấn Độ đến tu hành ở Luy Lâu gần nửa thế kỷ, đã để lại sự thành đạt quan trọng cho Phật giáo Việt Nam. Tiếp theo Khâu Đà La còn có các vị cao tăng như Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Tì-ni-đa-lưu-chi từ Ấn Độ truyền giáo vào trung tâm Luy Lâu

khiến Phật giáo Việt Nam được tiếp đón Phật pháp từ cội nguồn Thiên Trúc.

Song điều lý thú hơn là từ trung tâm Phật giáo Luy Lâu lại khởi nguồn về tứ Pháp Vương Phật: Vân, Vũ, Lôi, Điện (mây, mưa, sấm, chớp). Mà chùa Dâu (Thiền Định tự), sau đổi (Diên ứng tự) thờ Phật Pháp Vân (bụt mây). Chùa Đậu (Thành Đạo Tự) thờ Phật Pháp Vũ (bụt mưa). Chùa Tướng (Phi Tướng tự) thờ Phật Pháp Lôi (bụt sấm). Chùa Đàn (Trí Quả tự) thờ Phật Pháp Điện (bụt chớp). Truyền thuyết cho rằng các pho tượng Phật Pháp Vân, Vũ, Lôi, Điện, ở đây do Sĩ Vương cho tạc từ Chân cây gỗ dung thực, gắn với sự tích Phật Mẫu Man Nương và từ những ấn tượng trên nên ngày 8 tháng 4 là ngày Man Nương sinh hạ một bọc, rồi bỏ vào gốc cây, sau hoá thạch thành “Thạch Quang Phật”. Lại trùng hợp với ngày đản sinh của Đức Phật Thích Ca (theo cách trích cũ) nên mọi người náo nức kéo về Luy Lâu mở hội lớn, rước Đức Phật Thích Ca, rước Phật mẫu và Tứ Pháp. Trong hội có lệ tắm Phật, cầu phúc và các diễn trình lễ hội văn hoá khác.

“Dù ai đi đâu, ở đâu

Tháng tư ngày tám Hội Dâu thì về”.

Chùa Đậu

(Thường Tín – Hà Nội) - (Hà Tây trước đây)

Cách đường quốc lộ 1A chừng 4km, chùa Đậu là công trình tôn giáo thờ Phật như các chùa khác. Nhưng đây còn thờ Pháp Vũ Vương Phật, nằm trong hệ thống tứ pháp chùa Dâu – Luy Lâu. Điều đặc biệt hơn cả là tại

đây, hai vị chân tu Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Trường đã tịch diệt một cách diệu kỳ, ngôi ở Thọ Am theo thế tinh toạ, lại dặn đệ tử nếu qua 7 ngày không thấy mùi hôi thì cứ để yên, bảo tồn trên 300 năm mà bộ hài cốt vẫn tồn tại trong không gian như các pho tượng gỗ vậy!

Một hình thức tịch diệt do tự mình định liệu. Không rõ có bàn tay khoa học tài tình nào can thiệp mà không động đến nội tạng, không cần mai táng vẫn thành công. Thành công đến mức không chỉ nhân dân Việt Nam mà cả nhân loại phải giật mình bởi sự cao siêu khó lường. Và tất nhiên không ít người nghĩ đến chân lý tu hành, ngay ngôi cổ tự cũng lấy sự viên tịch phi thường của hai vị cao tăng mà đặt tên hiệu chùa “Thành Đạo tự”.

Ở đây, không cứ các ngày sóc, vọng, lễ tiết trong năm mà ngày thường khách hành hương cũng từng đoàn về với chùa Đậu để lễ Phật, cầu phúc và chiêm ngưỡng hai vị thần tăng đang ngồi. Ngôi trên ba trăm năm mà không mệt mỏi, để chứng kiến việc đạo, việc đời, cũng như sự đổi thay của chùa cảnh.

Chùa Mía

(Đường Lâm - Hà nội) (Hà Tây trước đây)

Làng cổ Đường Lâm, Sơn Tây là nơi thu hút không ít nhiếp ảnh gia, đạo diễn, các nhà quay phim và nhiều học giả. Không chỉ có truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời, đây còn là mảnh đất du lịch rất đẹp. Đặc biệt, Đường Lâm có chùa Mía ẩn mình trong sương sớm, nơi để con người chìm vào thế giới thâm nghiêm, tạm quên đi cuộc sống ồn ào, vội vã.

Không giống như nhiều ngôi chùa khác, chùa Mía vào mùa xuân không ồn ào hay nghi ngút khói hương mà vẫn yên tĩnh, trang nghiêm.

Chùa Mía tọa lạc trên mảnh đất xứ Đoài giàu truyền thống, nơi hội tụ quần thể di tích gồm nhiều đền chùa, miếu mạo, phản ánh quá trình xây dựng và gìn giữ một vùng đất giàu truyền thống lịch sử.

Chùa Mía tên hiệu là “Sùng Nghiêm Tự”, nằm trên vùng đồi của làng Đông Xàng (xã Đường Lâm, thành phố Sơn Tây), cách trung tâm Hà Nội gần 50 km về phía Tây. Đường Lâm là một điển hình làng cổ Việt Nam, vừa được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Nơi đây vẫn còn cây đa, bến nước, sân đình, những ngôi nhà đổ rục tường đá ong kiên cố, như chẳng hề có vết tích thời gian.

Thế kỷ XVII, chùa bị hư hỏng, điêu tàn đổ nát. Năm 1632, Cung phi Nguyễn Thị Ngọc Dung đã đứng ra khuyến mộ thiện nam tín nữ các làng Đông Xàng, Mông Phụ, Cam Thịnh, Cam Toàn các làng thuộc Tổng Mía cùng tôn tạo lại. Cung phi Ngọc Dung còn gọi là Ngô Thị Ngọc Diệu, là phi tần trong phủ chúa Trịnh Tráng (1623-1657) vốn là người làng Nam Nguyễn (Nam An). Nhân dân trong vùng mến mộ uy đức của bà, đã tạc tượng đem thờ ở chùa. Người dân nơi đây tôn sùng bà là Bà Chùa Mía. Về sau, Chùa được tu bổ nhiều lần, nhưng đến nay từ quy mô đến kiến trúc của chùa vẫn được giữ gần như nguyên vẹn. Tấm bia dưới gác chuông ghi năm Vĩnh Tộ thứ ba (1621) nói về việc lập chùa.

Ngày nay, con đường đi vào chùa Mía đã được xây

đắp lại, đẹp và sạch sẽ hơn. Từ trung tâm thành phố Sơn Tây, đi khoảng 5 cây số là đến cổng chùa. Từ đây đi thêm một quãng nữa, du khách sẽ đi qua chợ Mía, ngôi chợ nhỏ để người dân buôn bán nông sản.

Ghé vào quán của một cụ bà, ngắm cổng tam quan đơn giản, mộc mạc được tán cây đa già che chở, hẳn nhiều người đều có cảm giác dường như mảnh đất này không hề chịu tác động từ thế giới bên ngoài. Chùa Mía giản dị ngay từ cái nhìn đầu tiên, để du khách khi bước vào mới thấy vẻ đẹp này ít nơi có được. Chùa Mía không ồn ào bởi nhiều dịch vụ trong cúng lễ như ở các đền chùa khác, không sơn son thếp vàng như những ngôi chùa phương Nam, đặc biệt là có một số lượng lớn tượng cổ.

Cấu trúc chùa Mía gồm các tòa Tam quan, chính điện, thượng điện, nhà Tổ, hành lang san sát, nối kề nhau theo hình chữ Mục. Bước qua cổng Tam quan, nhìn sang bên phải, du khách sẽ nhìn thấy cây đa cổ, gốc to khít vòng tay mấy người ôm, rễ cây rắn chắc nổi lên trên mặt đất. Đối đỉnh với ngọn đa già là tòa bảo tháp cử phẩm Liên hoa. Tòa tháp này mới được xây dựng để thờ vọng Xá lợi Phật. Đây cũng là ngọn Tháp bút, Kính thiên, được coi là trấn giữ cho mạch âm của làng quê được an lành và phát triển. Đi vào bên trong là khu nội điện gồm tiền đường, đại hùng, bảo điện, thượng điện được cấu trúc theo kiểu Nội công ngoại quốc rất bề thế.

Thắp hương ở đền chính rồi cứ thế men theo những hành lang nối dài, ban thờ này nối tiếp ban thờ kia, không bao giờ phải quay lưng lại ban thờ nào. Cảm giác

uy nghiêm, bao bọc linh thiêng của chốn Phật đường, dễ dàng tạo cảm giác yên bình, tĩnh tại. Phía trái tiền đường có một tấm bia cao ngang đầu người đặt lên lưng một con rùa đá lớn, có niên đại từ thời Đức Long năm thứ 6 (1632) đời Lê. Tấm bia ghi lại công trạng của Bà Chúa Mía đã dựng chùa ra sao. Tấm bia được coi là to lớn và cổ xưa nhất còn lưu giữ đến ngày nay.

Tháng 5 năm 2006, Thành hội Phật giáo TP.HCM kết hợp với Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam công bố 10 kỷ lục văn hóa Phật giáo Việt Nam, trong đó có Chùa Mía là nơi lưu giữ nhiều tượng nghệ thuật nhất Việt Nam. ở đây có đến 287 pho tượng thờ, trong đó có 174 tượng bằng đất nung sơn son thếp vàng, 107 tượng mộc và sáu pho tượng bằng đồng.

Những pho tượng nổi tiếng là tác phẩm điêu khắc sinh động như: tượng Tuyết Sơn, tượng Di Lặc, tượng Bát Bộ Kim Cương. Ở đây cao 0,76m, không to lớn và nổi tiếng như tượng Tuyết Sơn ở chùa Tây Phương, nhưng cũng được điêu khắc, chạm trổ rất tinh xảo. Tám pho tượng làm bằng đất nung ở tòa thượng điện lại đặc biệt nổi bật với hình khối, bố cục vững chắc, thân hình khỏe khoắn, hài hòa, thể hiện con mắt và bàn tay tinh xảo của những nghệ nhân xưa.

Trái với những đường nét chạm khắc oai nghiêm trên bức tượng Bát Bộ Kim Cương là tượng Quan Âm Thị Kính với những đường nét mềm mại, uyển chuyển và tinh xảo. Tượng miêu tả một người phụ nữ thùy mị, gương mặt phúc hậu, bế đứa nhỏ bụ bẫm, kháu khỉnh. Người dân làng Mía đã tự hào với pho tượng Quan Âm

Thị Kính trong chùa mà sáng tác câu thơ:

“Nổi danh chùa Mía nhà ta

Có pho tống tử Phật Bà Quan Âm”.

Chùa Mía không rộng và đông đúc khách thập phương đến viếng như chùa Tây Phương, chùa Hương hay những ngôi chùa nổi tiếng khác. Ghé thăm chùa vào những ngày đầu xuân, vẫn thấy chùa yên tĩnh, cổ kính như ngày thường. Khách viếng chùa không ồn ào, chen chúc. Khói hương không nghi ngút, thoảng trong không gian tĩnh mịch là tiếng chuông chùa văng vẳng. Người dân ở đây hiền lành quá, chẳng ai dám phá vỡ khung cảnh tĩnh mịch của ngôi chùa cổ linh thiêng.

Từ chùa Mía, du khách đi bộ khoảng 300m là tới một ngôi đền mà các cụ bán hàng trước cổng gọi là đền Mẫu. Người dân đi lễ chùa Mía ngày xuân thường sang đây xin một quẻ thẻ đầu năm lấy may, rồi xin bảng thẻ theo số quẻ thẻ rút được. Không có thầy giải quẻ, nhưng ai nấy đều tự luận bảng giải, cũng là niềm tin tưởng về một năm nhiều tài lộc, may mắn.

Chùa Pháp Vân (Hà Nội)

Chùa Pháp Vân thuộc thủ đô Hà Nội, đây là công trình quy mô, mái cong duyên dáng, như bay lượn tựa mây trôi và ngay tên chùa, mọi người cũng rõ là ngoài thờ Phật với các tượng Tam thế, Di đà Tam tôn, các vị Bồ Tát, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu... còn thờ Thần Mây, Pháp Vân vương Phật.

Xưa kia mỗi khi hạn hán, hắc bà con nơi đây thường đến cầu đảo. Các quan lại thời phong kiến cũng cầu cho

mưa thuận gió hoà để dân được yên. Ngày nay, Chùa Pháp Vân nằm trong lòng thủ đô Hà Nội, chuyện cầu đảo ít thấy, nhưng chuyện cầu phúc trong các ngày tuần tiết thì thường thấy. Bà con cũng như khách hành hương về đây lễ Phật, vừa chiêm ngưỡng công trình đang ngày một sửa sang, tôn tạo.

Danh sơn Yên Tử (Quảng Ninh)

Một đặc thù của Phật giáo Việt Nam là Thiền phái Trúc Lâm, mà tổ sư thứ nhất là đức vua Trần Nhân Tông. Một ông vua anh hùng, hai lần dẫn thân vào cuộc chiến tranh tự vệ giải phóng dân tộc thế kỷ XIII. Giáo phái Trúc Lâm không quá câu nệ về giới luật, lại nhập thế, gắn việc đạo việc đời. Nhưng giáo lý vẫn lấy trí tuệ và từ bi để giải thoát cho chúng sinh nên đương thời được đông đảo tín đồ phát nguyện. Và hiện nay còn một số chùa cảnh đáng quan tâm, nổi bật là danh sơn Yên Tử.

Yên Tử nằm ở phía Tây thị xã Uông Bí, núi non trùng điệp. Đỉnh cao nhất như vươn hẳn lên giữa vùng núi rừng, có độ cao 1068m.

Xưa kia Đạo sĩ tu tiên An Kỳ Sinh đã có mặt tu luyện và đắc đạo hoá trên đỉnh điểm của núi rừng. Rồi Thiền sư Hiện Quang, Thiền sư Đạo Viên, hai thầy trò như đước sáng giữa rừng Thiền Yên Tử. Thiền sư Đạo Viên học rộng, thông hiểu Tam giáo được sư tổ Hiện Quang ban cho hiệu Trúc Lâm và truyền tâm ấn, trở thành tổ sư hai dòng thiền Yên Tử.

Khi Trần Thái Tôn lên ngôi, nội bộ có điều tranh

chấp, Thái Tôn bỏ hoàng thành lên Yên Tử xin quy y. Quốc sư đã khuyên vua:

“Phàm đã làm vua trong thiên hạ, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, phải lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình...”

Lời khuyên chí tình, thấu lý của Quốc sư đã làm cho Trần Thái Tôn yên tâm lo việc trị quốc.

Hoàng đế thứ ba nhà Trần (1258 - 1308) sau khi làm tròn phận sự chăn dân trị quốc, lại quyết tâm bỏ hoàng thành lên Yên Tử tu hành ở tuổi 40. Ngài đã quy y, chịu nhiều nỗi gian lao khổ cực và đã trở thành đệ nhất tổ sư phái Thiền Trúc Lâm Việt Nam. Một giáo phái Thiền biết gắn đạo và đời, biết đặt quyền lợi non sông lên trên lợi ích cá nhân. Tiếp theo đệ nhất Tổ là Quốc sư Pháp Loa - Huyền Quang đã tỏa sáng hào quang cho đạo Thiền dân tộc.

Chùa cảnh nơi đây bị mai một, nhưng núi rừng, hàng tùng cổ, vãn bia, tháp thạch và nhất là bia miệng lưu truyền, khiến người người nô nức lên Yên Tử danh sơn. Và ngày 3 tháng 11 hàng năm, nhiều nơi trong cả nước đều nhớ đến ngày hoá thân về cõi Niết Bàn của đức Điều Ngự Giác Hoàng hiển Phật, Hoàng Đế, Thượng hoàng Trần Nhân Tông.

Chùa Hương

(Hà Nội) - (Hà Tây trước đây)

Chùa Hương còn gọi Hương Sơn tự là nơi danh sơn nổi tiếng của Việt Nam. Xưa bà huyện Thanh Quan đã đề thơ:

“Đệ nhất Nam Thiên ấy cảnh này,
Thuyền nan đón khách mái chèo tay.
Hai bên ngả núi lồng gương suối,
Bốn mặt hoa ngàn rủ bóng cây...”

Hương Sơn còn nổi tiếng bởi đức độ cũng như sự uy linh của Bà Chúa Ba. Phải chăng ở khía cạnh đại đức, đại từ, đại bi của Bà Chúa Ba, của Phật đã hoà nhập với bản chất con người phương Đông và điều linh dị này cùng với núi sông đã tạo nên một Hương Sơn hấp dẫn.

Hội chùa Hương từ ngày mồng 5 tháng Giêng cuốn hút hàng triệu người ở khắp ba miền Trung, Nam, Bắc. Người người đi trẩy hội đến chùa lễ Phật cầu phúc, cầu tài, nhưng lại là dịp du xuân lý thú. Bởi thế mà các vua chúa, các thi nhân khoa bảng đến lễ Phật thăm chùa, du ngoạn non xanh đã để lại những áng thơ văn đầy trữ tình, cảm xúc.

Chu Mạnh Trinh đã tải một nhạc điệu của Hương Sơn, gắn cả thiên nhiên với đạo một cách khéo léo:

“... Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lơ khe yến cá nghe kinh...”

Chùa Thầy

(Hà Nội) - (Hà Tây trước đây)

Có câu ca dao dân gian của Xứ Đoài khẳng định đời sông văn hoá tâm linh của nhân dân trong vùng:

Vui nhất là hội đền Và
Thứ hai hội Nả thứ ba hội Thầy.

Chùa Thầy thuộc huyện Quốc Oai là công trình quy mô, toà ngang dãy dọc thiết kế theo phong cách cổ truyền. Địa thế nơi đây lại có núi đá vôi, hang động nên cảnh quan rất thơ mộng, lại đậm vẻ Thiền.

Ngoài việc thờ Phật thông thường, chùa Thầy còn thờ Thiền sư Từ Đạo Hạnh là một Quốc sư thời Lý, nằm trong Tam Thánh Việt Nam (Từ Đạo Hạnh, Không Lộ Thiền sư, Giác Hải Thiền sư). Do vậy, công trình thờ tự được phân làm hai nơi rõ ràng. Phía trước thờ Phật, phía sau thờ Thánh (Tiền Phật, hậu Thánh).

Núi non nơi đây đã tạo các hang động: hang Các Cờ (nơi trai gái trẩy hội chen nhau), hang Thánh hoá... Đây là đặc thù hội chùa Thầy:

“Nhớ ngày mồng 7 tháng 3,
Trở vào hội Lãng, trở ra hội Thầy
Hội chùa Thầy có hang Các Cờ
Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy
Gái chưa chồng nhớ hang Các Cờ”,

Chùa Thầy còn nổi tiếng bởi tượng Thiền sư có cả ba thời kỳ: từ giai đoạn tu hành, đến kiếp sau làm đế vương và chân thân tự tại. Pho tượng tự được lắp máy cử động đứng lên, ngồi xuống nên khách hành hương vừa hiểu thân thế của Thiền sư một cách kỹ càng, vừa cảm phục tài nghệ làm tượng pháp của ông cha.

Hội chùa Láng (Hà Nội)

Chùa Láng xưa thuộc xã Yên Lãng, huyện Từ Liêm

là nơi thờ Từ Đạo Hạnh. Ông là một trong Tam Thánh rất am tường về đạo. Có lần ông cùng Không Lộ thiền sư, Giác Hải thiền sư sang Tây Thiên thỉnh kinh Phật, lại được Phật độ cho phép thuật nên có tài biến hoá, di mây về gió... Bởi đức trọng tài cao nên nhiều nơi lập chùa thờ Ông. Nhưng chùa Láng có những gấn bó lúc sinh thời nên việc lễ, việc hội nơi đây còn thêm phần ý nghĩa.

Ngoài việc lễ Phật, lễ Thiền sư Từ Đạo Hạnh ở chùa ngày 5 tháng 3, còn rước Thánh lên chùa Nền, thăm lại nơi sinh ra Thánh, rồi ngày hôm sau (6 - 3) rước lên Chùa Tam Huyền thăm nơi thờ phụng thân của Thánh.

Dân gian trong vùng rất kính trọng Thiền sư, thường gọi ông là Thánh Từa và so ông với Thánh Dóng từ trước Công nguyên đánh giặc Ân, nên đã đặt thành ngạn ngữ để mọi người ghi nhớ:

“Nắng ông Từa,
Mưa ông Dóng
Nhớ ngày mồng Bảy tháng Ba,
Trở vào hội Láng lại ra hội Thầy”.

(Sử cũ có ghi việc khi Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, dặn lại Quốc sư Minh Không: nếu 20 năm sau thấy Quốc vương bị bệnh nặng thì đến chữa giúp. Quả nhiên sau này Thần Tôn Hoàng đế bị bệnh mọc đầy lông khắp mình, các danh y chữa không khỏi, triều đình phải cho quan quân về miền Giao Thủy mời Thiền sư Minh Không về triều, mới chữa khỏi bệnh cho nhà vua... Như vậy, kiếp sau của Từ Đạo Hạnh là vua Lý Trần Thần Tôn).

Chùa Bà Đanh (Hà Nam)

Chùa Bà Đanh thuộc huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam cũng là ngôi chùa cổ trong hệ Tứ Pháp Vương Phật. Nhưng ở đây lại thờ Man Nương, tức Phật Mẫu, là người sinh thành ra Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Nằm bên tả ngạn sông Ngát, chùa cảnh nơi đây u tịch, bên cạnh có núi Ngọc và các nhánh núi thuộc hệ thống Bát Cảnh danh sơn, do vậy cảnh quan sơn thủy hữu tình. Du khách về chùa Bà Đanh hẳn thấy hài lòng và không còn thấy cảnh “Vắng như chùa Bà Đanh nữa”.

Chùa Phật Tích (Bắc Ninh)

Chùa Phật Tích là di tích lịch sử văn hóa quốc gia, tọa lạc trên sườn núi Lạn Kha, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Với số lượng di sản vật thể vô cùng phong phú, chùa được xếp vị trí hàng đầu về giá trị cổ vật. Tiêu biểu phải kể đến: tượng Phật A Di Đà (1057); chân cột chạm đàn nhạc (1057); hàng thú trước sân chùa (thời Lý); pho tượng táng của thiền sư Chuyết Chuyết; 32 bảo tháp (thế kỷ XVII - XX)... Khai quật khuôn viên chùa Phật Tích vào những năm 1949 - 1951, các nhà khảo cổ đã tìm thấy rất nhiều tác phẩm điêu khắc đá cổ, đưa về trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia: những mảnh đá chạm rồng và hoa lá; nhiều mảnh lá đề bằng đá kích thước to nhỏ khác nhau, trên mặt chạm rồng; pho tượng Kim Cương bảo vệ Phật Pháp thế kỷ XI; tảng đá chạm hình hoa văn sóng nước thế kỷ XI; tượng nữ thần chim; mảnh đá chạm đầu tượng tiên nữ... Tượng nữ thần chim được tạc trong tư thế bán thân, với đôi tay đã được thay bằng đôi cánh

mang đầy tính sáng tạo nghệ thuật.

Tại Bảo tàng Lịch sử cũng trưng bày một tảng đá kê chân cột của chùa Phật Tích, hình vuông kích thước mỗi chiều 1m, vòng chân cột có đường kính 60cm. Quanh chân cột là vòng cánh sen được chạm nổi vô cùng tinh tế, với 16 cánh sen chính, cùng 16 cánh sen phụ xen kẽ, mỗi cánh sen chính trông giống như những mai rùa. Trong khuôn viên chùa ngày nay còn năm cặp tượng thú: sư tử, tê giác, voi, trâu, ngựa nằm trên bệ hoa sen tạc bằng những phiến đá lớn cao chừng 2m. Pho tượng A Di Đà ngự tại Thượng Điện chùa, chiếm vị thế vô cùng quan trọng đối với nền mỹ thuật dân gian ở nước ta. Đây là pho tượng cổ nhất miền Bắc (niên đại 1057), đã được công nhận kỷ lục Phật giáo, đồng thời tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia và Bảo tàng Mỹ thuật đều có phiên bản của pho tượng này. Tượng A Di Đà chùa Phật Tích là bảo vật quốc gia, chiêm bái ngài để cảm nhận và thực tập triết lý sống thanh tịnh, từ bi, hỷ xả muôn đời bất diệt.

Chùa Phật Tích có một công trình ao rồng (Long Trì) hình chữ nhật có chiều dài 7m, rộng 5m, sâu 2,2m, bốn bờ được kê đá tảng thẳng đứng dưới đáy ao. Đáy có thêm đá hình bán nguyệt đường kính 3,8m, chỗ nhô cao nhất 1,9m, ở mỗi nửa thêm đá chạm nổi một con rồng khá lớn, giữa thêm đá chạm nổi hình sóng nước nhô cao (thủy ba). Cuối năm 2005, Trung tâm tu tập Phật Tích và Quán Âm Viện đi vào hoạt động. Đây là một công trình trang trọng thu hút sự quan tâm của Giáo hội Phật giáo. Trong tương lai, núi Lạn Kha - chùa Phật Tích sẽ trở thành một đại danh lam của đất nước. Một quy hoạch

tổng thể quy mô, với 10ha sắp được khởi công xây dựng. Tâm điểm của thắng tích sẽ là một Đại Phật Thành cao 27m, quay mặt hướng Tây Nam, phục dựng theo nguyên mẫu Bảo tượng A Di Đà của chùa (Bảo tượng thời Lý, báu vật hàng đầu của quốc gia).

Rừng thông tâm linh sẽ bao phủ toàn bộ vùng thắng tích. Một trục tâm linh xuyên suốt cõi người - cõi tiên - cõi Phật, con đường vận chuyển nguyên liệu để thi công sẽ trở thành con đường hành hương đến cõi Giác. Vùng quy hoạch sẽ là sự hài hoà của rất nhiều di tích quan trọng: cụm đá mào phượng; khu vực tháp cổ; Quán Âm Viện; Trung tâm tu tập Phật Tích; sân hội tụ; bậc thang lên đại Phật; vườn đá thiên nhiên; hệ thống đường dạo trong rừng tâm linh; chùa Phật Tích cổ... để phục vụ đông đảo nhân dân.

Chùa Côn Sơn (Hải Dương)

Chùa Côn Sơn có hiệu là Côn Sơn tự. Nơi đây cảnh vật, núi đồi, khe suối hoà trộn tạo nên danh lam cổ tích. Du khách về đây không chỉ ngắm cảnh, còn được chứng kiến hàng loạt văn bia cổ rất có giá trị nhân văn, được nghe kể về quan Tư đồ Trần Nguyên Đán là ông ngoại danh nhân kiệt xuất Nguyễn Trãi. Nhưng ở đây, Đệ tam tổ phái Trúc lâm Huyền Quang đã về tu Thiền, xây dựng toà Cửu phẩm liên hoa và ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334) người viên tịch tại Côn Sơn. Trần Minh Tông vô cùng thương tiếc, cấp tiền, vàng xây tháp mộ cho Đệ Tam tổ sư. Và tháp mộ Huyền Quang tôn giả đã được phục hồi đang cùng núi rừng, chùa cảnh làm sống

dây một thời hoàng kim của Phật giáo.

Chùa Keo

(Thái Bình) và Chùa Keo (Nam Định)

Nguyên xưa từ một ngôi chùa Viên Quang, thuộc hữu ngạn sông Hồng huyện Châu Ninh. Do nạn sông lở 500 năm về trước làm cho điền địa, làng xóm cùng cổ tự Viên Quang bị dòng nước cuốn đi. Dân vùng này phải sang Tả ngạn định cư lập lại làng xóm, do vậy mà có chùa Keo Trên thuộc Thái Bình và Keo Dưới thuộc Nam Định.

Chùa Keo Trên, chùa Keo Dưới, đều thờ Quốc sư thời Lý, ông có tên là Nguyễn Chí Thành và hiệu Không Lộ Thiền sư, được người đời rất ngưỡng mộ.

Cả hai chùa đều xây dựng kiểu nội công, ngoại chữ quốc khiến công trình khép kín, tăng thêm vẻ u tịch của Thiền. Đặc biệt hơn là có hai công trình chữ công (I) khắc tinh vi. Và mỗi công trình có ba toà hài hoà đẹp mắt. Còn mặt hậu, mặt tiền và hai bên là gác chuông, nhà Tổ, nhà Mẫu, rồi hành lang khiến tổng thể có tới năm, bảy chục gian lớn nhỏ, tạo sự quy mô, đồng thời hoành tráng, giao hoà giữa chùa và thiên nhiên, khiến du khách vào chùa lễ Phật phải bịn rịn trước lúc ra đi.

Hàng năm, các ngày 13, 14, 15 tháng 9, tổ chức lễ hội với nhiều tình tiết thể hiện lòng ngưỡng mộ, cũng như tạ niềm vui như nghe kinh Phật, múa rối, bơi cò cốc, bơi chải... tạo ấn tượng sâu sắc cho mọi người. Do vậy mà dân gian coi đây là ngày hội Ông, là con cháu phải để tâm ghi nhớ!

“Dù ai đi đâu ở đâu,
Mười rằm tháng Chín chọi trâu cũng về.
Dù ai buôn bán trăm bề
Mười rằm tháng Chín nhớ về hội Ông”
Chùa Phổ Minh (Nam Định)

Chùa Phổ Minh còn gọi là chùa Tháp, nằm bên cạnh khu di tích cung điện Thái thượng hoàng nhà Trần. Nơi đây, hàng năm vào dịp tháng 8 tổ chức lễ hội, cuốn hút hàng chục vạn khách hành hương.

Chùa Phổ Minh thờ Phật như mọi chùa, nhưng nơi đây còn thờ Trúc Lâm tam tổ (Đệ nhất tổ Trần Nhân Tông, đệ nhị Tổ Pháp Loa, đệ tam tổ Huyền Quang). Trong hậu điện còn thờ Nhị vị Vương cô, tức là Khâm Từ hoàng hậu (vợ vua Trần Nhân Tông) và Thủy Tiên công chúa là vợ Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão. Cả hai Vương cô đều là con gái đẻ và con gái nuôi của Hưng Đạo đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Điều rất hiếm thấy là chùa Phổ Minh có cây bảo tháp cao 20m. Đây là công trình được xây dựng vào đầu thế kỷ XIV, còn có những viên gạch ghi: Hưng long thập tam niên (1305) và trên thượng tháp có hộp đựng xá lỵ đức vua Trần Nhân Tông như văn bia, truyền thuyết đề cập. Nếu vậy, trên mảnh đất quê hương Thiên Trường Nam Định của nhà Trần, chẳng còn giữ được một kỷ niệm của vị vua thứ Ba, một nhà chân tu, là Đệ nhất Tổ sư của quốc giáo Trần Triều sao? Còn lưu lại điều mà người ta đã tâm nguyện:

“Dù ai tranh ba đồ vương,
Trẫm xin gửi lại nắm xương chùa này”.

Chùa Tây Thiên (Phú Thọ)

Cảnh quan nơi đây thật thanh u hùng vĩ. Du khách muốn lên “Tây Thiên tự” phải leo núi, lội suối chùng dăm, bẫy cây số. Đoạn đường cheo leo, chênh vênh tưởng ít người lui tới, ai dè ngày nào cũng có khách hành hương.

Tây Thiên tự ở vào đỉnh cao của núi, nên ngoài công trình thờ tự còn có hệ thống bậc đá, phải tốn công sức mới tạo dựng được. Và từng bậc, từng bậc cũng tạo nguồn cảm hứng cho khách hành hương tới cõi Tây Thiên.

Chùa Tây Thiên thờ Phật theo phái Đại thừa, ngoài ra còn thờ Mẫu Thượng Ngàn, thờ vị tướng từ buổi bình minh lịch sử đã có công đánh giặc giữ nước và dựng nước. Do vậy hội chùa Tây Thiên vào mùa xuân đã thu hút đông đảo khách hành hương. Vừa lễ Phật cầu may, vừa tri ân công đức với người xưa theo bản chất dân tộc.

Chùa Bái Đính (Ninh Bình)

Đang được xây dựng và đến năm 2010 mới hoàn thiện, nhưng chùa Bái Đính (Ninh Bình) đã nổi tiếng cả nước bởi lớn nhất, chuông to nhất, nhiều tượng La Hán nhất và khuôn viên rộng nhất. Nhìn từ xa, chùa Bái Đính nổi bật trên nền trời xanh giữa những ngọn núi hùng vĩ. Ngay trên đường lên chùa, du khách đã gặp hai tháp chuông. Tháp lớn có 3 tầng, 24 mái, đặt quả chuông đồng nặng 36 tấn. Nét độc đáo là trên thân chuông có khắc bài kinh Đại Bi Bát Nhã bằng chữ Hán cùng nhiều hoa văn theo chủ đề Thiền học và Phật học.

Đặc biệt, 500 tượng La Hán bằng đá trắng nguyên khối - mỗi vị một vẻ mặt khác nhau được những người

thợ chạm khắc rất tinh xảo, sống động. Những khối gỗ quý, bức hoành phi, câu đối khổng lồ được sơn son thếp vàng cũng đang trong quá trình hoàn thiện, góp phần cho ngôi chùa càng thêm hoành tráng, rực rỡ. Khuôn viên cả khu chùa Bái Đính có diện tích 107 ha, tại ngôi chùa này có tượng Phật Tổ Như Lai bằng đồng lớn nhất Đông Nam á nặng 100 tấn và ba pho tượng Tam Thế, mỗi pho nặng 50 tấn...

Chùa Đức La (Bắc Giang)

Chùa Đức La nằm trên một quả đồi thấp, sau lưng là dãy núi Cô Tiên, thuộc xã Trí Yên huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chùa Đức La còn có tên gọi là chùa Vĩnh Nghiêm, đây là một trung tâm Phật giáo từ thời Trần thuộc thiền phái Trúc Lâm, nơi đào tạo tăng đồ cho cả nước.

Kiến trúc chính của chùa nằm trên một trục dọc, hướng Đông Nam gồm 4 khối lớn. Khối thứ nhất gồm 3 nếp chùa hộ, thiêu hương và chùa Phật liên kết với nhau trong một khối kiến trúc kiểu chữ công với thiết kế kang trang to lớn kiểu tàu đao lá mái với 4 đao cong, có 8 vì kèo, kiểu chông rường, thượng tam hạ tứ, nghệ thuật đơn giản. Khối kiến trúc thứ hai cũng làm theo kiểu chữ công nhưng thấp và nhỏ hơn gọi là nhà tổ đệ nhất có kiến trúc đơn giản nhưng vẫn còn dấu vết của trang trí thời Lê. Khối thứ ba là gác chuông cao 2 tầng mái và khối thứ tư là nhà tổ đệ nhị, kết cấu kiểu chuôi vồ. Hơn 7 thế kỷ trôi qua, chùa Đức La vẫn là một trung tâm Phật giáo lớn, nơi đào tạo tăng đồ cho cả nước. Nhiều kệ ván

in kính vẫn còn, là hiện vật minh chứng cho vai trò quan trọng của chùa, từng thống lãnh 72 chốn từng lâm.

Chùa Thiên Mục (Huế)

Huế vốn là nơi qui tụ nhiều di tích thắng cảnh, nhiều ngôi chùa cổ kính nổi tiếng của Việt Nam. Nhưng ngôi chùa xưa nhất có lẽ phải kể đến chùa Thiên Mục, nơi có sự tích ra đời gắn liền với bước chân mở đường của vị chúa Nguyễn đầu tiên xứ Đàng Trong.

Truyền thuyết kể rằng, khi Nguyễn Hoàng vào làm Trấn thủ xứ Thuận Hóa, ông đã đích thân đi xem xét địa thế ở đây nhằm chuẩn bị cho mưu đồ mở mang cơ nghiệp, xây dựng giang sơn cho dòng họ Nguyễn sau này. Trong một lần rong ruổi vó ngựa dọc bờ sông Hương ngược lên phía đầu nguồn, ông bất gặp một ngọn đồi nhỏ nhô lên bên dòng nước trong xanh uốn khúc, thế đất như hình một con rồng đang quay đầu nhìn lại. Hỏi ra mới biết, ngọn đồi này có tên là đồi Hà Khê. Người dân địa phương cho biết, nơi đây ban đêm thường có một bà lão mặc áo đỏ quần lục xuất hiện trên đồi, nói với mọi người rằng. “Rồi đây sẽ có một vị chân chúa đến lập chùa để tụ linh khí, làm bền long mạch, cho nước Nam hùng mạnh”. Vì thế, nơi đây còn được gọi là Thiên Mục Sơn (núi Thiên Mục). Tư tưởng lớn của chúa Nguyễn Hoàng dường như cùng bất nhip được với ý nguyện của dân chúng. Ông cho dựng một ngôi chùa trên đồi, ngoảnh mặt ra sông Hương, đặt tên là Thiên Mục Tự (chùa Thiên Mục).

Trong thực tế, ở đây đã từng tồn tại một ngôi chùa

của người Chăm - di tích được nhắc đến trong sách Ô châu cận lục của Dương Văn An vào năm 1553. Nhưng phải đến năm 1601 với quyết định của chúa Nguyễn Hoàng, chùa mới chính thức được xây dựng. Theo đà phát triển và hưng thịnh của Phật giáo xứ Đàng Trong, chùa được xây dựng lại quy mô lớn hơn dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725). Năm 1710, chúa cho đúc một chiếc chuông lớn có khắc một bài minh trên đó. Đến năm 1714, chúa lại cho đại trùng tu chùa với hàng chục công trình kiến trúc hết sức quy mô lớn như điện Thiên Vương, điện Đại Hùng, nhà Thuyết Pháp, lầu Tàng Kinh, phòng Tăng, nhà Thiền... mà nhiều công trình trong số đó ngày nay không còn nữa. Ông còn đích thân viết bài văn bia nói về việc xây dựng các công trình kiến trúc ở đây, ca tụng triết lý của đạo Phật, ghi rõ sự tích Hòa thượng Thạch Liêm - người có công lớn trong việc giúp chúa Nguyễn chấn hưng Phật giáo ở Đàng Trong. Bia được đặt trên lưng một con rùa đá rất lớn, trang trí đơn sơ nhưng tuyệt đẹp. Với quy mô được mở rộng và cảnh đẹp tự nhiên, ngay từ thời đó, chùa Thiên Mục đã trở thành ngôi chùa đẹp nhất xứ Đàng Trong.

Trải qua bao biến cố lịch sử, chùa Thiên Mục đã từng được dùng làm đàn Tế Đất dưới triều Tây Sơn (khoảng năm 1788), rồi được trùng tu tái thiết nhiều lần dưới triều các vua nhà Nguyễn. Năm 1844, nhân dịp mừng lễ bát thọ (mừng sinh nhật thứ tám mươi) của bà Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (vợ vua Gia Long, bà nội của vua Thiệu Trị), vua Thiệu Trị kiến trúc lại ngôi chùa một cách quy mô hơn: xây thêm tháp Từ Nhân (sau đổi là

Phước Duyên), đình Hương Nguyễn và dựng 2 tấm bia ghi chép thơ văn của nhà vua. Tháp Phước Duyên là một biểu tượng nổi tiếng gắn liền với chùa Thiên Mụ. Tháp cao 21m, gồm bảy tầng, được xây dựng ở phía trước chùa. Mỗi tầng tháp đều có thờ tượng Phật. Bên trong có cầu thang hình xoắn ốc dẫn lên tầng trên cùng, nơi trước đây có thờ tượng Phật bằng vàng. Phía trước tháp là đình Hương Nguyễn.

Chùa Thiên Mụ được xếp vào hai mươi thắng cảnh đất Thiên Kinh với bài thơ Thiên Mụ chung thanh do đích thân vua Thiệu trị sáng tác và được ghi vào bia đá dựng gần cổng chùa. Năm 1862, dưới thời vua Tự Đức, để cầu mong có con nối dõi, nhà vua sợ chữ Thiên phạm đến Trời nên cho đổi từ Thiên Mụ thành Linh Mụ (Bà mụ linh thiêng). Mãi đến năm 1869, vua mới cho dùng lại tên Thiên Mụ như trước. Bởi vậy trong dân gian, người ta vẫn dùng cả hai tên khi muốn nhắc đến chùa này. Trận bão khủng khiếp năm 1904 đã tàn phá chùa nặng nề. Nhiều công trình bị hư hỏng, trong đó đình Hương Nguyễn bị sụp đổ hoàn toàn. Ngoài những công trình kiến trúc như tháp Phước Duyên, điện Đại Hùng, điện Địa Tạng, điện Quan Âm... cùng bia đá, chuông đồng, chùa Thiên Mụ ngày nay còn là nơi có nhiều cổ vật quý giá không chỉ về mặt lịch sử mà còn cả về nghệ thuật. Những bức tượng Hộ Pháp, tượng Thập Vương, tượng Phật Di Lặc, tượng Tam Thế Phật... hay những hoành phi, câu đối ở đây đều ghi dấu những thời kỳ lịch sử vàng son của chùa Thiên Mụ.

Trong khuôn viên của chùa là cả một vườn hoa cỏ

được chăm sóc vun trồng hàng ngày. Ở đó, hòn non bộ của vị tổ nghề hát tuồng Việt Nam Đào Tấn được đặt gần chiếc xe ô tô - di vật của cố Hòa thượng Thích Quảng Đức để lại trước khi châm lửa tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của chế độ Ngô Đình Diệm năm 1963. Cuối khu vườn là khu mộ tháp của cố Hòa thượng Thích Đôn Hậu, vị trụ trì nổi tiếng của chùa Thiên Mụ, người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho những hoạt động ích đạo giúp đời.

Qua nhiều đợt trùng tu lớn nhỏ, ngoài những công trình kiến trúc như tháp Phước Duyên, điện Đại Hùng, điện Địa Tạng, điện Quan Âm...

Tọa lạc bên bờ sông Hương thơ mộng của miền Trung, chùa Thiên Mụ với kiến trúc cổ kính đã góp phần điểm tô cho bức tranh thiên nhiên nơi đây càng thêm duyên dáng, thi vị. Tiếng chuông chùa như linh hồn của Huế, vang vọng mãi theo dòng nước sông Hương chảy qua trước Kinh Thành, xuôi về cửa biển, đọng lại trong lòng khách phương xa đến Huế một nỗi niềm vương vấn chốn Thiên Kinh.

Chùa Tượng Sơn (Hà Tĩnh)

Ngôi chùa này thuộc xã Sơn Giang huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh. Chùa Tượng Sơn thờ Phật theo phái Đại thừa đã có lâu đời. Cuối thế kỷ XVII thân mẫu của danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác phát tâm công đức tu bổ, khiến chùa cảnh khang trang.

Theo bài minh chuông thì cảnh tùng lâm nơi đây thâm nghiêm, xung quanh rừng núi ngút ngàn, phía trước có sông Ngàn Phố, kẻ qua người lại tấp nập, vui thú đến

thăm chùa. Chùa là nơi lễ Phật của nhân dân, đồng thời là nơi Hải Thượng Lãn Ông và sư trụ trì bắt mạch kê đơn chữa bệnh cứu người.

Điều đặc biệt là tượng pháp chùa Tượng Sơn còn lưu lại khá nhiều, lại là các pho tượng đẹp, có niên đại vào thời Hậu Lê. Đến chùa Tượng Sơn, khách hành hương hẳn vui với cảnh quan thiên nhiên, thoả chí chiêm bái tượng Phật, tượng chư vị Bồ Tát, đồng thời được hiểu về vị danh y lúc đương thời đã sống trên quê ngoại Hà Tĩnh ra sao. Hiểu lòng mộ đạo của bậc thầy thuốc cao minh đối với Phật thế nào. Và đức độ của người thầy thuốc như mẹ hiền, tấm gương sáng cho đời học tập.

Chùa Giác Lâm

(thành phố Hồ Chí Minh)

Chùa Giác Lâm phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng vào giữa thế kỷ XVIII, cuối thế kỷ XVIII được mở mang rộng lớn, đẹp đẽ và đây là tổ đình của phái Lâm Tế.

Chùa kiến trúc theo kiểu chữ tam mang đặc thù phong cách Nam Bộ.

Hệ thống tượng pháp lại có đầy đủ các bộ Tam thế, Di đà Tam tôn, rồi phật Di Lạc, Thích Ca sơ sinh, Chư vị Bồ Tát, La Hán, Thập Điện... không khác tượng pháp bài trí ở chùa miền Bắc. Điều này chứng minh Phật giáo Việt Nam giữa hai miền Nam Bắc đã có sự hoà trộn không còn tách bạch Đại thừa, Tiểu thừa như trước nữa.

Song chùa Giác Lâm do phái Thiền Lâm Tế và dòng đạo “Bổn gương” nên ở nhà Tổ, có thờ tượng tổ, hay bài vị giáo phái mang tính riêng của dòng đạo.

Thăm chùa Giác Lâm còn được chứng kiến các mảng chạm khắc nghệ thuật, cùng với các mảng phùng điêu, tượng cổ có sự sáng tạo gia công theo nghề nghiệp truyền thống, làm cho bản tự tọa lạc trên trên mảnh đất thành phố ngày ngày đổi mới, lại tăng thêm ý nghĩa bản sắc dân tộc.

Chùa Khơ me (Khmer) ở Minh Hải

Đồng bào Khơ me ở Minh Hải thờ Phật theo phái Tiểu Thừa. Nhưng công trình kiến trúc do đúc kết từ nhiều dòng chảy văn hoá cùng bàn tay khéo léo, óc sáng tạo của nghệ nhân Khơ me nên khá tiêu biểu.

Chùa là biểu tượng thiêng liêng, khắc sâu trong tâm trí của cộng đồng, nên họ dồn hết tài lực, trí lực cho ngôi chùa. Người dân Khơ me lại chú ý bảo vệ các công trình thờ Phật nên còn tồn tại được những ngôi chùa có niên đại thế kỷ XVI. Đó là chùa Sê-rây-pô-thi-măng-kol ở thị trấn Hoà Bình huyện Vĩnh Lợi, chùa Buf-fa-ram ở xã Hưng Hội huyện Vĩnh Lợi...

Dù là cổ tự, hay mới xây dựng dăm ba chục năm gần đây, chùa Khơ me vẫn được chú trọng về điêu khắc về hội hoạ, trang trí một cách tài tình và cẩn trọng. Nói khác đi là sự tổng hợp nghệ thuật tạo hình, kiến trúc, điêu khắc một cách hài hoà rất độc đáo. Và đây là thành tựu của văn hoá vật chất, do ý thức dân tộc cùng lòng mộ đạo mà thành.

Với bề dày lịch sử xây dựng và phát triển đất nước cộng thêm những địa hình núi non hiểm trở, lại vừa có sông, có biển hài hoà với biết bao cảnh trí thiên nhiên đã tạo ra nhiều hang động kỳ thú... Một số cảnh trí đã

trở thành những mái chùa thiên tạo hoàn mỹ như chùa Định Lộc, chùa Bàn Long... Và chùa là nơi thờ Phật, cũng là nơi sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng truyền thống của người Việt Nam từ xưa tới nay. Điều này đã đóng góp rất lớn cùng các danh sơn cổ tích làm cho giang sơn Việt Nam trở nên gấm vóc, tươi đẹp và phồn vinh hơn.

III. TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TẠI ĐÌNH

1. NGUỒN GỐC SỰ HÌNH THÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TẠI ĐÌNH

Thành Hoàng làng là vị Thần ngự trị trong lòng dân từ nhiều thế kỷ nay và làng nào cũng có đình thờ Thành Hoàng. Từ cõi tục cuộc sống đầy gian lao vất vả, lại gặp muôn vàn khó khăn bởi tại trời, vạ người, khiến người dân chỉ biết trông cậy vào sự âm phù của thần linh và nhất là vị Thần mệnh danh là Thành Hoàng làng (bảo vệ cho làng). Chính vì vậy nên việc thờ Thành Hoàng làng trở thành tục lệ của mọi cư dân trong Nam, ngoài Bắc, của các vùng quê cùu hay các miền quê mới khai hoang lấn biển, cải tạo rừng hoang. Và việc tế lễ Xuân Thu vẫn được cộng đồng tâm niệm thờ cúng, cũng như mở hội làng thể hiện sự thành tâm của cộng đồng đối với Thần, Thánh, đồng thời là cơ hội gặp mặt bà con họ hàng, do vậy mái đình và con người có sự gắn bó:

“Qua đình ngả nón trông đình,

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu”.

Nhưng đình cũng là nơi dừng chân của vua quan cũng như thứ dân:

“Trường đình mười dặm liễu xanh rì,
Hương ẩm dài lan dễ mấy khi...”

Đình làng, nhất là đình làng ở miền Bắc, là kho tàng hết sức phong phú của điêu khắc Việt Nam trong lịch sử. Điêu khắc cũng tồn tại ở chùa, đền, các kiến trúc tôn giáo khác, nhưng không ở đâu nó được biểu hiện hết mình như ở Đình. Điêu khắc ở đình làng không những là nguồn tài liệu để nghiên cứu lịch sử Mỹ thuật Việt Nam, mà còn là nguồn tài liệu để nghiên cứu đời sống ngày thường cũng như tâm hồn của người nông dân Việt Nam.

Nói điêu khắc đình làng cũng là nói đến nghệ thuật trang trí đình làng. Điêu khắc ở đây là điêu khắc trang trí. Người thợ làm đình chẳng những thành thạo trong việc dựng đình mà còn biết tô điểm cho ngôi đình thêm đẹp. Điêu khắc ở đây do đó gắn liền với kiến trúc. Hầu như trên các thành phần của kiến trúc đình làng đều được các nghệ nhân xưa dùng bàn tay điêu luyện của mình chạm khắc thành những hình mẫu có giá trị nghệ thuật cao, thu hút sự chú ý của mọi người lúc ghé thăm đình. Ngay những ngôi đình từ thế kỷ XVI cho đến thế kỷ XVIII, điêu khắc trang trí đình làng mang đậm tính chất nghệ thuật dân gian. Những nhà điêu khắc vô danh xuất thân từ nông dân đã đưa vào đình làng những hình ảnh gần gũi với cuộc sống thực, hay là cả với giấc mơ của họ, với một phong cách hết sức độc đáo và một tâm hồn hết sức sôi nổi.

Ở các ngôi đình miền Trung, điêu khắc trang trí

không phong phú như các ngôi đình miền Bắc. Có người đã tổng kết về trang trí trên gỗ ở các ngôi đình vùng Thừa Thiên - Huế: “Trong kết cấu gỗ của nội thất tùy quan niệm thẩm mỹ mà dân làng có thể chạm trổ chi tiết đầu rồng, đuôi rồng ở đầu đuôi kèo, chạm hoa và đường chỉ xuyên tâm ở thanh xà và đòn tay. Việc chạm trổ nhiều, thích ứng với các đình có kết cấu vừa phải, thanh tú. Chạm trổ ít, thích ứng với các đình có kết cấu gỗ to lớn, đồ sộ...”. Đây cũng là tính chất trang trí nói chung của ngôi đình miền Trung. Nhưng nếu điều khắc trang trí trên gỗ có giảm sút thì ngược lại, ở các ngôi đình miền Trung lại phát triển hình thức trang trí bằng cách đắp nổi vôi vữa và gắn các mảnh sành sứ lên phần ngoài của kiến trúc. Thường thì ở nóc mái và các đường gờ mái, người ta trang trí hình tứ linh. Ở hai đầu hồi thường được trang trí hình dơi xòe cánh bằng sành sứ để cầu phúc. Đây là cách trang trí phổ biến đời Nguyễn.

Đình miền Nam cũng có lối trang trí đắp nổi mặt ngoài gần giống đình miền Trung, nhưng điều khắc trang trí trên gỗ thì cũng có điểm khác biệt. Phần lớn chạm khắc gỗ này đã có từ giữa thế kỷ XIX. Bốn cột đình thường được trang trí hình rồng, nên gọi là “long trụ”. Nhiều nơi, long trụ chạm rời bên ngoài ốp vào, nhưng cũng có nơi long trụ được trổ một khối nguyên... Ngoài những cột long trụ đình Nam Bộ thường có các bao lam trước điện thờ, như cửa võng trong các đình miền Bắc, được chạm trổ rất tinh vi, đề tài thường là tứ linh, cá hóa long (rồng), hổ... Như vậy, điều khắc trang trí, cùng với kiến trúc đã làm cho đình có những nét riêng trên chiều

dài của đất nước.

Ở Việt Nam cũng dựng đình để các vua chúa “vi hành” dừng chân, nên đại tự đình thường ghi: “Thánh cung vạn tuế”. Đình còn là nơi dùng để hội họp (việc làng), nơi đón tiếp quan trên, nơi tập trung đóng góp sưu thuế, hay hội hè các tiết Xuân Thu... Nhưng sau này người ta còn thờ Thành Hoàng làng, thờ Thần, thờ cả Mẫu ở gia đình, thành ra ngôi đình ngoài ý nghĩa trung tâm sinh hoạt chính trị - xã hội - văn hoá, còn là nơi gắn với đời sống tâm linh của cộng đồng làng xã. Nhưng phần lớn đình làng là nơi thờ chung, mang tính hội đồng, cộng đồng. Nghĩa là trong các xã có các đền thờ một số vị thần thì các vị Thần ở các đền lẻ tẻ đó, được mời về thờ chung tại đình. Do vậy ở đình thường thờ Thần bằng duệ hiệu, bát hương đặt trước ngai, hay khám thờ. Sau này một số đình đã tạc tượng thờ cho thêm phần trang trọng.

Đình vốn là nơi thờ Thành Hoàng làng. Chữ “thành” ở đây là thành lũy, “hoàng” là con hào bên trong (trong hào ngoài lũy bảo vệ cho làng). Vậy Thành Hoàng làng là phúc Thần của làng, giáng phúc, gia ân cho cộng đồng, lại ngăn ngừa tai hoạ cho làng. Nhưng ai phạm lễ làng cũng sẽ bị Thần trừng phạt. Và vì là nơi thờ cộng đồng nên đình có thể thờ một vị, hoặc năm, bảy vị.

Những ngôi đình cổ thường kiến trúc kiểu mái cong, bốn mái. Công trình khá đồ sộ, hoặc năm, bảy gian, có khi chín gian. Trong đình còn có hệ thống sàn cầu ở các gian bên giáp hồi để quan chức, kỳ hào, bô lão và đình các giáp ngồi dự việc làng, hay ăn cỗ nhất, cỗ nhì trong

các dịp yến lão, tế Thần...

Xưa kia ngôi đình chỉ có một tòa để trống cho gió lùa, không xây tường bao quanh. Sau do yêu cầu thờ Thành Hoàng làng nên xây kín xung quanh cho phải phép. Gian giữa tòa tiền đường (có nơi gọi đại bái) có một hương án bày biện bát hương, nến thờ, đại tự, câu đối... Đây là ban công đồng và là nơi cúng lễ chính, còn cung trong được gọi là chính cung, chính tẩm hay hậu cung là nơi đặt tượng Thần hoặc long ngai, long bài đề duệ hiệu Thần. Cung này ít khi vào ra, khách hành hương có thể vào chiêm hương, vái lạy, nhưng không kéo dài thời gian, không thể kéo đông người vào gây ồn ào, làm giảm sự thâm nghiêm nơi Thần ngự.

Trước đây, ngay cụ từ trông nom hương khói cũng không được tự tiện vào ra. Mỗi khi vào đèn nhang phải khăn áo chỉnh tề, phải dùng khăn bịt miệng để tránh sự ướm tạt. Ngày nay, không phải câu nệ như vậy, nhưng ai có việc vào kêu cầu cũng phải chỉnh tề, bỏ guốc dép bên ngoài thể hiện sự kính cẩn trong việc lễ. Trong năm, các ngày tuần tiết, các cụ ông thường ra đình làm lễ, hoặc làm phân sự mà làng giao phó. Ngày nay không còn quan điểm phong kiến: “trọng nam khinh nữ” nên các bà, các chị đều được lên đình lễ Thánh. Do vậy ngôi đình trở thành trung tâm tín ngưỡng của toàn dân.

Nếu số lượng Thần, Thánh thờ tại đình có nhiều thì các bậc chức sắc, cao niên sẽ căn cứ trên danh vọng, đức độ của Thần để suy tôn xem ai là Thánh Cả, Thánh Hai, Thánh Ba để chọn ngày vào đám... Do vậy, mà làng phải tổ chức một hoặc hai đợt hội làng. Chứ nếu dựa

vào các ngày sinh, hoá của Thần, Thánh để mở hội thì sẽ rất vất vả.

Việc mở hội làng, dân gian thường gọi “Vào đám”, đều phải chuẩn bị rất chu đáo. Làng phải phân công các giáp, các đình chuẩn bị thịt, gạo, cau, gà... sao cho lợn béo, gà đẹp, gạo ngon để làm lễ. Các trò chơi, hội tế, hội cờ, phu kiệu phải được chỉ định, chọn người sao cho đạt tiêu chuẩn về phúc, lộc, thọ mà làng đề ra và khi vào việc phải chay tịnh, sạch sẽ... Lễ vật như trâu, lợn, bánh dày... mà làng phân cho các giáp đều có chấm giải, nên giáp phải đầu tư vật chất, giám sát việc chăn nuôi lợn, gà hoặc cấy lúa lễ... sao cho hợp vệ sinh, trọng lượng, chất lượng tốt để cố đưa phần thắng về cho giáp. Việc tế lễ là hệ trọng nên ai được vào đội tế thì phải lo tập dượt chu đáo, nếu khi vào việc mắc sai sót sẽ bị phạt...

Đối với các hộ hoặc cá nhân thì việc sắm lễ, cúng như cầu cúng sẽ được tùy nghi. Tất nhiên phải có sự giúp đỡ của ban quản lý hay cụ từ, để việc dâng lễ, có thể khẩn cầu hộ (nếu gia chủ yêu cầu) được thấu đáo hơn.

Xin đơn cử bài văn khấn tại đình như sau:

VĂN TẾ THÀNH HOÀNG Ở ĐÌNH

Duy Việt Nam quốc... tỉnh... huyện... xã... thôn.....

Tuế thứ... niên... nguyệt... nhật.....

Hội chủ... Kỳ lão... cấp thôn nội đại tiểu viễn cận,
đồng gia quyến đấng.

Cẩn dĩ phù lưu thanh chước... đẳng vật tựu tại từ
tiền. Cảm chiêu cốc vu:

- Hùng triều công thần, tế thế an dân, Trần Quốc đại
vương Tôn thần vị tiền.

- Trưng triều công thần, bảo quốc hộ dân, trừ tai hãn
hoạn, Sơn Tinh công chúa Tôn thần vị tiền.

- Trần triều Điện súy phu nhân, cứu dân lợi vật, tế
khổn phò nguy, Thủy Tinh công chúa Tôn thần vị tiền.

- Kính cập tiền triều, khai cương lập ấp, giáo dân di
phúc, thịnh đức đại công, liệt vị chư tộc Tổ tiên Thần vị
tiền.

Cung duy liệt tôn, nãi văn nãi vũ, thị Thánh thị
Thần. Trục Bắc khấu dĩ an bang, công đức trường lưu
thanh sử tại.

Tảo Nam phương chư nghịch đẳng huân danh vĩnh
tại cố hương dân.

Hùng triều dĩ chân phương danh,

Động xứ hựu lưu từ sử

Trừ Hán tặc thiên phương công mộc ân ba,

Chiêu xā ân nhất xứ quần mông giáo dưỡng,

Chí Trần đại vị nghĩa tráng đình tông thảo tặc.

Kính súy tướng đồng dân tạo lập miếu (đình) tri ân

Tam vị anh linh thế thế tự tiền mông đức trạch,

Tứ thời hương hoả nhân dân tòng cổ hữu linh từ.

Tư nhân tiền tệ ly nhật lai lâm.

Tuy nhiên lễ vi thực tại tâm trung thâm vọng trọng,

Chỉ hữu thành ý, cung kỳ tòng thử đắc kang ninh.

Mãi mại hanh thông, nhân tài hoạch phát

Canh nông đắc vận, hoà cốc phong thu

Lão giả kang, thiếu giả vượng niên niên hạnh lại
khuông phù.

Vãng giả cát cư giả an tuế tuế đồng tư hộ hựu

Thực lại liệt vị Thánh Thần khuông phù chi lực dã

Dĩ văn Cẩn cáo!

Dịch nghĩa:

Duy thôn... xã... huyện... tỉnh... nước Việt Nam

Tuế thứ (ất Ty) niên... nguyệt... nhật.....

Hội chủ là... kỳ lão là... và các gia quyến trong thôn
gần xa lớn nhỏ.

Kính đem rượu tốt trầu thơm... các thứ dâng trước
ngôi cao, mào muối kính lạy:

- Công thần triều Hùng, cứu đời yên dân Trần Quốc
đại vương Tôn thần vị tiền.

- Trưng triều công thần, giữ nước giúp dân, ngăn hoạ
trừ tai Sơn Tinh công chúa Tôn thần vị tiền.

- Trần triều Điện suý phu nhân, cứu dân lợi vật, giải
khôn trừ nguy Thuỷ tinh công chúa Tôn thần vị tiền.

Và kính mời các vị triều trước mở mang bờ cõi, khai
dựng làng thôn, dạy dân để phúc, đức lớn công to, chư
vị Tổ tiên các họ Thần vị tiền.

Lại kính mời các ngôi Tôn thần bản thổ, quan liêu
bộ chúng trong đình.

Kính trông chư vị Tôn thân:
 Tài gồm văn, võ, kiêm cả Thánh thân
 Đuổi giặc Bắc để yên nhà, công đức dài lâu ghi sử
 đồ.

Trừ giặc Nam cướp phá, danh thơm còn mãi với dân
 thôn.

Triều Hùng đã nổi tiếng thơm,
 Xứ Động Linh còn lưu đền thờ.
 Đẹp giặc Hán, nơi nơi tẩm gội sóng ân,
 Chiêu dân mở xa một vùng nhờ công dạy dỗ.
 Đến thời Trần, vì nghĩa trai làng đi dẹp giặc
 Trọng tướng tài, dân thôn lập miếu phụng thờ.
 Ba vị thiêng liêng, sau trước vẫn ơn nhờ phù hộ,
 Bốn mùa hương khói, người người theo cũ kính cẩn
 đều thiêng.

Nay theo tiền lệ,
 Ngày kỵ đến kỳ (hoặc ngày khánh hạ, ngày sinh...)
 Tuy nhiên lễ bạc, nhưng mọi người nhất dạ tâm
 thành

Ý nguyện thật tình cầu cho sự bình yên vô sự.
 Buôn bán hanh thông, của, người tươi tốt,
 Cây cày gặp vận, thóc lúa đầy kho.
 Già khoẻ vui, trẻ thịnh vượng năm năm nhờ sự chở
 che,

Đi gặp may, ở yên hàn mãi mãi nhờ công giúp đỡ.
 Muôn trông sức lực phò giúp của chư vị Thánh -
 Thần vậy!

Kính cẩn dâng lời!

Những lễ tiết trong năm như tết Nguyên đán, rằm tháng Giêng, Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Nguyên, rằm tháng Tám, Lễ Trùng Thập (10 - 10)... làng thường tổ chức lễ tại đình. Trong các ngày này, ai có lòng đều có thể sửa lễ Thành Hoàng. Một số người có việc đột xuất cần kêu cầu Thành Hoàng gia ân, đều có thể sửa lễ tại đình.



2. TRÌNH TỰ KHI ĐẾN LỄ TẠI ĐÌNH PHẢI THEO THỨ TỰ CÁC BAN

+ Lễ vật phải được trình bày trên khay, trên đĩa và khi dâng lễ thì phải dâng từ chính cung ra ban công đồng và các ban tả hữu (vì Thành Hoàng Ngự tại chính cung).

+ Dâng lễ xong thì dâng hương, cũng theo thứ tự từ trong ra ngoài và số nén hương cũng thấp theo số lẻ 1, 3 hay 5 nén. Trước khi lễ thường có thỉnh ba hồi chuông. Nhưng nếu vì khách lễ đông thì không phải cầu nệ việc thỉnh chuông. Lễ Thần, Thánh thường vái 4 vái rồi mới kêu cầu bằng miệng, hoặc bằng sớ văn.

+ Khi khấn tấu xong thì đợi cháy gần hết tuần nhang mới hạ lễ. Nếu có tiền, vàng sẽ vái xin đem ra nơi quy định để hoá và hoá theo từng lễ, không nên để gộp rồi ấn vào lò hoá.

+ Sau khi hoá vàng sẽ hạ lễ và nên biếu lộc cho cụ từ đình. Đây cũng vừa là hình thức tán lộc, vừa theo phép lịch sự.

VĂN KHẤN CHUNG

(thông thường có thể dùng ở đình hoặc đền, miếu, phủ)

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hôm nay là ngày... tháng... năm..... Tín chủ chúng con là... (vợ hay chồng).....

Cùng nam tử... nữ tử.....

Hiện ở tại: thôn... xã (phường)... huyện (thị)... thành phố... tỉnh.....

Nhân ngày... tín chủ thành tâm, xin dâng lễ bạc trước ban thờ chư vị:

Kính lạy đức..... (đọc duệ hiệu các vị)

Mong chư vị nhất sự nhất xá, vạn sự cho qua.

Chấp lễ chấp bái, chấp kêu chấp cầu

Rộng lượng gia ân, cho gia quyến tín chủ:

Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối

Điều lành đem đến, việc dữ bay đi

Cầu tài được tài, cầu lộc đắc lộc

Vạn sự hanh thông, nhân khang vật thịnh.

Cho tín chủ chúng con được sang bằng người, tươi bằng bạn.

Cho gia quyến chúng con sở cầu đắc nguyện.

Cúi trông sự âm phù của Thần vậy!

Cẩn cáo.

Trong các ngày đại lễ, tại đình thường có tế lễ. Việc tế phải trang nghiêm, đúng luật. Xưa có quy định các "ván" tế theo nghi thức cửu khúc, lục khúc hay tam hơn.

Thực hiện các “ván” tế thì phải mất nhiều thời gian luyện tập mới có thể đúng luật tế.

Hiện nay việc tế thần đã phục hồi, nhưng cũng bớt đi những việc công kênh để dễ thực thi.

3. NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI ĐÌNH

+ Chuẩn bị một hương án làm lễ công đồng, kê ở giữa gian tiền đường (Nếu chật có thể kê ngoài hiên hoặc ngoài sân nhưng phải ở chính diện).

+ Trên hương án đặt bát hương lớn, bộ tam sự, dài rượu, chén thờ, bảng chúc văn.

+ Hai bên thường kê quán tẩu, dăng tế (trên đặt các bộ mịch, dài thờ, nến thờ...)

+ Chuẩn bị ba cái chiếu:

- Chiếu trên là chỗ dâng rượu và đọc chúc.

- Chiếu giữa là nơi ẩm phúc (hưởng lộc của thần như trầu, rượu)

- Chiếu dưới là nơi mới tới lạy, đứng, trở lại vị trí.

+ Bồi tế thì sắp hàng hai bên phía sau.

Sau khi đèn hương tinh tươm, cho đánh 3 hồi trống, người xướng tế đứng ở phía Đông (Đông xướng) xướng:

- Khởi chinh cổ!

Chấp sự đi vào nổi 3 hồi 3 tiếng chiêng, trống.

- Nhạc sinh tộ vị!

Nhạc lưu thủy nổi lên.

- Cử soát tế vật: Xem xét đồ tế lễ, chấp sự và một người cầm đèn (hoặc nến) theo tế quan vào cung trong

xem xét lễ vật (vào bên phải ra bên trái).

- Ế mao huyết! Nếu giết trâu, bò, lợn, dê thì một người lấy đĩa đựng một ít lông và ít máu đem ra ngoài chôn.

- Chấp sự giả các tư kỳ sự! Các vị chấp sự được phân công việc gì thì vào việc ấy.

- Tế quan dữ chấp sự các nghệ quán tẩy sở!

Tế quan cùng chấp nhận sự đến quán tẩy rửa tay

- Quán tẩy thuế cân! Lấy khăn tay nơi quán tẩy lau tay.

- Bồi tế quan tựu vị! Bồi tế đứng vào hàng chiếu quy định.

- Tế quan tựu vị! Chủ tế vào chiếu tế

- Thượng hương! Chấp sự mang hương đưa cho chủ tế. Chủ tế cầm hương vái, rồi lại đưa cho chấp sự cắm lên bát hương.

(Nếu dùng lò trầm thì phải lót tay vái xong đặt lên hương án).

- Nghinh thần cúng bái! Tế chủ và bồi tế đứng lên, lùi xuống một chút, rồi cùng sụp lạy (lạy luôn 4 lạy)

- Hưng! Lạy xong đứng cả dậy

Bình thân! Trở về vị trí cũ đứng cho nghiêm.

- Hành sơ hiến lễ! Chuẩn bị lễ lần đầu (dâng rượu)

- Nghệ tửu tôn sở, tư tôn giả cử mịch!

Tế quan đi ra chỗ để rượu, chấp sự mở miếng vải đỏ phủ mịch ra, trên mịch để chén (3 chiếc)

- Chúc tửu! Rót rượu

- Nghệ đại vương tiền quy!

Tế chủ ở chiếu trên đến gần bàn quỳ xuống, các vị sau cũng tiếp tục quỳ theo.

- Tiến tước! Một chấp sự dâng dài rượu cho chủ tế. Chủ tế nâng dài rượu vái rồi đưa trả lại cho chấp sự.

- Hiến tước! Chấp sự nâng dài rượu cao (ngang tầm mắt) đi vào nội điện, đặt điện nơi ban chính điện rồi trở ra (có tài liệu nói cả chủ tế cùng vào)

- Phủ phục, hưng, bình thân!

Tất cả về vị trí cũ phủ phục rồi đứng lên.

- Phục vị! Trở về vị trí cũ.

Đọc chúc! Hai chấp sự vào trong cung đưa bản văn ra, rồi cùng tế chủ trên chiếu trên.

- Giai quy! Tất cả mọi người theo chủ tế đều quy.

- Chuyển chúc! Người cầm chúc đưa cho chủ tế, chủ tế bưng chúc vái một vái rồi đưa cho người đọc chúc.

- Đọc chúc! Người thông thạo, có giọng hay đọc chúc văn.

- Phủ phục, hưng, bái! Đọc xong, tế chủ và hai người đều lạy hai lạy.

- Hưng, bình thân, phục vị! Đứng lên, về vị trí cũ

+ Hành á hiến lễ! Làm lễ dâng thân lần hai cũng như thủ tục sơ hiến lễ.

+ Hành chung hiến lễ! Làm lễ lần thứ ba (thủ tục như á hiến lễ)

- ẨM PHỤC! Chấp sự (hai người) vào trong đưa chút lộc ra (gồm rượu và trâu)

- NGHỆ ẨM PHỤC VỊ! Chủ tế bưng lấy chén rượu, vái, lấy tay che miệng, uống một hơi cho hết.

- THỤ TỘ! Chủ tế cầm khay trâu vái, rồi ăn một miếng sau đó vái hai vái rồi lui ra chiếu ngoài, lại đưa trâu cho mọi người cùng ăn tại chỗ. Ăn xong nhổ vào ống nhổ nước trâu.

- Phủ phục, hưng, bái! xong sụp lạy, đứng lên, lại sụp lạy... hai lạy.

- Hưng, bình phục, phục vị! Đứng lên, về vị trí cũ.

- Phần chúc! Chúc nhân cử người đem chúc ra ngoài hoá. Cũng có nơi chúc tại chỗ (hoá trên tay).

- Lễ tất! Tế xong. Trong khi tế, nhạc sinh đều cử và điểm chiêng, trống cho thêm phần trang trọng.

Khi hô lễ tất, thì khách hành hương, dân làng tiếp tục vào dâng lễ, vái tùy nghi.

Trên đây chỉ là nghi thức tế thần đơn giản, song cũng phải tập sao cho thống nhất cách đi, cũng như động tác phục quy, hưng, bái.

Riêng nội dung bản chúc văn, ngoài việc sở nguyện cầu Thần của nhân dân, có nơi còn tán dương công đức của Thần, Thánh. Cũng có nơi nhân buổi tế này người ta còn đan xen hát ca ngợi công đức bằng các làn điệu hát của đình, hát chầu văn... Và nếu phần tế có thêm các khúc hát của đình làm tăng thêm ý nghĩa và trở thành một sinh hoạt văn hoá sinh động.

4. MỘT SỐ ĐÌNH LÀNG ĐÁNG CHÚ Ý

Đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh)

Đình làng Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đình làng Đình Bảng là một ngôi đình cổ kính và nổi tiếng nhất của đất Kinh Bắc. Là quê hương của Lý Công Uẩn (tức Lý Thái Tổ) người lập ra triều Lý và khai sáng kinh đô Thăng Long (năm 1010). Đình Bảng có cụm di tích văn hóa, nhất là những di tích về thời Lý, tạo

thành một khu lưu niệm độc đáo, âm vang lịch sử, có tầm cỡ quốc gia, đủ cả: Đình, đền, chùa, lăng, tử... đặc trưng của một văn hóa làng Việt Nam.

Đình làng Đình Bảng được xây dựng năm 1700 và đến năm 1736 mới được hoàn thành, do công đầu của quan Nguyễn Thạc Lương, người Đình Bảng và bà vợ rất đảm đang Nguyễn Thị Nguyên quê ở Thanh Hóa đã mua gỗ lim về dâng làng, xây dựng ngôi đình có thể trường tồn.

Đình thờ 3 vị thành hoàng: Cao Sơn đại vương (Thần Đất), Thủy bá đại vương (Thần Nước) và Bạch lệ đại vương (Thần Trông Trọt). Toà Bái Đường của đình có hình chữ nhật, dài 20m, rộng 14m, chia làm bảy gian, hai chái nằm trên nền cao bó đá xanh có bậc cấp. Vẻ đồ sộ của đình thể hiện qua phần mái toả rộng và những cột lim hiếm thấy ở những ngôi đình khác. Có khoảng 60 cột lim lớn nhỏ có đường kính từ 0,55 - 0,65m. Hoa văn trang trí trên các cấu kiện kiến trúc rất đa dạng, chạm trổ tinh vi, chau chuốt, hài hoà. Kết cấu bộ khung đình khá vững chắc, gắn với nhau bằng các loại mộng.

Mỗi bức chạm khắc ở đình là một tác phẩm nổi tiếng độc nhất vô nhị. Càng chiêm ngưỡng, càng thêm bị cuốn hút: Bức Bát mã quần phi, tám con ngựa nhớn như chơi trên đồng cỏ, đất nước thanh bình, con vật cũng vui. Bức lưỡng nghê phục châu, con đực, con cái, mỗi con một vẻ. Những bức chạm rồng tuyệt xảo: Long vân đại hội, Ngũ long tranh châu, Lục long ngự thiên... từng bức, từng bức gợi tả bao điều.

Đình Thổ Hà (Bắc Giang)

Đình Thổ Hà thuộc làng Thổ Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Đây là ngôi đình cổ được dựng vào đời Lê Hy Tông trên khu đất rộng 3.000m² có nhiều cây cổ thụ xung quanh. Đình được dựng theo kiểu chữ công, toà bái đường dài 27m, rộng 16m, dựng trên nền cao 0,5m xung quanh bó đá tảng xanh chia làm ba cấp, mái đình lợp ngói mũi hài to bản, bốn góc là những đầu đao cong vút. Đầu bờ nóc uốn quanh hình lưới liềm, góc mái có gắn nghê, thú nhỏ bằng sành nung già lửa đỏ tía. Có tất cả 22 đầu bẩy lực lưỡng, chạm rồng, mây, nghê, thú rất trau chuốt. Bái đường chia làm 7 gian, 48 cột lim, bộ khung mái chạm trổ tinh vi, nhiều cảnh trí sinh động.

Đặc biệt có khá nhiều hình thiếu nữ mặc váy dài, yếm, tóc búi hoặc chít khăn với nét mặt rạng rỡ trong tư thế cưỡi phượng, dè rồng, hoặc đang nhảy múa giữa các lớp mây bông bành. Lòng bái đường lát đá xanh nhẵn bóng. Bức cửa võng thếp vàng chạm trổ lộng lẫy làm cho bái đường càng thêm trang nghiêm cổ kính. Theo tấm bia cổ để lại, đình Thổ Hà là kết quả công sức đóng góp của toàn thể dân làng Thổ Hà. Ngôi đình là công trình thể hiện niềm tự hào của các thế hệ người dân Thổ Hà.

Đình Vạn Phúc (Hà nội)

Đình này được xây dựng trên nền đất xưa thuộc làng Vạn Phúc, tổng Nội, huyện Vĩnh Thuận. Đình này còn có tên là Vạn Bảo, gọi theo tên một trại ở đây.

Nay đình Vạn Phúc nằm trong một ngõ nhỏ thuộc phố Đội Cấn, quận Ba Đình. Đình thờ Linh Lang Đại

vương là hoàng tử Hoàng Chân, người tướng giỏi đã có công chống giặc Tống (năm 1077) ở trận sông Cầu (sông Như Nguyệt). Hội đình Vạn Phúc vào ngày 10 tháng 2 âm lịch. Đình Vạn Phúc có cỗ kiệu đặc biệt, to và có thể tháo rời cất vào hòm khi đã rước xong. Tại đình này còn chiếc trống lớn nhất ở Hà Nội, mỗi mặt trống phải căng cả cổ da của con trâu mộng và khi đánh, dân Thập tam trại đều nghe thấy. Đình được công nhận di tích lịch sử - văn hóa năm 1992.

Đình Hàng Kênh (Hải Phòng)

Đình Hàng Kênh (tên chữ là thân Thọ đình) nằm trên đường Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Theo bia ký còn lưu giữ tại di tích, đình Hàng Kênh ngày nay khởi dựng vào năm 1719, đời vua Lê Dụ Tông và được trùng tạo từ năm 1841 đến 1850.

Đình Hàng Kênh tọa lạc trên một khuôn viên rộng chừng 6000m² với bố cục kiến trúc truyền thống: đại đình, tòa ông muống và hậu cung. Ngoài kiến trúc chính còn có hai tòa giải vũ, văn miếu, hồ bán nguyệt. Tòa đại đình là phần kiến trúc trọng yếu nhất của ngôi đình, có quy mô bề thế gồm 7 gian, mái lợp ngói mũi hài, đầu đao cong vút.

Với kết cấu bộ khung chịu lực bằng gỗ lim gồm 42 cột cao hơn 5m, chu vi cột gần 2m, kê trên những chân tảng đá xanh chạm nổi một bông sen. Nét đặc sắc, độc đáo của tòa đại đình là các mảng trang trí chạm khắc cầu kỳ, tinh xảo như chạm bong hình, chạm nổi, chạm thủng

trên các xà cột, câu đầu, bẩy hiên, cốn... tạo cho các mảng chạm khắc có không gian nhiều tầng, nhiều lớp, một thế giới điêu khắc sống động với nhiều đề tài phong phú, đa dạng như: rồng, mây, hoa lá, kỳ lân, phượng...

Đặc biệt ở hơn 100 mảng điêu khắc có gần 400 con rồng quấn quýt, hòa quyện cùng hoa, lá, cỏ cây, chim, phượng, với kỹ thuật chạm khắc tinh xảo. Đình Hàng Kênh không chỉ có giá trị lớn về nghệ thuật kiến trúc điêu khắc mà còn bảo lưu được kiểu kiến trúc ván sàn lòng thuyền hiếm có, đưa đình Hàng Kênh trở thành một di sản văn hóa đặc sắc trong các ngôi đình Việt Nam. Tòa hậu cung thâm nghiêm thờ Ngô Vương Quyền người có công đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 giành nền độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam sau một nghìn năm Bắc thuộc.

Tượng Ngô Quyền ngồi trên ngai rồng trong tư thế thiết triều, phía trước có một chiếc thuyền nhỏ, một khúc gỗ tượng trưng cho hàng cọc cắm trên sông Bạch Đằng. Đình Hàng Kênh là di tích đặc biệt tiêu biểu của thành phố Hải Phòng, được nhà nước xếp hạng năm 1962.

Đình chùa Cốc Liễn (Hải Phòng)

Đình chùa Cốc Liễn thuộc xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 20 km. Thôn Cốc Liễn, nơi có công trình đình chùa cổ, trước năm 1945 là xã Cốc Liễn, tổng sâm Linh, phủ Kiến Thụy, tỉnh Kiến An. Tên Cốc Liễn có muện nhất trước thế kỷ XVII; vốn trước gọi là Trang Minh Liễn, đời Thành Thái (1889 - 1907) mới đổi thành Cốc Liễn.

Đình Làng Cốc Liễn tôn thờ vị thành hoàng tên hiệu Đông An (tức Chử Đồng Tử). Tâm thức văn hóa dân gian Việt Nam cho rằng, Chử Đồng Tử là một trong 4 vị thần linh bất tử của người Việt đã từng ra miền biển buôn bán, tu tiên, học Phật. Sau khi được nhà sư ở Nam Hải truyền cho đạo Phật và pháp thuật, Chử Đồng Tử trở về có ghé lại bến thuyền làng Minh Liễn, đã cứu sống bà Đa bị chết đuối.

Cảm kích trước công ơn trị bệnh cứu giúp người nghèo của ông, mẹ con bà Đa cùng dân làng lập miếu thờ tự vị thần Đông An, thấy linh ứng từ đó liền tôn thờ làm thành hoàng; lúc đầu thần Đông An được thờ bằng long ngai, bài vị tại miếu, sau lập thêm ngôi đình như hiện nay. Truyền thuyết dân gian còn cho biết thêm, thần Đông An tức Chử Đồng Tử vốn xuất thân từ tầng lớp bình dân nghèo khó luôn gắn bó với công việc hướng thiện, làm việc đạo nghĩa, nên cư dân ở nhiều nơi đã lập thờ tự, bốn mùa hương khói.

Vào đầu thế kỷ XVII, vua Lê Thần Tông hiệu Vĩnh Tộ vâng lệnh vua cha đem quân ra miền Hải Đông tiêu trừ giặc loạn. Lúc đầu gặp thế giặc mạnh, vua phải cho quân tạm lui, giặc đuổi theo gấp. Đến Trang Minh Liễn thấy nhiều người lễ bái tại ngôi cổ miếu, nhà vua liền vào lễ, bỗng trời đất nổi lên trận phong ba, làm cho giặc khiếp vía kinh hoàng.

Quân ta thừa thế đánh tan được quân giặc, để thưởng công tạ ơn cho vị thần linh, vua xuống chiếu ban sắc phong kèm theo mỹ tự kinh thiên vĩ địa Đại vương giao cho trang Minh Liễn phụng thờ. Sắc phong đầu tiên mang

niên hiệu Vĩnh Tộ năm thứ 6 được dân làng lưu giữ, còn đến ngày nay. Từ ngày ngôi đình được khởi dựng nhân dân cầu cúng rất linh ứng, vào những năm đại hạn kỳ vũ đều được mưa rào, cả Tổng Sâm Linh ngày trước đều tôn vinh thần Đông An là Đức thánh cả thượng đẳng tối linh.

Cùng với việc tôn tạo ngôi đình, tôn thờ An Đông (Chử Đồng Tử), dân làng Cốc Liễn đã phục dựng ngôi chùa làng bên cạnh khu vực ngôi đình thành một cụm công trình văn hóa lịch sử. Ngôi chùa làng Cốc Liễn có tên chữ Minh Quang tự, còn lưu giữ nhiều đồ tế khí, cùng các pho tượng Phật cổ mang niên đại rải rác từ đầu thế kỷ XVII, XVIII, XIX như: tượng Tam Thế, A di Đà, tượng Thánh tăng, Đức Ông.

Đình Cốc Liễn lưu giữ được 20 đạo sắc quý trải dài từ đời Lê Thần Tông (Vĩnh Tộ) đến đời vua Khải Định. Đây là nguồn sử liệu quan trọng, minh chứng cho quá trình tồn tại của cụm di tích đình chùa Cốc Liễn hiện nay. Lễ hội truyền thống hàng năm diễn ra vào ngày mồng Một tháng giêng; mồng 10 tháng 2; mồng 10 tháng 4; mồng 5 tháng 5 và 15 tháng 8 âm lịch với nghi lễ tế, rước trọng thể, truy ơn công của các vị thần.

IV. TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TẠI ĐỀN, MIẾU, PHỦ

1. TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TẠI ĐỀN

1.1. TÌM HIỂU NHỮNG NÉT KHÁI QUÁT VỀ ĐỀN

Đền thờ Thần Thánh (kể cả Thánh mẫu) của một cộng đồng dân cư một vùng, một xã, thôn nào đó. Các vị Thần, Thánh được thờ tại đền phần đa là anh hùng có công với nước, với dân trong việc chống ngoại xâm khai hoang lập ấp. Các vị thần siêu nhiên, Thần mây, mưa, sấm, chớp làm cho thuận trời, đất, mưa thuận gió hoà để việc trồng cấy, cũng như vạn vật sinh tồn.

Quan niệm dân gian coi Thánh, Thần là bậc cao siêu có sức lực phi phàm tối linh như thế nào? Thánh, Thần, Thánh mẫu... được tôn vinh là thượng, trung hoặc tôn thần nhưng đều đóng vai trò như Thành Hoàng làng sẵn sàng che chở, âm phù cho cộng đồng bình an, thịnh vượng, nên đền, miếu thường là nơi mà các ngày tuần tiết, sóc vọng dân làng, khách hành hương hay sắm lễ, dâng hương tưởng niệm truy tư công đức, hoặc cầu cúng mong sự gia ân, âm phù của Thánh, Thần cho gia quyến làm ăn thuận lợi, mọi sự tốt lành.

Nhìn chung đền có nhiều tòa, nói cách khác là nhiều cung hơn đình. Nhưng tòa trong cùng (còn gọi hậu cung) được giành để thờ vị thần chủ thể, hoặc cả vị thần chủ thể và gia quyến của thần.

Toà đề nhị (phía ngoài hậu cung) thường cũng thờ vị Thần chủ thể đó (có thể là tượng hay văn bài), còn

hai bên (hai gian bên cạnh) thờ các tướng văn, tướng võ giúp cho Thần lúc sinh thời đánh giặc, hoặc khai khẩn. Bên ngoài toà đệ nhị là tiền đường (còn gọi là đại bái) là nơi đặt chân ban công đồng và là chỗ lễ thường nhật, hoặc chỗ lễ đầu tiên có tính chất trình, trước khi vào các cung đệ nhị hậu cung (chính tẩm). Các toà giải vũ hai bên, tạo cho công trình có sự khép kín, tôn nghiêm vừa là nơi ông từ ở, khách lễ nghỉ, hoặc là nơi lo công việc tế lễ của làng.

Ngoài sân có hệ thống cột đồng trụ, cột hoa biểu tượng vươn lên của mảnh đất, con người, đồng thời là những trang trí gợi sự uy nghi. Phía ngoài còn có hồ nước khiến tổng thể cảnh quan hài hòa đẹp mắt, lại là tình tiết không thể thiếu của thuyết phong thủy “Sa hoàn thủy nhiều”. Sơ bộ đôi điều để mọi người hình dung khi đến hành hương. Nhưng không phải đền, miếu nào cũng bài trí vậy nên khi đến, ít nhiều cũng phải tìm hiểu lịch sử các ban thờ để tiện việc dâng lễ.

1.2. MỘT SỐ ĐỀN TIÊU BIỂU

Đền Ngọc Sơn (Hà Nội)

Đền Ngọc Sơn nằm giữa hồ Gươm Thăng Long – Hà Nội. Truyền thuyết cho gò đất trong hồ xưa là nơi các Tiên nữ thường lui tới ca hát, vui chơi. Một gò đất nổi giữa lòng hồ nên người xưa rất yêu quý, coi như hòn ngọc. Lại coi như trái núi giữa đồng bằng, giữa Thăng Long nên gọi Ngọc Sơn (núi Ngọc). Hồ Gươm còn gọi là hồ Hoàn Kiếm, liên quan đến truyền thuyết thần Kim

Qui trao kiếm báu cho Vua Lê dẹp giặc và khi giặc tan, Lê Lợi lại trả kiếm báu cho Thần.

Trước đây, khi vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long đặt tên đền là Ngọc Tượng, đến đời nhà Trần đổi tên là Ngọc Sơn. Tại đây đã có một ngôi đền dựng lên để thờ những anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong kháng chiến chống Mông Nguyên. Về sau lâu ngày đền ấy sụp đổ, đến thời Vĩnh Hựu nhà Lê (1735 - 1739), chúa Trịnh Giang đã dựng cung Thụy Khánh và đắp hai quả núi đất ở trên bờ phía Đông đối diện với Ngọc Sơn gọi là núi Đào Tai và Ngọc Bội.

Trên gò đất ở giữa lòng hồ, cung “Khánh Thụy” có ý nghĩa là nơi vui mừng tốt đẹp để vua chúa lui tới. Người ta đã dựng trên gò đất đầy sinh khí, rất phong thủy này ngôi chùa Ngọc Sơn để thờ Phật. Sang nhà Nguyễn thờ Văn Xương Đế Quân, một là vị tinh chủ về Văn hoá. Lại dựng Tháp bút vào điểm “tụ khí, tàng phong” nhằm chấn hưng nền văn hóa Thăng Long, do vậy Chùa Ngọc Sơn còn được gọi là đền Ngọc Sơn. Và người ta còn phối thờ với Văn Xương đế quân; Đức Thánh Trần và Quan Đế (Quan Vân Trường) khiến Ngọc Sơn là nơi hội tụ của Văn – Võ, của sự từ bi, xĩ xả.

Cuối đời nhà Lê, cung Thụy Khánh bị Lê Chiêu Thống phá huỷ. Một nhà từ thiện tên là Tín Trai, nhân nền cung cũ đã lập ra một ngôi chùa gọi là chùa Ngọc Sơn.

Nhân dịp sửa đền Quan đế thành chùa Ngọc Sơn, bài kí “Đền Ngọc Sơn đế quân” được soạn năm 1843 có viết: “...Hồ Tả Vọng tên cũ gọi hồ Hoàn Kiếm là một

danh thắng đất Kinh kỳ xưa. Phía bắc mặt hồ, một gò đất nổi lên rộng khoảng ba bốn sào, tương truyền là chỗ đài câu cá thời cuối Lê. Trước đây, ông Tín Trai làng Nhị Khê nhân có đền Quan Đế tại đấy bèn mở rộng sửa sang thêm gọi là chùa Ngọc Sơn... “.

Ít năm sau chùa lại nhường cho một hội từ thiện đổi làm đền thờ Tam Thánh. Hội này đã bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính, các dãy phòng hai bên, đặt tượng Văn Xương để quân vào thờ và đổi tên là đền Ngọc Sơn. Theo bài ký “Sửa lại miếu Văn Xương”, thì “...Hiện nay đền thờ mới đã hoàn thành, phía trước kê bờ nước, làm đình Trấn Ba, ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng văn hóa. Bên tả, phía đông cầu Thê Húc, dựng Đài Nghiên. Lại về phía đông trên núi Độc Tôn, xây Tháp Bút... “

Năm Tự Đức thứ mười tám (1865), nhà nho Nguyễn Văn Siêu đứng ra tu sửa lại đền. Đền mới sửa đắp thêm đất và xây kè đá xung quanh, xây đình Trấn Ba, bắc một cầu từ bờ Đông đi vào gọi là cầu Thê Húc.

* Kiến trúc:

Trên núi Ngọc Bội (núi Độc Tôn) cũ, nhà nho Nguyễn Văn Siêu cho xây một tháp đá, đỉnh tháp hình ngọn bút lông, thân tháp có khắc ba chữ “Tả Thanh Thiên” (viết lên trời xanh), ngày nay thường gọi đó là Tháp Bút. Tiếp đến là một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên, trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá hình nửa quả đào bổ đôi theo chiều dọc, có hình ba con ếch đội. Trên nghiên có khắc một bài minh nói về công dụng của cái nghiên mực xét về phương diện triết học. Người đời sau ca ngợi là: “Nhất

đài Phương Đình bút”. Từ cổng ngoài đi vào có hai bức tường hai bên, một bên là bằng rồng, một bên là bằng hổ, tượng trưng cho hai bằng cao quý nêu tên những người thi đỗ, khiến cho các sĩ tử đi qua càng gắng công học hành. Hai bên có hai câu đối:

“Bát đảo, mặc ngân hồ Thủy mẫn
Kinh thiên, bút thế thạch phong cao”.

Nghĩa là:

“Trần quanh đảo ngân mực đầy hồ
Chạm bầu trời, thế bút ngắt núi”.

Tên cầu Thê Húc nghĩa là giữ lại ánh sáng đẹp của mặt trời. Cầu Thê Húc dẫn đến cổng đền Ngọc Sơn, còn gọi là Đắc Nguyệt Lâu (lầu được trăng) dưới bóng cây đa cổ thụ, ở giữa một vùng cây cối um tùm, trông như từ dưới nước nhô lên. Đền chính gồm hai ngôi nối liền nhau, ngôi đền thứ nhất về phía Bắc thờ Trần Hưng Đạo và Văn Xương. Tượng đặt ở hậu cung trên bệ đá cao khoảng 1m, hai bên có hai cầu thang bằng đá. Tượng Văn Xương đứng, tay cầm bút. Phía Nam có đình Trấn Ba (đình chắn sóng - ngụ ý là cột trụ đứng vững giữa làn sóng không lành mạnh trong nền văn hoá đương thời). Đình hình vuông có 8 mái, mái hai tầng có 8 cột chống đỡ, 4 cột ngoài bằng đá, 4 cột trong bằng gỗ. Cột trong đình có đôi câu đối:

“Kiếm hữu dư linh quang nhược thủy
Văn tòng đại khối thọ như sơn”.

Nghĩa là:

“Kiếm sát khí thiêng ngợi tựa nước
Văn cùng trời đất thọ như non”.

Các nhân vật được thờ trong đền ngoài Văn Xương Đế Quân, Lã Động Tân, Quan Vân Trường, Trần Hưng Đạo, còn thờ cả Phật A di đà. Điều này thể hiện quan niệm Tam giáo đồng nguyên của người Việt nam.

Tuy là một ngôi đền kiến trúc mới, song đền Ngọc Sơn là một điển hình về không gian và tạo tác kiến trúc. Sự kết hợp giữa đền và hồ đã tạo thành một tổng thể kiến trúc Thiên - Nhân hợp nhất, tạo vẻ đẹp cổ kính, hài hoà, đăng đối cho đền và hồ, gợi nên những cảm giác chan hoà giữa con người và thiên nhiên.

Về dân gian tại đền Ngọc Sơn vào các ngày lễ tiết trong năm, đặc biệt các tiết Xuân - Thu, khách hành hương hẳn được chứng kiến một công trình kiến trúc, một cảnh quan kỳ thú giữa Thủ đô và gửi gắm tâm linh vào các vị Thần Nhân cũng như đức Phật, để tăng thêm niềm vui, niềm tin, vững tâm công đức, buôn bán, làm ăn tạo cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc.

Đền Bạch Mã (Hà Nội)

Đền Bạch Mã (thuộc phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức), nay là 76 Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đền thờ thần Long Đỗ tức Bạch Mã, vị thần bảo hộ kinh thành Thăng Long. Theo một bộ sách soạn ở thế kỷ XIV thì chính thần Bạch Mã đã cảnh cáo Cao Biền, một viên quan Trung Quốc, sang cai trị, khoảng thời gian từ năm 866 đến năm 875, khiến y sợ hãi phải lập đền thờ.

Một truyền thuyết khác kể thêm: khi vua Lý Công Uẩn định đô Thăng Long (1010), xây thành mà cứ bị sụt

lở, ông tới đây cầu lễ và lạ thay, một buổi sáng chợt thấy có con ngựa trắng từ trong đền đi ra, chạy vòng quanh khu vực đang xây thành, chạy đến đâu để dấu chân đến đấy rồi trở lại đền và vụt biến. Vua Lý cứ theo vết chân ngựa mà xây, thành không bị sụt đổ nữa. Vua bèn phong thần Long Đỗ làm thành hoàng bảo vệ cho Thăng Long. Từ đó thần có thêm tên là Bạch Mã.

Đền đã được sửa chữa nhiều lần, cuối thế kỷ XVII được tôn nền cũ và mở rộng. Năm 1781, chúa Trịnh cho dân các giáp Mật Thái, Bắc Thượng, Bắc Hạ thuộc phường Hà Khẩu chung quanh đền Bạch Mã được “tạo lệ” (sắm lễ vật tế, không phải sưu sai, tạp dịch khác). Năm 1829, sửa chữa đền thêm tráng lệ. Năm 1839, dựng văn chỉ ở bên trái đền, dựng Phương đình để làm nơi cúng lễ các tuần tiết.

Trong đền hiện nay còn lưu giữ được khá nhiều hiện vật có giá trị như 15 văn bia (nội dung các văn bia đề cập sự tích của đền, thần, nghi lễ cúng thần, các lần trùng tu tôn tạo), đồ thờ gồm các vũ khí thời cổ như xích, đao, thương, câu liêm... được sơn son thếp vàng, chạm khắc tinh xảo. Trong đền, cùng với các lư hương đồng, bình đồng, còn có tượng Phật và một đôi hạc, đôi phỗng trong tư thế đứng trang nghiêm. Lễ hội đền hàng năm vào tháng 2 âm lịch, trước đây có tổ chức lễ đánh trâu rước xuân.

Đền Hùng (Phú Thọ)

“Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mùng Mười tháng ba

Khắp miền truyền mãi câu ca
Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm”

Đền Hùng ở Phong Châu tỉnh Vĩnh Phú, thờ các Vua Hùng đã có công dựng nước. Khu di tích này có từ lâu đời, nhưng do chiến tranh, do thời gian nên bị mai một khá nhiều. Đầu và trong thế kỷ XX, di tích được tu sửa, mở mang công trình cũng như bậc đá lên xuống do vậy mà việc hành hương dâng lễ tại đền Hạ, đền Thượng, đền Trung và Chùa Thiên Quang được thuận lợi.

Đền Hùng là cội nguồn của dân tộc, nên hàng trăm năm đến dịp mồng Mười tháng Ba, đồng bào cả nước nô nức tẩy hội đền Hùng. Về đây mọi người được dâng hương tưởng niệm tại đền Hạ để nhớ lại chuyện Lạc Long quân và Âu Cơ sinh một bọc được 100 con trai. Khi các con khôn lớn, 50 người con theo cha xuống biển, 49 người con theo mẹ lên núi để lo mở mang bờ cõi, khai khẩn thành điền địa, làng xóm. Người con cả ở lại nối ngôi vua, lưu truyền được 18 đời, làm cho cộng đồng người Việt được hình thành, quốc gia ngày nay càng trở nên hùng mạnh.

Từ nhiều đời nay, trong đời sống tinh thần của người Việt Nam, đã luôn hướng tới một điểm tựa của tinh thần văn hoá - lễ hội Đền Hùng và Giỗ Tổ Hùng Vương, được tổ chức vào ngày 10 tháng 3 âm lịch. Hàng năm, lễ hội Giỗ Tổ vẫn được tổ chức theo truyền thống văn hoá của dân tộc. Vào những năm chẵn (5 năm một lần), Giỗ Tổ được tổ chức theo nghi lễ quốc gia, năm lẻ do tỉnh Phú Thọ tổ chức. Việc tổ chức lễ hội Giỗ Tổ rất chặt chẽ, bao gồm hai phần: lễ và hội.

Phần lễ được duy trì trang nghiêm trong các đền,

chùa trên núi Hùng. Nghi thức dâng hương hoa của các đoàn đại biểu của Đảng, Chính phủ, các địa phương trong toàn quốc... được tổ chức long trọng tại đền Thượng. Từ chiều ngày mồng 9, làng nào được Ban tổ chức lễ hội cho phép rước kiệu dâng lễ đã tập trung tại nhà bảo tàng dưới chân núi, trên kiệu đặt lễ vật. Sáng sớm ngày mồng Mười, các đoàn đại biểu tập trung ở một địa điểm tại thành phố Việt Trì, có xe tiêu binh rước vòng hoa dẫn đầu, diễu hành tới chân núi Hùng.

Các đoàn đại biểu xếp hàng chỉnh tề đi sau kiệu lễ, lần lượt lên đền theo tiếng nhạc của phường bát âm và đội múa sinh tiền. Tới trước thềm của Điện Kính Thiên, đoàn dừng lại, kính cẩn dâng lễ vào thượng cung đền Thượng. Một đồng chí lãnh đạo tỉnh (năm chẵn là nguyên thủ quốc gia hoặc đại biểu đại diện Bộ Văn hoá), thay mặt cho tỉnh và nhân dân cả nước đọc chúc văn lễ Tổ. Toàn bộ nghi thức hành lễ được hệ thống báo chí, phát thanh truyền hình đưa tin hoặc tường thuật trực tiếp để đồng bào cả nước có thể theo dõi lễ hội. Đồng bào dâng lễ trong các đền, chùa trên núi, ai cũng có tâm nguyện cầu mong tổ tiên chứng giám, phù hộ độ trì cho con cháu.

Phần hội diễn ra tưng bừng, náo nhiệt xung quanh các đền, chùa và dưới chân núi Hùng. Hội ngày nay chính là nơi để thi tuyển và giao lưu văn hoá giữa các vùng. các nghệ nhân người Mường mang đến lễ hội thanh âm của tiếng trống đồng một thời dóng trên đỉnh núi Hùng, gọi mặt trời làm mưa, làm nắng thuận hoà, cho mùa màng tốt tươi, muôn dân hạnh phúc. Những làn điệu Xoan - Gheo với lời ca tinh tế, mượt mà đã đem tới

cho lễ hội đền Hùng một nét đặc trưng, thấm đượm văn hoá vùng Trung du Đất Tổ. Một điểm quan trọng nằm ở giữa trung tâm lễ hội là nhà bảo tàng Hùng Vương.

Gần đền Hạ có chùa Thiên Quang (ánh sáng trời). Ngôi chùa này được xây dựng từ thế kỷ XV – XVI theo kiểu chữ công (I) nhưng do chiến tranh, chỉ còn lại toà Tiền Tế với nhiều cây cổ thụ khiến ngoại cảnh nơi đây khá quyến rũ. Năm 1954 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên thăm đền Hùng và nghỉ chân tại sân chùa Thiên Quang.

Đền Trung là công trình được xây dựng sớm trên núi Hùng từ thời nhà Trần, thế kỷ XV bị giặc phá, sau đó được phục hồi. Đây là nơi Vua Hùng thứ VI đã hội tụ các con về núi Nghĩa Lĩnh cho thi làm cỗ và người con út Lang Liêu yêu lao động, thường dân đã làm bánh dày, bánh chưng tượng trưng cho trời đất dâng Vương phụ. Lang Liêu được Vua cha khen “bánh thì ngon, ý thì hay” nên truyền ngôi cho.

Lên đền Thượng, khách hành hương được nghe kể lại chuyện các vua và quần thần làm lễ tế trời đất mong cho quốc thái dân an, thuận hoà thời tiết để cho muôn dân được ấm no. Vì vậy đền Thượng được gọi “Kính Thiên Lĩnh điện” (điện thờ Trời núi Nghĩa Lĩnh). Tại đây còn có cây cột đá, tương truyền dựng vào thời Thục Phán. Sau khi được nhường ngôi, Thục An Dương vương cho dựng cột đá để thề cùng non nước: giữ gìn giang sơn gấm vóc và nguyện hương khói tại lăng miếu các vua Hùng.

Về đây còn được thăm lăng Tổ (Hùng Vương lăng), thăm đền Giếng ở chân núi, tương truyền Tiên Dung và

Ngọc Hoa là con gái Vua Hùng thường soi gương tại giếng này. Và cũng tại đây, khi về tiếp quản Thủ Đô, Bác Hồ dẫn đoàn quân tiên phong:

“Các Vua Hùng đã có công dựng nước
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước”.

Lễ hội ngày nay có nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá hơn xưa. Các hình thức văn hoá truyền thống và hiện đại được đan xen nhau. Trong khu vực của hội, nhiều cửa hàng bán đồ lưu niệm, văn hoá phẩm, các cửa hàng dịch vụ ăn uống, các khu văn thể... được tổ chức và duy trì một cách trật tự, quy củ. Tại khu văn thể, các trò chơi văn hoá dân gian được bảo lưu có chọn lọc như: đu quay, đấu vật, chọi gà, bắn nỏ, rước kiệu, kéo lửa nấu cơm thi, đánh cờ tướng (cờ người)... Có năm còn diễn trò Bách nghệ khôi hài, “Rước chúa gái, “Rước lúa thần” và trò Trám tại khu vực hội. Cạnh đó là sân khấu của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp: chèo, kịch nói, hát quan họ.

Đền Quốc mẫu Âu Cơ (Phú Thọ)

Đền được xây trên núi ốc Sơn, còn gọi là núi Vặn, cao trên 147m so với mặt biển. Nằm trong khu di tích đền Hùng, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Đền Quốc mẫu Âu Cơ được thiết kế dựa trên nền kiến trúc độc đáo mang đậm dấu ấn văn hóa của thời kỳ Đông Sơn. Đền thờ Mẹ Âu Cơ, người mẹ huyền thoại, linh thiêng, huyền diệu có công đầu trong việc khai hoang, mở cõi của dân tộc. Tổng thể kiến trúc gồm có: nhà Tả vu, nhà Hữu Vu, nhà bia, trụ biểu, tứ trụ, cổng tam quan,

nhà đón tiếp, nhà hành lễ, sân, vườn, hệ thống đường bậc, bãi quay xe.

Đường từ chân núi lên đến cửa đền gồm 553 bậc đá, trên đường đi có nhà đón khách và chỗ dừng chân. Cổng tam quan xây cao 5,8m có ba lối vào, lối chính cao 2,2m, mái cổng lợp dán ngói mũi hài, các đao góc, các hoạ tiết chạm khắc mô phỏng hình chim Lạc. Điểm nhấn của tiền cảnh đền là bia và trụ bia làm bằng đá một mặt khắc chữ nôm, mặt kia khắc chữ quốc ngữ ghi lại thời kỳ xây dựng đền với sự đóng góp công đức của đồng bào cả nước.

Đền được dựng theo kiến trúc truyền thống với cột, khung, sườn, mái, vách ngăn bằng gỗ lim; mái lợp ngói mũi hài, tường xây bằng gạch bát. Khu đền chính gồm một đền thờ chính và hai nhà Tả vu, Hữu Vu nằm hai bên, kiến trúc kiểu chữ đinh. Riêng thành lan can được chạm khắc các hoạ tiết hình chim Lạc và các hoạt động văn hóa dân gian thời kỳ Đông Sơn. Nội thất trong đền gồm tượng Mẫu và hai tượng Lạc Hầu, Lạc Tướng được đúc bằng đồng với khối lượng khoảng 2 tấn. Tượng Mẫu Âu Cơ cơ bản lấy theo mẫu tượng đang thờ ở đền Mẫu Âu Cơ tại xã Hiền Lương (huyện Hạ Hòa - Phú Thọ), chỉ điều chỉnh đôi chút.

Vật liệu được lựa chọn công phu, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao. Các nhang án, đại tự, câu đối, bệ đặt trống đồng, giá treo chuông, treo chiêng, y môn... được sơn son thếp vàng trên chất liệu gỗ quý. Hai bên Tả vu là hai bức phù điêu khắc họa cảnh 50 người con theo cha xuống biển, 50 người con theo mẹ lên núi bằng chất

liệu gò đồng.

Do đặc thù nằm trên núi cao có độ chênh lớn nên hệ thống sân vườn được xây dựng khá kỳ công, xung quanh đền chính được xây kè bằng 3 lớp, lớp trong cùng là tường chắn bằng bê tông cốt thép, lớp giữa xây bằng đá hộc, lớp ngoài ốp bằng đá ong lấy từ vùng làng cổ Sơn Vi, Thanh Đình huyện Lâm Thao (Phú Thọ). Công trình đã sử dụng hơn 8.000m đá, 5.300 tấn cát sỏi, 68.000 tấn xi măng, 250m gỗ lim. Đền Quốc mẫu Âu Cơ được hoàn thành đúng vào dịp lễ hội Đền Hùng - Quốc lễ năm 2005.

Đền bà Chúa Kho (Bắc Ninh)

Đền bà Chúa Kho thuộc thôn Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Đền còn có tên là “Khố linh từ”.

Với truyền thuyết: Bà Chúa là người giữ kho, lại sẵn lòng từ thiện cứu trợ kẻ nghèo, gặp khi cơ nhỡ, nên thường vào các tháng đầu năm, nhiều người buôn bán rủ nhau về đây lễ Mẫu, lễ Bà Chúa, vay tiền, vàng của Chúa, hy vọng trong năm sẽ làm ăn phát đạt và cuối năm lại sửa lễ, đem tiền vàng lên trả Bà Chúa. Việc vay “vốn” của bà Chúa Kho, những năm gần đây dân gian hay làm, không biết hiệu quả ra sao nhưng đây là tín ngưỡng dân gian cần được suy ngẫm.

Song tại “Khố linh từ”, việc thờ tự lại hiện diện các vị thuộc Tam phủ, Tứ phủ: Nói rõ hơn là thờ Tam toà Thánh mẫu và các vị tả, hữu quan Hoàng, nhị vị Vương Cô, Sơn trang, Cô Cậu... Và “Khố Linh từ” còn thờ cả Thành Hoàng bản thổ đại vương, thể hiện sự hoà đồng trong tín ngưỡng một cách rộng rãi. Do vậy khách hành

hương cần lưu ý đến sự thờ tự để dâng lễ, dâng hương, lễ trước, lễ sau, ban nào, cung nào cho có thứ tự, tránh sự thất thố.

Đền Quan Lớn Tuần Tranh (Hải Dương)

Đền Quan Lớn Tuần Tranh thuộc huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương (Hải Hưng trước đây) thờ một trong ngũ vị Quan Lớn, (thường thờ ở Phủ Mẫu Liễu Hạnh).

Theo truyền thuyết thì trong hệ thống Ngũ Vị Quan Lớn, ông là quan Đệ Ngũ. Sinh thời ông hết lòng phò vua Hùng đánh giặc phương Bắc:

“Ngọn cờ thanh kiếm vua ban

Đánh Đông dẹp Bắc cho an nước nhà”.

Sông Tranh thuộc Ninh Giang, đã là bãi chiến trường trong sự nghiệp đánh ngoại xâm của ông, nên khi ông mất, nhân dân ở đây lập đền thờ để ghi nhớ kỷ niệm tốt đẹp của người anh hùng từ thời tiền sử:

“... Sông Tranh ơi hỡi sông Tranh

Non nước còn ghi trận tung hoành

Oai hùng lẫm liệt gương tráng sĩ

Ngành thu còn để dấu anh linh...”

Lễ hội ở đây thường mở từ ngày 25 tháng 2 hàng năm. Khách hành hương về dự hội, khẩn cầu rất đông. Ngoài việc tế lễ, hầu bóng, hội Quan Lớn Tuần Tranh còn có các trò chơi dân gian mang tính thượng võ dân tộc.

Đền Kiếp Bạc (Hải Dương)

Kiếp Bạc xưa thuộc hương Vạn Kiếp lộ Lạng Giang. Thời Nguyễn thuộc địa phận hai xã Vạn Yên (làng Kiếp) và Dực Sơn (làng Bạc). Nay thuộc xã Hưng Đạo huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương (Hải Hưng trước đây).

Nơi đây là đại bản doanh, là vị trí quan trọng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trong thời chiến. Sau chiến tranh Hưng Đạo Vương ở tại Thái ấp Kiếp Bạc và ngày 20-8 năm Hưng Long thứ Tám (1300) trái tim vị anh hùng ngừng đập cũng tại mảnh đất này.

Do công lao to lớn nên triều đình cho lập đền thờ ở trung tâm thung lũng Kiếp Bạc. Và công trình cũng bị giặc dã tàn phá nhiều lần. Thế kỷ XIX, XX công trình được phục hồi, nhưng cuộc chiến với thực dân Pháp, đền Kiếp Bạc lại bị phá dỡ toà trung đường. Hiện nay đền Kiếp Bạc đã được hồi phục và lễ hội 20-8 hàng năm, cũng như các ngày tuần tiết nhân dân trong vùng, khách thập phương tấp nập kéo về dự lễ hội, dâng hương tại ban thờ Hưng Đạo Vương, cùng Thiên Thành Công Chúa (phu nhân).

Tại đền thờ có tượng Đệ Nhất Khâm Từ hoàng hậu. (Quyên Thanh công chúa là con Hưng Đạo Vương). Tượng đệ nhị Anh Nguyên quận chúa, vợ Phạm Ngũ Lão (con gái nuôi của Hưng Đạo Vương) và tượng Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão. Đền Kiếp Bạc còn có 4 chỗ ngai thờ Túc vị vương tử, là các võ tướng đã góp công sức đáng kể trong sự nghiệp đánh giặc bảo vệ chủ quyền dân tộc thế kỷ XIII.

Đền Trần (Nam Định)

Đền Trần tọa lạc ở phía đông chùa Phổ Minh, thuộc xã Lộc Vượng, tỉnh Nam Định. Đền được xây trên phần đất của cung điện Trùng Quang nhà Trần.

Đền Trần còn gọi “Trần Miếu” là khu di tích bao gồm đền Thiên Trường, đền Cố Trạch và gần đó là Chùa Tháp Phổ Minh, đền liên quan đến lịch sử nhà Trần và các anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn.

Khu vực đền Trần nằm trên vùng đất mà 700 năm trước vương triều Trần đã xây dựng cung điện Thái Thượng Hoàng, cùng các vương phủ cho quý tộc Trần, mà dấu tích là gạch ngói, gốm cổ cùng các địa danh, bi ký, sử liệu đã ghi lại. Do vậy Đền Trần càng thêm ý nghĩa đối với hậu thế.

Trong quần thể Đền Trần có đền Thiên Trường được xây dựng từ thời hậu Lê, thờ 14 vị vua Trần. Ngày lễ quan trọng nhất tại lễ hội đền Trần là lễ khai ấn. Hoạt động này khởi nguồn từ tập tục là sau những ngày nghỉ Tết, từ rằm tháng Giêng thì triều đình trở lại làm việc bình thường. Lễ khai ấn thường được tổ chức vào đêm ngày 14 rạng ngày 15 tháng giêng hàng năm.

Hiện nay đền Thiên Trường thờ 12 vị vua Trần và 2 vị vua thời Hậu Trần nên người ta gọi là 14 vị vua Trần. Đền Cố Trạch (ngay bên cạnh đền Thiên Trường) thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cùng gia quyến, các tướng văn, tướng võ đã vào sinh ra tử kháng chiến chống đế quốc Nguyên – Mông thắng lợi.

Nam Định là quê hương nhà Trần, do vậy hàng năm tổ chức kỷ niệm đức Thánh Trần (20 - 8), nhân dân thập

phương nô nức kéo về dâng hương tưởng niệm vị anh hùng dân tộc. Dân gian coi đây là ngày giỗ cha, “Tháng Tám giỗ cha” nên rất có ý thức về vấn đề này. Trong lễ hội thường có tế lễ, trình giàu, trình lính, ộp đồng, hầu bóng. Ngoài ra còn có các trò vui như đấu vật, chọi gà, múa rồng, múa lân... khiến không khí ngày hội rất náo nhiệt.

Đền thờ Vua Đinh – Vua Lê (Ninh Bình)

Đền thờ vua Đinh – vua Lê thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Đền được xây dựng trong khu Thành Hội của Cố Đô Hoa Lư – thế kỷ X. Đền vua Đinh và đền vua Lê làm song song, quay mặt ra dòng sông nhỏ và núi Lãng, bốn phía có núi non bao bọc, cùng với dấu tích thành cổ Hoa Lư.

Đền vua Đinh thờ Đinh Tiên Hoàng đế, cùng hai vương tử của ông, được xây dựng kiểu chữ công, chạm khắc trên công trình nhiều đề tài tinh vi nghệ thuật. Tại đây có các di vật tuyệt tác bằng đá chạm khắc từ thế kỷ XVII như sập rồng bằng đá, nghê đá, rồng đá...

Đền Thờ vua Lê có kiến trúc, điêu khắc cũng tương tự như đền vua Đinh nhưng thấp hơn, nhỏ hơn. Tại đền có tượng Lê Đại Hành hoàng đế, tượng Thái hậu Dương Văn Nga và tượng Lê Văn Việt, Lê Long Đĩnh.

Lịch sử, công trình kiến trúc nơi đây hoà cùng núi sông cây cỏ, khiến khách hành hương phải suy tư, khâm phục bàn tay, khối óc người xưa và hình dung một quốc gia non trẻ Thế kỷ X với tên Đại Cổ Việt, không chỉ đẹp yên loạn nước, còn lập chiến công lẫy lừng làm cho

quân Tống khiếp sợ.

Ngoài việc dâng hương tại đền, khách hành hương còn có thể leo lên núi Lãng, thấp hương tưởng niệm vua Đinh, vua Lê đồng thời bao quát cảnh núi rừng, sông nước nơi đây. Và nếu ai đi vào dịp hội tháng 3, hẳn được xem các trò vui dân gian, đặc biệt là xem vũ điệu “Cờ lau tập trận”, nghe lời hát dầy niêm tự hào:

“Trời Nam ai biết ai đâu,
 Hoa Lư có đám trẻ trâu oai hùng
 Cờ lau tập trận vẫy vùng
 Làm cho con Lạc – cháu Hồng vẻ vang”.

Đền Bảo Lộc (Nam Định)

Đền Bảo Lộc thuộc xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Đây là thái ấp của An Sinh Vương Trần Liễu (Thân phụ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn). Do vậy khách hành hương đông về không kém đền Trần.

Khu đền này tuy mới tôn tạo vào đầu thế kỷ XX, nhưng các toà chính điện thờ Hưng Đạo Vương, cũng như toà “Khải Thánh Vương tử” đều được thiết kế quy mô. Đặc biệt là tượng Hưng Đạo Vương, tượng Thiên Thành Công Chúa là phu nhân của Vương, tượng Thánh Phụ Trần Liễu... được đúc bằng đồng với kỹ thuật điêu luyện, hoa văn trang trí kỳ công, sắc nét.

Trước đây, lễ đền Bảo Lộc còn có việc xin bùa chấn trạch, bùa hộ mệnh, bắt ma, trừ tà... nặng về duy tâm. Ngày nay, một số tục lệ cổ hủ đã được giảm bớt, mọi người đi lễ cốt tâm thành, vừa để tri ân công đức đối với

vị anh hùng dân tộc, vừa hy vọng đức Thánh anh minh sẽ độ trì cho gia sự an Khang, thịnh vượng

Đền Và (Hà nội) – (Hà Tây trước đây)

Đền Và - nay thuộc thôn Vân Gia, xã Trung Hưng, thành phố Sơn Tây, Hà Nội (Hà Tây cũ) - cổ kính và đẹp đẽ bậc nhất trong số các đền miếu trong vùng, nơi từ xưa đến ngày nay có lễ hội thu hút dân trong vùng và khách thập phương đông vui với nhiều trò vui, dân gian cũng vào hàng hiếm thấy ở xứ Đoài. Ngôi đền đồ sộ, bề thế, mái ngói bạc màu cùng năm tháng, với khoảng sân rất rộng, ẩn dưới rừng lim cổ thụ uy nghi, trầm mặc tỏa bóng, trên ngọn đồi thấp đầu làng, bên đường quốc lộ.

Về cổ kính với lối tổ chức không gian nội, ngoại thất, cùng các đường nét kiến trúc cơ bản đậm phong cách kiến trúc đền miếu thời Lê, đã từng được trùng tu một số lần vào thời Nguyễn, mà dấu ấn rõ nhất là nghệ thuật chạm khắc, trang trí tinh xảo mà bay bướm, ngôi đền hiện vẫn vững chãi, sải mái nguy nga, không gian bên trong thoáng rộng với hệ bàn thờ, đồ thờ uy nghi mà không kém phần lộng lẫy, tương xứng với niềm thiêng của vị Thánh được cả nước tôn thờ - Thánh Tản Viên, một trong “Tứ bất tử” của nước nhà, vị Phúc Thần bậc nhất trong tâm linh của dân ta.

Thánh Tản Viên là hóa thân của khí thiêng sông núi, sức mạnh siêu nhiên giúp dân chống cả giặc dã lẫn thủy tai, theo truyền miệng của dân trong vùng, một lần du xuân thuở xa xưa, ghé thăm một miền đất tụ cư, thấy ngọn đồi hình kim quy tỏa khí lạnh nay là đồi Và, có khí

chất một vùng thảng địa, Ngài dừng chân, đám mây lành từ núi Tản bay đến che lọng tía, liền lập hành cung, gọi “đông cung”.

Vào khoảng vài ba thế kỷ sau công nguyên, dân trong vùng lập đền bái vọng, đời đời hương khói phụng thờ. Bài văn trên tấm bia đá lập năm 1883 hiện còn dựng ở chái đền, cho hay lúc ấy “đền là miếu nhỏ, nhưng rất linh ứng, cầu gì được nấy”.

Trải qua nhiều thế kỷ thăng trầm, đến thời thịnh trị triều Lê, làng Và trù phú đứng ra cùng dân chúng trong vùng góp công góp của xây cất ngôi đền lớn trên vị trí ngôi đền cũ. Ngôi đền năm gian, mặt tiền rộng, lòng đền sâu, ba hàng cột lim cỡ một vòng tay ôm, chân cột đặt trên đá tảng trang trí hoa văn, đỡ ba bộ vì kèo chống giường, hệ bẩy và quá giang đều chạm trổ hoa văn hoa lá khiến bộ khung, sườn đền to lớn, chắc khỏe trở nên thanh thoát và đẹp mắt. Gian chính giữa là hệ ban thờ ba ngôi Thánh Tản, các long ngai, bài vị sơn son thếp vàng lộng lẫy, dưới tán lọng vàng, tỏa không khí linh thiêng.

Một số là di vật thời Nguyễn còn giữ được, nhiều hơn là của khách thập phương cúng tiến từ trước đến giờ, đáng chú ý là những cỗ kiệu gỗ chạm trổ công phu, sơn thếp đẹp mắt...

Lễ hội đền Và mới thật là đông vui, sầm uất, tới nay vẫn giữ được cách thức cổ truyền, xem như một di sản phi vật thể giá trị. Bắt đầu từ cuộc rước bài vị Thánh qua sông Hồng đến làm lễ tắm ngai ở đền Dội, nay thuộc xã Ngư Bình (Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc). Lễ rước bắt nguồn từ

truyền thuyết kể rằng: Sơn Tinh từng du ngoạn vùng ven sông Hồng vào ngày 14 tháng Giêng, không còn nhớ rõ năm, thấy cô thôn nữ gánh đôi quang sọt, Ngài nhờ cô gánh cho đôi sọt nước từ sông Hồng để rửa chân. Theo lời Ngài, cô xuống sông múc nước, quả nhiên đôi sọt tre đan hóa hai sọt nước đầy. Hôm sau, cô ra chôn cũ lặn lẽ hóa thân, mối dùn thành gò mộ. Sơn Tinh báo mộng cho dân làng lập đền thờ, dân gọi là đền Dội.

Từ đó, ba ngày 14 - 17 tháng Giêng các năm Tý - Ngọ - Mão - Dậu, đền Và lại mở hội lớn gọi là chính lễ. Lễ tắm ngai dùng nước lấy ở giữa sông Hồng vào sáng sớm ngày Rằm, đựng vào chum nhỏ. Theo lệ, chính lễ rước đông vui nhất, nhân dân cả tám làng Vân Gia, Cầu Trì, Mai Trai, Nghĩa Phủ, ạm Trai (xã Trung Hưng); Phú Nhi (phường Phú Thịnh); Phù Sa (xã Viên Sơn); thôn Di Bình xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc) cùng nhau làm lễ.

Chiều 14 tháng Giêng, mỗi thôn một kiệu túc trực trên sân trước cửa đền Và. Sáng sớm tinh mơ ngày Rằm, làm lễ “phụng nghinh”, rồi rước long ngai ba vị đức Thánh Tản ra kiệu chính. Đoàn rước trùng điệp theo sau kiệu chính là những kiệu văn (văn tế), kiệu long mũ của tam Thánh, kiệu hương hoa, oản quả các thôn dân cúng. Đám rước trang nghiêm mà náo nhiệt càng đi càng thu hút đông đảo dân trong vùng, trên đường diễu hành qua cầu Cộg vào thành phố Sơn Tây. Tới cổng thành cổ thì đoàn kiệu quay một vòng mới rước qua các làng Phù Sa, Phú Nhi để đi đến bờ sông Hồng. Các cỗ kiệu lần lượt xuống thuyền qua sông, rồi dừng lại trước ban thờ

tam vị Thánh Tản, sau đi vào đền Dội.

Cuộc vui ở bãi sông tới xế chiều thì lại rước kiệu trở lại đền Và. Sau các nghi thức tế lễ là tung bưng hội. Người người hào hứng vòng trong vòng ngoài, xem và nhập cuộc các trò chơi dân gian, những đấu cờ người, đấu vật, chọi gà, hát múa dân ca, dân vũ lăm lăm điệu và vũ hình đặc sắc xứ Đoài.

Đền Lộ (Hà Nội) - (Hà Tây trước đây)

Đền Lộ còn gọi là đền Đại Lộ, thuộc xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây cũ. Đây là ngôi đền lớn nằm sát bờ sông Hồng, có cảnh quan thoáng đãng, rất thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội.

Đền Lộ thờ Đại Càn Thánh Mẫu tức là Tứ Vị Thánh Nương như nguồn gốc ở đền Cờn Nghệ An, nên các thương thuyền, người buôn bán liên quan đến sông nước rất sùng bái. Đại tự ở đền ghi: “Càn Hải Phúc Thần” (Vị Phúc Thần cửa biển Đại Càn).

Hàng năm, từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 2, nhân dân địa phương và thập phương tấp nập kéo nhau về dự hội. Đặc biệt nhất là đêm ngày 4 tháng 2, mọi người châu chực, thức suốt đêm để chuẩn bị cho giờ phút rước nước vào mờ sáng ngày 5 tháng 2.

Sau khi làm lễ, đoàn thuyền kiệu từ từ ra giữa dòng sông, cách đền chừng 30 km, để múc những gáo nước trong cho vào bình làm nước Thánh. Trong giờ phút thiêng liêng này chiêng trống thúc lên, ban nhạc cổ củ hành, hoà cùng tiếng reo hò của hàng ngàn người dọc bên bờ sông khiến không khí ngày hội thật sôi động. Lễ

rước nước xong, mọi người tiếp tục vào đền dâng lễ Tứ Vị Thánh Nương, hoặc xem các trò chơi dân gian mang tính thượng võ dân tộc.

Đền Lãnh Giang (Hà Nam)

Đền Lãnh Giang thuộc xã Mộc Nam huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Nơi đây thờ quan lớn Đệ Tam, một vị tướng từ thời Hùng Vương trấn trị tại cửa sông, có công đánh giặc cứu nước.

Đền Lãnh Giang còn thờ cả Mẫu Thoải trong Tam Toà Thánh mẫu thờ Cô, thờ Cậu trong tứ phủ nên khách hành hương về đây rất đông. Hình thức lễ, tế, tín ngưỡng đa dạng, nhiều màu sắc. Đặc biệt, các vị thần đều trấn trị tại vùng sông nước, liên quan đến việc buôn bán, đi lại trên sông, biển nên lượng thuyền buôn, hàng chài khá đông, khiến cho đền Lãnh Giang quanh năm có khách về lễ bái.

Đền Cờn (Nghệ An)

Đền Cờn thuộc xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thờ Tứ vị Thánh Nương (gồm Dương Thái Hậu, Hoàng hậu và hai công chúa nhà Triệu Tống).

Dương Thái Hậu cùng các tướng lĩnh nhà Nam Tống đóng quân tại Nhai Sơn, chống lại quân Mông Cổ nhưng thất thế. Vua quan và hàng chục vạn quân sĩ, nhân dân trăm mình xuống biển tuẫn tiết. Riêng Thái Hậu và ba người con dùng thuyền nhỏ chạy sang phương Nam, nhưng gặp bão lớn cũng bị thiệt mạng và xác trôi dạt vào Cửa Cờn. Quỳnh Lưu... Truyền thuyết nói các vị được Thượng đế phong làm Thần biển Nam và Dương Thái

Hậu báo mộng giúp Vua Trần Anh Tôn đánh thắng quân Chiêm Thành. Bà còn âm phù cho vua Lê Thánh Tông bình phương Nam thắng lợi, do vậy triều đình Trần, Lê phong sắc, cấp vàng bạc cho dân tự sửa, mở mang đền thờ...

Sau này nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn mỗi khi có sự cố đều đến lễ cầu và thấy ứng nghiệm nên lại tiếp tục cấp kinh phí tu chỉnh đền thờ. Thời gian chiến tranh làm hư hỏng nhiều hạng mục công trình, việc phục hồi chưa được toại nguyện, nhưng khách hành hương khắp nơi vẫn tấp nập về lễ Thánh Mẫu đền Cờn.

Đặc biệt, từ 15 tháng Chạp đến 21 tháng Giêng lễ hội có bơi chải, thi tế trâu, tế trâu, tế bánh... nhất là các ngày 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 tháng Giêng, tổ chức rước gỗ Thần (chạy ói) cuốn hút hàng ngàn người trong Nam, ngoài Bắc. Trong tháng hội Xuân này còn có nhiều trò vui mang đậm tính miền biển, cũng như màu sắc văn hoá truyền thống dân tộc.

Đền Sòng (Thanh Hoá)

Đền Sòng ở gần đường quốc lộ 1A thuộc Tổng Sơn – Thanh Hoá, là ngôi đền bị tàn phá bình địa, sau nhân dân phục hồi nên dáng dấp công trình, kỹ thuật xây dựng còn thiếu sự kỳ công, nghệ thuật. Tuy vậy, theo truyền thuyết thì đền Sòng là nơi Mẫu Liễu Hạnh mở quán bán hàng để thử lòng người và trưng trị những kẻ trai tơ, hiếu sắc, kể cả hoàng tử con vua. Lại là địa bàn Mẫu đã giao chiến với Thiên binh, Thiên tướng... nên dân gian đã phục hồi nếp lễ xưa, để ghi nhớ những việc

làm quả cảm của một phụ nữ lưu chống lại cả mệnh trời, trở thành người Mẹ không thể chết trong lòng dân gian, nhất là đối với phụ nữ.

Trước kia lễ hội đền Sòng liên quan đến hội Phủ Giày. Đám rước từ Phủ Giày vào Sòng Sơn và ngược lại, cách xa trên ba chục cây số mà nhân dân vẫn được thực hiện. Phải chăng đền Sòng đã có ấn tượng sâu sắc đối với mọi người, nhất là các đệ tử của Mẫu ở Thanh Hoá, do đó mới có câu: “Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh”.

Hiện nay, trong dịp kỷ niệm tháng Ba, không có việc to tát như xưa, nhưng nhân dân trong vùng, khách thập phương vẫn không quên tới đền Sòng lễ Mẫu, thăm lại cảnh quan chôn linh từ.

Đền thờ Núi Bà Đen (Tây Ninh)

Đền thờ núi Bà Đen còn gọi là đền Linh Sơn Thánh Mẫu. Nhưng lai lịch núi Bà Đen ra sao vẫn còn trong huyền thoại: Có thuyết cho Bà là người văn võ toàn tài, lại căm ghét bọn tham quan vô lại ở Quan Hoá đang thông đồng với quân Xiêm xâm lăng nước ta, nên bà đã chiêu tập quân sĩ để chặn đánh quân giặc và đã góp công trong trận Rạch Gầm đánh bại quân Xiêm. Nhưng sau trận Rạch Gầm bà đi thăm lại mộ cha, không may bị lọt vào vòng vây của địch. Bà đã chiến đấu để bảo vệ danh tiết đến hơi thở cuối cùng, rồi lao xuống khe tự vẫn.

Truyền thuyết nói bà là người có tinh thần yêu nước lại có đức độ nên được thần linh giúp đỡ, trở thành vị tu tiên đặc đạo thường hiển linh trên đỉnh núi. Để tưởng

nhớ người con trung hậu, nhân dân địa phương đã lập đền thờ bà ngay lưng chừng núi và cầu xin bà phù hộ độ trì cho dân làng bình an vô sự.

Việc cầu nguyện có linh nghiệm nên triều đình nhà Nguyễn cấp sắc phong là “Linh Sơn Thánh Mẫu”, ấy vậy mà dân gian còn gọi quả núi này là núi Bà Đen. Phải chăng tượng thờ bà bằng đồng đen, hay vì lúc sinh thời bà có nước da ngăm đen nên dân gian gọi núi Bà Đen?

Đền Linh Sơn Thánh Mẫu đã và đang được phục hồi tôn tạo. Công trình, cảnh quan nơi đây thanh u, hùng vĩ khiến du khách trong suốt mùa xuân tấp nập nạp lui tới dâng hương, cầu nguyện Thánh Mẫu ban tài, phát lộc, độ trì cho sức khỏe Khang cường, đồng thời văn cảnh núi non, chùa chiền danh thắng Linh Sơn Bà Đen.

Đền An Tràng (Hải Phòng)

Đền An Tràng nằm trên khu đất cao thuộc thôn An Tràng, xã Trường Sơn, huyện An Lão, Hải Phòng. Đền thờ Vương Công Hiến, tướng tài của Lý Nam Đế. Cha Vương Công Hiến quê ở Châu ái. Do bị quan lại địa phương, tay sai của bọn đô hộ ức hiếp nên cha Vương Công Hiến cùng bạn thân rời quê tìm người cùng chí hướng. Ông đến thôn An Tràng, xã Trường Sơn, huyện An Lão ngày nay xin nhập tịch rồi lấy vợ người An Tràng.

Ngày 8 tháng 2 năm Nhâm Ngọ, ông bà sinh được một người con trai đặt tên là Công Hiến, năm Hiến 6 tuổi cha mất, 12 tuổi mẹ cũng qua đời. Công Hiến được người cậu ruột nuôi dưỡng cho ăn học và học iất giỏi. Đến tuổi trưởng thành, Công Hiến kết duyên cùng Vũ thị Quý

Minh người cùng thôn. Vợ chồng Công Hiến sống rất hòa thuận và hạnh phúc. Năm 542, Lý Bí phát cờ khởi nghĩa, Công Hiến đi theo. Chỉ trong vòng 3 tháng, nghĩa quân đã chiếm được hầu hết các quận, huyện. Biết quân giặc cậy vào sức mạnh, nên Lý Bí đã phân cho các tướng trấn giữ các nơi hiểm yếu. Công Hiến giữ thành Bô Cô kiêm nhiệm vụ dụ giặc.

Được tin Long Biên thất thủ, Tiêu Tư chạy về Trung Quốc, vua Lương lập tức lệnh phải chiếm lại. Nhưng quân giặc vừa kéo vào nước ta đã bị Lý Bí cho quân mai phục đánh tan. Trong một trận đánh quyết liệt, Công Hiến đã có công lớn giải vây cho Lý Bí. Đầu năm sau (543), quân Lương lại sang xâm lược nước ta lần nữa cũng bị Lý Bí đánh tan ở Hợp Phố. Mùa xuân năm 544 Lý Bí xưng Hoàng đế Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân, lo việc tổ chức bộ máy cai trị, phong thưởng các tướng sỹ có công. Công Hiến xin được về trông coi đất An Tràng.

Vào tháng 5 năm 545, vua Lương lại phái quân sang xâm lược Vạn Xuân, Lý Nam Đế đem quân chống lại, nhưng không cản được quân giặc ở Lục Đầu, rồi cửa sông Tô Lịch, thành Gia Ninh (Việt Trì). Cuối cùng Lý Nam Đế cùng các tướng sỹ lui binh về miền núi rừng Vĩnh Yên. Khi Phạm Tu tử trận, Vương Công Hiến và Lý Phục Man phá vòng vây thoát về Châu Diên. Giặc vây riết, Phục Man tự vẫn. Vương Công Hiến đau buồn rồi mất vào ngày 15 tháng 11. Quân lính mai táng ông ở phía Tây thành Châu Diên. Nhân dân An Tràng lập miếu thờ ngay tại vườn nhà ông để tưởng nhớ công lao.

Hội làng An Tràng được tổ chức hàng năm từ ngày 7 đến hết ngày 12 tháng Giêng Âm lịch rất long trọng, trang nghiêm. Sau đó, mọi người tham gia các trò vui: xem hát chèo, hát chầu văn, đặc biệt là xem đánh vật để nhớ lại những ngày Công Hiến mở trường luyện võ, luyện quân ở địa phương. Đền An Tràng, xã Trường Sơn, huyện An Lão là một di tích lịch sử văn hóa được nhà nước xếp hạng năm 1993.



2. TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TẠI MIẾU

2.1. NHỮNG ĐIỂM ĐẶC TRƯNG NHẤT VỀ MIẾU

Miếu thường thì nhỏ bé thờ các vị thổ thần của từng ngõ xóm, Thần cây đa, cây đề nào đó... nhưng lại có miếu rất to lớn, thờ Thánh, thờ Vua, thờ Thần y... như miếu Trần ở Nam Định, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Y miếu ở Hà Nội, Cổ miếu ở Bạc Liêu... Lại các Thái miếu thờ các vị hoàng đế mà sử sách đã đề cập. Do vậy đền và miếu cũng chỉ phân biệt một cách tương đối, chứ không thể tách bạch cặn kẽ được.

Hãy đối chiếu một số đền miếu ở các tỉnh như đền Quan Thánh Hà Nội, đền Kiếp Bạc Hải Dương, Văn Miếu Hà Nội, Trần miếu còn gọi là đền Trần – Nam Định... để thấy tính quy mô của kiến trúc, cách bố cục công trình trên địa hình theo thuyết phong thủy. Rồi toà ngang dãy dọc, sân nội sân ngoại, cùng với cảnh quan tạo sự thâm nghiêm, phù hợp với thuyết âm – dương ngũ hành mới thấy được ý tứ của người xưa đối với đền, miếu là nơi thờ Thánh, Thần như thế nào.

Hiện nay, do lòng sùng bái của nhân dân, các đền miếu được bổ sung thêm câu đối, đại tự, rồi các đồ thờ, tượng pháp. Những chỗ thiếu thì rất tốt, song những nơi không thiếu lại hoá dư thừa. Nhưng do lòng thành kính dâng nên phải sắp xếp bổ sung những đồ thờ làm mới, mới mua chỉ hào nhoáng chứ thiếu tính nghệ thuật, làm ảnh hưởng tới giá trị của công trình, của di sản văn hoá và của cả đời sống tâm linh.

Chính vì vậy, các ban quản lý cần có kế hoạch bổ sung,

chấp nhận sự tiến cúng theo kế hoạch, không nên bị động đưa thêm vào nơi tôn nghiêm từ ngàn xưa những đồ thờ kém chất lượng.

2.2. MỘT SỐ MIẾU TIÊU BIỂU

Văn Miếu Quốc Tử Giám (Hà Nội)

Văn Miếu Quốc Tử Giám nằm ở phía Nam thành Thăng Long, được xây dựng trên đất rộng chừng 6 mẫu, quang dăng bằng phẳng, với cây cổ thụ, cây lưu niên tạo cảnh sắc thơ mộng. Cổng Văn Miếu làm lối chông diêm hai tầng, duyên dáng nghệ thuật. Phía trong còn có cổng “Đại trung”. Hai bên là hai cổng nhỏ “Thành đức” và “Đại tài”. Tên cổng “Thành đức”, “Đại tài” mang ý nghĩa đào tạo con người có tài, có đức thì mới giúp cho đời được công việc hữu ích.

Văn Miếu còn có “Khuê Văn Các” kiến trúc đầu thế kỷ XIX, giản dị nhưng xinh xắn, có giếng “Thiên quang” (ánh sáng trời). Khu vực chính là công trình điện Đại Thành, nhà Bái Đường thờ Khổng Tử và các bậc Tiên hiền, Tiên nho. Hai bên có Đông Vu, Tây Vu và đặc biệt là hai dãy nhà bia với 82 bia đá, khắc tên 1306 vị đỗ đại khoa của 82 khoa thi Tiến sĩ, từ năm Đại Bảo thứ III (1442), đến năm Kỷ Hợi (1779).

Phía sau Điện Thánh là khu vực Quốc Tử giám, xưa có giảng đường, thư viện, khu tam xá cho học trò ở, nhà kho... Khi nhà Nguyễn rời đô vào Huế, khu này thành đền Khải Thánh thờ thân phụ, thân mẫu của Khổng Tử (khu này bị đốt năm 1946 – mới phục hồi).

Hàng năm, đến tiết Xuân - Thu, đều chọn ngày đình tháng Hai và tháng Tám để triều đình tế lễ. Việc chi phí sắm biện đồ lễ cúng do triều đình gánh chịu. Ngày nay, Văn Miếu không chỉ là nơi dâng hương trong các tuần tiết, mà còn là nơi đón nhiều đoàn khách quan trọng trong nước, ngoài nước. Đón nhiều đoàn nghiên cứu, tìm hiểu về các nhà khoa bảng, về việc học của ông cha ta, do vậy Văn Miếu trở thành niềm tự hào của Thăng Long, của cả dân tộc Việt Nam.

Miếu Phương Mỹ (Hải Phòng)

Miếu Phương Mỹ thuộc xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Tương truyền, làng Phương Mỹ có từ rất sớm. Ban đầu mang tên là trang Hoa Kiều. Vào thời nhà Lý (1010 - 1225), trang Hoa Kiều trở thành trang Hoa Chương. Đến thời Nguyễn Trang Hoa Chương đổi thành thôn Phương Mỹ và giữ nguyên tới ngày nay.

Miếu Phương Mỹ được xây cất trên một cù lao nhỏ hình mai rùa nổi giữa đầm Đông - vết tích của một dòng sông cổ ở phía đông làng. Miếu quay về hướng đông, các công trình liên hoàn từ ngoài vào lần lượt gồm hồ nước, tam quan, sân rộng có tường bao xung quanh, trước thềm tam cấp là một sân tế nhỏ. Ngăn cách với bên trong tiền đường là hệ thống 3 gian cửa gỗ làm theo kiểu cửa thung, cung khách quen thuộc. Mặt bằng kiến trúc miếu bố cục hình chữ đình gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Số lượng đồ thờ, đồ tế tự ở miếu Phương Mỹ tương đối phong phú và chủ yếu mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (1802 - 1945). Trong đó, các di vật quý

ngoài long đình, bát bửu, bài vị, quán tầy, nhang án, số đồ thờ bằng đồng hay sành sứ khác, còn có 5 chiếc sập gỗ, 3 bộ kiệu bát công và 3 pho tượng thánh đều có niên đại thế kỷ XIX.

Hiện nay, tại hậu cung, trên ban thờ cao và sâu nhất đặt 3 tượng gỗ dáng đắp tương tự nhau, cùng ngồi trên ngai rồng, mặc long bào, đội mũ acnhs chuồn trong tư thế thiết triều, vẻ mặt phảng phất nét phong sương của những võ tướng vừa trải qua trận mạc... Nhân dân địa phương cho biết đây là tượng các vị Phạm Quảng, Phạm Tử Nghi và Quý Minh đại vương được tôn làm thành hoàng của làng.

Theo sử cũ và thần tích còn lưu giữ được về cuộc đời và sự nghiệp của các vị, có thể tóm tắt như sau: Quý Minh đại vương là dũng tướng tài ba của vua Hùng Duệ Vương (đời vua Hùng thứ 18) có công trong việc bảo vệ đất nước trong cuộc nội chiến Hùng Thục (Văn Lang - Âu Lạc). Tương truyền, tại thôn Phương Mỹ, xưa kia là nơi đóng quân mai phục của Quý Minh. Sau khi ông mất, dân làng lập miếu thờ ghi nhớ công ơn của ông. Phạm Tử Nghi là người làng Vĩnh Niệm, tổng An Dương, huyện An Dương, phủ Kinh Môn, trấn Hải dương (nay thuộc phường Ninh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng). Ông là người võ nghệ cao cường và có sức địch muôn người, có công lao to lớn đối với quê hương đất nước. Phạm Tử Nghi làm quan triều Mạc tới chức Phò mã Đô úy, Thái úy và được phong tước Tứ Dương hầu. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ bờ cõi của đất nước, ông lập nhiều chiến công. Kẻ địch không thắng nổi ông bèn

lập mưu sát hại. Sau khi ông mất, nhân dân nhiều nơi trên mảnh đất quê hương đã lập đền thờ ông.

Phạm Quang là người trang Hoa Kiều (xã xỹ Đồng huyện Thủy Nguyên ngày nay). Ông là một võ tướng dưới triều Đinh Tiên Hoàng. Khi triều đình biến động cũng là lúc mối đe dọa xâm lăng của giặc Tống đã kề sát biên giới. Trong tình hình nguy ngập đó, Lê Hoàn lên ngôi. Phạm Quang đã phò tá Lê Hoàn chống Tống. Sau chiến thắng quân xâm lược, ông trở về làng quê sinh sống. Khi mất ông được dân làng lập miếu thờ phụng.

Kể từ khi ngôi đình của làng không còn, miếu Phương Mỹ được coi như ngôi đình chung, nơi thờ phụng các vị thành hoàng những bậc thánh nhân có công lao to lớn đối với sự nghiệp bảo vệ đất nước quê hương. Miếu Phương Mỹ được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa năm 1992.

Miếu An Sơn (Vũng Tàu)

Miếu An Sơn nằm trên đảo Côn Sơn thuộc huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. An Sơn Miếu là một ngôi miếu cổ. Miếu được xây từ năm 1785, (sau đó được xây dựng lại vào năm 1958) để thờ bà Phi Yến, vợ của chúa Nguyễn Ánh (sau trở thành vua Gia Long).

Ngôi miếu này rất linh thiêng đối với những người dân trên đảo và nó gắn liền với một câu chuyện bi thương của người phụ nữ tài sắc, giàu lòng yêu nước. Năm 1783, sau khi thua quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh mang theo vợ, con và khoảng 100 gia đình thuộc hạ chạy ra đảo Côn Sơn. Cùng với những người dân chài đang sinh sống ở

Côn Sơn, Nguyễn Ánh đã lập nên 3 làng là: An Hải, An Hội và Cỏ ống. Để đánh lại quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh dự định gửi con cả là Hoàng tử Cảnh đi theo cố đạo Pháp (Bá A Lộc) sang Pháp cầu viện. Bà Phi Yến (Lê Thị Rằm) là vợ thứ của Nguyễn Ánh đã can ngăn chồng, đừng làm việc “công rấn cắn gà nhà” để người đời chê trách.

Nguyễn Ánh không những không nghe lời khuyên của bà mà còn tức giận, nghi bà thông đồng với quân Tây Sơn, nên định giết bà. Nhờ quân thần can xin, Nguyễn Ánh đã tống giam bà vào một hang đá trên đảo Côn Lôn nhỏ. Khi quân Tây Sơn đánh ra đảo, Nguyễn Ánh bỏ chạy ra biển. Hoàng tử Cải (còn gọi là Hoàng tử Hội An), con bà Phi Yến lúc đó mới 4 tuổi đòi mẹ đi cùng. Trong cơn tức giận Nguyễn Ánh đã ném con xuống biển. Xác Hoàng tử Cải đã trôi vào bãi biển Cỏ ống. Dân làng đã chôn cất Hoàng tử. Bà Phi Yến, theo truyền thuyết được một con vượn và một con hổ cứu ra khỏi hang và về sống với dân làng Cỏ ống để trông nom mộ Hoàng tử Cải. Một lần, sau khi bị một kẻ xấu xúc phạm bà đã tự tử để thủ tiết với chồng. Nhân dân trên đảo vô cùng thương tiếc bà và đã lập nên ngôi miếu to, đẹp để thờ bà. Năm 1861, Pháp sau khi chiếm đảo đã quyết định di tản toàn bộ dân vào đất liền để xây nhà tù. Ngôi miếu bị đổ nát dần. Năm 1958, nhân dân trên đảo đã xây dựng lại ngôi miếu trên nền cũ.

Miếu và chùa Trung Hành (Hải Phòng)

Miếu và chùa Trung Hành nay thuộc phường Đằng Lâm, quận Hải An. Xưa kia là vùng đất Ngô Quyền đóng

quân và huy động sức người, sức của, đánh quân xâm lược Nam Hán năm 938, mở đầu kỷ nguyên độc lập lâu dài của đất nước. Là một trong số 17 làng xã có hệ thống phòng, tích chứa quân lương của Ngô Quyền, nên Trung Hành được các triều đại kế tiếp phong sắc, công nhận việc thờ tự Ngô Vương.

Đặc biệt, Trung Hành vốn nổi tiếng là địa linh nhân kiệt, nhiều người đỗ đạt, nhiều văn quan võ tướng có tài, hiện còn được ghi lại trên các văn bia, gia phả của nhiều dòng họ. Ngạn ngữ có câu: An Dương Trung Hành, Kim Thành Quỳnh Khê, thế ngôn chi đa sĩ nghĩa là: Làng Trung Hành, huyện An Dương; làng Quỳnh Khê, huyện Kim Thành đời truyền có nhiều quan.

Miếu Trung Hành thờ Ngô Quyền có quy mô vừa phải, hòa quyện với cảnh quan làng xóm. Dấu vết trang trí nghệ thuật của lần khởi dựng đầu tiên (đầu thế kỷ XVII) còn để lại trên 4 cây cột cái sơn son, chạm rồng mây. Những điểm nổi bật của di tích là sự hợp lý, liên hoàn của toàn bộ khuôn viên. Bằng những vật liệu truyền thống như: gỗ, đá, ngói, gạch Bát Tràng gắn vữa hồ... bàn tay người nghệ nhân làng xã đã tạo ra một công trình có kết cấu hoàn chỉnh, quy mô khép kín gồm: kiến trúc cổng, tòa bái đường, hai bên giải vũ, cung ngoài, cung trong kiểu nội công, ngoại quốc.

Tòa cung trong, cung ngoài được bài trí các cổ vật quen thuộc như: kiệu bát cống, giá chiêng, bộ bát bửu, nhiều di vật bằng đồng như: chuông, khay, đèn chân nến, đỉnh đốt trầm, đồ sứ. Tòa hậu cung thâm nghiêm thờ Ngô Vương Quyền. Tượng Ngô Quyền tạo thiên trên

ngai rồng, được tạc theo lối trụ tròn, thể hiện rõ uy thế của một vị vua. Cách miếu chừng 300m về bên trái và hướng tây là chùa Trung Hành, tên chữ là Hưng Khánh tự.

Chùa có bố cục kiến trúc truyền thống: Tam quan gác chuông, tòa phật điện, nhà thờ tổ, vườn bia, mộ tháp. Cổng chùa đồng thời là gác chuông có 2 phần chính: cổng giữa 3 tầng 12 mái, lợp ngói cổ 2 lớp, hai lối bên xây kiểu 2 tầng, 8 mái. Kiến trúc cổng chùa mang ý nghĩa dịch học sâu sắc, biểu thị 3 thành phần cơ bản của vũ trụ là Trời - đất - người. Tầng giữa treo quả chuông đồng cao 1,4m đúc năm Minh Mạng thứ 3 (1823). Tòa phật điện chùa Trung Hành thờ các pho tượng phật: Tam thế, A di đà, Văn Thù, Phổ hiền, Hộ thiện, Trừ ác... Đặc biệt tại đây còn lưu giữ pho tượng vị hoàng đế nhà Mạc.

Tượng Hoàng đế có khuôn mặt trái xoan, trán dô, mũi gồ, mắt một mí; cổ cao 3 ngón, tai chấy xệ như tại Phật, đầu đội mũ Vương miện trang trí một dải bằng 12 ô, ô chính giữa và ô sau gáy khắc nổi chữ vương Thân tượng khoác áo hoàng bào. Giữa ngực có bố tử hình chữ nhật trong khắc rồng, thân uốn khúc dạng yên ngựa.

Pho tượng được đặt ở vị trí kín đáo (cuối chật điện) toàn thân phủ một lớp sơn dày, trông thoáng qua giống như tượng gỗ. Lý giải về pho tượng đá chùa Trung Hành, một số nhà nghiên cứu lịch sử cho biết: Khi nhà Lê Trung Hưng đánh đuổi nhà Mạc, một nhánh nhà Mạc lẩn trốn tới Đàng Lâm mai danh, ẩn tích đổi từ họ Mạc sang họ Khoa. Họ đã mang theo pho tượng đá giấu dưới ao làng, lúc tình hình tạm yên, được vớt lên bảo quản

trong chùa. Nhưng đề phòng bị phát hiện, họ quét phủ một lớp sơn để che mắt nhà Lê.

Lễ hội ở Trung Hành diễn ra từ ngày 17 tháng Giêng âm lịch. Xưa có tục múa roi, diễn lại khí thế xung quân, diệt giặc của quân lính thời Ngô Quyền. Khi múa roi, một người cầm cờ thêu chữ Đàng Giang thiên cổ đứng hàng đầu, tám người cầm roi chia nhau đứng ở 2 bên. Tất cả quay mặt vào hướng đình theo lệnh, cứ dứt một hồi trống thì người cầm cờ và roi đều vái và hô to “lạy đức Vua”, hết lượt thứ 3 họ bắt đầu quay lại múa roi, múa cờ, reo hò vang dội. Cụm di tích văn hóa chùa, miếu Trung Hành được nhà nước xếp hạng năm 1993.

Miếu Nam (Hải An – Hải Phòng)

Miếu Nam là một di tích lịch sử thuộc thôn Hà Liên - Bắc Sơn - Hải An, đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia (tháng 1 năm 1990). Tại đây, nhân dân địa phương tôn thờ vị công thần triều Lý, tên gọi Nguyễn Hồng. Miếu Nam trước đây vốn là ngôi đình Nam, có tên chữ Vạn Thọ, được tạo dựng trên gò đất phía Nam của làng, văn bia ghi nhận là nơi hoá của Nguyễn Hồng. Trên nền xưa cảnh cũ, di tích miếu Nam được tạo dựng từ phế tích của ngôi đình cổ xưa.

Và miếu Nam tiếp tục bảo lưu một truyền thống cực kỳ quý báu của nhân dân địa phương được thành văn khắc trên tấm bia đá, tôn thờ danh tướng Nguyễn Hồng: bé thì chăm chỉ học hành, vâng lời cha mẹ dạy bảo. Lớn lên, khi nước nhà bị giặc sang đánh chiếm thì hăng hái lên đường ra trận, giặc tan lại về quê nhà. Tấm văn bia

cổ, niên hiệu Tự Đức (1848 - 1883) còn cho biết lai lịch, công huân vị danh tướng như sau: Năm 544, nước Vạn Xuân do Lý Nam Đế lãnh đạo bị giặc ngoại xâm rình rập uy hiếp, triều đình có việc cấp bách, biết Nguyễn Hồng người Hà Liên mưu tài, trí giỏi, võ nghệ tinh thông, vua Lý đã phong cho Nguyễn Hồng quyền đốc quân các châu, quận và ra mặt trận chống giặc ở cửa sông Bạch Đằng. Hai đạo quân thủy bộ do Nguyễn Hồng chỉ huy đã giáp trận, diệt tan kẻ giặc, nước nhà lại yên.

Sau khi được vua Lý ban thưởng rất hậu, Nguyễn Hồng xin được trở lại quê nhà khao thưởng dân làng, rồi sau đó mất tại Hà Liên. Từ nhiều năm nay, chính quyền và nhân dân Bắc Sơn đã tôn tạo trên quê hương mình một điểm di tích và danh thắng, để từ di sản văn hoá này muốn giáo dục và phát huy khơi dậy niềm tự hào về truyền thống yêu nước chống ngoại xâm và truyền thống lao động cần cù của người dân địa phương.

Di sản văn hoá miếu Nam được ẩn mình dưới bóng cây cổ thụ, soi bóng xuống dòng mương xanh mát quanh năm, tạo thành cảnh quan trên bến dưới thuyền hết sức sinh động.

Một trong nhiều văn vật quý được dân làng lưu giữ tại miếu là đôi kiệu rồng dài 4m, mang dấu ấn nghệ thuật nhà Nguyễn (thế kỷ XIX). Cả hai kiệu đều đặc tả một phức hợp rồng - một con vật gần gũi trong đời sống tâm linh người Việt Nam. Rồng trong nhiều thế bay, sum vầy giữa áng mây cụm song song từng đôi một. Khác với kiệu bát cạy ở nhiều đình, miếu khác ở Hải Phòng, cỗ kiệu thất công (7 thanh rồng 7) ở miếu Nam được đánh

giá vào bậc độc nhất vô nhị hiện nay.

Lễ hội ở miếu Nam được mở đúng ngày sinh của danh tướng Nguyễn Hồng (16 tháng 2 âm lịch hàng năm). Nhưng theo chu kỳ đại lễ thì cứ 4 năm lại mở một lần. Người đến lễ hội không chỉ nhân dân địa phương mà còn đông đảo khách thập phương. Sau lễ dâng hương tại miếu Nam là cuộc rước nghi vệ thành hoàng, long đình, bát biểu và hai cỗ kiệu quý trên các nẻo đường quanh thôn, xã. Đội ngũ trong đám rước đông vui nhưng chỉnh tề, uy nghi, rực rỡ sắc màu truyền thống và rộn ràng trong khúc nhạc lưu thủy hành vân. Kiệu hoa, kèn lệnh xen lẫn tiếng trống, chiêng như làm sống lại hào khí anh hùng của một vùng quê ngoại thành.

Thất Phủ Quan Võ miếu (thành phố Hồ Chí Minh)

Ngôi miếu đầu tiên tại Sài Gòn do nhóm người Hoa di dân đóng góp xây dựng nên là Thất Phủ Quan Võ miếu (thờ Quan Thánh Đế Quân, tức Quan Công - nhân vật nổi tiếng của thời Tam Quốc hậu Hán), ra đời năm 1775, tọa lạc ở một vị trí quan trọng thuộc khu vực trung tâm Chợ Lớn, trên đường Phúc Châu (nay là đường Triệu Quang Phục). Song song với ngôi miếu này, người Hoa cũng dựng lên miếu Thất Phủ Thiên Hậu để thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu.

Sau năm 1975, hai ngôi miếu này bị hư hại nặng và nay không còn nữa. Tuy nhiên, miếu Quan Đế và miếu Thiên Hậu, được xây dựng vài năm sau, hiện vẫn đứng sừng sững như thách thức thời gian. Miếu Thiên Hậu (số 710 đường Nguyễn Trãi) gắn với hoạt động của hội quán

Tuệ Thành, trong khuôn viên của miếu có trường Trung học cơ sở Mạch Kiếm Hùng. Còn một miếu khác là miếu Quan Đế (số 678 đường Nguyễn Trãi) gắn với hội quán Nghĩa An, bên trong khuôn viên là trường tiểu học Chính Nghĩa.

Miếu Quan Đế (thành phố Hồ Chí Minh)

Miếu Quan Đế (Nghĩa An hội quán) ở thành phố Hồ Chí Minh là công trình lớn, được người Hoa và nhân dân sùng bái. Miếu thờ Quan Đế tức Quan Vân Trường, còn gọi Quan Vũ là danh tướng phò nhà Hán thời Tam Quốc. Bởi lòng trung thành và đức độ của ông nên người Hoa, người Việt đã lập miếu thờ ông ở khắp các tỉnh thành trong nước, nhất là địa bàn có đông người Hoa.

Điều đặc biệt là ông được các triều đình Trung Quốc hết sức tôn vinh, phong từ Vũ An Vương (1102) lên Đại Đế, rồi Vũ Đế, thờ ngang với Khổng Tử. Hàng năm các quan phải đến cúng tế từ 13 tháng Giêng. Có nơi còn thờ ông trong chùa gọi là Già Lam Thần. Ngày 13 tháng 5 là ngày lễ chính, được nhân dân đến dâng hương, tế lễ rất đông.

Miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu (thành phố Hồ Chí Minh)

Miếu Thiên Hậu (Tuệ Thành hội quán) tại Chợ Lớn thành phố Hồ Chí Minh là ngôi miếu cổ, thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu từ lâu đời. Có ảnh hưởng rộng khắp ở thành phố Hồ Chí Minh và Nam Bộ.

Hàng năm, vào ngày 23 tháng 3 lễ Vía Thiên Hậu được tổ chức rất trọng thể. Nhưng dịp cuối năm (28 Tết)

ở đây còn tổ chức lễ khai ấn. Ấn bằng đồng, hình vuông cạnh 9 cm. Mặt ấn khắc 4 chữ triện “Hộ quốc tử dân” (giúp nước cứu dân). Ban tự trị bốc thăm, ai bắt được thăm có chữ “Bê ấn” sẽ được bê ấn, cho người có thăm “Khi ấn đại kiệt” đóng. Đầu tiên ấn đóng vào hai tờ giấy đỏ dán vào cột chính ở cung Thiên Hậu. Sau đó mọi người đua nhau đưa khăn vào xin ấn và những khăn vuông đó được mọi người xếp lại lấy may, hy vọng trong năm sẽ được Thiên Hậu Thánh Mẫu độ trì cho cuộc sống bình an, hạnh phúc.

Miếu Bà Chúa Xứ (An Giang)

Miếu Bà Chúa Xứ thuộc phường Núi Sam, trước thuộc xã Vĩnh Tế, thị xã Châu Đốc là một trọng điểm hành hương và du lịch của tỉnh An Giang Việt Nam.

** Nguồn gốc:*

Theo truyền tụng trong dân gian thì tượng Bà đã có lâu đời. Cách đây khoảng 200 năm, Bà được dân địa phương phát hiện và được khiêng từ trên đỉnh núi Sam bằng 12 cô gái đồng trinh, theo như lời dạy của bà qua miệng cô đồng, nên người dân lập miếu để tôn thờ. Có ý kiến khác cho rằng Thoại Ngọc Hầu hoặc vợ là bà Châu Thị Tế xây dựng miếu. Tuy khó xác minh, nhưng biết chắc là miếu ra đời sau khi Thoại Ngọc Hầu về đây trấn nhậm và kênh Vĩnh Tế đã hoàn tất (1824) mang lại lợi ích rõ rệt cho lưu dân và dân bản địa.

** Kiến trúc:*

Ean đầu miếu Bà được cất đơn sơ bằng tre lá. Năm 1870, ông Giáo Gia đề xướng xây cất lại thành ngôi miếu

ngôi và sau đó còn trùng tu nhiều lần. Đến năm 1972, ngôi miếu được tái thiết lớn và hoàn thành vào năm 1976, tạo nên dáng vẻ như hiện nay, và người thiết kế là kiến trúc sư Huỳnh Kim Mãng.

Kiến trúc miếu có dạng chữ “quốc”, hình khối tháp dạng hoa sen nở, mái tam cấp ba tầng lầu, lợp ngói đại ống màu xanh, góc mái vút cao như mũi thuyền đang lướt sóng. Bên trong miếu có võ ca, chính điện, phòng khách, phòng của Ban Quý tế...

Các hoa văn ở cổ lầu chính điện, thể hiện đậm nét nghệ thuật Ấn Độ. Phía trên cao, các tượng thần khỏe mạnh, đẹp đẽ giang tay đỡ những đầu kèo. Các khung bao, cánh cửa đều được chạm trổ, khắc, lõng tinh xảo và nhiều liên đối, hoành phi ở nơi đây cũng rực rỡ vàng son. Đặc biệt, bức tường phía sau tượng bà, bốn cây cột cổ lầu trước chính điện gần như được giữ nguyên như cũ.

** Bên trong Miếu Bà Chúa Xứ:*

Các nhà chuyên môn cho biết tượng Bà Chúa được tạo vào khoảng cuối thế kỷ VI đầu thế kỷ thứ VII, bằng đá son, có giá trị nghệ thuật cao. Khi xưa, tượng Bà ngự trên đỉnh núi Sam, gần Pháo Đài. Chứng minh cho điều này là bệ đá Bà ngồi vẫn còn tồn tại. Bệ đá có chiều ngang 1,60m; dài 0,3m, chính giữa có lỗ vuông cạnh 0,34m, loại trầm tích thạch màu xanh đen, hạt nhuyễn.

Tượng thờ này thuộc nền văn hóa mang mô típ mỹ thuật Bà-la-môn giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, tương tự tượng Phật Bốn tay ở chùa Linh Sơn (huyện Thoại Sơn, An Giang). Và thực ra đây không phải là tượng người phụ nữ mà là tượng nam thần đang ngồi trầm tư, nghĩ

ngợi, thường gặp trong các tín ngưỡng chịu ảnh hưởng của Bà-la-môn giáo.

Nhà văn Sơn Nam cũng đã ghi: “Tượng của Bà là pho tượng Phật đàn ông của người Khơme, bị bỏ quên lâu đời trên đỉnh núi Sam. người Việt đưa tượng vào miếu, điểm tô lại với nước sơn, trở thành đàn bà mặc áo lụa, đeo dây chuyền. Và từ đó “Bà Chúa Xứ” là vị thần có quyền thế lớn ở khu vực ấy, xứ ấy...”

Và ngoài các ban thờ Hội Đồng, Tiên hiền, Hậu hiền; cạnh tượng Bà Chúa Xứ, phía bên trái có một Linga bằng đá rất to, cao khoảng 1,2m, gọi là Ban thờ Cậu. Hội Bà Chúa Xứ được tổ chức hàng năm rất trọng thể vào các ngày cuối tháng 4 Âm lịch.

3. TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TẠI PHỦ

3.1. TÌM HIỂU NHỮNG NÉT KHÁI QUÁT VỀ PHỦ THỜ

Chữ phủ ở đây là cúi, cúi xin xem xét. Vậy phủ thờ là nơi để mọi người đến xin xem xét cho một việc nào đó mà bản thân hay gia quyến đang bế tắc, chưa được giải thoát.

Thông thường Phủ là nơi thờ Mẫu, nhưng cũng có nơi thờ Mẫu lại không gọi phủ như đền thờ Bà Trưng, Bà Triệu, đền thờ các nữ tướng Lê Chân, Thụy Nương, Tống Hậu, Thiên Hậu, Nguyệt Nga công chúa, đền Sông, đền Dâu, đền Tiên ở Lạng Sơn, điện Hòn Chén thờ Mẫu Liễu, điện thần Bà Chúa Xứ ở núi Xam An Giang... Vậy chữ phủ chỉ dùng cho những nơi như phủ Giày, phủ Tây

Hồ, phủ Nấp, phủ Đồi và một số nơi khác rất đậm nét về Mẫu Liễu.

Nhưng nói đến phủ, tất phải nghĩ về tín ngưỡng thờ Mẫu, đây là đặc thù rất bản địa, ăn sâu vào lòng người, do vậy mà các cửa phủ lớn như phủ Tiên Hương, phủ Vân Cát, phủ Tây Hồ... mỗi ngày khách hành hương lại càng đông. Năm bảy ban lễ, rồi hàng chục ban lễ mà vẫn thiếu chỗ, khách vẫn phải chen lấn, đứng vòng trong vòng ngoài khăn vái, hoặc chứng kiến các giá đồng mang tính vũ đạo nghệ thuật. Và cũng chính vì nhu cầu của khách hành hương nên các cửa phủ phải bài trí nhiều ban, xây dựng toà chính, toà phụ mà vẫn chật chội.

3.2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA PHỦ THỜ

Thiết kế phủ thờ thường có 4 toà, làm theo lối “Trùng thiềm”, tức là các toà song song với nhau. Toà còn gọi là cung và cung đệ tứ ở ngoài cùng to lớn (như tiền đường của đền), rồi đến các cung đệ tam, đệ nhị, đệ nhất (nhỏ dần nhưng cao dần).

- Cung đệ nhất: còn gọi là hậu cung, là nơi thâm nghiêm, đây là ban thờ Tam toà Thánh Mẫu, mà Mẫu Liễu Hạnh là đệ Nhất Thánh Mẫu, mặc áo đỏ, trùm khăn đỏ ngồi chính giữa ở vị trí trang trọng nhất, là Mẫu chủ thể của tín ngưỡng Mẫu bản địa. Hai bên mẫu đệ Nhất là mẫu đệ Nhị, đệ Tam mặc áo trắng khăn trắng và áo xanh, khăn xanh tức là mẫu Thoải và mẫu Thượng Ngàn thuộc hệ Tam Toà Thánh Mẫu.

- Cung đệ nhị: đây là ban chính giữa thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, tiếp đến là ban thờ ngũ vị quan lớn gồm các vị:

Quan Thượng thiên mặc áo đỏ
 Quan Giám sát mặc áo xanh
 Quan Thủy phủ mặc áo trắng
 Quan Khâm sai mặc áo vàng
 Quan Tuần Tranh mặc áo đen

Đây cũng chính là màu sắc thuộc ngũ hành: Kim, mộc, thủy, hoả, thổ.

- Cung đệ tam: đây là ban thờ các Quan hoàng Bảy, Quan hoàng Mười. Hai gian bên thờ Đức Thánh Trần và nhị vị Vương cô, tức là Khâm tử Hoàng Hậu và Thủy Tiên Công Chúa, là vợ đức vua Trần Nhân Tôn và vợ Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão. Cũng có nơi lập riêng một toà để thờ đức thánh Trần và nhị vị Vương cô, chứ không thờ chung như trên.

- Cung Đệ tứ: Gian giữa là ban công đồng, hai bên có ban Cô và Cậu, dưới có ban Ngũ hổ, Thanh xà, Bạch xà. Gian bên là động Sơn Trang, hoặc Thổ thần, Châu Thủ đền.

Nhìn chung phủ thờ Mẫu và thờ nhiều vị khác nữa. Có nơi còn có cả ban thờ Phật, có lầu Cô, lầu Cậu khiến mặt bằng phủ thờ Thánh Mẫu khá đa dạng. Nói đúng hơn là phức tạp, bộc lộ tín ngưỡng thờ Mẫu có sự dung hợp rộng rãi, do vậy có sức quy tụ lớn. Mọi người, nhất là con nhang đệ tử đến cửa phủ như được về quê mẹ, từ đó mà cúng lễ, cầu xin như con nhỏ to cùng mẹ vậy. Từ tính chất dung hợp, hoà đồng, lại là tín ngưỡng bản địa, rất dân gian nên vị trí ban thờ có thể thay đổi tùy theo công trình. Lại có một số cửa phủ bài trí ở cung đệ nhị là tượng “Tứ vị châu bà”, hoặc hệ thống tượng Cô. Do vậy tượng pháp ở phủ, cách bài trí ở phủ đang còn tùy

thuộc theo yêu cầu khách quan, cũng như điều kiện rộng hẹp của phủ.

3.3. MỘT SỐ PHỦ TIÊU BIỂU

Phủ Tây Hồ (Hà Nội)

Phủ Tây Hồ thờ Mẫu Liễu Hạnh.

Men theo con đường rợp bóng cây, cuối khu biệt thự Tây Hồ ở thủ đô Hà Nội, giữa bát ngát hương sen và cảnh đất trời hòa quyện trong ánh nắng chiều tà, đảo nhỏ được người xưa ví là bãi đất cá vàng nhô ra giữa mặt nước lung linh, đúng là cái thế đầu rồng, thân rồng, rùa công khiến khách văn cảnh cảm thấy âm dương đối đãi, tâm hồn mình thư thái lạ.

Vượt qua cổng Phủ Tây Hồ sừng sững bên cây đa cổ, con đường vào phủ uốn lượn theo mép hồ lơ thơ liễu rủ lại đưa bước chân du khách tới hai cây vối lớn hiếm thấy và một cây si cổ thụ ngay trước cửa Động Sơn Trang, vươn những chùm rễ đại ra mặt nước cho chim chóc đua nhau về làm tổ.

Cảnh đẹp nên thơ ấy là một trong những lý do khiến Phủ Tây Hồ luôn thu hút khách thập phương đến bằng đường bộ cũng như bằng đò trên Hồ Tây. Truyền thuyết về công trình văn hóa tín ngưỡng được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia này cũng là điều khiến không ít du khách trầm trồ tán thưởng.

Sự tích vị Thánh Mẫu thờ trong Phủ Tây Hồ được người dân tổng Thượng, huyện Phụng Thiên xưa (nay là vùng Yên Phụ, Nghi Tàm, Tây Hồ, Quảng Bá, Xuân La, Vạn Dâu) kể lại rằng: Quỳnh Hoa là con gái Ngọc Hoàng thượng đế ở Đệ nhị Thiên Cung, do đánh rơi chén ngọc

dâng rượu chúc thọ đã phải xuống trần gian đầu thai làm Giáng Tiên - con gái thường dân Lê Thái Công ở An Thái - Vân Cát - Vụ Bản - Nam Định vào năm 1557. Lớn lên, có nhan sắc tuyệt trần, lại giỏi thơ ca, song lấy chồng và sinh con - một trai, một gái - thì Giáng Tiên chộp mắt thăng thiên đình. Nàng giáng trần lần thứ nhất để gặp lại người thân, có hai nữ thần Quế Nương, Thị Nương hậu vệ; lần hai hiển linh để cứu nhân độ thế, trừng phạt kẻ bất lương trêu ghẹo dân lành, lại gia ơn cho kẻ khác và du ngoạn khắp chốn danh lam, giáng bút đề thơ.

Có truyền thuyết kể rằng chính tại mảnh đất Phủ Tây Hồ ngày nay, Quỳnh Hoa đã tái ngộ xướng họa thơ văn cùng Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan (lần thứ nhất đàm đạo tại xứ Lạng) trong vai cô chủ quán tửu lâu Tây Hồ phong nguyệt. Tại đây, công chúa mở quán rượu, đối thơ thể hiện tính cách tự do, phóng khoáng, muốn giải thoát sự cưỡng chế của ý thức hệ nho giáo: Quân - Thần - Phụ - Tử rồi tứ đức, tam tông... làm mất đi sự công bằng xã hội cũng như đạo lý làm người. Ít ngày sau Trạng Bùng quay lại đã thấy biến mất cả người lẫn quán, chỉ còn hồ nước mênh mông. Để giữ lại kỷ niệm đối với Tây Hồ, người ta đã dựng phủ thờ Công Chúa Liễu Hạnh và trở thành nơi thu hút đông đảo bà con về dâng hương lễ Mẫu.

Quỳnh Hoa đã được dân chúng lập phủ thờ, đặt tên là Bà Chúa Liễu Hạnh, được xem là một trong bốn vị tứ bất tử, là tấm gương về sự tự mình tạo lấy hạnh phúc. Bà Chúa Liễu Hạnh theo quan niệm dân gian đã trở thành một mẫu quyền năng vô lượng và phân thân, hóa thân

thành các thần linh cai quản muôn mặt của vũ trụ: Mẫu Cửu Thiên Huyền Nữ cai quản trên trời, Mẫu Thượng Ngàn cai quản núi rừng, Mẫu Thủy (hay Mẫu Thoái) cai quản trên sông biển, thể hiện sự ngưỡng mộ chân thành, coi trọng vai trò của người mẹ.

Trước kia, cứ đến ngày Bảy tháng Ba là mọi người nô nức kéo về dự lễ hội. Trong lễ hội, ngoài việc làm lễ cầu Tháng Mẫu gia ân, cứu độ để được an Khang thịnh vượng, còn được xem các trò chơi dân gian như múa rồng, chơi cờ người, cờ thẻ, tổ tôm điểm... trên một địa bàn danh thắng phong cảnh hữu tình, do vậy mà không riêng thổ dân xã Quảng An, huyện Từ Liêm, mà cả nhân dân các quận thuộc Thành phố Hà Nội, khách hành hương cả nước đã và sẽ đổ về Hồ Tây lễ phủ Tây Hồ, ngưỡng vọng “thần tượng tự do” Mẫu Liễu Hạnh.

Phủ Giày (Nam Định)

“Tháng Tám giỗ Cha, Tháng Ba giỗ Mẹ”

Dân gian cả nước truyền khẩu câu ngạn ngữ trên, như để nhắc nhở mọi người phải nhớ, phải ghi tâm khắc cốt phận sự làm con. Điều lạ kỳ là Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở Phủ Giày, giáng sinh năm Đinh Tỵ (1557), năm Đinh Sửu (1577) thì về trời. Còn Hưng Đạo Vương thì sinh năm 1226, năm 1300 đã qua đời, hơn Mẫu Liễu trên 300 tuổi mà dân gian ví là cha với mẹ.

Người xưa còn liệt Mẫu Liễu vào hàng Tứ bất tử Việt Nam. So bà với Phù Đổng Thiên Vương, Tản Viên Sơn Thánh và Chử Đồng Tử Tiên Ông là những Thần nhân từ trước công nguyên, tài đức phi phàm. Vậy Mẫu Liễu

cũng là bậc phi phàm sao? Là người mẹ đầy đủ đặc điểm của bà mẹ Việt Nam sao? Nếu không lỗi lạc, đức độ cao siêu thì sao được triều đình phong, nhân dân chấp thuận là bậc “Mẫu Nghi Thiên hạ” (khuôn mẫu bà mẹ của loài người). Và liệu có bởi vậy mà ấn tượng của Mẫu sâu sắc trong dân gian. Hàng năm trong dịp tháng Ba mọi người tấp nập trẩy hội phủ Giày...

Phủ Giày là nơi tập hợp một quần thể di tích có mật độ dày đặc và có giá trị về mặt lịch sử cũng như mặt nghệ thuật, các di tích này hoặc xen lẫn giữa những mái nhà rợp bóng cây, nằm ngang mặt đường chính, hoặc đứng biệt lập giữa cánh đồng mênh mông.

Quần thể di tích Phủ Giày bao gồm những ngôi chùa như chùa Báng (Linh Sơn Tự) ở làng Báng, chùa Long Vân (Ngọc Tiên Tự) ở làng Vân Cát chùa Tiên Hương (Tiên Linh Tự) ở làng Tiên Hương; một số đình tiêu biểu như đình Ông Khổng, đình Hát (đình Pheo). Đặc biệt trong quần thể di tích Phủ Giày còn có đền thờ anh hùng dân tộc Lý Bí và Lý Nam Đế, một số đền thờ các vị Thần tự nhiên, phúc Thần như đền Thượng, đền Giếng, đền Công Đồng, đền (phủ) Khâm Sai, phủ Tiên Hương, phủ Vân Cát, lăng Liễu Hạnh...

4. NHỮNG NGHI LỄ CHÍNH TẠI ĐỀN, MIẾU, PHỦ

Các Đền, Miếu, phủ lớn thường phụng thờ thần linh, Thành hoàng, thánh Mẫu. Các nơi thờ tự này là biểu hiện một tập tục văn hoá truyền thống, thể hiện sự kính trọng, nhớ ơn các vị tiền nhân đã có công với làng xã và với dân tộc trong lịch sử.

Các nơi này đều tổ chức lễ hội dâng hương định kỳ vào các dịp tuần, tiết, sóc, vọng. Ví như, vào dịp cấy lúa, nông dân thường tổ chức “Lễ Hạ điền”. Khi lúa trở đồng lại có kỳ lễ dâng hương gọi là “Lễ Thượng điền” hay “Lễ Thượng tâm” tức lễ cơm mới vào tháng 9 âm lịch. Ngoài ra, tập tục này cũng thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt Nam. Đó là đạo lý mà trong dòng họ thì có công ơn của tổ tiên, trong làng xã thì có công của thành hoàng... là những người đã có công khai phá lập làng, đánh giặc hay cứu nạn trừ tai.

Ngoài các kỳ dâng hương nói trên, trong năm thường có những kỳ dâng hương lớn vào những kỳ dân làng mở hội vào đám. Hội có thể mở vào những ngày nhân dịp mùa xuân hay mùa thu, hoặc có thể chọn ngày sinh hay ngày mất của thần linh để mở hội đám. Những kỳ lễ dâng hương này thường kéo dài nhiều ngày. Trong các dịp này, ngoài việc tế thần linh, thánh Mẫu, nhân dân thường tổ chức hội hè với nhiều trò vui dân gian.

Đa phần các Đền, Miếu, Phủ thờ Thần, thờ Thánh là những Nhân thần, Thiên thần ban điều phúc đức cho dân, nên việc thờ cúng là việc đền ơn đáp nghĩa theo đạo lý dân tộc, thiết nghĩ nên làm. Đây không phải là tiêu cực, hay mê tín dị đoan. Còn nếu quá đà, hoặc tin vào điều nhảm nhí thì lại gánh chịu hậu quả trái ngược lại, thậm chí còn tiền mất, tật mang.

Từ xưa đến nay, lễ Đền, Miếu, Phủ thờ đã trở thành tập tục lâu đời của người Việt. Mà đã là tập tục của làng xã, dân tộc tất có sự lựa chọn để bảo tồn và trở thành đời sống tinh thần của cộng đồng. Nhưng đất nước ta có

biết bao biến cố lịch sử. Kẻ thù lại muốn xoá đi thuần phong mỹ tục của dân tộc nên việc phục hồi vốn cổ rất khó khăn, ngay các nghi lễ cũng chỉ dựa vào một số sách cũ, cùng với truyền thuyết dân gian và thực thi. Nói đến nghi lễ tất phải có việc sắm lễ, rồi mới đến dâng lễ và các bài văn khấn.

*** Sắm lễ:**

Việc sắm lễ khi đến Đền, Miếu, Phủ không có một ấn định cụ thể nào cả mà tùy vào hoàn cảnh, tùy tâm mỗi người mà sắm lễ:

+ Có người chỉ cần có thẻ hương đến thắp hương rồi tham quan vãng cảnh.

+ Cũng có người sắm lễ chay: hương, hoa, oản, quả...

+ Hoặc sắm lễ mặn gồm thịt gà, lợn... nấu chín, hay để sống mà dân gian gọi là “lễ đồ sống” như trứng sống, thịt lợn sống, gạo, muối... để đặt tại ban Ngũ hổ, Thanh xà, Bạch xà...

+ Cổ mặn Sơn Trang: gồm cua, ốc, bún, chanh, ớt... và thường được sắm theo con số 15. Nghĩa là lễ vật chia thành 15 phần và liệu có phải là số lượng các vị thuộc ban Sơn Trang hay không?

+ Lễ ban thờ Cô, thờ Cậu: gồm hương hoa, oản quả... còn có cả các thứ làm bằng giấy đẹp, tượng trưng các đồ chơi của trẻ nhỏ như cành hoa, con chim, chiếc kèn, chiếc trống... và các túi nhỏ xinh xắn đựng các đồ chơi đó.

Song điều cơ bản là lễ Thần, Thánh, kể cả Thánh mẫu không nhất nhất phải lễ mặn. Nghĩa là có cả cỗ

chay: hương, hoa, dăng, trà, quả thực. Do vậy việc sắm lễ không phải câu nệ, không có lễ bắt buộc. Nhưng phải giữ điều thanh tịnh và điều cốt yếu là tâm thành. Nếu khi sắm lễ mà thiếu những yếu tố này thì dù mâm cao cỗ đầy cũng khó thấu đến Thần linh.

* Dâng lễ:

Việc dâng lễ các ban cũng được dân gian thực hiện linh hoạt. Có nơi làm lễ trình ban thổ địa, thủ đền trước, rồi mới vào dâng lễ theo thứ tự ban chính, ban phụ như ở đình thờ. Nhưng lại có cách mới nhất là việc bài trí ở đền, miếu, phủ không đầy đủ, thiếu hẳn các ban thổ địa, thủ đền thì việc lễ có thể từ ban công đồng đầu tiên, hoặc từ chính cung trước, rồi ra ban công đồng dâng tấu sớ, hay làm lễ.

Đối với phủ thờ thì ngoài việc dâng lễ, khẩn cầu ở các ban. Con nhang đệ tử còn lên các giá đồng ông Hoàng, hoặc đồng Cô, đồng Cậu để chầu hầu trước cửa thánh Mẫu.

Những trường hợp lễ có lên đồng thì thời gian thường kéo dài, phải dâng hết tuần nhang này đến tuần nhang khác cho đến khi hết các gia đồng, hết đoạn văn chầu. Hát văn, hay hát Châu văn là loại hình ca nhạc phục vụ nghi lễ tôn giáo, cũng như tín ngưỡng đền, miếu, phủ. Nói rõ hơn là hát văn rất cần thiết cho các giá đồng. Hát chầu văn liên quan đến việc xướng trong nghi lễ cửa mẫu, cửa đền.

Phần lớn các giá văn cổ truyền nhằm chầu, hầu các vị Tiên Thánh nặng tính huyền thoại, các vị nữ Thần

trong tín ngưỡng dân gian, những người có công với dân với nước và các vị anh hùng cứu quốc... Điều đặc biệt ở nội dung các bài hát chầu: hầu như ngợi ca cảnh quan thiên nhiên núi sông, cây cỏ... Tán dương công lao dẹp giặc giữ yên bờ cõi, cũng như tài thao lược bất quý, trừ tà cứu độ cho muôn dân... của các Mẫu, các Cô, các Quan hoàng cũng như Đức Thánh Trần, Thánh Phạm, Thánh Không Lộ thiên sư... Do vậy hễ thấy hát Chầu văn là thấy vui, thấy hoà đồng khiến nhiều người hưng phấn muốn vỗ tay, muốn thả hồn bay theo cây cỏ núi sông, cùng với cõi Thần Tiên siêu phàm tươi đẹp.

Vào dịp lễ hội, khách hành hương rất đông, do vậy khi lễ phải giản tiện các tình tiết thỉnh chuông, hoặc đọc văn... Tuy vậy, khách hành hương vẫn đặt văn khấn, sớ tấu lên ban, khấn nôm na mục đích kêu cầu giống như ghi trong sớ văn, rồi đem hoá sớ văn, tin tưởng vào sự siêu phàm của Thánh Thần sẽ thấu tỏ mà độ trì cho thân cung, cùng gia quyến sở cầu đắc nguyện.

Trong trường hợp khách hành hương có đặt tiền, vàng ở các ban thì sau khi gần tàn một tuần nhang, sẽ thắp tiếp tuần nhang khác, rồi vái ba vái xin hạ lễ, đồng thời đem vàng, tiền ra nơi quy định hoá. Nhưng thường hoá theo từng ban, không nên gộp cả vào và hoá cùng lúc.

Một số đồ lễ ở ban thờ Cô, thờ Cậu, thờ Mẫu... như khăn chầu, gương, lược... thì khi hạ lễ, để lại trên ban, đồng thời nói với nhà đền, thủ nhang biết để họ sắp đặt

trên bàn chữ không đem hoá ngay. Việc hoá các đồ lễ dâng tiến sẽ do thủ nhang làm một thời gian phù hợp nào đó.

Khi hạ lễ, tín chủ thường giành một phần lộc biếu thủ nhang, có thể đặt tiền công đức tu sửa đèn, miếu phủ, có thể đặt tiền đèn nhang cho nhà đèn, tùy tâm chứ không phải thông lệ. Song do việc làm lễ phải nhờ vả nôi niêu, bếp đun, củi lửa nên khách hành hương để một phần kinh phí bù hao tổn cho nhà đèn, theo lẽ sống đời thường để tránh sự thất thố.

*** Văn khấn:**

Trước kia, văn khấn viết bằng chữ Hán, mỗi khi đi lễ, muôn làm sơ tấu phải tìm thầy viết sơ rất phiền phức. Hiện nay các bài văn viết chữ Hán đó đã được dịch ra chữ quốc ngữ, chỉ cần phô tô rồi điền vào chỗ khuyết như ngày, tháng, năm, tên tín chủ và vợ con, cùng với địa chỉ tín chủ là được. Bản văn này khách hành hương có thể tự đọc, rồi đặt trên đĩa nhỏ trong mâm lễ. Sau khi lễ xong sẽ hoá sơ văn trước, rồi mới hoá tiền vàng, hạ lễ.

Trên cơ sở các bài văn khấn cổ truyền, xin được đơn cử một số bài văn khấn ở cửa đền, miếu, phủ để mọi người suy ngẫm, chọn lọc sử dụng khi đi hành hương, hay khi có sự cố trong gia đình, cần kêu cầu mong được tiêu trừ hạn ách, mọi sự trong gia quyến được thuận lợi hanh thông. Có một số văn khấn có cả chữ Hán, phiên âm, phiên dịch thì nên phô tô cả, rồi nhờ người viết sơ điền thêm phần thủ tục, cho việc khấn cầu được toại nguyện.

Tuy nhiên, khi đi lễ thông thường không nhất thiết phải có văn khấn, cốt ở sự thành tâm là được. Lại có những văn khấn chữ Hán, chỉ nên đọc phần phiên âm, không đọc phần dịch nghĩa. Bởi dịch nghĩa sẽ không toát nổi ý tứ của nội dung kêu cầu.

Dưới đây là hai bài văn khấn tại đền thờ Trần Hưng Đạo như sau:

TỰ HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TẢ KHOÁN VĂN THỨC

Đại Nam quốc Nam Mặc miếu trạch hội đồng thần quan phụng vị trí khoán sự.

Tứ cứ quán tỉnh huyện xã

Đệ tửphu thê đẳng ư..... niên chính nguyệt sơ lục nhật Thìn thời sinh hạ nhất nam, khấn khát trí khoán dĩ vọng thành nhân đẳng nhân. Bản miếu đề thỉnh Trần triều nhân vũ Hưng Đạo đại vương diện hạ phủ duyệt thượng tấu Thiên Trường cung miếu thánh giám đặc chuẩn, khâm phụng tứ tính thụ danh vi Trần Quốc Thành, hợp khoán địa phương thần quan thì gia tuần sát bảo hộ y thượng tính danh thân mệnh khang ninh tính tình thông tuệ, nghiêm nhất thiết thập loại tà quỷ đẳng vô đắc tứ thiếu.

Giá quan nhân tự, vi giả thiên hiến tư chương lẫm chi - Đặc khoán.

Hữu khoán phó địa phương thổ chủ tư chi thần.

Chuẩn thứ, tịnh thông sức tiếp cảnh chính trực thần chu tri.

Thiên vận niên chính nguyệt nhị thập lục nhật.

Lễ Trần Hưng Đạo văn

Phục dĩ:

Tức Mặc cố hương tự Bắc thiên lai hương hoả địa, Trần triều hiển thánh kị Nam thanh giáo đức ân thâm. Nhất ý sở cầu, thiện phương tất ứng.

Viên hữu Việt Nam quốc tỉnh thị huyện, phường xã thôn nhai môn bài y vụ Linh từ cư, phụng Đại Vương cúng dàng, khát cầu giải hạn tiêu tai, bản mạnh diên trường, gia môn kang thái sư. Kim thần tín chủ hợp đồng lão thiếu nội ngoại đẳng, tức nhật ngưỡng can thánh thánh, phủ sát phạm gian, ngôn niệm thần đẳng sinh cư trợ thế, thường cầu ôn bảo vi tôn, số bả thương khung duy niệm kang cường thị trọng. Phi bằng báỉ đảo nhượng trừ, hạt đắc hanh thông phúc khánh.

Cung duy:

Trần triều hiển thánh nhân vũ Hưng Đạo đại vương thượng thượng đẳng thần vị tiên.

Trần triều hiển thánh vương phụ vương mẫu vương tử vương tế vương thân liệt vị tiên.

Đương niên hành khiển tôn thần, bản thổ thần linh lý vực chính thần vị tiên.

Miếu nội tông tự nhất thiết chư linh vị tiên

Phục vọng Đại Vương văn võ toàn tài, hiếu trung lưỡng tiện, sinh vi Trùng Hưng chi lương tướng, hoá tác

Nam Việt chi phúc thần, trừ tai hoãn hoạn đại khai vũ lộ chi ân, trượng chính khu tà quảng bố nhân từ chi niệm. Phục nguyện Đại Vương cao minh chính trực, quảng đại thần thông, tử tín chủ thân cung kang thái, tứ thì vô hoạn chi ngu, gia thất bình an bát tiết hữu trình tường chi triệu, gian tham bất chí bản gia canh nông đắc lợi, đạo tặc vô xâm điền xã lai vãng giai hoà. Thực lại.

Cẩn sớ

Thiên vận... niên... nguyệt... nhật
Tín chủ thành tâm cụ tấu.

- Dân gian phụng sự Trần triều Hưng Đạo Đại Vương tỏ rõ tấm lòng đền ơn đáp nghĩa đối với vị anh hùng dân tộc. Người đời còn muốn sự bất tử của Hưng Đạo Vương sẽ hiển linh giúp dân trong đời sống tâm linh. Hy vọng sức thần của đại vương sẽ gia ân, gia hộ giúp chúng dân đắc cầu sở nguyện, điều lành đem đến việc dữ xua tan, nên các gia đình gặp khó khăn khi nuôi con nhỏ, đã lập văn khoán nhờ đại vương bảo hộ và phù trì cho trẻ được mạnh khoẻ kang ninh, tính tình thông tuệ.

VĂN TẾ ĐỀN THỜ VUA LÊ

Duy Đại Nam quốc tế thứ Bính Dần niên chính nguyệt kiến việt sơ thập nhật sóc.

Hà Nam tỉnh Thanh Liêm huyện Hoà Ngãi tổng Bảo Thái xã, kỳ lão hương chức đồng xã đẳng, cần dĩ tam sinh chư quả phù lưu thanh chức, tựu vu từ tiền, cảm chiêu cào vu cao minh Đinh Tiên Hoàng thượng thánh đức quang minh thông hoàng đế thần vị, Khâm văn thống vũ nhân đức anh triết tri nhuệ Lê Đại Hành hoàng đế thân vị, Trung tông hoàng hiền hiền ứng tá thánh hậu đức uy linh hoàng đế thần vị, Ngọc triều hoàng quang công hựu thánh uy linh hoàng đế thần vị. Viết hữu xuân sơ sinh nhật lễ tất cáo lễ dã.

Cung dy hoàng đế bệ hạ, sơn nhạc chung linh, hải hà tú khí, nhất kỳ chỉ trừ hung chi lũ sứ quân thập nhị tán khô phi, tam xích bình Chiêm tặc chi qua thiên tử cửu trùng đấng bảo vị, kháng Tống công kim thạch hữu bi đề, tế dân đức miếu tề tồn trí lệ. Vạn niên tiêu tinh đẩu chi quang, thiên thu hưởng chứng thường chi mỹ.

Tư thích thiên khí huyền hoà, lễ trần kính tế cảm tương nhất điểm đan thành, phục nguyện cửu trùng phúc chí, công thương phấn phát ức vạn niên hưng thịnh chi cơ đồ, nông sỹ thuận hoà thiên bách thế báo ôn chi chí lực, sử bản gia đắc hưởng ư Nghiêu thiên, tích dã áp trường ư Thuấn địa.

Thực lại tứ thánh âm phù chi đại lực dã.

Kính cập Thiên Cương đại vương, Quang Minh đại vương tôn thần, Nhữ hoàng Đê công chúa tôn thần dữ

Đình Lê triều văn vũ bách quan tùy tòng bộ chúng.

Dịch nghĩa:

Duy ngày 10 tháng giêng năm Bính Dần niên hiệu nước Đại Nam, kỳ lão hương chức và cả xã Bảo Thái tổng Hoà Ngãi huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam kính đem lễ thường tam sinh hoa quả trầu rượu tới đền thờ, xin kêu rõ cùng:

Tổ dương khai cơ sáng nghiệp nhân thánh anh võ cao minh Đình Tiên Hoàng đại đế thần vị.

Khâm văn thống vũ nhân đức anh triết tri nhuệ Lê Đại hành hoàng đế thần vị.

Trung tông hoàng hiển ứng tá thánh hậu đức uy linh hoàng đế thần vị.

Ngoạ triều hoàng quang công hựu thánh uy linh hoàng đế thần vị.

Vì có lệ sinh nhật lúc đầu xuân nên xin cáo lễ.

Kính trông hoàng đế bệ hạ, khí thiêng nơi rừng núi, vẻ đẹp chốn biển sông. Cờ trở thẳng mười hai sứ quân tan tành như cát bụi, kiếm xốc tới ngôi chín bệ giặc Chiêm đầu dảm hung hăng. Đánh Tống đá vàng còn để chữ nêu bia, giúp dân công đức vẫn truyền lâu ở miếu. Muôn năm ánh sáng trông vọi coi như tinh dầu, ngàn thuở tôn thờ cầu đảo đẹp nếp chung thường.

Nay gặp tiết trời ấm áp, lễ mọn đặt bày. Dám đem tác dạ tỏ tình thành, chờ đợi chín trùng ban phúc lộc. Nghề thợ nghề buôn bán phát đạt nền nếp dài lâu, đi cày đi học thuận hoà ấm no vui vẻ. Cho nhà nghèo được ở dưới trời Nghiêu phẳng lặng, để làng quê yên tại nơi đất Thuấn hoà bình.

Thực cây nhờ các vị thánh sức lớn ngầm giúp vậy.

Kính mời Thiên Cương đại vương, Quang Minh đại vương tôn thần, Nhữ hoàng Đê tôn thần cùng văn vũ bách quan tùy tùng bộ chúng dưới triều Đinh Lê.

(Vái bốn vái)

Ngoài các bài khấn lễ đức Thánh Trần như đã nêu, còn có các văn khấn phổ thông khác, lời lẽ mộc mạc, đậm tính dân gian hơn. Xin giới thiệu thêm một bài văn khấn cầu tài, cầu lộc và sự bình an:

VĂN KHẤN ĐỨC THÁNH TRẦN

Kính lạy đức Trần triều hiển thánh Nhân Vũ Hưng Đạo đại vương, Thái sư thượng phụ Thượng quốc công chí trung đại nghĩa, dực bảo trung hưng thượng đẳng thần vị.

Kính lạy Hưng Đạo đại vương phu nhân, hiệu Thiên Thành Công chúa, truy phong Nguyên Từ Quốc mẫu, sắc phong Thiên Uy Thái trưởng công chúa.

Kính lạy:

- Trần triều Tứ Vị Vương tử thần vị.
- Trần triều Nhị vị Vương cô thần vị.
- Trần triều Tứ vị nhất phẩm phu nhân thần vị.
- Trần triều Vương tế Điện suý thượng tướng quân,

Quan nội hầu Phạm tôn thần thần vị.

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Nhất tâm bái đảo, một dạ kêu cầu

Kính mong chư vị, gia ân làm phúc, phù hộ độ trì cho toàn gia chúng con:

Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối,

Tai qua nạn khỏi, vạn sự hanh thông.

Điều lành mang đến, việc giũ mang đi,

Cầu tài đắc tài, cầu lộc đắc lộc

Thêm người thêm của, vật thịnh nhân an

Vãng cát cư an, mọi điều như ý!

Tín chủ đồng gia chúng con cúi đầu kính lễ mong
chư vị nhất sự nhất xá, vạn sự vạn xá.

Thấu tỏ tấc lòng, đồng lai chứng giám

Cẩn tấu.

VĂN KHẤN TẠI ĐỀN BÀ CHÚA KHO

(thị xã Bắc Ninh)

Đền Bà Chúa Kho là nơi thờ bà chúa coi kho, ngoài ra còn thờ các vị Thánh Mẫu, Ngũ vị quan lớn, các vị Quan hoàng, Đương Cảnh Thành Hoàng... Do vậy nơi đây có nhiều ban thờ, vừa là đền vừa mang tính chất phủ. Dân gian về đây dâng hương cầu xin mọi sự bình an, nhất là cầu được phát tài phát lộc, buôn may bán đắt và khấn bài khấn dân gian dưới đây:

Hôm nay là ngày... tháng... năm.....

Tín chủ con là... đồng gia ngụ tại... thôn... xã (phường)... huyện (thị)... tỉnh (thành phố) Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính lạy: Tam giới Thánh Chúa

Tam phủ công đồng

Cúi lạy: Tam toà Thánh mẫu, Tứ phủ Châu Bà,

Ngũ vị Thánh quan, Tả hữu quan Hoàng.

Nhi vị Thánh Cô, bà chúa Sơn Trang cùng

Thập nhị Tiên nương

Cúi lạy:

- Quan đương niên Hành khiển.
- Đức đại vương Thành Hoàng bản cảnh
- Ngũ hổ thần tướng, Thanh xà, Bạch xà thần linh

Kính lạy đức Chúa Kho Thánh Mẫu hiển hoá anh linh cảm thông các sự. Chấp lễ, chấp bái, phù hộ độ trì, chứng minh cho tâm thành của gia chủ chúng con là... ngụ tại..

Trước Thánh vị con xin tu khiết kim ngân, hương
hoa lễ vật, chí thiết nhất tâm, lòng thành dâng lễ.

Mong được sám hối, cầu xin ban ân

Gia quyến bình an, sở cầu đắc nguyện

Cầu lộc đắc lộc, cầu tài đắc tài,

Mọi sự đều hanh xương

Toàn gia khang thái

Chúng con xin khấu đầu bái lễ

Trước chư vị và Thánh Mẫu Chúa Kho

Cho chúng con được đắc cầu như ý.

Cẩn tấu.

(Vái bốn vái)

VĂN KHẤN THÁNH MẪU LIỄU HẠNH

Trên lãnh thổ Việt Nam có hàng ngàn đền, phủ thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Đặc biệt là nơi giáng sinh của mẫu như Quảng Nạp (ý Yên), Phủ Giày (Vụ Bản Nam Định) là nơi giáng sinh lần I, lần II. Kẻ Sỏi, hay Tây Mỗ (Thanh nghệ) nơi hạ trần lần III cùng các nơi khác mà truyền thuyết cho có sự liên quan lúc sinh thời của Mẫu như đền Tiên (Lạng Sơn), Tây Hồ (Hà Nội), đền Sòng, phố Cát (Thanh Hoá), phủ Đồi (Ninh Bình). Thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh thường phối thờ với các mẫu đệ Nhị, đệ Tam, các vị quan lớn, Quan hoàng, Cô, Cậu... Kể cả Trần triều Hưng Đạo đại vương, nhị vị Vương Cô... nên phủ, đền thờ Mẫu là sự phối thờ, sự dung hợp rộng rãi xung quanh vị Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một trong tứ bất tử Việt Nam. Do vậy phần văn khấn rất phong phú, phần hát chầu trong các giá đồng lại càng súc tích, càng gây cảm hứng vui nhộn, nháy nhót như đàn con trẻ về gặp gỡ người thân.

Trước hết xin giới thiệu một số bài văn tế, văn khấn Thánh Mẫu Liễu Hạnh như:

- Tứ thời tế Thánh Mẫu Liễu Hạnh.
- Hữu Khánh hạ tế Thánh Mẫu văn
- Lễ Thánh Mẫu cầu tự sơ
- Mãi đồng tử thông dụng khoán.

Các bài văn này kèm theo chữ Hán, có thể phô tô, làm bài văn khấn, rồi hoá sau khi lễ. Đơn cử một bài văn khấn Lễ Thánh Mẫu cầu tự như sau:

LỄ THÁNH MẪU CẦU TỰ SỞ

Phục dĩ

Khôn hậu trùng trùng đại khái đốc sinh chi cát triệu, lê nguyên khẩn khẩn ngưỡng kỳ hậu ấm chi miên trường. Vạn bá chí thành, nhất tâm kiêu vọng.

Viên hữu Đại Nam quốc tỉnh huyện xã y vụ Hoa Lâm kinh từ cư, phụng Phật thánh cúng dàng xuân thiên tiến lễ khát cầu sinh đắc nhi nữ kế thế sự. Kim thần tín chủ Lương Xuân Huy, thê Trần Thị Phương hợp đồng gia đẳng tức nhật ngưỡng can tuệ nhãn, phủ giám phạm tình, ngôn niệm thần phu thê đẳng, loan hoàng nhã hợp, cầm sắt hòa hài, thần hôn mỗi vịnh quan thi vị kiến cát tường chân mộng, niên nguyệt thường ca lân chỉ thiếu mông cảnh thụ lai trưng. Niệm niệm nan thân tình chỉ, tâm tâm nam thức thấu kỳ, hạnh phùng tiết đổ mộ xuân, khánh hạ nhật thần thích trị, cần cụ vi thành thứ phẩm, phu thê, đồng tự trần từ. Ngưỡng vọng uy quang thiệp hợp, cung kỳ đại huệ quân triêm.

Phục vọng thiên tiên lân mẫu giáng cát tường quế thụ khai hoa, địa tiện nhân từ tái hậu đức đào yêu kết quả, sơn gian thánh chủ bố âm công sâm tú hộc chi, thủy phủ tiên nương sái pháp vũ tẩm triêm lan điệp, tam vị đức ông hiển uy linh, tứ phủ chư nhân thi huệ trạch, công đồng liệt vị bộ chúng tiên phi, công tế bản gia hàm tư thảo xá.

Tiền chúc thánh cung vạn tuế, hậu kỳ kế tự bách niên, toàn lai hồng ân, thực mông đại khánh.

Dãn thần hạ tình bất thăng chiêm thiên ngưỡng

thánh bình dinh chi chí;

Cẩn sơ.

Thiên vận... niên... nguyệt... nhật

Đệ tử thành tâm cụng tấu.

Như vậy khi nói đến nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt là nói tới việc nghĩa vốn có từ lâu đời. Vì lễ là từ nghĩa mà ra, không có nghĩa thì sao có lễ, như cổ nhân đã dạy:

“Lễ giả nghĩa chi thực dã”

Do vậy người ta thường nói lễ - nghĩa. Người có nghĩa là người thiện, người tốt đẹp. Chữ nghĩa có trong phạm trù triết học phương Đông: “Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”. Nghi là hình thức bày tỏ lòng tôn kính trong khi cúng tế hay trong giao tiếp. Vì thế, nghi lễ là hình thức thể hiện việc nghĩa của người đối với người, người đối với Thiên nhiên, siêu nhiên nào đó đã có ân sâu, nghĩa nặng sinh thành, dưỡng dục, tạo dựng nên làng xã, giang sơn cho một bộ tộc, dân tộc nào đó trường tồn. Vậy nghi lễ thờ cúng truyền thống là việc làm mà ông cha ta đã làm để giữ gìn bản chất tốt đẹp của Tổ tiên, làng xã cũng như dân tộc.

Cuốn sách: “Nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt - tại nhà và các đình, chùa, đền, miếu, phủ” cũng là tập hợp những sưu tầm, đúc kết lại những điều ông cha đã viết, ông cha đã làm trong hoàn cảnh cuộc sống trăm nghìn nỗi khó khăn, không biết bầu vùi vào đâu? Trông cậy vào ai? Tuy nhiên, với thời đại mới, cũng không nên quá câu nệ bởi các “luật” tục liên quan đến nghi lễ. Nhất

là việc ma chay. Trong thời đại ngày nay việc giữ gìn cổ lệ theo tư tưởng triết học phương Đông cũng có sự thay đổi. Thay đổi để phù hợp trên cơ sở giữ gìn bản sắc, tránh những mê muội, những quan điểm bảo thủ... Có vậy nghi lễ mới trở thành văn hoá. Văn hoá mang tâm hồn Việt Nam. Một tâm hồn cương nghị, có trí tuệ lại từ bi, nhân ái.

Nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt - tại nhà và các đình, chùa, đền, miếu, phủ còn liên quan đến hội làng. Nó là một phần hoạt động của hội. Không có tế lễ thì hội trở nên khô khan, tẻ nhạt và mất đi ý nghĩa tâm linh trong cuộc sống. Nhưng lễ hội thời đại mới biết vận dụng các chương trình thể thao, văn nghệ theo sở thích của lớp trẻ thì ý nghĩa càng được nâng lên, trở thành đời sống tinh thần của quảng đại quần chúng. Vậy lễ và hội phải có sự kết hợp hài hoà như hai chân của một con người vậy!

Chúng tôi hi vọng đây là cuốn sách bổ ích cho mọi người, mọi nhà khi muốn trở về cội nguồn, với sự lễ và nghĩa theo tiết độ lẽ trời cũng là nghi thức công việc của người. Trong quá trình tổng hợp và biên soạn còn có những thiếu sót, rất mong bạn đọc gần xa có ý kiến đóng góp để hoàn thiện hơn cuốn sách này.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI NHÀ

I. Những nét cơ bản về tín ngưỡng thờ cúng tại nhà của người Việt	7
II. Những ngày lễ tiết tiêu biểu trong năm	12
1. Lễ Táo Quân ngày 23 tháng Chạp	15
Bài văn khấn ông Táo lên châu Trời	20
Bài khấn nôm ngày 23 tháng chạp	21
Một bài văn khấn dân gian khác	22
2. Lễ Cúng Giao Thừa – Lễ trừ tịch ngày 30 Tết	23
Lễ cúng giao thừa trong nhà	26
Văn khấn giao thừa	26
Văn khấn giao thừa	28

Một bài văn khấn khác	30
Lễ cúng giao thừa ngoài trời	32
Văn khấn giao thừa ngoài trời	32
Văn khấn tiễn quan Đương niên cũ	35
Văn khấn đón quan Đương niên mới	36
3. Lễ Tết Nguyên Đán (Lễ đầu năm mới)	37
Văn khấn Tổ tiên	41
Văn khấn Thần linh trong nhà	43
Văn khấn lễ tạ	46
4. Lễ Thượng Nguyên	
(Tết Nguyên Tiêu - Lễ Rằm tháng Giêng)	47
Văn khấn tết Nguyên tiêu	48
5. Lễ dâng sao giải hạn đầu năm vào ngày	
Tết Nguyên Tiêu	50
Văn khấn lễ dâng sao giải hạn	53
Một bài văn khấn lễ dâng sao giải hạn khác	54
Một bài khấn khác như sau	56

6. Tết Hàn Thực – Tết Bánh

Trôi Bánh Chay (ngày 3 tháng 3)	57
Văn khấn tết Hàn thực	60

7. Tiết Thanh Minh

(Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 3)	62
Văn khấn lễ vong linh ngoài mộ	65
Một bài văn khấn vong linh ngoài mộ khác	67
Văn khấn tại miếu thần linh nghĩa địa	69
Văn khấn tại khu lăng mộ	70
Văn khấn thanh minh tế tiên tổ văn	71
Văn khấn lễ đàm	73
Một bài văn khấn lễ đàm khác	74

8. Tết Đoan Ngọ (ngày 5 tháng 5) 75

Sự tích khuất Nguyên	77
Chuyện Lưu Thần, Nguyễn Triệu	78
Nghi thức cúng lễ và tập tục ngày đoan Ngọ	79
Văn khấn ngày Tết Đoan Ngọ	83
Văn khấn: Bách nghệ lễ tiêu sự văn	85

9. Lễ Thất Tịch – Lễ Ngâu (ngày 7 tháng 7) 87

10. Tết Trung Nguyên (ngày 15 tháng 7)	89
Văn khấn Trung Nguyên cáo tế Tiên tổ văn	91
Văn khấn Trung Nguyên tế tạ Tổ văn	91
Văn lễ cáo Tổ tiên tết Trung Nguyên	92
Một bài văn khấn nôm để khấn Tổ tiên trong ngày 15 tháng 7	93
Văn khấn chúng sinh	97
Một bài văn khấn khác khấn thần linh trong ngày tết Trung Nguyên	99
11. Tết Trung Thu (Rằm tháng Tám)	101
Đôi điều về ngày tết Trung Thu	101
Văn khấn tổ tiên trong ngày lễ Trung Thu	105
12. Lễ Trùng thập (10 - 10) và Tết Hạ Nguyên (lễ cơm mới) (15 - 10)	110
Văn khất tiết thường tân (cơm mới)	111
Một bài văn khấn lễ cơm mới khác	114
13. Lễ tiết ngày mông Một và ngày Rằm	115
Văn khấn lễ sóc, lễ vọng	116
14. Thờ cúng Gia tiên	119
Văn khấn gia tiên ngày giỗ	123

Khất kỵ hợp cúng văn	124
15. Lễ động thổ và khánh thành	
nhà ở hoặc cửa hàng cửa hiệu	126
Văn khấn lễ thần linh (văn dùng khi động thổ)	127
Văn khấn khai trương cửa hàng hoặc dọn hàng, mở xưởng sản xuất	129
16. Lễ cúng mụ (đầy cũ, đầy tháng, đầy năm)	131
Lễ cúng đầy cũ	131
Văn khấn cúng mụ	133
Văn khấn gia tiên	136
17. Lễ tiết khi cưới gả	137
Văn lễ khi cưới	138
Văn tế tở hồng Nguyệt Lão	139
18. Nghi lễ thờ cúng Thần Tài	140
Văn khấn thần tài	142

CHƯƠNG II

NGHI LỄ THỜ CÚNG Ở CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

I. Tìm hiểu

những nét cơ bản về tín ngưỡng dân gian 144

II. Tục lệ lên chùa lễ Phật 147

1. Nguồn gốc

sự hình thành tục lệ lên chùa lễ Phật 147

2. Hệ tượng pháp chính ở Chùa 151

Văn khấn Phật thích ca 153

Văn khấn Đức Ông 157

Văn khấn Đức Địa Tạng Bồ Tát 159

Lễ Phật kỳ an số 164

3. Nghi lễ thờ cúng tại chùa 170

Văn khấn trước chính điện (Tam Bảo) 172

Văn khấn cầu siêu cho Gia tiên 173

Văn khấn khoán khấn mại đồng tử	176
Văn khấn dành cho gia chủ	178
4. Một số chùa đáng chú ý	179
III. Tín ngưỡng thờ cúng tại Đình	179
1. Nguồn gốc	
sự hình thành tín ngưỡng thờ cúng tại Đình	206
Văn tế Thành Hoàng ở Đình	212
2. Trình tự khi đến lễ tại đình	
phải theo thứ tự các ban	216
Văn khấn dùng ở Đình, Đền, Miếu, Phủ	217
3. Nghi lễ thờ cúng tại đình	218
4. Một số đình làng đáng chú ý	221
IV. Tín ngưỡng thờ cúng tại Đền, Miếu, Phủ	228
1. Tín ngưỡng thờ cúng tại Đền	228

1.1. Tìm hiểu những nét khái quát về Đền	228
1.2. Một số đền tiêu biểu	229
2. Tín ngưỡng thờ cúng tại Miếu	256
2.1. Những điểm đặc trưng nhất về Miếu	256
2.2. Một số Miếu tiêu biểu	257
3. Tín ngưỡng thờ cúng tại Phủ	270
3.1. Tìm hiểu những nét khái quát về Phủ thờ	270
3.2. Những đặc điểm chính của Phủ thờ	271
3.3. Một số Phủ tiêu biểu	273
4. Những nghi lễ chính tại Đền, Miếu, Phủ	276
Văn tế đền thờ Vua Lê	285
Văn khấn Đức Thánh Trần	287
Văn khấn tại đền Bà Chúa Kho	289
Văn khấn Thánh Mẫu Liễu Hạnh	291
Lễ thánh Mẫu cầu tự sơ	292

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Địa chỉ: A2 - 261 Thụy Khuê - Quận Tây Hồ - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại : 04.3 9260024 - Fax : 04.3 9260031

NGHI LỄ THỜ CÙNG CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: BUI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: HỒNG TỬ

Trình bày, minh họa: THÀNH LONG - PANDA BOOKS

Sửa bản in: MINH HƯƠNG - PANDA BOOKS

Kỹ thuật: PANDA BOOKS

ISBN: 978-604-86-2985-4

Liên kết xuất bản và phát hành tại:

CÔNG TY SÁCH PANDA



PandaBooks
bridge you to the future

19 Đông Các, Đống Đa, Hà Nội
Tel: (84 - 4) 3856 9432 | (84 - 4) 3856 9433 | Fax: (84 - 4) 3856 9433
Email: support@pandabooks.vn
Website: www.pandabooks.vn

Sách phát hành tại Nhà sách Panda và các nhà sách khác trên toàn quốc

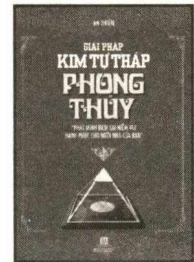
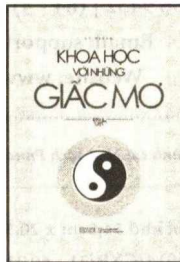
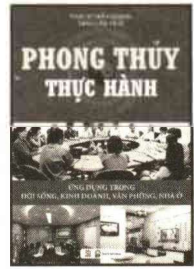
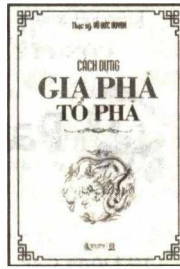
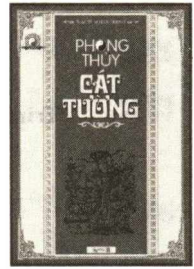
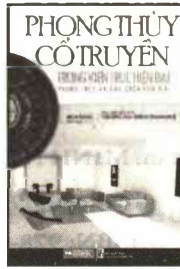
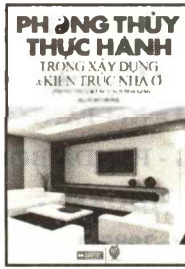
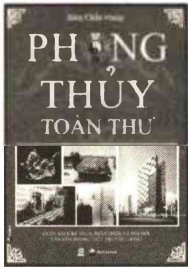
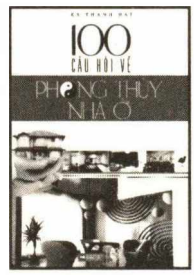
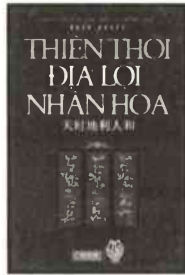
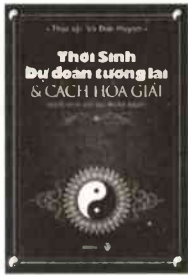
In 3.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Công ty Cổ phần In Sao Việt
Số ĐKKHXB: 2059 - 2014/CXB/21 - 60/HD Số QĐXB của NXB: 1780 - 2014/QĐ - HĐ

In xong và nộp lưu chiểu năm 2015



PandaBooks

Tủ sách phong thủy

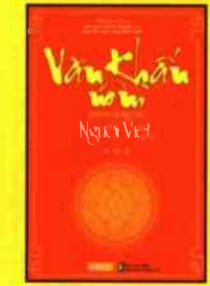
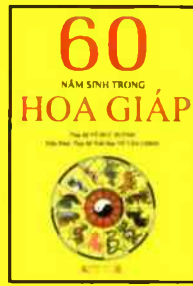
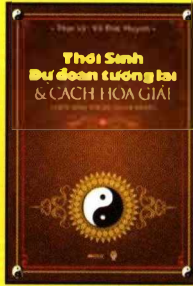
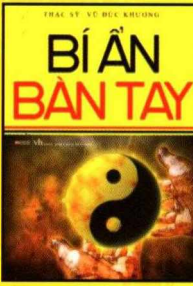
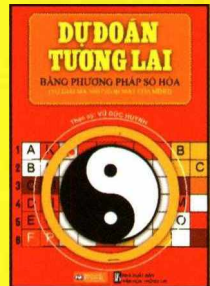
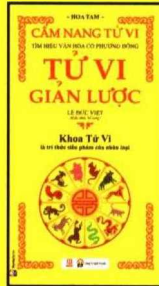
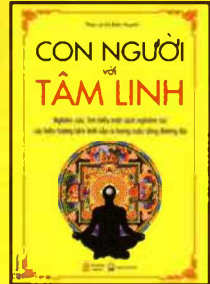
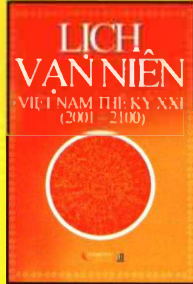
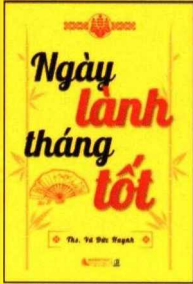




Orient Panda

PandaBooks

Tủ sách phong thủy



Nghe lễ thờ cúng cổ truyền
Việt Nam

Đặt mua sách tại:
www.pandabooks.vn
 19 Đồng Cốc, Đồng Đa, Hà Nội
 Tel: (84 - 4) 3856 9432 | (84 - 4) 3856 9433
 Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:
 3A Trần Quý Cáp, phường 12,
 Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 Tel: (84) 6254 2266



Đăng ký nhận coupon mua sách giảm giá tại pandabooks



Giá: 50.000Đ